

truyện ngắn

Lỗ Tấn

Dịch giả: TRƯƠNG CHÍNH, GIẢN CHI



Rạng Đông xuất bản



橫眉冷對千夫指
俯首甘為孺子牛
魯迅

CỔ HƯƠNG

truyện ngắn Lỗ Tấn

CỔ HƯƠNG

Dịch giả: TRƯƠNG CHÍNH, GIẢN CHI



Rạng Đông xuất bản



魯迅

Nhà văn Trung Quốc Lỗ Tấn
(1881-1936)

PHỤ LỤC

LỖ TẮN

Vài nét về tác giả

NHẬT KÝ NGƯỜI ĐIÊN

KHỔNG ẮT KỶ

THUỐC

NGÀY MAI

MẪU CHUYỆN NHỎ

SÓNG GIÓ

CỔ HƯƠNG

TẾT ĐOAN NGỌ

THỎ VÀ MÈO

HÁT TUỒNG NGÀY RƯỚC THẦN

LỄ CẦU PHÚC

TRONG QUÁN RƯỢU

MỘT GIA ĐÌNH HẠNH PHÚC

MIẾNG XÀ PHÒNG

CÂY TRƯỜNG MINH ĐĂNG

THỊ CHÚNG

CAO PHU TỬ

CON NGƯỜI CÔ ĐỘC

TIẾC THƯƠNG NHỮNG NGÀY ĐÃ MẤT

LY HÔN

LỖ TẤN

Cách nay lâu lắm rồi. Trong hàng ngũ các nhà văn Trung Quốc cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20 Lỗ Tấn nổi lên như một hiện tượng làm xôn xao văn đàn. Trước ông và sau ông chỉ có mấy người có được văn tài và bút lực như ông. Thế hệ các nhà văn sau Lỗ Tấn luôn coi ông như một hình mẫu, chuẩn mực. Cả trong đời tư cũng như trong văn học. Tôi nói vậy không phải vì sách của ông được đưa vào giảng dạy ở các trường phổ thông, trong nước và nước ngoài; cũng không phải vì nhiều nhà văn ảnh hưởng văn phong và tư tưởng của ông, mà quả thực ở con người ông toát ra thần thái của một vĩ nhân. Những người đã từng gặp ông, tiếp xúc và nói chuyện với ông đều có chung cảm nghĩ như vậy. Không chỉ ở Trung Quốc, ngay cả ở Việt Nam cái chất hiện thực sôi động của đời sống những con người khốn khổ (công, nông, thương, trí thức) trong các tác phẩm của Lỗ Tấn mãi cho đến nay vẫn mới, người ta vẫn đọc nó với sự tò mò trang trọng.

Tôi còn nhớ Lỗ Tấn từng nói: "Trên đời này làm gì có đường, đường là do con người ta đi mãi mà thành thôi". Mà quả đúng vậy. Con đường ông đã chọn, đã đi qua, trước ông chưa hề có. Ông đã khai quang tất cả để làm nên con đường cho riêng mình. Người đời sau đã và sẽ còn cảm ơn ông nữa khi thả bước trên con đường êm ái đầy ắp vốn sống, đầy ắp tư liệu cho bất cứ ai muốn trở thành nhà văn.

Tôi không có duyên được sinh ra cùng thời với ông để quan sát ông dưới nhiều góc độ. Không có duyên được làm đồng hương của ông. Tôi chỉ có thể hình dung ông qua những trang viết ông để lại và qua những câu chuyện về ông của các bạn ông, của những người cùng thời với ông. Sự thăng trầm của một cây bút luôn là đề tài hấp dẫn bạn đọc nói riêng và công chúng nói chung. Họ đâu biết để có những con chữ nằm ngay ngắn trên trang sách mở ra trước mắt họ ông đã phải lao động vất vả thế nào. Họ cũng đâu biết sự tìm ra đường để có thể đi ông đã phải trả những giá nào?! Cũng chính vì vậy mà họ tò mò. Họ cần câu trả lời đích thực.

Lỗ Tấn đã đi đến cuối con đường nghệ thuật đầy chông gai bi hài của mình. Bóng của ông đã khuất sau đường chân trời. Người ta chỉ có thể nhận ra hướng ông đi thông qua những trang viết ông để lại, như những cột mốc đánh dấu sự hiện diện của ông. Không được là người cùng thời với ông, không là đồng hương của ông, nhưng bù lại tôi có thể quan sát ông mà không bị bất cứ sự chi phối nào làm nhiễu loạn tầm nhìn. Lỗ Tấn đấy. Chỉ với AQ, nhân vật do ông tạo ra thôi cũng đủ để người ta nhớ mãi....

Với nhiều người, tên tuổi của Lỗ Tấn gắn liền với những truyện ngắn mà ít ai biết ông còn là nhà thơ. Tôi không biết ông viết bao nhiêu bài thơ. Chỉ tính riêng 75 bài thơ của ông được dịch ra tiếng Việt đã làm nhiều người giật mình. Nó cũng đồ sộ, bí hiểm như con người ông vậy. Thú thật, chỉ vài năm gần đây tôi mới biết ngoài truyện ngắn ông còn làm thơ. Cũng chả có gì là muộn nếu ta quyết tâm, cố gắng để hiểu một con người. Tôi nghĩ vậy.

Bạn sẽ nói gì về "AQ chính truyện". Tôi chỉ có thể nói với bạn thông qua câu mà người phương Tây nói về Sherlock Holmes là "Người thật chưa từng sống, nhưng không bao giờ chết."

Vậy đấy....

Hà Nội 5/6/2017
LÊ THANH MINH

Vài nét về tác giả

Lỗ Tấn 鲁迅 (1881-1936), danh nhân văn hoá thế giới, tên thật là Chu Thụ Nhân 周树人, tự Dự Tài 豫才, quê huyện Thiệu Hưng, tỉnh Chiết Giang. Lỗ Tấn sinh trong một gia đình quan lại đã sa sút. Cha của ông là Chu Bá Nghi đỗ tú tài nhưng không được ra làm quan, bị bệnh mất sớm. Mẹ của ông là Lỗ Thụy. Bà đã sớm có ảnh hưởng đến khả năng văn chương của Lỗ Tấn qua việc bà kể cho ông nghe nhiều truyện cổ dân gian. Lỗ Tấn là bút danh ông lấy từ họ mẹ. Năm 1899, ông đến Nam Kinh theo học ở Thuỷ sư học đường (trường đào tạo nhân viên hàng hải). Hai năm sau, ông thi vào trường Khoáng lộ học đường (đào tạo kỹ sư mỏ địa chất). Năm 1902, Lỗ Tấn du học Nhật Bản, tại đây ông tham gia Quang Phục hội, một tổ chức yêu nước của người Trung Quốc. Sau hai năm học tiếng Nhật, năm 1904, ông chính thức vào học ngành y ở trường Đại học Tiên Đài. Năm 1906, ông thôi học và bắt đầu hoạt động văn nghệ bằng việc dịch và viết một số tiểu luận giới thiệu các tác phẩm văn học châu Âu như thơ Puskin, tiểu thuyết khoa học viễn tưởng Jules Verne. Năm 1909, vì hoàn cảnh gia đình, Lỗ Tấn trở về Trung Quốc. Ông dạy ở trường trung học Thiệu Hưng và có làm hiệu trưởng trường sư phạm Thiệu Hưng một thời gian. Từ 1920 đến 1925, Lỗ Tấn làm việc tại các trường Đại học Bắc Kinh, Cao đẳng Sư phạm Bắc Kinh và Đại học nữ Sư phạm Bắc Kinh. Năm 1926, ông tới Hạ Môn (tỉnh Phúc Kiến) và làm việc tại trường Đại học Hạ Môn. Đầu năm 1927, Lỗ Tấn đến Quảng Châu, làm trưởng phòng giáo vụ kiêm chủ nhiệm khoa văn của trường Đại học Trung Sơn. Tháng 10 năm 1927, ông rời Quảng Châu tới Thượng Hải và ở lại đây đến lúc qua đời (1936).

Ở Việt Nam, Lỗ Tấn được đông đảo bạn đọc đón nhận và hầu hết các tác phẩm chủ yếu của ông đã được dịch ra tiếng Việt (truyện ngắn, tiểu luận, tạp văn). Riêng về thơ, toàn bộ 75 bài của ông cũng đã được giới thiệu và dịch ở Việt Nam.

Tác phẩm:

- *Gào thét (truyện ngắn)*
- *Bàng hoàng (truyện ngắn)*
- *AQ chính truyện (truyện ngắn)*
- *Cổ đại (thơ văn xuôi, NXB Văn nghệ Tp. Hồ Chí Minh, 2006)*
- *Thơ Lỗ Tấn (Phí Trọng Hậu, Phan Văn Các giới thiệu, dịch và chú giải)*
- *Chuyện cũ viết lại (tạp văn)*
- *Tạp văn Lỗ Tấn.*

NHẬT KÝ NGƯỜI ĐIÊN

Hai anh em nhà nọ, nay tạm giấu tên, đều là bạn thân của tôi ngày trước ở trường trung học. Xa cách lâu ngày dần dần vắng tin nhau. Gần đây, tình cờ được tin một trong hai người ốm nặng; nhân về quê chơi, có ghé thăm, nhưng lại chỉ gặp người anh. Ông ta cho biết người ốm chính là người em.

- Cám ơn anh không ngại đường xa đến thăm, nhưng chú nó nay đã lành rồi, hiện đang đến tỉnh X, chờ được bổ đi làm việc.

Rồi cười phá lên, lấy ra hai tập nhật ký, bảo có thể xem đây biết được bệnh trạng lúc bấy giờ như thế nào; chỗ bạn cũ với nhau, chẳng có gì ngại. Cầm về, đọc qua một lượt, biết anh ta mắc bệnh "bách hại cuồng".¹ Tập nhật ký đó viết rất lộn xộn, không có thứ tự, lại lảm câu hết sức hoang đường. Cũng chẳng ghi ngày tháng, duy màu mực và nét chữ có khác nhau, biết không phải viết một mạch. Cũng có những đoạn khá mạch lạc, xin trích ra đây hiển các nhà y học làm tài liệu nghiên cứu. Những chữ viết sai cũng cứ để vậy, không thay đổi. Chỉ có tên người, tuy là người ở chốn thôn quê, không ai biết, không quan hệ đến đại thể, nhưng cũng đổi hết. Còn như tên tập nhật ký thì chính người viết, sau khi khỏi bệnh, đề như vậy, cứ để nguyên.

Ngày 2 tháng 4 năm Dân quốc thứ 7

I.

Đêm nay, trăng đẹp quá!

Hơn ba mươi năm nay, không thấy; hôm nay thấy tinh thần sáng khoái lạ thường. Mới biết hơn ba mươi năm nay, mình toàn sống trong tăm tối. Nhưng phải hết sức cẩn thận. Nếu không, tại sao con chó nhà họ Triệu lại lờm mình như thế?

Mình sợ là phải lắm.

II.

Hôm nay không trăng. Biết là không ổn rồi. Lúc sáng bước chân ra cửa, đã hết sức cẩn thận, thế mà ông Triệu lại nhìn mình bằng một con mắt quái gở, hình như sợ mình mà cũng hình như muốn hại mình. Còn có bảy tám người nữa chụm đầu thì thầm với nhau về mình, lại sợ mình

thấy. Những người gặp trên đường cũng đều như thế cả. Có một người dữ tợn nhất, há hốc miệng, nhìn mình, cười một cái, làm mình lạnh toát từ đầu đến chân. Cho biết họ đã sắp đặt đầu vào đó cả rồi!

Nhưng mình không sợ, cứ đường mình mình đi. Phía trước, một bầy trẻ cũng đang bàn tán gì về mình. Ánh mắt cũng y hệt ánh mắt ông Triệu, mặt cũng tái mét. Nghĩ bụng không hiểu chúng nó thù gì mình mà cũng lại như thế? Mình không nhịn được, nói to: "Cái gì nào? Nói đi", thì chúng nó bỏ chạy.

Mình nghĩ không rõ mình với ông Triệu, cả với những người gặp trên đường, có thù oán gì. Chỉ hai mươi năm trước đây, mình có giẫm lên cuốn sổ ghi nợ mấy mươi đời của cụ Cố Cửu.² Cụ ta rất không bằng lòng. Ông Triệu tuy không quen biết gì cụ Cố Cửu, nhưng nhất định có nghe phong thanh, rồi bất bình thay, rủ cả những người gặp trên đường kia oán mình, chống lại mình. Nhưng mấy đứa trẻ kia? Hồi đó, chúng nó chưa đẻ, tại sao bây giờ cũng trợn mắt kỳ dị như thế, hình như sợ mình mà hình như cũng muốn hại mình? Thật là làm cho mình kinh hãi, làm cho mình vừa ngạc nhiên vừa đau xót.

Hiểu ra rồi! Đó là bố mẹ chúng nó bày vẽ cho!

III.

Suốt đêm không sao ngủ được. Việc gì cũng phải suy nghĩ mới vớ vẩn.

Bọn họ, trước có kẻ bị ông huyện cùm kẹp, có kẻ bị thân hào và miệng, có kẻ bị nha lại cướp vợ con, có kẻ cha mẹ bị chủ nợ bức quá phải tự sát, nhưng bấy giờ, họ đâu có đáng sợ và hung ác như hôm qua!

Lạ nhất là người đàn bà hôm qua ngoài phố, vừa đánh con vừa nói: "Đồ ranh con! Tao có ăn được thịt mày một miếng mới hả giận!" Con mắt bà ta lại cứ nhìn mình chòng chọc. Mình thất kinh hồn vía, không làm sao che giấu được nỗi sợ hãi. Thế rồi cả đám người đứng đấy, mặt tái mét, răng nhọn hoắt, phá lên cười. Lão Năm Trần chạy lại lôi bừa mình về.

Lôi bừa mình về nhà, người trong nhà đều giả vờ không biết mình. Ánh mắt cũng y như những người kia. Mình vừa bước chân vào phòng sách thì họ liền khóa trái cửa, nhốt lại, y như nhốt gà nhốt vịt. Việc này càng khiến cho mình không hiểu họ định làm cái gì.

Mấy hôm trước, người tá điền bên thôn Lang Sói sang báo mất mùa, kể chuyện với ông anh mình rằng bên ấy, có một tên đại ác vừa bị người ta đánh chết. Có kẻ đến moi tim gan đem về rán mỡ ăn cho được can

đảm. Mình nói xen vào mấy câu thì ông anh và người tá điền trở mắt nhìn. Hôm nay, mới biết là ánh mắt họ cũng giống hệt ánh mắt những người gặp ngoài đường kia!

Nghĩ lại mà lạnh từ đầu đến chân.

Họ đã ăn được thịt người thì vị tất lại không ăn được thịt mình!

Rõ ràng câu nói: "Ăn thịt mày một miếng..." của người đàn bà nọ, tiếng cười của những người mặt tái mét, răng nhọn hoắt kia, và mẩu chuyện của người tá điền hôm trước đều là những ám hiệu cả. Mình thấy rõ trong lời nói của họ có thuốc độc, trong giọng cười của họ có dao găm. Răng thì nhả ra trắng hếu. Toàn là bọn ăn thịt người!

Theo mình nghĩ, tuy mình không phải là một người ác, nhưng từ ngày mình giẫm lên cuốn sổ ghi nợ của cụ Cổ Cữu, thì không còn thể nói chắc được nữa. Hình như họ có ý định gì, không thể nào đoán ra được. Huống hồ, họ giở mặt một cái là có thể đổ riệt cho người ta là người ác. Còn nhớ hồi ông anh bày cho mình luận. Mặc dù nhân vật đem ra bàn tốt đến đâu, hễ tìm được cách chê vài câu là ông ta khuyên cho mấy khuyên. Và đối với những nhân vật xấu, hễ lựa lời bào chữa, là ông ta phê ngay bên cạnh "Phiên thiên diệu thủ, dữ chúng bất đồng" (Có tài biện luận! Độc đáo!). Như vậy thì mình làm sao đoán biết được tâm địa họ thể nào! Huống hồ khi họ đã muốn ăn thịt mình!

Việc gì cũng phải suy nghĩ mới vỡ lẽ. Cổ lai, việc ăn thịt người thường lắm, mình cũng còn nhớ, nhưng không được thật rõ. Liền giở lịch sử ra tra cứu thử. Lịch sử không đề niên đại, có điều trang nào cũng có mấy chữ "nhân, nghĩa, đạo đức" viết lung tung tí mọt. Trần trọc không sao ngủ được, đành cầm đọc thật kỹ, mãi đến khuya mới thấy từ đầu chí cuối, ở giữa các hàng, ba chữ: "Ăn thịt người".

Những chữ đó trên trang sách và những lời nói của người tá điền cũng lại cười khì khì và trợn mắt nhìn mình một cách quái gở.

Mình cũng là người, họ định ăn thịt mình thật!

IV.

Sáng nay, ngồi yên tĩnh được một lúc. Lão Năm Trần bưng cơm vào. Một đĩa rau, một đĩa cá hấp. Mắt cá trắng dã và cứng đờ, miệng há hốc ra, trông y như bọn ăn thịt người kia. Ăn mấy miếng, thấy nhòn nhòn, không biết thịt cá hay thịt người đây. Thế là mưa nhào ra hết!

Mình nói: "Ông Năm à! Nói giùm với anh tôi rằng ở đây buồn lắm, tôi muốn ra vườn dạo quanh một lúc".

Lão Năm không trả lời, đi thẳng, đứng lại một lát, rồi đến mở cửa.

Mình cứ ngồi im để xem họ xử trí với mình ra sao. Biết chắc họ nhất định không chịu buông tha mình đâu. Quả nhiên, ông anh dẫn một lão già nào vào, bước rất thư thả. Lão ta có cặp mắt rất dữ, sợ mình trông thấy, nên cứ cúi gầm mặt xuống đất, chỉ nhìn trộm mình qua đôi kính trắng. Ông anh nói:

- Hôm nay hình như chú có đỡ hơn thì phải?

Mình nói:

-Vâng!

Ông anh nói:

- Hôm nay mời cụ Hà đến xem mạch cho chú.

Mình nói:

- Được.

Kỳ thực, há mình lại không biết lão già này chỉ là một tay giết người trá hình hay sao? Rõ ràng lấy cớ đến bắt mạch để dò xem béo hay gầy. Với cái công đó lão ta sẽ được chia một phần mà ăn. Mình cũng chẳng sợ. Tuy không hề ăn thịt người, nhưng mình còn can đảm hơn họ nhiều. Cứ đưa tay ra, xem lão ta giở trò gì. Lão ta ngồi xuống nhắm mắt, sờ sờ mó mó một lúc, lại ngồi thừ ra một lúc, rồi giương tròn đôi mắt quỷ sứ, nói:

- Không nên nghĩ vơ vẩn. Tỉnh dưỡng mấy ngày là khỏi.

"Không nên nghĩ vơ vẩn. Tỉnh dưỡng..." Tỉnh dưỡng cho béo, tự nhiên họ sẽ được nhiều thịt mà ăn! Mình thì được cái gì? Làm thế nào "khỏi" được? Bọn họ muốn ăn thịt người, nhưng lại cứ lăm la lăm lét, muốn che giấu đi, không dám đường hoàng ra tay, làm mình chết cười đi được. Không nhịn nổi, mình cười phá lên, thích thú quá. Riêng mình, mình biết tiếng cười của mình là một tiếng cười dửng dưng, nghĩa khí. Lão già và ông anh mặt cứ tái đi, bị cái dửng dưng, cái nghĩa khí của mình áp đảo.

Nhưng mình dửng dưng thì họ lại càng muốn ăn thịt mình, hòng chia sẻ chút dửng dưng đó. Lão già ra khỏi cửa, bước được mấy bước đã ghé tai nói thầm với ông anh:

- Cho ăn ngay.³

Ông anh gật đầu. Té ra có cả anh nữa hay sao! Điều vừa phát hiện, tuy giống như bất ngờ, nhưng thật ra thì cũng đã biết rồi. Ông anh mình cũng cùng một bọn với những người ăn thịt mình!

Ông anh mình là một kẻ ăn thịt người!

Mình là em một kẻ ăn thịt người!

Chính mình bị ăn thịt nhưng lại vẫn là em một kẻ ăn thịt người!

V.

Mấy hôm nay nghĩ lại: giá thử lão già kia không phải là tay giết người trá hình mà quả là thầy thuốc thật thì lão ta cũng vẫn là một kẻ ăn thịt người. Tổ sư các ông là Lý Thời Trân đã viết rõ ràng trong cuốn Bản thảo gì ấy⁴ rằng: thịt người có thể rán ăn được. Lão ta còn có thể nói lão ta không ăn thịt người nữa ư?

Còn như ông anh mình, cũng chẳng phải là ai đổ oan cho đâu! Hồi ông ta giảng sách cho mình, chính miệng ông ta nói có thể "đổi con mà ăn", "*Dịch tử nhi thực*". Lại một lần, ngẫu nhiên bàn luận đến một người không tốt nào đó, ông ta liền nói không những phải giết đi, lại còn phải "xẻo thịt mà ăn, lấy da mà làm nệm", "*Thực nhục tẩm bì*".⁵ Hồi ấy mình còn nhỏ, nghe nói, tim cứ đập mãi. Hôm trước người tá điền thôn Lang Sói sang nói chuyện ăn gan người, ông ta chẳng lấy làm lạ chút nào cả, cứ gật đầu lia lịa. Đủ rõ tâm địa ông ta vẫn ác như trước. Đã có thể "đổi con mà ăn" thì cái gì mà chẳng đổi được, người nào mà chẳng ăn được. Trước kia mình chỉ nghe ông ta giảng, cũng hồ đồ cho qua đi. Bây giờ mới biết rằng ngay khi ông ta giảng, không những mép ông ta còn nhậ mớ người mà bụng ông ta thì đang tơ tưởng đến chuyện ăn thịt người!

VI.

Tối om om. Không biết ngày hay đêm nữa. Con chó nhà họ Triệu lại sủa lên rồi!

Hung ác như sư tử, khiếp nhược như thỏ, giáo quyết như hồ ly...

VII.

Mình biết mưu của họ rồi. Ra mặt giết thì không muốn và cũng không dám, sợ tai vạ, nên họ thông đồng với nhau, bủa lưới bức mình phải tự sát. Cứ nhìn điệu bộ của bọn đàn ông đàn bà ngoài phố hôm nọ và hành vi ông anh mấy hôm nay, có thể rõ được tám chín phần. Tốt nhất là mình cởi thắt lưng ra, cột lên xà nhà, rồi treo cổ cho chết đi. Họ không mang tội giết người mà vẫn được như ý muốn. Tất nhiên họ sẽ sung sướng mà reo cười lên. Bằng không thì mình phải khiếp sợ, buồn rầu mà chết. Dù có gầy đi ít nhiều, họ cũng vui lòng.

Họ chỉ ăn được thịt chết! Nhớ trong sách nào có nói đến một con vật tên là hyène⁶, mắt rất dễ sợ và hình thù rất xấu xí, thường ăn thịt chết, xương to mấy cũng nhai nát ra rồi nuốt tất. Nghĩ mà rùng mình! Con hyène là bà con với lang sói, lang sói là họ hàng với chó. Hôm trước

con chó nhà họ Triệu cứ lườm mình, đủ biết nó cũng đồng mưu với những người kia và đã ăn ý với nhau từ trước. Lão già nọ dù có cúi gầm mặt xuống đất, há có thể lừa nổi mình!

Đáng thương hại nhất là ông anh mình. Ông ta cũng là người, sao ông ta không sợ mà lại mưu với bọn kia ăn thịt mình nhỉ? Hay là vốn đã quen đi như thế từ lâu rồi, không cho là chuyện trái nỡ chẳng? Hay là táng tận lương tâm rồi, biết mà cứ làm chẳng?

Mình nguyên rửa những kẻ ăn thịt người, và phải bắt đầu nguyên rửa ông ta trước. Muốn khuyên can những kẻ ăn thịt người, cũng phải bắt đầu khuyên can ông ta trước.

VIII.

Thật ra, điều đó nhẽ ra họ phải biết từ lâu rồi!...

Bỗng có một người nào đi vào, trạc trên dưới hai mươi tuổi, nhìn không rõ tướng mạo, mặt tươi cười hớn hở, gật đầu chào mình. Cái cười của anh ta không ra vẻ chân tình. Mình liền hỏi:

- Ăn thịt người, có nên không?

Anh ta vẫn cười mà nói:

- Không phải là năm đói kém thì sao lại ăn thịt người?

Mình hiểu ngay anh ta cũng một phường, thích ăn thịt người. Mình càng can đảm lên, cứ hỏi:

- Có nên không?

- Chuyện đó hỏi làm gì? Ông đến là hay... nói đùa... Hôm nay trời đẹp lắm.

- Phải, trời đẹp lắm, trăng sáng lắm, nhưng tôi hỏi anh "có nên không?".

Anh ta ngó ý không thích mình hỏi như thế, trả lời vu vơ:

- Không...

- Không nên à? Thế sao họ cứ ăn?

- Đâu có chuyện ấy!

- Đâu có chuyện ấy à? Bên thôn Lang Sói, người ta vừa mới ăn đấy!

Lại trong sách chép như thế, bằng chữ mực đỏ còn tươi rói.

Mặt anh ta tái xanh. Anh ta tròn mắt, nói:

- Có lẽ có. Xưa nay vẫn thế...

- Xưa nay vẫn thế thì nên à?

- Tôi không muốn nói với ông về chuyện đó nữa. Và ông cũng không nên nói nữa. Ông càng nói càng sai.

Mình nhảy chồm lên, giương to mắt. Anh ta liền biến mất. Mồ hôi ướt đầm cả người. Anh ta còn ít tuổi hơn ông anh mình nhiều, nhưng cũng một phường. Nhất định là bố mẹ anh ta bày vẽ cho anh ta. Sợ anh ta đã bày vẽ cho con anh ta rồi cũng nên! Chả trách ngay cả bọn trẻ con cũng nhìn mình một cách dữ tợn.

IX.

Muốn ăn thịt người khác, nhưng lại sợ người khác ăn thịt nên họ giữ miếng nhau, nhìn nhau ngờ vực...

Bỏ được tâm địa ấy đi mà yên trí làm việc, đi đứng ăn ngủ, khoan khoái biết chừng nào! Chỉ cần qua được bước khó khăn đó, vượt qua được cửa ải đó. Nhưng bọn họ, cha con, anh em, vợ chồng, bè bạn, thầy trò, thù địch, và cả những người không hề quen biết nhau nữa đều cùng một bè với nhau, khuyến khích nhau, lôi kéo nhau, dù chết cũng không chịu bước qua bước đó.

X.

Sáng sớm, đi tìm ông anh. Ông ta đang đứng ngoài cửa nhìn trời. Mình đi đến sau lưng, đứng ở khung cửa rồi nói rất bình tĩnh, rất hòa nhã.

- Anh à! Có điều này muốn nói với anh.

Ông ta vội vã quay lại, gật đầu:

- Nói gì cứ nói đi.

- Chỉ có điều này thôi, nhưng khó nói quá. Anh này, có lẽ xưa kia, khi con người còn man rợ, họ đã từng ăn thịt người. Nhưng rồi về sau, tâm tư thay đổi, có kẻ không ăn nữa, muốn trở nên tốt, nên họ đã trở thành người, trở thành những người chân chính. Có kẻ vẫn ăn... Cũng như sâu bọ, có thứ biến thành chim, cá, khỉ, và cuối cùng biến thành người. Có kẻ không muốn trở nên tốt, đến nay vẫn là sâu bọ. Kẻ ăn thịt người so với kẻ không ăn thịt người, xấu hổ biết mấy! Sợ còn xấu hổ hơn sâu bọ so với khỉ nhiều lắm.

Dịch Nha⁷ nấu thịt con cho Kiệt, Trụ ăn. Đó là chuyện ngày trước. Ai biết được từ khi Bàn Cổ khai thiên lập địa, người vẫn ăn thịt người, cho đến con Dịch Nha, và từ con Dịch Nha cho đến ông Từ Tích Lâm⁸ rồi từ ông Từ Tích Lâm cho đến cái anh gì bên thôn Lang Sói! Năm ngoái, trên tỉnh có mấy tên phạm nhân bị chém, còn có người mắc bệnh lao lấy bánh bao chấm máu liếm.⁹

Họ định ăn thịt em, một mình anh cố nhiên không làm gì được, nhưng hà tất anh phải vào hùa với họ! Kẻ ăn thịt người thì cái gì mà không làm được. Họ đã ăn được thịt em thì cũng có thể ăn được thịt anh. Cùng một bọn, họ cũng có thể ăn được thịt nhau. Chỉ cần bước một bước thôi, chỉ cần bỏ ngay cái thói ấy đi thì ai nấy đều được yên ổn, thái bình. Đành rằng xưa nay vẫn thế, nhưng bây giờ chúng ta có thể tốt với nhau hơn. Không được ư? Anh ơi! Em tin rằng anh sẽ nói có thể được. Nhưng hôm nọ, khi người tá điền đến xin giảm tô, anh lại nói là không thể được.

Lúc đầu, ông ta chỉ cười nhạt, nhưng rồi cặp mắt trở nên hung dữ. Đến khi mình nói toạc những ý nghĩ bí mật của họ thì mặt ông ta xanh đi. Một đám đông xúm trước cổng, trong đó có ông Triệu và con chó nhà ông ta. Họ chen chúc nhau thò đầu vào xem. Có kẻ mình không nhìn rõ mặt, hình như họ lấy vải trùm đầu lại, có kẻ mặt vẫn xanh lè, răng vẫn nhọn hoắt, miệng mỉm cười. Mình biết là họ cùng một phường, cùng là những kẻ ăn thịt người cả. Nhưng cũng biết tâm tư họ không giống nhau. Có kẻ thì cho cứ nên ăn, vì xưa nay vẫn thế, có kẻ thì cho không nên ăn, nhưng vẫn cứ muốn ăn, lại sợ người khác nói toạc ra, nên khi nghe mình nói, họ giận lắm, tuy họ vẫn mỉm miệng cười nhạt.

Lúc đó, ông anh mình bỗng trở nên hung dữ quát to:

- Đi đi! Người điên chứ có gì mà xem!

Lúc đó, mình lại hiểu ngay mách khéo của họ. Không những họ không chịu thay đổi, mà họ đã sắp đặt sẵn để vu cho mình là điên! Sau này, ăn thịt mình không những họ sẽ được thái bình vô sự, mà có lẽ có người còn cảm ơn họ là đấng khác. Người tá điền nói người bị đưa ra ăn thịt là một người ác. Cũng là mách khéo ấy. Cũng là giọng lưỡi ấy!

Lão Năm Trần bước vào, mặt cũng hầm hầm. Làm sao bịt được miệng mình! Mình cứ nhất định nói cho họ rõ:

- Các người có thể thay đổi được. Hãy thực tâm mà thay đổi đi! Nên biết rằng sau này không ai dung thứ cho kẻ ăn thịt người sống trên thế gian này nữa đâu!

Các người không thay đổi thì các người cũng sẽ bị ăn thịt cả. Dù cho con đàn cháu lũ, cũng sẽ bị những người chân chính tiêu diệt, chẳng khác gì người đi săn tiêu diệt lang sói.

- Cũng giống như sâu bọ mà thôi!

Đám người trước cổng bị lão Năm Trần xua đuổi đi hết. Không rõ ông anh mình cũng đi đâu mất. Lão Năm Trần khuyên mình nên vào

trong nhà. Trong nhà tối om om. Trên đầu, kèo, xà nhà rung chuyển lên. Rung chuyển một hồi rồi to dần, chát đống trên người mình.

Nặng quá thể, không nhúc nhích được. Ý hẳn là sẽ đè mình chết mất thôi! Biết là không phải nặng thật, mình cố giãy giụa, mồ hôi đổ ra như tắm. Nhưng vẫn cứ nói:

- Các người thay đổi ngay đi, thành tâm mà thay đổi đi. Các người nên biết rằng, tương lai, người ta không dung thứ những kẻ ăn thịt người đâu!...

XI.

Không thấy mặt trời nữa. Cửa cũng đóng kín. Ngày hai bữa cơm.

Cầm đũa lại nghĩ đến ông anh. Hiểu ra rồi, tại sao mà đứa em gái mình lại chết. Cũng là vì ông ta cả. Hồi đó, nó mới lên năm, dễ thương quá! Tưởng như là còn trông thấy nó trước mắt. Mẹ khóc mãi. Ông ta khuyên đừng khóc nữa. Chắc là ông ta đã ăn thịt đi rồi, bây giờ nghe khóc, ông ta cầm lòng không đậu. Nếu như còn cầm lòng không đậu, thì...

Đứa em gái mình bị ông anh ăn thịt, mẹ có biết thế hay không, mình làm sao hiểu được!

Nghĩ có lẽ mẹ cũng biết. Chẳng qua khi khóc, mẹ không nói ra đó thôi. Chắc cũng cho là phải. Còn nhớ hồi lên bốn lên năm, mình đang ngồi hóng mát trước nhà, nghe ông anh nói rằng: Cha mẹ ốm đau, con phải cắt một miếng thịt, nấu chín, dâng cho cha mẹ, mới là có hiếu. Mẹ cũng không cãi lại. Ăn được một miếng thì tất nhiên có thể ăn cả con người. Nhưng bây giờ nhớ lại thì hôm ấy, nghe mẹ khóc, thương tâm quá đi mất! Thật là một chuyện lạ lùng.

XII.

Không thể nghĩ được nữa.

Bây giờ mới biết mình đã sống bao nhiêu năm ở một nơi mà người ta ăn thịt lẫn nhau từ bốn nghìn năm nay. Đứa em gái mình chết đúng vào lúc ông anh lên cai quản trong nhà. Vị tất ông ta đã không đem thịt nó trà trộn với các thức ăn rồi giấu giếm đi, đưa cho mọi người ăn!

Vị tất vô ý mình đã chẳng ăn một vài miếng thịt của đứa em! Và bây giờ đây đến lượt mình...

Mình là một kẻ có truyền thống ăn thịt người trên bốn nghìn năm; lúc đầu không biết nhưng bây giờ biết rồi thì khó lòng mà nhìn mặt những người chân chính.

XIII.

Chắc cũng còn những đứa trẻ chưa từng ăn thịt người chứ?
Hãy cứu lấy các em!¹⁰

Tháng 1 năm 1921
(TRƯƠNG CHÍNH dịch)

Chú thích

Truyện này trước đây đã đăng ở *Tân thanh niên*, số tháng 5 năm 1918. Trong lịch sử văn học Trung Quốc đó là tác phẩm đầu tiên đả kích chế độ phong kiến một cách sâu sắc.

KHỔNG ẮT KỶ

Các quán rượu ở Lỗ - Trấn có một cách bố trí khác hẳn nơi khác. Quán nào cũng có một cái quầy to, hình thước thợ, ngoảnh ra đường cái; phía trong quầy có sẵn nước nóng lúc nào cũng có thể hâm rượu được. Trưa hay chiều, các bác thợ đi làm về, người nào cũng đến bỏ ra năm đồng trình mua một bát rượu, - đó là chuyện hơn hai mươi năm về trước, bây giờ mỗi bát cũng phải đến mười đồng, - rồi đứng tựa vào quầy, uống ngay, vừa uống vừa nghỉ cho đỡ mệt. Nếu chịu bỏ thêm một đồng nữa thì có thể mua được một đĩa măng muối mặn hoặc một đĩa đậu hũ hương làm thức nhắm. Còn bỏ ra đến mười đồng thì có thể mua được một đĩa thịt xào. Nhưng những khách hàng này phần nhiều là bạn áo cộc, không mấy ai chơi sang như vậy. Chỉ có những vị khách áo dài mới đi vào tận phòng trong, gọi rượu, gọi thịt, ngồi uống khề khà.

Từ hồi mười hai tuổi, tôi đã đến làm công cho quán rượu Hàm Hanh ở chỗ cửa ô đi vào trấn. Ông chủ quán bảo là tôi đáng người dẫn độn quá, e không hầu nổi các vị khách áo dài, thôi ra đứng ngoài làm việc vặt vậy. Khách áo cộc ở ngoài, tuy dễ dãi hơn nhiều, nhưng cũng lắm ông hay sách hoạch, kỳ kèo đáo để. Thường thường họ đòi được nhìn tận mắt xem rượu có thật mức ở vò ra hay không, đòi nhìn tận mắt xem trong ấm có nước lã hay không, lại đòi được nhìn tận mắt xem khi tôi đặt ấm vào nước nóng. Có thể mới an tâm. Kiểm soát chặt chẽ như vậy thì làm thế nào mà pha nước vào đây! Cho nên được mấy ngày ông chủ quán lại bảo là tôi không thể đứng bán hàng được. May mà người đưa tôi đến đây là chỗ thân tình với ông ta lắm, nên ông ta không thải ra mà để cho tôi chuyên coi việc hâm rượu, một việc hết sức tẻ nhạt.

Từ đó tôi đứng cả ngày trong quầy, chăm chú làm công việc của mình. Tuy không đến nỗi không làm tròn phận sự, nhưng tôi thấy buồn và chán ghê. Ông chủ quán thì mặt dữ lắm, khách hàng cũng chẳng ai dễ thương, tôi khó lòng vui lên được. Chỉ khi nào có bác Khổng Ất Kỷ đến thì mới có thể cười được ít tiếng. Cho nên mãi đến nay vẫn còn nhớ bác ta.

Bác Khổng Ất Kỷ là người độc nhất mặc áo dài mà lại đứng trước quầy uống rượu. Bác ta người to cao, mắt xanh lè, giữa những nếp nhăn thường có vài vết sẹo, lại có một bộ râu hoa râm lồm xồm, rối như mớ bông bong. Áo tuy là áo dài, nhưng vừa bần lại vừa rách, hình như hơn mười năm nay chưa hề vá mà cũng chưa hề giặt. Bác ta nói chuyện với ai, mở miệng làchi hồ giả đã¹¹ làm cho người ta chẳng hiểu gì hết. Vì bác ta họ Khổng, nên người ta mới lấy ba chữ Khổng Ất Kỷ trong cái câu cũng khó hiểu: "Thượng đại nhân Khổng Ất Kỷ"¹² in son trên các thiệp đồ mà đặt biệt hiệu cho. Hễ bác ta bước chân đến quán là bao nhiêu khách đều nhìn bác ta mà cười dậy lên hết. Có người hỏi:

- Ông Khổng Ất Kỷ này! Sao trên mặt lại có một vết thương mới nữa rồi?

Bác ta không trả lời, nói vào trong quầy:

- Hâm cho hai bát rượu, và lấy ra đây một đĩa đậu hời hương nhé!

Rồi xĩa ra chín đồng trinh.

Mấy người kia lại cố ý nói to:

- Nhất định lại xoáy cái gì của nhà ai rồi!

Bác ta trừng mắt lên cự:

- Sao khi không các người lại bịa chuyện làm mất danh giá người ta đi như thế?

- Danh giá cái gì? Chẳng phải hôm trước chính mắt tớ trông thấy ông ăn cắp sách nhà ông Hà rồi bị treo ngược lên đánh là gì.

Bác ta đỏ mặt, trán nổi gân xanh, cãi lại:

- Lấy sách không phải là ăn cắp! Có biết chữ mới lấy sách chứ? Thế mà bảo là ăn cắp được à?

Tiếp theo là những câu khó hiểu nào là "Quân tử cố cùng",¹³ nào là gì gì "giả hồ", làm cho mọi người cười dậy lên. Trong quán ngoài quán không khí nhộn hân.

Nghe người ta bàn tán riêng với nhau thì bác Khổng Ất Kỷ vốn cũng có đi học, nhưng thi mãi không đỗ, lại không biết làm gì ra ăn, do đó càng ngày càng túng quẫn đến nỗi gần phải đi ăn xin. May được cái viết chữ tốt, nên đi chép sách thuê kiếm cơm. Khổ một nỗi, tính nết không ra gì, thích rượu mà lại nhác làm. Ngồi chép được vài hôm, thế là cả người lẫn sách vở, giấy bút, nghiên mực đều biến mất tang. Mấy lần như vậy, chẳng ai thuê chép nữa. Không còn cách nào khác, bác ta đôi khi phải giở ngón xoáy. Nhưng ở quán rượu chúng tôi thì bác ta đứng đắn hơn ai

hết, lúc nào cũng sòng phẳng. Có khi không có tiền mặt thì tạm ghi vào bảng. Nhưng chưa hết tháng, thế nào cũng trả đủ rồi, và tên bác ta lại được xóa đi.

Bác Khổng Ất Kỷ uống hết nửa bát rượu thì sắc mặt lại đã trắng dã ra y như trước không đỏ nữa. Có người đứng cạnh lại hỏi:

- Ông Khổng Ất Kỷ này! Ông biết chữ thật đấy chứ?

Bác ta nguýt một cái, tỏ ý không thêm cãi lại. Thì họ đã nói tiếp:

- Làm thế nào mà đến một chút tú tài cũng không gỡ được hả?

Tức thì trông bác ta tiều tụy, bối rối hẳn, mặt tái mét, miệng lẩm bẩm cái gì. Lần này thì toàn là những chữ hồ giả dã, không hiểu chút gì cả. Lúc ấy, mọi người lại cười dậy lên. Trong quán ngoài quán không khí nhộn nhạo.

Nhân những dịp đó, tôi cũng có thể cười góp vào, ông chủ quán không mắng. Vả lại, mỗi lần thấy bác Khổng Ất Kỷ, ông ta cũng thường hỏi đùa như thế làm cho ai nấy phải bật cười. Bác Khổng Ất Kỷ biết là mình không thể cùng nói chuyện với những người kia được, bèn quay lại nói chuyện với bọn trẻ con. Có lần bác ta hỏi tôi:

- Đã đi học chưa?

Tôi sẽ gật đầu.

- Đi học rồi à? Để ta khảo xem nào? Chữ hồi trong đậu hồi hương viết thế nào nào?

Tôi nghĩ bụng: Người đáng như ăn mày thế kia mà lại dám khảo mình ư? Tôi quay mặt đi, không buồn trả lời. Chờ một hồi lâu, bác ta nói, giọng khẩn thiết:

- Không biết à? Để ta bày cho. Nhớ lấy nhé! Những chữ ấy thì phải nhớ mới được. Tương lai làm ông chủ quán, biên sổ sách thì phải dùng đến đấy!

Tôi nghĩ bụng: Giữa ông chủ quán với tôi còn cách bậc nhiều lắm, mà ông chủ quán của tôi có bao giờ ghi chữ đậu hồi hương vào sổ đâu! Vừa buồn cười, vừa khó chịu, tôi uể oải:

- Ai mượn bác bày. Chẳng phải là thảo đầu trên chữ hồi là về là gì?

Bác ta ra vẻ thích thú, gõ hai móng tay dài xuống mặt quầy, gật đầu nói:

- Giỏi đấy! Giỏi đấy! Chữ hồi có bốn cách viết, biết không?

Tôi càng khó chịu, bĩu môi bỏ đi.

Bác ta vừa nhúng móng tay vào rượu định viết lên mặt quầy, nhưng thấy tôi thờ ơ thì lại thở dài, tỏ vẻ tiếc cho tôi lắm.

Có mấy lần, bọn trẻ con hàng xóm nghe tiếng cười cũng chạy đến xem, vây lấy bác ta; bác ta lấy đậu cho mỗi đứa một hột. Ăn hết đậu, chúng nó vẫn đứng đấy không đi, mắt nhìn dán vào cái đĩa. Bác ta hoảng lên, xòe cả năm ngón tay úp lấy đĩa, cúi khom xuống, nói:

- Chẳng còn bao nhiêu nữa!

Rồi đứng thẳng dậy, nhìn đĩa đậu, lắc đầu:

- Không nhiều nữa. Nhiều ư? Có nhiều đâu!¹⁴

Thế là bọn trẻ con cười ồ lên, chạy tứ tán.

Bác Khổng Ất Kỷ mua vui cho người ta vậy đó, nhưng không có bác thì cũng thế thôi!

Một hôm, hình như vào khoảng hai ba ngày trước tết Trung thu, ông chủ quán ngồi tính tiền. Ông ta hạ tấm bảng xuống, bỗng dưng nói:

- Đã lâu không thấy lão Khổng Ất Kỷ đâu nhỉ? Còn nợ mười chín đồng trình kia đấy!

Tôi mới sực nhớ ra là đã lâu lắm bác ta không đến quán thật. Một người khách nói:

- Làm thế nào mà đến được! Bị đánh què chân rồi!

Ông chủ quán nói:

- Thế à?

- Vẫn giữ cái thói ăn cắp. Lần này điên hay sao mà lại nhè nhà cụ Cử Đình mà ăn cắp. Của nhà ấy mà hòng ăn cắp à?

- Rồi thế nào?

- Rồi thế nào à? Rồi viết tờ thú, xong là lôi ra đánh suốt đêm, què chân mới thôi!

- Rồi thế nào nữa?

- Rồi què chân.

- Què chân rồi thế nào nữa?

- Thế nào, ai biết được. Có lẽ chết rồi cũng nên.

Ông chủ quán không nói nữa, cứ ngồi thông thả tính tiền.

Tết Trung thu qua. Gió thu càng ngày càng lạnh, xem chừng gần sang đông. Tôi suốt ngày đứng cạnh lò cũng phải mặc áo bông. Một buổi chiều, quán rượu vắng khách. Tôi đang ngồi, mắt lim dim, bỗng nghe có tiếng ai gọi:

- Hâm cho một bát rượu nhé!

Tiếng nói nhỏ nhưng nghe quen lắm. Nhìn chẳng thấy một ai cả. Đứng dậy nhòm ra thì ra là bác Khổng Ất Kỷ đang ngồi trệt dưới quày, ngay chỗ bậc cửa. Mặt bác ta đen sạm, võ vàng, trông không ra hồn

người. Bác ta mặc một chiếc áo kếp rách, ngồi xếp bằng hai chân, dưới lót một tấm bao lác có hai dây thừng bằng rom treo ở vai. Bác ta nhìn thấy tôi lại nói:

- Hâm cho một bát rượu!

Ông chủ quán cũng thò đầu ra nhìn và lên tiếng:

- Khổng Ất Kỷ đấy à? Còn nợ mười chín đồng trình đấy nhé!

Bác ta ngừng mặt lên có vẻ tiều tụy:

- Món ấy... lần sau sẽ hay. Bây giờ, có tiền mặt. Rượu ngon đấy nhé!

Ông chủ quán vẫn như mọi lần, nhìn bác ta cười:

- Lại xoáy của ai cái gì rồi?

Nhưng lần này, bác ta không chối hản, chỉ nói một câu:

- Thôi đừng đùa.

- Đùa à? Không xoáy thì sao lại bị đánh què chân thế kia?

Bác ta nói khe khẽ:

- Ngã què... Ngã... Ngã...

Mắt bác ta nhìn ông chủ quán trông có vẻ van xin đừng nói nữa. Lúc đó, có mấy người cũng vừa đến. Họ cùng ông chủ quán cười dậy lên. Tôi hâm rượu, bưng ra đặt trên bệ cửa. Bác ta nắn trong túi áo rách lấy ra bốn đồng trình bỏ vào tay tôi. Tôi thấy tay bác ta lấm những bùn. Thì ra bác ta đi bằng tay! Một lát sau, uống hết rượu, bác ta thông thả chống tay lết đi giữa tiếng nói tiếng cười của những người xung quanh.

Từ đó về sau, lâu lắm, tôi không hề thấy bác Khổng Ất Kỷ đâu nữa. Cuối năm, ông chủ quán hạ tấm bảng xuống, nói:

- Lão Khổng Ất Kỷ còn nợ mười chín đồng trình kia đấy!

Đến tết Đoan Ngọ năm sau, lại nói:

- Lão Khổng Ất Kỷ còn nợ mười chín đồng trình kia đấy!

Đến tết Trung thu thì không nghe nói nữa. Và cuối năm, cũng chẳng thấy bác ta đến.

Cho đến bây giờ tôi chẳng hề gặp lại, có lẽ bác Khổng Ất Kỷ chết thật rồi chăng?

Tháng 3 năm 1919
(TRƯƠNG CHÍNH dịch)

Ghi chú:

Truyện này đăng lần đầu tiên tạp chí *Tân thanh niên* tháng 4 năm 1919. Cuối chuyện có mấy lời chua của tác giả như sau: truyện ngắn vụng về này, tôi viết xong một ngày mùa đông năm ngoái. Ý định lúc đó là miêu tả một cảnh sống trong xã hội để độc giả xem chơi, chứ chẳng có thêm ý gì. Nhưng từ khi dùng hoạt tự để in thì có người bỗng dùng tiểu thuyết để công kích người này người khác. Nhà văn đó đi vào một con đường đen tối nên có thể làm cho tư tưởng người đọc cũng theo tư tưởng mình mà trở thành hư hỏng. Y đã lấy tiểu thuyết làm một thứ dụng cụ để hắt nước

bắn, người bị bắn chưa biết là ai. Thật là một điều đáng thương, đáng giận hết sức. Cho nên tôi phải thanh minh ở đây để khỏi phải bị hiểu nhầm, làm hại đến nhân cách người đọc. 16-3-1919.

THUỐC

Một đêm thu gần về sáng, trăng lặn rồi, nhưng mặt trời chưa mọc. Tầng không xanh thắm. Ngoài những giống đi ăn đêm, còn thì ngủ say cả. Lão Hoa Thuyên bỗng ngồi dậy, đánh diêm, thắp cái đèn nhầy nhựa những dầu là dầu. Ánh đèn trắng xanh sáng khắp hai gian quán trà.

- Bố thằng Thuyên đi đấy à?

Đó là tiếng một người đàn bà đã có tuổi. Ở buồng phía trong bỗng nổi lên một cơn ho.

- Ừ.

Lão vừa trả lời, vừa lắng tai nghe tiếng ho, vừa cài nút áo, rồi chìa tay ra, nói tiếp:

- Đưa đây tôi.

Bà Hoa sờ soạng một lúc lâu dưới gối, lấy ra một gói bạc đồng, đưa cho chồng. Lão cầm lấy, bỏ vào túi áo, tay run run, vuốt hai ba lần phía ngoài túi, rồi thắp cái đèn lồng, tắt ngọn đèn con, đi vào buồng phía trong. Buồng phía trong có tiếng động lạch cạch, tiếp theo là một cơn ho. Đợi cơn ho dứt, lão mới khẽ nói:

- Thuyên à! Con cứ nằm đấy! Công việc dọn hàng để mẹ con lo cho.

Không nghe con nói gì, lão cho rằng nó đã yên tâm nằm ngủ lại rồi, bèn mở cửa đi ra. Bên ngoài, trời tối om, và hết sức vắng. Chỉ mặt đường xám xám là trông thấy rõ. Chiếc đèn lồng chiếu thẳng vào hai chân lão bước đều đều. Thỉnh thoảng, gặp một vài con chó, nhưng chẳng con nào buồn sủa. Trời lạnh hơn trong nhà nhiều, nhưng lão cảm thấy sáng khoái, như bỗng dựng mình trẻ lại, và ai cho phép thần thông cải tử hoàn sinh. Lão bước những bước thật dài. Trời cũng sáng dần và đường cũng càng lâu càng rõ.

Đang chăm chú bước, bỗng lão giật mình nhìn thấy ngã ba đường vắng xa, trước mặt. Lão quay lại, đi mấy bước, tìm một cửa hiệu còn đóng kín mít, rẽ vào dưới mái hiên, tựa lưng vào cửa. Một lúc lâu, lão thấy hơi lạnh lạnh.

- Hừ! Một ông già!

- Thích nhé!...

Lão lại giật mình, trở mắt nhìn. Có mấy người đi qua. Một người còn quay đầu lại nhìn lão. Lão không trông rõ là ai, nhưng thấy ánh mắt cú vọ ngời lên, như người đói lâu ngày thấy cơm. Lão nhìn chiếc đèn lồng. Đèn tắt rồi. Lão đặt tay lên túi áo. Gói bạc vẫn cộm cộm ở đấy. Ngược đầu nhìn xung quanh, lão thấy bao nhiêu người kỳ dị hết sức, cứ hai ba người một, đi đi lại lại như những bóng ma. Nhưng nhìn kỹ thì lại chẳng lấy gì làm quái lạ nữa.

Một lát, lại thấy mấy người lính đi đi lại lại. Đàng xa cũng thấy rõ miếng vải tròn màu trắng ở vạt áo trước và vạt áo sau; khi họ đi qua trước mắt thì thấy cả đường viền màu đỏ thắm trên chiếc áo dẫu.¹⁵ Tiếng chân bước ào ào. Trong nháy mắt, bao nhiêu người đi qua. Những người tùm năm tùm ba lúc nãy bỗng cũng dồn lại một chỗ, rồi xô nhào tới như nước thủy triều. Gần đến ngã ba đường thì bỗng đứng dừng lại, quây thành một nửa vòng tròn.

Lão Thuyên cũng nhìn về phía đó, nhưng chỉ thấy lưng người mà thôi. Người nào người nấy rướn cổ ra như cổ vịt bị một bàn tay vô hình nắm lấy xách lên. Im lặng một lát. Bỗng hình như có tiếng động. Rồi cả đám xô đẩy nhau ào ào, lùi về phía sau đến chỗ lão đứng, chen lão suýt nữa ngã.

- Này! Tiền trao cháo múc, đưa đây!

Một người áo quần đen ngòm đứng trước mặt lão, mắt sắc như hai lưỡi dao chọc thẳng vào lão làm lão co rúm lại. Hắn xòe về phía lão một bàn tay to tướng, tay kia cầm một chiếc bánh bao nhuộm máu, đỏ tươi, máu còn nhỏ từng giọt, từng giọt.¹⁶

Lão vội vàng móc gói bạc trong túi ra, run run đưa cho hắn, nhưng lại ngại không dám cầm chiếc bánh. Hắn sốt ruột, nói to:

- Sợ cái gì? Sao không cầm lấy?

Lão còn trù trù. Người mặc đồ đen giật lấy chiếc đèn lồng, xé toạc tờ giấy dán bên ngoài, bọc chiếc bánh lại nhét vào tay lão, tay kia thì giật lấy gói bạc, nắn nắn, rồi quay đi, miệng cầu nhàu.

- Cái lão này!

- Chữa cho ai đấy?

Lão Thuyên nghe hình như có người nào hỏi nhưng lão không trả lời. Lúc này, lão còn để hết tinh thần vào cái gói bánh như nhà mường đời độc đỉnh nâng niu con, không chú ý đến gì nữa. Lão sẽ mang cái gói này về nhà, đem sinh mệnh lại cho con lão, và lão sẽ sung sướng biết bao!

Mặt trời đã mọc, chiếu sáng con đường lớn đi về nhà lão, và cũng chiếu sáng cái bảng mục nát trên cái nhà bia ở ngã ba đường sau lưng lão, có đề bốn chữ thếp vàng đã nhạt màu: Cỗ... đình khẩu.¹⁷

II.

Lão Thuyên về đến nhà thì quán hàng đã bày biện sạch sẽ, các dãy bàn trơn bóng sắp đặt ngăn nắp. Nhưng không có khách, chỉ có thằng Thuyên đang ngồi ăn cơm ở cái bàn ở dãy phía trong, mồ hôi trán nhỏ từng giọt to tướng, chiếc áo kép dính vào xương sống, hai xương vai gồ lên thành chữ "bát" in nổi. Thấy vậy, lão không khỏi chau mày. Bà Hoa từ trong bếp vội vã chạy ra, gương to mắt, nói, đôi môi run run:

- Có được không?

- Được rồi!

Hai người cùng trở vào bếp, bàn bạc một hồi. Bà Hoa lại đi ra, một lát cầm một cánh lá sen già, cầm chiếc bánh dấm máu, lấy lá sen bọc lại. Thằng Thuyên đã ăn xong. Bà Hoa vội nói:

- Thuyên, con cứ ngồi đấy, đừng vào trong này!

Lão Thuyên vừa thổi lửa trong bếp, vừa cầm cái gói lá xanh và cái chao đèn rách nát loang lổ máu, dúi vào bếp. Ngọn lửa đỏ sẫm bốc lên. Một mùi thơm quái lạ tràn ngập cả quán trà.

- Thơm ghê nhỉ! Hai bác ăn quà sáng gì đấy?

Cậu Năm Gù đi vào. Cậu ta ngày nào cũng lê la ở cái quán này, thường đến sớm nhất mà cũng về muộn hơn ai hết. Vừa đi vào, cậu ta liền ngồi vào cái bàn ở góc tường phía ngoài gần đường cái, hỏi ngay. Nhưng không ai trả lời.

- Rang cơm đấy à?

Vẫn không ai trả lời. Lão Thuyên vội vàng chạy ra, pha trà cho cậu.

- Thuyên ơi! Vào đây con!

Bà Hoa gọi con vào nhà trong, giữa nhà đặt sẵn một chiếc ghế đầu. Thuyên ngồi xuống. Bà ta bung một cái đĩa lại, trên đĩa có vật gì tròn tròn, đen thui, nói rất khẽ:

- Ăn đi con! Sẽ khỏi ngay thôi!...

Thuyên cầm lấy vật đen thui, nhìn một lúc, có cảm giác rất lạ không biết thế nào mà nói, như đang cầm tính mệnh của chính mình trong tay. Y bẻ đôi ra, rất cẩn thận. Một làn hơi trắng bốc ra từ làn vỏ cháy sém. Làn hơi tan dần, mới thấy đó là hai nửa miếng bánh bao bằng bột mì trắng. Không bao lâu, chiếc bánh đã nằm gọn trong bụng, mùi vị như thế nào thì cũng đã quên rồi. Trước mặt chỉ còn trơ lại chiếc đĩa không, lão

Thuyên đứng một bên, bà Hoa đứng một bên, trố mắt nhìn con như muốn rót vào người con một cái gì, đồng thời cũng muốn lấy ra một cái gì. Thuyên nghe tim mình đập mạnh không sao cầm nổi, đưa tay vuốt ngực. Lại một cơn ho.

- Thôi con đi ngủ một giấc, sẽ khỏi ngay!

Thuyên nghe lời mẹ, vừa ho vừa nằm xuống. Đợi nghe tiếng thở đều đều, bà Hoa mới nhẹ nhàng lấy chiếc mền kép vá chằng chịt đắp cho con.

III.

Quán trà đã đông khách. Lão Thuyên cũng bận, tay xách chiếc ấm đồng lớn, đi đi lại lại, pha trà. Hai mắt lão thâm quầng.

Một người râu hoa râm nói:

- Ông Thuyên à! Một phải không? Hay là ốm đấy?

- Có làm sao đâu!

Người râu hoa râm chữa lời:

- Không sao à? Ừ, nghe tiếng cười thì không ra người ốm!

- Chỉ vì ông ta lặn độn quá! Giá thằng con...

Cậu Năm Gù chưa dứt lời thì một người mặt thịt ngang phè từ ngoài đâm sầm vào. Hắn mặc chiếc áo vải màu huyền, không gài khuy. Dải thắt lưng cũng màu huyền cuốn ở ngoài, xộc xệch. Vừa vào, đã nói oang oang:

- Đã ăn chưa? Đỡ rồi chứ? Ông Thuyên này! May phúc cho nhà ông đấy nhé! Phúc nhà ông, đấy là nhờ tôi biết tin sớm...

Lão Thuyên một tay xách ấm trà, một tay buông xuống vể cung kính, cười hề hề, lắng tai nghe hắn nói. Cả quán cũng cung kính lắng tai nghe hắn nói. Bà Hoa mắt cũng thâm quầng, tươi cười, mang đến trước mặt hắn một cái chén và một nhúm trà và thêm vào một quả trám. Lão Thuyên liền đem nước sôi lại chế.

Người mặt thịt ngang phè vẫn nói oang oang:

- Cam đoan thế nào cũng khỏi. Thứ thuốc này đặc biệt lắm. Ông tính lấy về còn nóng hôi hổi, và ăn cũng còn nóng hôi hổi.

Bà Hoa cảm ơn hắn hết lời:

- Thật đấy! Không có bác Cả Khang đây giúp cho thì đừng có hòng...

- Cam đoan thế nào cũng khỏi. Ăn còn nóng hôi hổi thế kia mà! Bánh bao tẩm máu người như thế, lao gì ăn mà chẳng khỏi.

Bà Hoa nghe nói đến "lao", sắc mặt hơi đổi khác, ý không được vui, có điều cũng gượng cười, bỏ đi, ngượng nghịu. Nhưng bác Cả Khang

không để ý đến, cứ giương cổ nói oang oang, đến nỗi thằng Thuyên nằm ngủ trong nhà cũng phải ho lên như phụ họa theo.

- Ừ, thằng Thuyên nhà ông may phúc thật! Nhất định khỏi thôi mà! Chẳng trách ông cứ cười cả ngày!

Người râu hoa râu vừa nói vừa đi lại trước mặt bác Cả Khang, hạ thấp giọng nói:

- Bác Cả này! Nghe nói tên phạm chém hôm nay là người họ Hạ. Con nhà ai đấy nhỉ? Tội gì thế hở bác?

- Con nhà ai nữa! Con nhà bác Tứ chứ con nhà ai! Thằng quỷ sứ!

Bác Cả Khang thấy mọi người vểnh tai nghe, lấy làm thú lắm, những thở thít trên mặt nổi từng cục. Bác ta cao hứng nói càng to:

- Cái thằng nhãi con ấy không muốn sống nữa, thế thôi. Lần này tó chẳng nước mẹ gì. Đến cái áo nó cởi ra cũng lão Nghĩa, cái lão đề lao, mắt đỏ như mắt cá chép ấy, lấy mất. May nhất có thể nói là ông Thuyên nhà này, thứ đến là cụ Ba. Cụ ta được thưởng hai mươi lạng bạc trắng xóa, một mình bỏ túi tất, chẳng mất cho ai một đồng kẽm.

Thằng Thuyên từ trong nhà đi ra, bước chậm chạp, hai tay ôm ngực, ho lấy ho để. Y vào bếp, xúc một bát cơm nguội chan ít nước nóng, ngồi ăn. Bà Hoa bước theo con, khẽ hỏi:

- Thuyên! Con có đỡ tí nào không, con? Con vẫn cứ hay đói bụng thế à?

- Cam đoan khỏi mà!

Bác Cả Khang liếc nhìn thằng Thuyên một cái, rồi quay lại, tiếp tục câu chuyện với mọi người.

- Cụ Ba đến là khôn! Giá cụ ta không đem thằng cháu ra thú thì cả nhà mất đầu hết. Nay thì được bao nhiêu là bạc! Còn cái thằng nhãi con ấy thì chẳng ra cái thá gì hết. Nằm trong tù rồi mà còn dám rủ lão đề lao làm giặc!

Một anh chàng trạc hơn hai mươi tuổi ngồi dãy bàn sau, nghe nói tức máu:

- Ái chà chà! Ghê nhỉ!

- Anh có biết không, lão Nghĩa mắt cá chép đến lân la hỏi dò hần thì hần bắt chuyện ngay. Hần nói: Thiên hạ nhà Mãn Thanh chính là của chúng ta.¹⁸ Thử nghĩ xem, nói thế mà nói được à? Lão Nghĩa mắt cá chép cũng biết nhà hần chỉ có mẹ già, nhưng không ngờ hần lại nghèo gặm không ra đến như thế, đã tức anh ách rồi, thế mà hần lại còn vuốt râu cọp, nên lão ta liền đánh cho hai bạt tai.

Cậu Năm Gù ngồi ở góc tường, nghe nói, thú quá:

- Lão Nghĩa là tay võ rất cừ, hai cái tát ấy cũng đủ cho hần ta xài đấy nhĩ.

- Cái thằng khốn nạn! Đánh, có sợ đâu! Lại còn nói: Thật đáng thương hại, thật đáng thương hại!

Người râu hoa râu nói:

- Đánh cái đồ ấy, thương hại cái gì?

Bác Cả Khang tỏ vẻ khinh bỉ, cười nhạt:

- Ông chưa nghe ra, xem bộ mặt hần lúc đó, thì hần muốn nói: đáng thương hại, là lão Nghĩa đáng thương hại kia!

Mặt ai nấy bỗng ngơ ngác. Không ai nói gì cả.

Thằng Thuyền đã ăn cơm xong, mồ hôi ướt đầm, trên đầu hơi bốc phùng phùng.

Người râu hoa râu võ nhẽ, nói:

- Lão Nghĩa mà đáng thương hại à? Điên! Hần điên thật rồi!

Anh chàng hai mươi tuổi cũng võ nhẽ:

- Điên thật rồi!

Khách trong quán lại nhao nhao lên, nói nói cười cười. Thằng Thuyền cũng thừa dịp ho cổ mạng. Bác Cả Khang chạy lại, vỗ vai, nói:

- Thuyền à! Cam đoan thế nào mà cũng khỏi. Mà đừng ho như thế. Cam đoan thế nào cũng khỏi.

Cậu Năm gật gù nói:

- Điên thật rồi!

IV.

Miếng đất dọc chân thành phía ngoài cửa Tây vốn là đất công. Ở giữa có con đường nhỏ hẹp, cong queo, do những người hay đi tắt giẫm mãi thành đường. Đó cũng lại là cái ranh giới tự nhiên giữa nghĩa địa những người chết chém hoặc chết tù, ở phía tay trái, và nghĩa địa những người nghèo ở về phía tay phải. Cả hai nơi, mộ dày khít, lớp này lớp khác, như bánh bao nhà giàu ngày mừng thọ.

Tiết Thanh minh năm ấy, trời lạnh lắm. Những cây dương liễu mới đâm ra được những mầm non bằng nửa hạt gạo. Trời vừa rạng đã thấy bà Hoa bày ra trước nắm mộ mới đắp, bên phải đường mòn, một bát cơm, bốn đĩa thức ăn, rồi khóc một hồi. Đốt xong thếp vàng giấy, bà ta ngồi bệt xuống đất, ngẩn ngơ như đang chờ đợi cái gì. Chính bà ta cũng chẳng biết bà ta chờ đợi cái gì nữa. Gió hiu hiu thổi vào mớ tóc cắt ngắn của bà ta, so với năm ngoái chắc là bạc nhiều lắm rồi.

Lại một người đàn bà khác đang đi dọc đường mòn, tóc cũng bạc già nửa, áo quần rách rưới, tay xách chiếc giỏ tròn sơn đỏ, cũ nát, phía ngoài giắt thếp vàng giấy, cứ đi ba bước, lại đứng dừng lại. Chợt thấy bà Hoa ngồi bệt giữa đất đang nhìn mình thì bà kia ngập ngừng không dám bước tới nữa, sắc mặt xanh xao bỗng hơi đỏ lên vì xấu hổ, nhưng rồi cũng đánh liều đi tới trước nắm mộ bên trái đường mòn, đặt chiếc giỏ xuống.

Nắm mộ này với nắm mộ thằng Thuyên nằm cùng một hàng, chỉ cách con đường mòn ở giữa. Thấy bà kia cũng bày ra một bát cơm, bốn đĩa thức ăn, đứng khóc một hồi, rồi đốt vàng, thì bà Hoa trong bụng nghĩ thầm: "Chắc cũng là con chết!" Bà kia nhìn vợ vẫn xung quanh một lát, bỗng tay chân run lên, rồi loạng choạng lùi lại mấy bước, mắt trợn trừng, ngơ ngác.

Thấy thế, bà Hoa sợ bà kia thương con quá phát điên chẳng, cầm lòng không đậu, bèn đứng dậy, bước sang bên kia đường mòn, khẽ nói:

- Bà ơi! Thôi mà, thương xót làm chi nữa! Ta về đi thôi!

Bà kia hơi gật đầu, nhưng mắt vẫn trừng trừng rồi ấp úng nói khe khẽ:

- Kìa... bà trông kìa kìa, cái gì thế này?

Bà Hoa nhìn theo ngón tay chỉ, thấy nắm mộ trước mặt, cỏ xanh khắp, còn loang lỗ từng mẩu đất vàng khè rất khó coi; lại nhìn kỹ phía trên, bất giác giật mình. Rõ ràng có một vòng hoa, hoa trắng hoa hồng xen lẫn nhau, nằm khoanh trên nắm mộ khum khum.

Cả hai bà, mắt lòa từ lâu rồi, nhưng nhìn những cánh hoa trắng hoa hồng kia thì còn thấy rõ. Hoa không nhiều lắm, xếp thành vòng tròn tròn, không lấy gì làm đẹp, nhưng cũng chỉnh tề.¹⁹ Bà Hoa vội nhìn về phía mộ con mình và những nắm mộ khác xung quanh, chỉ thấy lác đác vài nụ hoa bé tí, trắng trắng, xanh xanh, tuy trời giá lạnh nhưng cũng chưa tàn. Bà ta bỗng thấy lòng trống trải, không thỏa, nhưng rồi cũng không muốn suy nghĩ thêm. Bà kia bước lại gần mộ con, nhìn kỹ một lượt, rồi nói một mình: "Hoa không có gốc, không phải dưới đất mọc lên! Ai đã đến đây? Trẻ con không thể đến chơi. Bà con họ hàng nhất định là không ai đến rồi!... Thế này là thế nào?" Nghĩ rồi lại nghĩ, bỗng nước mắt trào ra, bà ta khóc to.

- Du ơi! Oan con lắm Du ơi! Chắc con không quên được, và con đau lòng lắm, phải không con? Con hiển hiện lên cho mẹ biết, con ơi!

Bà ta nhìn xung quanh, chỉ thấy một con quạ đen đậu trên cành khô trụi lá. Rồi lại khóc:

- Mẹ biết rồi! Du ơi! Trời còn có mắt, chúng nó giết con thì trời sẽ báo hại chúng nó thôi! Du ơi! Con nhắm mắt thế cũng yên phận con. Hồn con còn ở đâu đây thì hãy nghe lời mẹ nói. Con ứng vào con quạ kia, đến đậu vào nắm mộ con cho mẹ xem, con ơi!

Gió đã tắt. Những ngọn cỏ khô đứng thẳng tắp như những sợi dây đồng. Một tiếng rên rỉ run run đưa lên giữa không trung, nhỏ dần, nhỏ dần, rồi tắt hẳn. Xung quanh vắng lặng như tờ. Hai bà già đứng giữa đám cỏ khô, ngược mắt nhìn con quạ. Con quạ vẫn đậu trên cành khô trụi lá, rụt cổ lại, im lìm như đúc bằng sắt.

Một lúc lâu, người đi viếng càng đông. Bóng kẻ già người trẻ thấp thoáng giữa các nấm mộ.

Không hiểu sao, bà Hoa cảm thấy người nhẹ đi như cất được gánh nặng. Bà ta nghĩ đến chuyện về, khuyên giải bà kia:

- Ta về đi thôi!

Bà kia thở dài một cái, uể oải thu dọn bát đĩa, lại chần chừ một lúc, rồi cũng chậm rãi bước đi, lẩm bẩm nói một mình:

- Thế là thế nào nhỉ?

Hai bà đi, chưa được vài chục bước, bỗng nghe sau lưng một tiếng "Cọ... ạt" rất to. Hai bà giật mình, ngoảnh lại, thì thấy con quạ xòe đôi cánh, nhún mình, rồi như một mũi tên, vút bay thẳng về phía chân trời xa.

Tháng 4 năm 1919
(TRƯƠNG CHÍNH dịch)

Ghi chú:

Thuốc đăng lần đầu tiên trên tạp chí *Tân thanh niên* số tháng 5 năm 1919. Hạ Du nhân vật trong truyện, ám chỉ nữ sĩ Thu Cận, một nhà cách mạng cuối đời Thanh, bị hại sau Từ Tích Lân, ngay ở phủ Thiệu Hưng, tỉnh Chiết Giang, quê tác giả. Chỗ Thu Cận bị hành hình là con đường Hiên đình khẩu, nội thành Thiệu Hưng. Cạnh đường có một nhà bia, trên có treo cái biển đề bốn chữ "*Cố hiên đình khẩu*". Bốn chữ này, đoạn sau có nhắc tới, Thu Cận và Từ Tích Lân đều là người Thiệu Hưng, cùng quê với Lỗ Tấn, cùng lưu học ở Nhật Bản với Lỗ Tấn. Trong bài *Anh Phạm ái Nông* (*Nhật cánh hoa tàn* - Tạp văn, tập II - Nhà xuất bản Văn học) có một đoạn nói: "Sau khi du học về nước, anh (Phạm ái Nông) làm hậu bổ đạo An Huy, phụ trách tuần cảnh, một địa vị rất thích hợp để mưu sát tên tuần vũ nọ. Tiếp theo đó, mọi người đều đoán là anh sẽ bị cực hình. họ hàng sẽ bị liên lụy. Không bao lâu, lại có tin chị Thu Cận bị giết ở Thiệu Hưng. ông Từ Tích Lân thì bị moi gan, bọn lính tay chân của Ân Minh xào lên ăn sạch. Ai cũng hết sức giận".

NGÀY MAI

- Không nghe động tĩnh gì cả. Chẳng biết thằng bé thế nào rồi?

Củng mũi đỏ tay cầm chén rượu hoàng tửu, vừa nói vừa trề môi về phía gian nhà bên cạnh. Năm da chàm liền đặt chén rượu của y xuống, ráng sức đâm một cái thật mạnh vào sống lưng Củng mũi đỏ, nói ấp a ấp úng:

- Đẳng ấy... lại tương tự đấy à...?

Lỗ Trấn vốn là nơi hẻo lánh, còn giữ ít thói tục cổ: chưa hết canh một, người ta đã đóng cửa đi ngủ rồi. Chỉ có hai nhà thức khuya nhất, một là quán rượu Hàm Hanh, mấy tay bạn bè rượu thịt với nhau còn vây lấy cái quầy, đánh chén thú vị lắm; nhà nữa là nhà chị Tư Thiên ở gian bên cạnh. Chị góa chồng năm kia, ở vậy, phải nhờ vào hai bàn tay kéo sợi mà nuôi thân và nuôi đứa con trai lên ba, nên cũng ngủ muộn.

Mấy hôm nay, quả không nghe thấy tiếng chị quay sợi thật. Đã nói chỉ có hai nhà thức khuya, nên bên chị Tư động tĩnh gì tự nhiên bọn Củng mũi đỏ biết, mà không động tĩnh gì, bọn Củng mũi đỏ cũng biết.

Củng bị đâm, nhưng vẫn nốc một ngụm rượu to tướng, vẻ khoan khoái lắm, rồi hát một bài hát tuồng, giọng ồ ồ.

Lúc đó chị Tư đang ngồi ở mé giường ầm thằng Báu trong tay, cái xa quay lạng lẽ nằm dưới đất. Ánh đèn mờ mờ chiếu vào mặt đứa bé. Mặt đứa bé đỏ gay, nhưng nước da vẫn thấy xanh xanh. Chị nghĩ thầm trong bụng: "Xăm cũng đã xin rồi, cầu nguyện cũng đã cầu nguyện rồi, thuốc cũng đã cho uống rồi, vẫn không có hiệu quả, thì làm thế nào? Chỉ còn cách đi đến nhà cụ Hồ Tiểu Tiên nhờ cụ bắt mạch cho xem sao". Nhưng bệnh thằng Báu có lẽ nặng về ban đêm. Cứ đến sáng, mặt trời mọc là cơn sốt cũng lui, hơi thở cũng bình thường: thực ra con bệnh nào thường chẳng thế!

Chị Tư là đàn bà quê mùa, không biết rằng chữ "nhưng" là đáng sợ lắm. Bao nhiêu việc xấu nhờ nó mà trở thành tốt; trái lại bao nhiêu việc tốt cũng vì nó mà không ra gì. Mùa hè đêm ngắn, tiếng hát Củng mũi đỏ dứt chưa bao lâu, thì đặng đông đã rạng. Một lát, ánh sáng trắng như bạc đã rọi qua khe cửa sổ.

Chị Tư Thiên chờ cho trời sáng; người khác thấy chóng, nhưng chị thì thấy sao mà lâu thế! Thời gian chẳng Báu thở ra thở vào được một cái, chị thấy dài hơn một năm. Bây giờ thì trời đã sáng hẳn rồi. Ánh mặt trời át hẳn ánh đèn, trông thấy rõ hai cánh mũi đưa bé cứ phập phồng theo hơi thở.

Chị Tư biết là không hay, khẽ kêu một tiếng: "Chao ôi!" Chị nghĩ trong bụng: "Làm thế nào bây giờ? Chỉ còn cách là đến nhờ cụ Hà xem mạch cho nữa thôi!". Chị là người quê mùa, nhưng tính cũng cương quyết. Chị đứng dậy, lấy trong hòm gỗ ra mười ba đồng hào và một trăm tám mươi đồng trinh, dành dụm bao nhiêu lâu nay, bỏ cả vào túi áo, khóa cửa lại, ẵm con đi đến nhà cụ Hà.

Còn sớm lắm mà nhà cụ Hà đã có bốn con bệnh đến ngồi chực đấy rồi. Chị Tư lấy ra bốn hào mua một chiếc thẻ. Thẻ thứ năm đến lượt thằng Báu. Cụ Hà đưa hai ngón tay ra bắt mạch, móng tay dài có đến bốn tấc. Chị lấy làm lạ lắm, nghĩ bụng: "Thằng Báu chắc không mệnh hệ gì!" Nhưng chị vẫn không khỏi nóng ruột, không được, phải hỏi cho rõ. Chị rụt rè nói:

- Thưa cụ, cháu mắc bệnh gì ạ?
- Nó nghệt ở trung tiêu.²⁰
- Có hề gì không ạ? Cháu nó...
- Hãy thử uống hai chén xem sao đã.
- Thưa, cháu nó thở khó khăn lắm. Hai cánh mũi cứ phập phồng.
- Đó là vì hoả khắc kim...²¹

Cụ Hà chưa nói dứt câu, đã nhắm mắt lại. Chị Tư cũng không dám hỏi thêm nữa. Lúc đó, một người trạc ba mươi tuổi ngồi đối diện với cụ, đã viết xong đơn thuốc, chỉ tay vào mấy chữ ở góc tờ giấy, nói:

- Cái vị thứ nhất, Bảo anh hoạt mệnh hoàn này, phải lại đăng hiệu Tế Thế của nhà cụ Giả mới có đấy!

Chị Tư cầm đơn thuốc trong tay vừa đi vừa nghĩ. Chị là người quê mùa, nhưng cũng biết nhà cụ Hà, hiệu thuốc Tế Thế và nhà chị ở xéo nhau trên một hình tam giác. Từ nhà cụ Hà đi qua hiệu Tế Thế mua thuốc, rồi từ đó về nhà cũng tiện đường. Thế là chị đi thẳng đến hiệu Tế Thế. Người bán thuốc, móng tay cũng dài, thư thả xem đơn, thư thả gói thuốc. Chị Tư ẵm con, đứng đợi. Thằng Báu giơ tay lên, nắm lấy đầu tóc rối bù của nó mà bứt lấy bứt để. Chưa bao giờ lại như thế này! Chị Tư sợ ngẩn người.

Mặt trời mọc từ lâu. Chị ẵm con, cầm gói thuốc, càng đi càng thấy nặng. Đứa bé cứ cựa quậy mãi, đường lại càng thấy xa. Không biết làm sao, chị đành ngồi xuống bậc cửa một cái điểm cạnh đường, nghỉ một lát, thấy áo dính vào da lạnh lạnh mới biết là mồ hôi ra ướt đầm. Nhưng hình như thằng Báu đã ngủ thiếp đi rồi. Chị lại đứng dậy đi, bước chậm rãi, vẫn thấy không gắng gượng được nữa. Bỗng nghe tiếng người nào đó nói bên tai:

- Chị Tư, đưa cháu tôi ẵm cho một đoạn nào!

Tiếng ai như tiếng Năm da chàm.

Chị ngược nhìn lên. Đúng là Năm da chàm. Y bước theo chị, mắt còn ngái ngủ.

Lúc bấy giờ, chị Tư tuy đang rất mong mỏi có vị thiên tướng nào trên trời sai xuống giúp chị một tay, nhưng chị lại không muốn người đó là anh Năm. Nhưng anh Năm hào hiệp lắm, dù thế nào cũng cứ nhất định giúp chị kỳ được. Cho nên chị từ chối một hồi, rốt cuộc phải đưa con cho anh ẵm hộ.

Y luồn tay vào giữa người đứa bé và vú chị, rồi thẳng tay ra, ẵm lấy đứa bé. Chị cảm thấy vú chị nóng bừng, tức thì tai, mặt cũng nóng bừng.

Hai người cùng đi, cách nhau một khoảng chừng hai thước năm. Anh Năm nói gì gì, chị Tư câu đáp, câu không. Đi một chặng, y lại trả đứa bé cho chị, nói hôm qua có người bạn hẹn đi đánh chén, đã đến giờ rồi. Chị Tư ẵm lấy con. May, một quãng nữa thì tới nhà. Từ đằng xa, chị đã thấy bà Chín Vương nhà trước cửa đang ngồi bên lề đường, nói vọng tới:

- Chị Tư! Cháu thế nào? Có gặp cụ không?

- Gặp thì gặp rồi! Nhưng bà này! Bà là người tuổi tác từng trải. Hay là bà có kinh nghiệm, nhờ bà xem giùm cho cháu một tí.

- Ờ.

- Thế nào bà?

- Ờ...

Bà Chín nhìn kỹ đứa bé một lúc, gật gật đầu, rồi lắc lắc đầu.

Khi thằng Báu uống thuốc thì đã xế trưa. Chị Tư để ý nhìn thần sắc con, hình như cũng có tỉnh táo ra nhiều. Đến chiều, đứa bé bỗng trợn mắt lên, gọi "mẹ" một tiếng, rồi lại nhắm mắt lại như ngủ thiếp đi. Nó ngủ một lát, mồ hôi hột đổ ra lấm tấm trên trán và đầu mũi. Chị đưa tay sờ con, nhẹ nhẹ, thấy nhớt như keo. Chị vội sờ xuống ngực con, cảm lòng không đập, khóc nức lên.

Thằng Báu đang thở bình thường bỗng dừng tắt thở. Chị Tư lúc đầu còn nức nở, sau thì gào lên. Người ta xúm lại. Đứng trong nhà, có bà Chín Vương, Năm da chàm... Đứng ngoài nhà, có lão chủ quán Hàm Hanh, Củng mũi đỏ... Bà Chín bảo đốt một thếp vàng giấy, rồi thay chị Tư lấy hai bộ ghế ngựa và năm bộ quần áo đem đi cầm được hai đồng bạc, biếu cơm nước cho những người đến giúp việc.

Vấn đề thứ nhất là quan tài. Chị Tư còn có một đôi hoa tai bạc và một chiếc trâm bạc mạ vàng, giao cả cho lão chủ quán Hàm Hanh, nhờ lão ta đứng ra bảo lãnh, mua một cỗ quan tài, trả được nửa tiền mặt, một nửa chịu, Năm da chàm cũng đứng ra nhận đi mua giúp. Nhưng bà Chín không cho mà chỉ cắt y ngày mai khiêng quan tài. Năm da chàm rửa mặt một tiếng: "Khỉ già!" rồi trề môi đứng đấy, tức tối.

Lão chủ quán đi một mình. Chiều trở về nói là quan tài không có sẵn, phải đóng, nửa đêm gần sáng mới xong.

Khi lão chủ quán trở về thì những người giúp việc đã ăn cơm rồi. Lỗ Trấn còn giữ được ít thói tục cổ, nên chưa hết canh một, ai nấy đã về nhà ngủ. Chỉ còn Năm da chàm đang đứng tựa vào quầy quán Hàm Hanh uống rượu. Củng mũi đỏ cũng đứng đấy, hát giọng ồ ồ.

Lúc đó, chị Tư ngồi ở mép giường, khóc, còn thằng Báu thì nằm trên giường, cái xa quay vẫn lặng lẽ nằm dưới đất.

Một hồi lâu, khóc hết cả nước mắt, chị giương to mắt nhìn xung quanh lấy làm quái lạ: Những việc đã xảy ra đều là những việc không thể xảy ra được. Chị nghĩ bụng: "Mình chiêm bao chăng? Những việc xảy ra kia đều là chiêm bao cả. Sáng mai, thức dậy, chắc mình vẫn sẽ nằm trên giường mà thằng Báu vẫn nằm ngủ yên lành cạnh mình. Nó cũng sẽ thức dậy, gọi "Mẹ ơi!" rồi thoăn thoắt chạy đi chơi".

Tiếng hát của Củng mũi đỏ dứt từ lâu. Quán Hàm Hanh cũng đã tắt đèn. Chị Tư giương to mắt, vẫn không tin những việc xảy ra là thực. Gà gáy. Đàng đông, trời rạng dần. Ánh sáng ban mai trắng bạc lọt qua khe cửa sổ.

Ánh sáng ban mai lúc đầu màu trắng bạc, dần dần chuyển sang màu đỏ nhạt. Rồi mặt trời rọi thẳng vào nóc nhà. Chị Tư mắt trừng trừng, ngồi thừ ra. Nghe tiếng gõ cửa, chị mới giật mình chạy ra mở. Một người lạ mặt, vác một cái gì đứng đấy, phía sau là bà Chín Vương.

Ơ, họ vác quan tài đến rồi!

Đến chiều, mới dậy được nắp quan tài, bởi vì chị Tư khóc một lúc, lại nhìn vào quan tài một lúc, nhất định không chịu cho dậy. Chờ mãi sốt

ruột, bà Chín tức bực, chạy đến kéo chị ra, lúc đó mới vội vã đẩy lại được.

Chị Tư lo liệu cho con quả thật là đã hết lòng, không còn thiếu sót tí gì. Hôm qua đốt một thếp vàng giấy, sáng nay lại đốt bốn mươi chín quyển Đại bi chú,²² khi nhập liệm đã mặc quần áo mới cho con; những đồ chơi ngày thường con ham thích - một ông phỗng đất, hai chiếc bát gỗ nhỏ, hai ve thủy tinh - chị đều để cạnh gối cho con. Sau đó, bà Chín Vương còn bấm đốt tay tính kỹ, chẳng thấy thiếu gì nữa. Suốt cả ngày hôm đó, Năm da chàm không đến. Lão chủ quán Hàm Hanh thuê giùm cho chị Tư hai người, mỗi người hai quan một, đưa quan tài ra nghĩa địa. Bà Chín lại giúp chị nấu cơm. Phàm những ai có mớ tay vào việc hoặc có mở miệng bày vẽ cho chị cái này cái nọ đều ăn cơm tất. Dần dần mặt trời có vẻ sắp lặn. Những người ăn cơm bất giác cũng có vẻ muốn về. Thế rồi họ ra về cả.

Chị Tư thấy đầu choáng váng. Nghỉ một lúc, chị lại thấy bình thường. Nhưng sau đó, chị lại lấy làm quái lạ: Việc vừa mới xảy ra, trong đời chị chưa hề gặp, hình như không thể xảy ra được, thế mà quả thật đã xảy ra. Chị càng nghĩ càng sửng sốt. Rồi chị lại thấy một việc khác cũng lạ nữa, là cái gian nhà chị ở sao bỗng vắng vẻ thế này!

Chị đứng dậy tắt đèn. Gian nhà càng thấy vắng vẻ. Thẩn thờ, chị đi đóng cửa lại, trở vào ngồi ở mép giường. Cái xa quay vẫn lặng lẽ nằm dưới đất. Chị định thần nhìn xung quanh, càng cảm thấy không sao đứng ngồi cho yên được. Gian nhà không những vắng vẻ quá, mà lại to lớn, trống trải nữa. Chị cảm thấy cái gian nhà to lớn, trống trải đó vây lấy chị, đè lên người chị, làm chị không thở được.

Bây giờ chị mới chắc chắn là thằng Báu của chị đã chết thật rồi. Không muốn ngồi nhìn gian nhà này nữa, chị thối tắt đèn, đi nằm. Chị vừa khóc, vừa nghĩ. Nhớ lại hồi nào, chị ngồi kéo sợi, thằng Báu ngồi cạnh ăn đậu hời hương, nó giương cặp mắt bé tí, đen láy nhìn chị một lúc lâu, rồi nói:

- Mẹ ơi! Bố bán bánh rán, con lớn lên cũng bán bánh rán. Bán được thật nhiều tiền, con đưa về cho mẹ cả.

Đối với chị, lúc đó, mỗi tắc sợi kéo ra hình như đều có ý nghĩa, đều có linh hồn. Nhưng bây giờ thì thế nào? Điều đó, chị quả thực không nghĩ ra được như thế nào cả. Tôi đã nói, chị là một người đàn bà quê mùa, chị có nghĩ được ra thế nào đâu! Chị chỉ thấy gian nhà vắng vẻ quá, to lớn quá, trống trải quá.

Nhưng mặc dầu chị Tư quê mùa, chứ chị cũng biết chết rồi thì không thể sống lại được, và chị không thể thấy lại thằng Báu của chị nữa. Chị thở dài, lẩm bẩm một mình: "Báu ơi! Hồn con còn vất vưởng đâu đây thì con hiện lên trong chiêm bao cho mẹ được gặp mặt con, con ơi!" Thế rồi, chị nhắm mắt lại, muốn ngủ ngay để được trông thấy mặt thằng Báu của chị. Chị nghe rõ tiếng thở khò khè của mình trong gian nhà vắng vẻ, to lớn, trống trải.

Cuối cùng, chị Tư mơ mơ màng màng trong giấc mộng. Gian nhà vắng lặng. Lúc đó Cung mũi đỏ cũng đã hát xong bài hát của y từ lâu. Y loạng choạng bước ra khỏi quán rượu Hàm Hanh, lại rướn cổ lên, hát nữa:

-Của oan gia... ừ ừ... thương thay! Vò vò một mình!

Năm da chàm đưa tay nắm vai y, hai người vừa cười vừa thất thểu bước đi.

Chị Tư đã ngủ từ lâu rồi. Cung và Năm đã đi về rồi. Quán rượu Hàm Hanh cũng đã đóng cửa rồi. Cả Lỗ Trấn lúc đó đắm chìm trong vắng lặng. Trong cảnh vắng lặng đó, chỉ còn lại cái đêm trường đang chuyển mình để trở thành ánh sáng của ngày mai. Ngoài ra, có mấy con chó nằm trong bóng tối cũng sủa gâu gâu.

Tháng 6 năm 1920

MẪU CHUYỆN NHỎ

Tôi bỏ quê nhà lên Bắc Kinh thăm thoát đã sáu năm rồi. Trong thời gian đó, những việc gọi là "quốc gia đại sự" mắt thấy tai nghe, kể cũng không phải ít, nhưng chẳng để lại một tí dấu vết nào trong lòng tôi cả. Giá bảo tìm xem có ảnh hưởng gì đến tôi không thì phải nói, chỉ làm cho tôi càng thêm gàn dở, mà thành thực hơn thì phải nói, chỉ làm cho tôi càng thêm khinh người.

Nhưng có một việc tầm thường đối với tôi lại có ý nghĩa, khiến tôi phải bỏ tính gàn dở đi, và cho đến nay, vẫn không hề quên.

Ấy là vào mùa đông năm Dân quốc thứ 6.²³ Gió bắc thổi mạnh lắm, nhưng vì sinh kế, vừa sáng sớm, tôi đã phải ra đường. Dọc đường, hầu như không gặp ai cả. Vất vả lắm mới thuê được một chiếc xe kéo, bảo kéo đến cửa S. Một lát, gió dịu dần. Mặt đường không còn một hạt bụi, sạch bóng, trắng xóa. Anh xe chạy càng nhanh. Gần đến cửa S., bỗng một người nào đó vướng phải càng xe, rồi ngã dần dần xuống.

Đó là một người đàn bà, tóc hoa râm, áo quần rách rưới. Bà ta từ bên kia lề đường thình lình chạy qua chiếc xe, anh xe đã tránh rồi, nhưng cái áo bông bà ta không gài khuy, gió thổi lật lên, vướng vào càng xe. May mà anh xe đã bước chậm lại rồi, không thì đã ngã lộn nhào đến vỡ đầu mắt!

Bà ta vẫn nằm phục dưới đất, anh xe cũng vừa dừng lại. Tôi đoán bà ta chẳng bị thương tích gì, vả có cũng không trông thấy. Tôi trách anh xe đến đa sự, tự chuốc lấy việc lôi thôi vào mình làm tôi phải đi trễ.

Tôi nói:

- Không việc gì đâu mà! Kéo đi thôi!

Anh xe chẳng để ý lời tôi nói, hoặc giả không nghe thấy chẳng, cứ đặt xe xuống, đi lại dìu bà kia dậy, đỡ lấy cánh tay cho bà ta đứng vững, rồi hỏi:

- Có làm sao không?

- Ngã đau lắm.

Tôi nghĩ bụng: "Chính mắt tôi trông thấy bà ngã dần dần xuống kia mà, làm sao lại có thể đau được! Chỉ được cái làm bộ thôi. Thật đáng

ghét. Còn anh, cũng đa sự, tự chuốc lấy phiền não vào thân, bây giờ mặc kệ anh, anh xoay xở lấy".

Anh xe nghe bà kia nói như thế, nhưng không chần chừ tí nào, vẫn đỡ lấy cánh tay bà ta, dìu đi từng bước một về phía trước. Tôi hơi lấy làm ngạc nhiên, vội nhìn về phía trước. Thì ra, phía trước là một cái đồn cảnh sát. Sau trận gió lớn, không thấy ai đứng gác ở ngoài. Chính anh xe đang dìu bà đi tới cổng cái đồn ấy.

Lúc bấy giờ, tôi vụt có một cảm giác rất lạ: cái bóng anh xe, người đầy cát bụi kia, nhìn từ phía sau, bỗng to dần ra. Anh càng bước tới, cái bóng càng to thêm, phải ngước lên mới nhìn thấy được, và dần dần cơ hồ biến thành một sức nặng đè lên người tôi đến nỗi làm cho cái "thằng tôi nhỏ nhen", che giấu dưới làn áo da, như muốn lòi ra ngoài.

Sức sống của tôi lúc đó chừng như ngừng trệ lại. Tôi cứ ngồi lì trên xe không nhúc nhích, cũng không suy nghĩ, cho đến khi thấy một người cảnh sát từ trong đồn đi ra, mới bước xuống.

Người cảnh sát đến gần nói:

- Ông thuê xe khác mà đi. Anh xe này không kéo được cho ông nữa.

Không nghĩ ngợi, tôi lấy một nắm xu trong túi áo ngoài đưa cho người cảnh sát, nói:

- Bác đưa lại cho anh xe hộ tôi!

Gió lạnh hắt. Đường vắng vắng. Tôi vừa đi vừa nghĩ, nhưng hình như lại sợ không dám nghĩ đến con người tôi. Thôi thì hẵng tạm không nói đến việc xảy ra vừa rồi, nhưng cái nắm xu kia là có ý nghĩa gì? Thưởng cho anh ta phải không? Tôi mà còn xứng đáng để thưởng cho một người như anh xe kia ư? Tôi không thể tự trả lời được.

Mẫu chuyện này, đến bây giờ, tôi thường thường vẫn nhớ tới, và do đó, cảm thấy đau khổ vô cùng và cố gắng suy nghĩ về con người tôi. Mấy năm lại đây, bao nhiêu chuyện văn trị võ công²⁴ tôi đều quên hết, như đã quên những câu "Tử viết thi vân" hồi còn nhỏ. Duy có mẫu chuyện nhỏ này cứ hiện lên trước mắt, có lúc còn rất rõ ràng, khiến tôi hết sức xấu hổ, thúc giục tôi phải tự sửa mình, và cũng làm cho tôi càng thêm can đảm, càng thêm hy vọng.

Tháng 7 năm 1920

SÓNG GIÓ

Mặt trời đã dần dần thu lại những tia nắng vàng rải trên mặt đất ven sông. Dây cây ô cữu²⁵ cạnh đấy, lá khô nỏ, phe phẩy như đã bắt đầu thở được; mấy con muỗi vằn chân bay vo ve phía dưới. Khói đưa lên từ bếp những nhà nông dân ngoảnh mặt ra sông cũng đã tản dần. Đàn bà trẻ con lấy nước rưới lên mảnh sân đất trước thềm, bày bàn nhỏ, ghế đầu ra. Đã đến bữa cơm chiều.

Người già và đàn ông thì ngồi trên ghế phe phẩy chiếc quạt lá kê to tướng, nói chuyện gẫu. Trẻ con thì chạy lăng xăng, hoặc dưới dây cây ô cữu chơi ô với những hòn đá cuội. Đàn bà con gái thì bưng ra những đĩa dưa kho, đen sì, và những nồi cơm màu vàng khè, nóng hổi, nghi ngút hơi. Kẻ văn nhân mặc khách ngồi trên thuyền rượu lướt trên mặt sông, nhìn lên thấy cảnh tượng đó, có thể động nguồn thơ mà khen: "Thật là vô tư vô lự! Đúng là lạc thú của nhà nông!".

Những lời khen đó của kẻ văn nhân mặc khách không đúng với sự thực, bởi vì họ không nghe được bà cụ Chín Cân nói. Lúc đó, bà cụ Chín Cân đang giận dữ, cầm chiếc quạt lá kê rách nát, đập vào chân ghế, nói:

- Tao nay đã bảy mươi chín tuổi đầu. Sống thế đủ rồi! Tao không muốn nhìn những cửa phá gia ấy. Chết đi mà hơn! Sắp đến bữa cơm, còn ăn vãi đậu rang. Ăn cho khuynh gia bại sản đi ấy à!

Con Sáu Cân, chắt nội bà cụ, cầm nắm đậu trong tay, đang từ phía trước đi lại, thấy thế liền chạy thẳng ra bờ sông, nấp sau dây ô cữu, thò cái đầu nhỏ có hai trái đào ra, nói to:

- Sống gì mà sống dai thế không biết!

Bà cụ mặc dù tuổi đã cao, nhưng tai còn tỏ chán, tuy thế cũng vẫn không nghe rõ lời con bé nói, bà vẫn lẩm bẩm một mình:

- Thật là càng ngày càng tệ!

Làng này có một tập quán khá đặc biệt. Trẻ con đẻ ra là đem cân ngay, rồi tùy nặng nhẹ mà đặt tên. Bà cụ Chín Cân từ ngày mừng thọ năm mươi, tính khí dần dần thay đổi, hay bất bình. Bà cụ thường nói, hồi bà cụ còn trẻ, trời đâu có nóng nực như thế này, hạt đậu cũng đậu đến nổi cứng như bây giờ! Nói tóm lại, thời bây giờ, cái gì cũng chẳng ra

làm sao cả. Huống chi, so với ông nội nó, thì con Sáu Cân sút đi những ba cân cơ, và so với bố nó, anh Bảy Cân, cũng sút đi mất một cân! Chúng cứ rành rành ra đó, cãi làm sao được! Cho nên bà cụ lại nói to:

- Thật là càng ngày càng tệ!

Chị Bảy Cân, cháu dâu²⁶ bà cụ, bưng rá cơm đi đến cạnh bàn, đặt thịch xuống, nói vẻ giận dữ:

- Bà lại cứ nói thế! Con Sáu Cân lúc đẻ ra chẳng phải cân được sáu cân năm lạng là gì? Cân ở nhà ngày trước là loại cân riêng, loại cân mười tám lạng. Chứ dùng đúng loại cân mười sáu xem, con bé cũng phải được già bảy cân đấy! Cháu cho rằng ngày trước ông cố và ông nội con bé cũng chưa chắc đã đủ tám chín cân đâu! Có lẽ hồi ấy dùng loại cân mười bốn lạng...

- Càng ngày càng tệ!

Chị Bảy chưa trả lời lại, bỗng thấy chồng từ ngõ hẻm đi ra, liền quay sang gắt với chồng:

- Khốn khiếp! Đi đâu suốt ngày mà bây giờ mới vác mặt về! Chết dúi ở đâu mà cả nhà đợi cơm, cũng mặc kệ!

Anh Bảy, tuy ở nông thôn nhưng vốn có ý hay bay nhảy, đua đòi. Từ đời ông nội anh cho đến đời anh, đã ba đời nay, trong nhà không ai cầm đến cái cán cuốc nữa cả. Cũng như ông nội và bố anh, anh đi chèo thuyền thuê cho người ta, mỗi ngày một chuyến, sáng sớm từ Lỗ Trán lên thành, chiều tối mới lại về, cho nên anh biết lắm tin tức. Thí dụ, nơi nào ông Thiên lôi đánh chết Tinh rết, nơi nào cô gái đồng trinh để quỷ dạ xoa, v.v... Trong làng, quả anh là người nổi tiếng biết đây biết đó. Nhưng mùa hạ, ăn cơm khi chưa phải thắp đèn là một tập quán mà nhà nông ở đây còn giữ được, cho nên về chậm mà bị gắt là đáng lắm.

Anh Bảy, tay cầm cái ống điếu, dọc bằng trúc tương phi dài sáu thước, bịt ngà, tấu đồng bạch, cứ cúi đầu, bước thong thả đến ngồi xuống chiếc ghế đẩu. Nhân dịp này, con Sáu Cân chạy ra, ngồi cạnh, gọi "bố, bố". Anh không trả lời.

Bà cụ Chín Cân nói:

- Càng ngày càng tệ!

Anh Bảy thong thả ngược đầu lên, thở dài, nói:

- Vua lại lên ngôi!

Chị Bảy, ngẩn người một lúc, bỗng như chợt hiểu, nói:

- Thế thì hay lắm nhỉ! Không phải là hoàng ân đại xá à?

Anh Bảy vẫn thở dài, nói:

- Tôi không có đuôi sam!
- Nhà vua bắt phải để đuôi sam à?
- Vua bắt để đuôi sam.

Chị hơi lo, vội hỏi:

- Sao nhà biết?
- Ở quán Hàm Hanh, ai người ta cũng nói thế mà lý!

Chị Bảy lúc đó linh tính cho biết hình như có chuyện không hay, bởi vì quán Hàm Hanh vốn là nơi rất nhạy tin. Chị liếc nhìn cái đầu trọc lóc của ông chồng, không nhìn được, thịnh nộ lên, trách chồng, giận chồng. Bỗng chị lại tuyệt vọng. Chị xới một bát cơm đẩy mạnh về phía trước mặt chồng, nói:

- Thôi, ăn nhanh đi cho xong bữa! Cứ ngồi rũ ra, mặt như mặt dừa ma ấy, tóc dài ra được à?

Những tia nắng cuối cùng đã tắt hẳn. Mặt nước đã dần dần có hơi mát. Trên sân chỉ nghe tiếng đĩa bát chạm nhau. Ai nấy mồ hôi nhỏ giọt trên sống lưng. Chị Bảy ăn xong ba bát, vô tình ngừng đầu lên, trái tim lại đập mạnh không sao giữ được: qua dãy ô cữu, chị thấy cụ Bảy Triệu, vừa lùn, vừa béo, đang từ trên chiếc cầu độc mộc đi sang. Cụ ta lại mặc chiếc áo dài chúc bầu màu bửu lam.

Cụ Bảy Triệu là chủ quán rượu Mậu Nguyên làng bên, lại là một nhân vật quan trọng và là người duy nhất có học vấn trong vòng ba mươi dặm đất này. Vì là người có học vấn nên trông ra vẻ bậc di lão lắm. Cụ ta có bộ Tam quốc chí Thánh Thán phê, hơn mười quyển,²⁷ thường ngồi đọc từng chữ từng chữ một. Chẳng những cụ ta nhớ vanh vách tên cả năm vị hổ tướng²⁸ mà còn biết Hoàng Trung biểu tự là Hán Thảng và Mã Siêu biểu tự là Mạnh Khởi nữa cơ! Sau cách mạng, cụ ta quân đuôi sam lên đầu, trông như một nhà đạo sĩ. Cụ ta thường than thở: "Giá Triệu Tử Long mà còn sống thì thiên hạ chẳng đến loạn lạc như thế này!" Chị Bảy, mắt tinh, nhìn thoáng thấy hôm nay cụ ta không còn có vẻ đạo sĩ nữa mà đầu lại cạo nhẵn thín, chỉ để giữa đỉnh một chùm tóc đen nhánh. Chị biết ngay nhất định nhà vua đã lên ngôi rồi, và nhất định phải để đuôi sam, và nhất định anh Bảy nhà chị đến nguy to! Bởi vì, không phải dễ thường mà cụ ta lại mặc chiếc áo chúc bầu dài vào. Ba năm nay, cụ ta chỉ đưa ra mặc có hai lần, một lần lúc lão Tư Rỗ, là người trước kia có chửi nhau với cụ ta, lâm bệnh; một lần lúc cụ Cả Lỗ là người đã đến phá quán rượu cụ ta, chết. Bây giờ là lần thứ ba. Như thế là nhất định cụ ta có việc mừng, mà kẻ thù cụ ta sẽ gặp tai ương rồi!

Chị còn nhớ hai năm trước, anh Bảy nhà chị uống rượu say, có mắng cụ ta là "đồ khốn khiếp", nên bây giờ, linh tính cho chị biết sắp xảy ra chuyện gì nguy hiểm cho chồng. Tim chị bỗng đập thành thịch.

Cụ Bảy Triệu đi thẳng tới. Những người đang ngồi ăn đứng dậy, cầm đũa chỉ vào bát, chào:

- Mời cụ xơi cơm ạ!

Cụ ta vừa đi vừa gật đầu, nói:

- Xin cứ tự nhiên.

Và đi đến nhà anh Bảy Căn.

Cả nhà anh Bảy vội vã chào mời. Cụ ta mỉm cười, nói:

- Xin mời!

Mắt nhìn kỹ vào mâm cơm. Cụ ta đứng sau lưng anh Bảy, đối diện chị Bảy, nói:

- Món dưa kho thơm quá nhỉ! À, đã nghe người ta đồn gì chưa đấy?

Anh Bảy nói:

- Vua lên ngôi.

Chị Bảy nhìn vào mặt cụ ta, cố cười gượng nói:

- Vua lên ngôi, bao giờ thì hoàng ân đại xá, hờ cụ?

- Hoàng ân đại xá à? Đại xá thì thư thả, thế nào rồi cũng đại xá thôi!

Cụ ta bỗng nghiêm sắc mặt lại, nói tiếp:

- Nhưng mà cái đuôi sam của anh Bảy nhà chị đâu? Đuôi sam, quan trọng lắm đấy nhé! Bà con biết chứ, thời loạn *Trường mao*²⁹ ấy mà, để tóc thì mất đầu, để đầu thì mất tóc cơ đấy!

Vợ chồng nhà anh Bảy không đi học, nên không thể hiểu cái điển tích bí hiểm này được, nhưng thấy một người có học vấn như cụ Bảy Triệu mà nói thế thì chắc phải là nghiêm trọng lắm, khó lòng chạy chữa. Như nghe tuyên án tử hình, hai vợ chồng tai cứ ù lên, chẳng nói được nửa lời.

Bà cụ Chín Căn đang bực mình, nhân cơ hội này, nói với cụ Bảy Triệu:

- Càng ngày càng tệ!... Các ông Trường mao thời bây giờ lại cứ thấy đuôi sam đâu là cắt đấy, trông thầy tu chẳng ra thầy tu, đạo sĩ chẳng ra đạo sĩ. Các ông Trường mao ngày trước có thế đâu chứ? Tôi nay đã bảy mươi chín tuổi, đủ lắm rồi! Các ông Trường mao ngày trước thì đầu bịt cả một miếng lụa điều, bỏ thông thông xuống đến gót, vua thì lụa vàng, cũng bỏ thông thông. Lụa vàng, lụa điều, lụa vàng. Bảy mươi chín tuổi. Đủ lắm rồi!

Chị Bảy đứng dậy, lăm bắm một mình:

- Làm thế nào bây giờ? Nhà này, già trẻ lớn bé đều trông cậy vào một mình anh ấy cả!

Cụ ta lắc đầu nói:

- Đành chịu thôi! Không có đuôi sam, tội gì thì sách đã chép rành rành. Còn tình cảnh nhà mình thế nào, ai mà người ta chú ý.

Chị Bảy nghe nói đã có chép trong sách thì hoàn toàn tuyệt vọng. Hoảng quá, không biết làm thế nào, chị bỗng đâm ra oán chồng. Chị ta giờ đưa, chỉ vào mặt chồng, day nghiến:

- Khốn kiếp! Mình làm thì mình phải chịu lấy! Hồi loạn, đã bảo là đừng chèo thuyền nữa, đừng lên thành nữa. Thế mà cứ nhất định lên thành cho được! Lên thành nên người ta mới cắt đuôi sam đi cho! Trước kia, cái đuôi sam đen nhánh thế kia, mà bây giờ thầy tu chẳng ra thầy tu, đạo sĩ chẳng ra đạo sĩ. Khốn kiếp! Mình làm mình chịu, bây giờ để liên lụy đến cả nhà này! Khốn kiếp!

Người làng thấy cụ Bảy Triệu sang chơi đều ăn vội vàng xong bữa, rồi chạy đến xúm lại quanh bàn nhà anh Bảy. Anh Bảy tự cho mình là người đã đi đây đi đó, ấy mà bị vợ sỉ nhục thậm tệ trước mặt mọi người, lấy làm xấu hổ lắm. Anh ngừng đầu lên, chậm rãi nói:

- Nhà thì chỉ được cái nói sau. Hồi đó...

- Khốn kiếp!

Trong những người đứng xem, có chị Tám Mốt là người tốt bụng. Lúc đầu thấy vui vui, chị ta bế con - đứa con mồ côi bố từ khi còn trong bụng mẹ, nay đã lên hai - đứng cạnh chị Bảy xem. Bây giờ thấy vậy, cảm lòng không đậu, bèn đưa lời khuyên giải:

- Chị Bảy này! Thôi mà! Người ta chứ có phải thần thánh gì, ai biết trước được mà liệu! Chẳng phải hồi đó chính chị cũng nói không có đuôi sam cũng chẳng xấu gì hay sao? Huống nữa là quan huyện cũng có niêm yết gì đâu cơ chứ!

Chưa nghe hết lời, chị Bảy hai tai đỏ ửng lên liền giờ đưa chỉ vào mặt chị Tám Mốt, nói:

- Ôi trời ơi! Chị ăn nói hay chưa! Chị Tám này, tôi cũng là con người, lẽ nào tôi lại thốt ra những lời hồ đồ như thế được! Hồi đó chẳng phải là tôi nằm khóc suốt ba ngày liền, ai cũng biết. Cả con bé này nữa, nó cũng khóc rình lên...

Con Sáu Cân vừa ăn hết bát cơm, cầm chiếc bát không giờ ra đòi xới thêm.

Chị Bảy đang bực mình, lấy đôi đũa khê gõ vào đầu con bé, giữa hai trái đào, quát to:

- Gì mà làm ồn lên thế, cái con đĩ kia!

Choảng một tiếng, chiếc bát không trong tay con bé rơi xuống đất, chẳng may chạm vào một hòn gạch, mẻ một miếng to tướng. Anh Bảy đứng phắt dậy nhặt chiếc bát vỡ, lấy miếng mẻ chắp một lúc, cũng mắng:

- Con mẹ mày!

Rồi tát cho con bé một cái tát quay lơ. Con bé lăn ra khóc. Bà cụ Chín Càn nắm lấy tay cháu lôi đi chỗ khác, miệng lẩm bẩm:

- Càng ngày càng tệ!

Chị Tám Mốt cũng phát cáu, nói to:

- Chị Bảy này! Việc gì mà chị phải giận cá bầm thớt thế?

Nãy giờ, cụ Triệu đứng nhìn vẻ bàng quan, cứ cười cười, nhưng khi chị Tám Mốt nói "quan huyện không niêm yết" thì đã hơi giận. Lúc này cụ ta bỏ đi quanh ra chỗ khác nói:

- Giận cá bầm thớt thì ích gì! Quan quân người ta sắp kéo đến nơi rồi. Chị phải biết người hộ vệ nhà vua lần này là Trương đại sứ³⁰ dòng dõi Trương Dực Đức người nước Yên đấy! Cái xà mâu trượng tám của ông ta vạn người địch không nổi. Ai mà dám chống cự lại!

Lúc đó cụ Triệu nắm chặt hai bàn tay lại, như nắm thanh xà mâu trượng trượng rồi bước về phía chị Tám Mốt mấy bước, nói:

- Chị có chống cự nổi ông ta không nào?

Chị Tám Mốt đang giận, tay ôm con mà cứ run lẩy bẩy. Bỗng thấy cụ Triệu, mặt mồ hôi ướt đầm, hai con mắt trợn trừng, xông về phía chị ta thì chị ta sợ quá, không dám nói hết câu, bỏ đi mất. Cụ Triệu cũng ra về. Những người đứng đấy vừa trách chị Tám Mốt lảm chuyện, vừa xô ra tránh đường. Có mấy anh trước kia cũng cắt mất đuôi sam, nay vừa mới để tóc lại, vội lẩn tránh sợ cụ ta trông thấy. Nhưng cụ ta không để ý tra soát, cứ lách qua đám đông, rẽ về phía dãy cây ô cữu, miệng còn lẩm bẩm:

- Chị có chống cự nổi ông ta không nào?

Rồi bước qua chiếc cầu độc mộc, đi thẳng.

Người làng đứng ngơ ngác, suy nghĩ, cảm thấy không thể nào chống cự nổi ông Trương Dực Đức nên ai nấy chắc chắn thể nào anh Bảy Càn chuyển này cũng toi mạng. Anh Bảy đã phạm vào phép vua như vậy, thế mà nhớ lại mọi lần khi anh ta nói chuyện về những tin tức trên thành,

anh ta cứ ngậm cái ống điều dài thông, vẻ kiêu ngạo. Thật không phải chút nào cả! Bởi vậy, bây giờ anh ta bị tội, họ cũng thấy khoái chí. Hình như họ còn muốn bàn tán thêm nữa, nhưng không có cái gì nói, lại thôi. Đàn muỗi kêu vo vo, bay chạm phải những thân hình trần truồng rồi bay về tụ tập dưới dây cây ô - cữu. Người làng cũng tản dần về nhà, đóng cửa đi ngủ. Chị Bảy vẫn càu nhàu, dọn bát đũa, đưa bàn ghế vào rồi cũng đóng cửa đi ngủ.

Anh Bảy cầm chiếc bát vỡ về ngồi ở bậc cửa hút thuốc. Nhưng lo buồn quá quên cả hút. Lửa trong cái tẩu đồng bạch đầu ống điều trúc tương phi bít ngà dài sáu thước tắt dần. Anh cảm thấy tình thế hết sức nguy ngập. Muốn tìm một cách nào, một phương kế nào cứu thân, nhưng đầu óc cứ rối bời không nghĩ được cho mạch lạc. "Đuôi sam! Đuôi sam đâu? Thanh xà mâu tượng tám... Càng ngày càng tệ... Vua lại lên ngôi... Phải đem cái bát vỡ lên thành gắn lại... Ai có thể chống cự nổi ông ấy... Trong sách có chép rõ... Con mẹ mày..."

Sáng sớm hôm sau, theo lệ thường, anh Bảy Cấn vẫn chèo thuyền từ Lỗ Trấn lên thành. Gần tối lại chèo về, tay cầm ống điều trúc tương phi dài hơn sáu thước và chiếc bát. Ngồi ăn cơm, anh nói với bà cụ Chín Cấn rằng cái bát vừa đưa lên thành gắn lại, mẻ một miếng to nên phải dùng đến mười sáu chiếc đinh đồng, mỗi chiếc ba trinh, mất cả thảy bốn mươi tám trinh.

Bà cụ buồn rầu nói:

- Càng ngày càng tệ! Tao sống thế đủ rồi! Một chiếc đinh đồng những ba trinh! Đinh đồng ngày trước có đắt như thế này đâu? Đinh đồng, ngày trước... Tao năm nay bảy mươi chín tuổi rồi!

Từ đó, tuy ngày nào anh Bảy cũng lên thành như thường lệ, nhưng cảnh nhà anh trông ảm đạm lắm. Người làng có ý lánh mặt, không đến nghe tin tức trên thành đưa về nữa. Chị vợ anh cũng luôn luôn làm mặt giận, vẫn mắng anh là "đồ khốn kiếp"!

Hơn mười ngày sau, anh ở thành về, vừa tới nhà thì đã thấy vợ vui vẻ hỏi:

- Ở trên thành, nhà có nghe tin tức gì không thế?
- Chẳng nghe gì cả.
- Vua đã lên ngôi chưa?
- Không nghe họ nói.
- Ở quán Hàm Hanh cũng không nghe ai nói à?

- Nhất định vua không lên ngôi đâu! Hôm nay, đi qua quán cụ Triệu, thấy cụ ta lại ngồi xem sách, cái đuôi sam lại quần lên đỉnh đầu, và cũng không mặc áo dài nữa.

-...

- Nhà cho rằng không lên ngôi à?

- Chắc không lên nữa.

Bây giờ anh Bảy lại được chị Bảy và người làng kính nể, đối đãi tử tế. Ngày hè, cả nhà anh lại đưa cơm ra trước mảnh sân đất ngồi ăn. Ai thấy anh cũng cười hì hì... chào hỏi. Bà cụ Chín Cân đã làm lễ mừng thọ tám mươi rồi, tuy vẫn còn bất bình, nhưng vẫn cứ khỏe mạnh như trước. Hai trái đào của con Sáu Cân đã thành cái đuôi sam lớn. Nó tuy mới bó chân nhưng vẫn có thể giúp việc cho mẹ nó được. Con bé bưng chiếc bát đong mười tám cái đinh đồng³¹ đi khắp khiêng trên sân đất.

*Tháng 10 năm 1920
(GIẢN CHI dịch)*

CỔ HƯƠNG

Tôi không quản trời lạnh giá, về thăm làng cũ, xa những hai ngàn dặm mà tôi đã từ biệt hơn hai mươi năm nay.

Đang độ giữa đông. Gần về đến làng, trời lại càng u ám. Gió lạnh lùa vào khoang thuyền, vi vu. Nhìn qua các khe hở mũi thuyền, thấy xa gần thấp thoáng mấy thôn xóm tiêu điều, hoang vắng, nằm im lìm dưới vòm trời màu vàng úa, không nén được, lòng tôi se lại.

A, đây thật có phải là làng cũ mà hai mươi năm trời nay tôi hằng ghi lấy hình ảnh trong ký ức không?

Hình ảnh làng cũ trong ký ức tôi không giống hẳn như thế này. Làng cũ tôi đẹp hơn kia! Nhưng nếu phải nhớ rõ đẹp như thế nào, nói rõ đẹp ở chỗ nào thì thật không có hình ảnh, ngôn ngữ nào diễn tả cho được. Phảng phất thì cũng có hơi giống đấy. Tôi nghĩ bụng: Hẳn làng cũ mình vốn chỉ như thế kia thôi, tuy chưa tiến bộ hơn xưa, nhưng cũng vị tất đến nỗi thê lương như mình tưởng. Chẳng qua là tâm hồn mình đã đổi khác, bởi vì về thăm chuyến này, lòng mình vốn đã không vui.

Về thăm chuyến này, ý định là để từ giã lần cuối cùng ngôi nhà cũ nơi cả đại gia đình chúng tôi đời đời ở chung với nhau, mà chúng tôi đã phải đồng tình bán cho người ta rồi, nội năm nay phải giao cho họ. Vì thế, tôi cần phải về trước Tết vĩnh biệt ngôi nhà yêu dấu và từ giã làng cũ thân mến, đem gia đình đến nơi đất khách, nơi tôi đang làm ăn, sinh sống.

Tinh mơ sáng hôm sau, tôi về tới cổng nhà. Trên mái ngói, mấy cọng tranh khô phất phơ trước gió. Đủ rõ nhà không đổi chủ không được. Những gia đình khác có lẽ đã dọn đi rồi cho nên cảnh tượng càng hiu quạnh. Tôi vừa bước vào gian nhà chúng tôi ở thì mẹ tôi đã chạy ra đón. Hoàng, đứa cháu mới lên tám tuổi, cũng chạy theo sau.

Mẹ tôi rất mừng rỡ, nhưng nét mặt vẫn ẩn một nỗi buồn thầm kín. Mẹ tôi bảo tôi ngồi xuống, nghỉ ngơi, uống trà, không đả động gì đến chuyện dọn nhà cả. Cháu Hoàng chưa gặp tôi bao giờ chỉ dám đứng đằng xa nhìn tôi chòng chọc.

Nhưng rồi chúng tôi cũng bàn đến chuyện dọn nhà. Tôi nói nhà trên kia đã thuê xong, cũng đã sắm được ít đồ đạc, giờ hãy đem các thứ đồ gỗ ở nhà này bán đi hết lấy tiền mua thêm sau. Mẹ tôi cho cũng phải và bảo hành lý đã thu xếp gọn gàng đầu vào đấy cả rồi, đồ gỗ không tiện chuyên chở nhưng tiền chưa thu vén được đủ.

Mẹ tôi nói:

- Con hãy nghỉ ngơi vài hôm, đi thăm các nhà bà con một chút rồi mẹ con mình lên đường.

- Vâng.

- Có anh Nhuận Thổ lần nào đến chơi cũng nhắc nhở đến con và rất mong có ngày được gặp con. Mẹ đã nhắn tin cho anh ấy biết chừng ngày nào con về. Có lẽ anh ấy cũng sắp đến thôi.

Lúc bấy giờ trong ký ức tôi bỗng hiện ra một cảnh tượng thần tiên, kỳ dị: Một vùng trăng tròn vàng thắm treo lửng lơ trên nền trời xanh đậm, dưới là một bãi cát bên bờ biển, trồng toàn dưa hấu, bát ngát một màu xanh rờn. Giữa ruộng dưa, một đứa bé trạc mười một, mười hai tuổi, cổ đeo vòng bạc, tay lăm lăm cầm chiếc đinh ba, đang cố sức đâm theo một con "tra".³² Con vật bỗng quay lại, luồn qua háng đứa bé, chạy mất.

Đứa bé ấy chính là Nhuận Thổ. Khi tôi quen Nhuận Thổ, cách đây khoảng chừng ba mươi năm, Nhuận Thổ chỉ độ lên mười. Lúc đó thầy tôi hãy còn, cảnh nhà sung túc, tôi đang hoàng là một cậu ấm. Năm ấy là năm đến lượt nhà tôi lo giỗ tổ. Nghe nói thì cứ hơn ba mươi năm mới đến lượt lo giỗ này một lần, cho nên rất linh đình. Giỗ vào tháng giêng; lễ vật rất nhiều, các đồ tế rất sang, người đến lễ cũng rất đông, vì thế phải đề phòng mất cắp. Nhà tôi chỉ nuôi một người ở tháng (địa phương tôi, người đi làm thuê chia làm ba hạng, ở năm gọi là "trường niên", làm thuê từng ngày gọi là "đoản công", nhà mình cũng có cày, chỉ giỗ tết, hay vụ thu tô, đến làm mướn cho người ta thì gọi là "ở tháng"). Người ở bận quá, làm không hết việc, liền xin thầy tôi cho gọi thằng con là Nhuận Thổ đến để nó trông coi các thứ đồ cho. Thầy tôi bằng lòng. Tôi cũng rất thích vì đã có nghe nói đến Nhuận Thổ, lại biết Nhuận Thổ với tôi tuổi cũng suýt soát bằng nhau. Hẳn sinh tháng nhuận, ngũ hành khuyết thổ³³ nên bố hẳn đặt tên là Nhuận Thổ. Hẳn bắt chim tước thì tài lắm.

Vì vậy ngày nào tôi cũng mong cho mau đến năm mới. Năm mới đến thì Nhuận Thổ cũng đến mà! Chờ mãi mới hết năm. Một hôm, mẹ tôi bảo: "Thằng Nhuận Thổ đến rồi đấy!" Tôi liền chạy ra xem. Hẳn đang

đứng trong bếp, khuôn mặt tròn trĩnh, nước da bánh mật, đầu đội mũ lông chiên bé tí tẹo, cổ đeo vòng bạc sáng loáng. Đủ biết bố hăn quý hăn như thế nào: sợ hăn khó nuôi, bố hăn đã nguyện trước thần phật làm vòng xích, xích lại. Hăn thấy ai là bẽn lễn, chỉ không bẽn lễn với một mình tôi thôi. Khi vắng người, hăn mới nói chuyện với tôi. Vì thế chưa đầy nửa ngày, chúng tôi đã thân nhau.

Không biết bấy giờ chúng tôi nói với nhau những gì, chỉ nhớ rằng Nhuận Thổ thích chí lắm. Hăn bảo lên tỉnh hăn mới được trông thấy những điều hăn chưa bao giờ trông thấy cả.

Hôm sau, tôi rủ hăn bắt chim. Hăn nói:

- Không được đâu! Phải chờ tuyết xuống cho nhiều đã. Làng em toàn đất cát, hễ tuyết xuống là em quét lấy một khoảng đất trống, dùng một cái que ngắn chống một cái nong lớn, rắc ít lúa lép, thấy chim tước xuống ăn, đứng đằng xa giật mạnh sợi dây buộc vào cái que, thế là chim bị chụp vào cái nong hết. Thứ nào cũng có: sẻ đồng, chào mào, "bột cô", sẻ xanh lưng.

Vì thế, tôi lại càng chờ ngày tuyết xuống.

Nhuận Thổ lại nói:

- Bấy giờ trời đang rét lắm. Đến mùa hè, anh xuống nhà em chơi. Ban ngày, chúng mình ra biển nhặt vỏ sò, màu đỏ có, màu xanh có, đủ cả. Có cả sò "mặt quỷ", sò "tay phật". Tối đến, em và thầy em đi canh dưa thì anh cũng đi...

- Canh trộm à?

- Không phải. Ở làng em, người ta đi qua đường khát nước hái một quả dưa ăn, không kể là lấy trộm. Canh là canh lợn rừng, nhím, tra. Này nhé! Sáng trắng. Có tiếng sột soạt. Tra đang ngốn dưa đấy! Thế là cầm đình ba khe khẽ tiến lên...

Hồi đó - và cho đến cả bây giờ nữa -, tôi vẫn chưa biết con tra là con gì. Chẳng căn cứ vào đâu, tôi cứ tưởng tượng hình thù nó như con chó con nhưng dữ tợn hơn.

- Nó không căn à?

- Đã có đình ba rồi. Tiến lên gần, thấy tra là đâm ngay. Giống ấy tinh khôn lắm. Nó quay lại, đâm thẳng về phía mình rồi luồn qua háng mình, biến mất. Lông, da nó trơn như mỡ.

Tôi chưa hề biết trên đời này có những chuyện mới lạ như vậy: bên bờ có những vỏ sò đủ màu sắc như thế kia, và có được quả dưa hầu ăn

cũng phải trải qua bao nhiêu là nguy hiểm. Trước đây tôi chỉ biết quả dưa hấu bán ở hàng hoa quả mà thôi!

- Ở đất cát chúng em, lúc thủy triều dâng lên, có rất nhiều những con "cá nhảy", cứ nhảy lung tung, hai chân như chân nhái.

Trời ơi! Nhuận Thổ hẳn biết nhiều chuyện lạ lùng lắm, kể không xiết! Những chuyện đó, bạn bè tôi từ trước đến nay, không ai biết cả. Chúng nó không biết là vì trong khi Nhuận Thổ sống bên bờ biển thì chúng nó, cũng như tôi, chỉ nhìn thấy một mảnh trời vuông trên bốn bức tường cao bao bọc lấy cái sân mà thôi!

Nhưng tiếc thay, đã hết tháng giêng. Nhuận Thổ phải về quê hẳn. Lòng tôi rộn ràng, tôi khóc to lên. Hẳn lẫn trong bếp, cũng khóc mà không chịu về. Nhưng rồi bố hẳn cũng thôi hẳn đi. Sau đó, hẳn có nhờ bố hẳn mang lên cho tôi một bọc vỏ sò và mấy thứ lông chim rất đẹp. Tôi cũng có vài lần gửi cho hẳn ít quà. Nhưng từ đấy chúng tôi không hề gặp mặt nhau nữa.

Bây giờ mẹ tôi nhắc đến Nhuận Thổ, ký ức tôi bỗng dưng như bừng sáng lên trong chốc lát. Tôi cảm thấy tựa hồ tôi đã tìm ra được quê hương tôi đẹp ở chỗ nào rồi. Tôi trả lời mẹ tôi:

- Thế thì hay quá! Anh ta... ra sao?

- Anh ta ấy à? Tình cảnh cũng chẳng ra gì. - Mẹ tôi vừa nói vừa nhìn ra phía ngoài -... Mấy người kia lại đến! Nói mua đồ gỗ nhưng cứ tiện tay, mang bữa đi. Mẹ phải ra xem sao.

Mẹ tôi đứng dậy, đi ra. Ngoài cửa có tiếng đàn bà đang hỏi chuyện. Tôi gọi cháu Hoàng đến gần, hỏi vớ vẩn: hỏi nó đã biết viết chưa, có thích đi xa không.

- Chúng ta có đi tàu hỏa không, bác?

- Có, chúng ta đi tàu hỏa.

- Thế có đi thuyền không, bác?

- Có, đi thuyền trước...

Bỗng có tiếng ai lạ, the thé nói to lên:

- Thế này rồi kia à? Râu mọc dài thế này rồi kia à?

Tôi giật mình, vội ngừng đầu lên thì trông thấy một người đàn bà, trên dưới năm mươi tuổi, lưỡng quyền nhô ra, hai tay chống nạnh, không buộc thắt lưng, chân đứng chạng ra, giống hệt cái compa trong bộ đồ vẽ, có hai chân bé tí.

Tôi rất lấy làm ngạc nhiên.

- Không nhận ra à? Ngày bé tôi vẫn bế anh đấy!

Tôi lại càng ngạc nhiên hơn. May mà lúc đó mẹ tôi bước vào đỡ lời cho:

- Cháu nó đi xa lâu ngày thành ra quên hết cả. Con nhớ nhá.

Rồi ngoảnh về phía tôi nói:

- Đây là thím Hai Dương ở xế cửa nhà ta đây mà! Thím mở hàng bán đậu phụ.

À! Nhớ ra rồi. Hồi tôi còn bé, quả có một chị Hai Dương vẫn ngồi trong quán bán đậu phụ xế cửa nhà tôi, người ta gọi chị là "nàng Tây Thi đậu phụ". Nhưng hồi đó, chị xoa phấn, lưỡng quyền không cao như thế này, môi cũng không mỏng như bây giờ. Và chị cứ ngồi suốt buổi nên tôi cũng chưa hề được nhìn thấy cái dáng điệu "compa" của chị. Hồi đó người ta nói, sở dĩ hàng đậu phụ bán chạy là vì có chị ta. Song có lẽ vì tôi không cùng lứa tuổi với chị, cũng chưa bao giờ bị chị ta làm cho đắm đuối, cho nên mới quên bẵng đi. Nhưng cái "compa" kia lấy làm bất bình lắm, tỏ vẻ khinh bỉ, cười kháy tôi như cười kháy một người Pháp không biết đến Nã Phá Luân,³⁴ như một người Mỹ không biết đến Hoa Thịnh Đốn³⁵ vậy! Rồi nói:

- Quên à? Phải rồi, bây giờ cao sang rồi thì để ý đâu đến bọn chúng tôi nữa.

Tôi hoảng hốt, đứng dậy, nói:

- Đâu có phải thế! Tôi...

- Thế thì tôi nói anh nghe nhé! Anh Tấn này! Anh bây giờ sang trọng rồi, còn cần quái gì cái thứ đồ gỗ hư hỏng này nữa. Chuyên chở lại lịch kịch lắm. Cho chúng tôi khuân đi thôi, chúng tôi nhà nghèo dùng được tất.

- Có gì đâu mà sang trọng! Chúng tôi cần phải bán các thứ này đi để...

- Ái chà! Anh bây giờ làm quan rồi mà bảo là không sang trọng? Những ba nàng hầu. Mỗi lần đi đâu là ngồi kiệu lớn tám người khiêng, còn bảo là không sang trọng? Hừ! Chẳng cái gì giấu nổi chúng tôi đâu!

Tôi biết không thể nói làm sao được, đành ngậm miệng, đứng trầm ngâm.

- Ôi chào! Thật là càng giàu có càng không dám rời một đồng xu! Càng không dám rời một đồng xu lại càng giàu có.

Mụ "compa" tức giận, miệng lẩm bẩm quay gót thong thả đi ra, tiện tay giật luôn đôi bít tất tay của mẹ tôi giắt vào lưng quần, cút thẳng.

Sau đó lại có mấy người bà con hàng xóm và mấy người thân thuộc đến thăm. Tôi vừa tiếp khách vừa tìm chút thì giờ rảnh sửa soạn hành lý. Như thế mất ba, bốn ngày.

Một hôm, trời rét lắm. Quá trưa, tôi vừa ăn cơm xong, đang ngồi uống trà, bỗng nghe như có tiếng ai ở ngoài đi vào. Ngoảnh ra xem, tôi ngạc nhiên vô cùng, vội vàng đứng dậy ra đón.

Người đi vào là Nhuận Thổ. Tuy tôi nhận ra ngay là Nhuận Thổ, nhưng lại không phải là Nhuận Thổ trong ký ức tôi. Anh cao gấp hai trước, khuôn mặt tròn trĩnh, nước da bánh mật trước kia nay đổi thành vàng sạm, lại có thêm những nếp nhăn sâu hóm. Cặp mắt giống hệt cặp mắt bố anh ngày trước, mi mắt viền đỏ húp mọng lên. Tôi không lấy làm lạ: ở miền biển, gió thổi suốt ngày, đại để ai cũng thế cả. Anh đội một cái mũ lông chiên rách tươm, mặc một chiếc áo bông mỏng dính, người co ro cúm rúm, tay cầm một bọc giấy và một tẩu thuốc lá dài. Bàn tay này cũng không phải là bàn tay tôi còn nhớ, hồng hào, lạnh lện, mập mập, cứng rắn, mà vừa thô kệch vừa nặng nề, lại nứt nẻ như vỏ cây thông.

Lúc bấy giờ tôi mừng rỡ vô cùng, nhưng chưa biết nói thế nào cho phải, đành chỉ hỏi:

- À, anh Nhuận Thổ, anh đã đến đây à?...

Thật ra, tôi còn có rất nhiều chuyện để nói tiếp, tưởng chừng có thể tuôn ra như nước chảy: nào là chim chào mào, nào là cá nháy, vò sò, tra..., nhưng không biết hình như có cái gì chẹn lại, chỉ loanh quanh trong đầu óc, không thốt ra thành lời được.

Nhuận Thổ đứng dừng lại, nét mặt vừa hớn hở vừa thê lương, môi mấp máy, nhưng cũng nói không ra tiếng. Rồi bỗng anh lấy một dáng điệu cung kính, chào rất rành mạch:

- Bẩm ông!

Tôi như điếng người đi. Thôi đúng rồi! Giữa chúng tôi đã có một bức tường khá dày ngăn cách. Thật là bi đát. Tôi cũng nói không nên lời.

Anh ta ngoảnh đầu lại gọi:

- Thủy Sinh. Con không lạy ông đi kìa!

Anh liền kéo đứa bé nấp sau lưng anh ra. Trông nó giống hệt anh hai mươi năm về trước, chỉ điều vàng vọt, gầy còm hơn một tí, và cổ không đeo vòng bạc mà thôi.

- Thưa, đây là cháu thứ năm đấy à! Chưa đi đâu bao giờ, cứ thấy ai là lẩn tránh...

Mẹ tôi và cháu Hoàng chừng đã nghe thấy tiếng, từ trên gác đi xuống.

Anh Nhuận Thổ nói:

- Lay cụ ạ! Thư cụ con đã nhận được, biết ông có về chơi, thật mừng quá!

Mẹ tôi vui vẻ nói:

- Ấy, sao lại khách tình thế? Chẳng phải là trước kia, vẫn gọi nhau bằng anh em cơ mà? Cứ gọi là anh Tấn như trước thôi!

- Ái chà! Cụ thật là... Như thế còn ra thể thống nào nữa. Hồi đó, còn nhỏ dại, chưa hiểu...

Anh Nhuận Thổ vừa nói vừa gọi Thủy Sinh lại chào, nhưng thẳng bẻ bẻ lên, bám sát vào lưng bố.

Mẹ tôi nói:

- Cháu Thủy Sinh đấy à? Cháu thứ năm phải không nhỉ? Toàn là người lạ, chả trách rụt rè là phải. Hoàng đâu, dẫn em ra chơi đi!

Hoàng nghe nói liền gọi Thủy Sinh. Thủy Sinh nhẹ nhàng, khoan khoái cùng Hoàng đi ra. Mẹ tôi bảo Nhuận Thổ ngồi. Anh ngáp ngừng một lát rồi cũng ngồi xuống, để cái tẩu thuốc dựa vào mé bàn, đưa cái gói giấy ra nói:

- Ngày đông tháng giá chẳng có gì. Đây chỉ là ít đậu xanh của nhà phơi khô, xin ông...

Tôi hỏi thăm gia đình anh. Anh chỉ lắc đầu.

- Bẩm, vất vả lắm! Cháu thứ sáu cũng đã giúp được việc, nhưng nhà vẫn không đủ ăn, lại có được sống yên ổn đâu!... Chỗ nào cũng hỏi tiền, chẳng có luật lệ gì cả. Mùa lại mất. Trồng được gì là gánh đi bán tất. Chỉ đóng thuế chợ là đã cụt vốn rồi. Không đem bán thì lại thối mục hết.

Anh cứ lắc đầu. Những nếp nhăn khắc sâu trên mặt anh tuyệt nhiên không động đậy. Trông anh phảng phất như một pho tượng đá. Có lẽ anh chỉ cảm thấy khổ nhưng không nói ra được hết, ngồi trầm ngâm một lúc, rồi cầm lấy dục tẩu, lặng lẽ hút thuốc.

Mẹ tôi hỏi chuyện anh, biết nhà anh bận lắm việc, ngày mai phải về, lại chưa ăn cơm trưa, liền bảo anh xuống bếp rang cơm ăn.

Anh đi ra. Mẹ tôi và tôi đều than thở, buồn cho cảnh nhà anh: con đông, mất mùa, thuế nặng, lính tráng, trộm cướp, quan lại, thân hào, đầy đọa thân anh khiến anh trở thành đàn độn, mù mẫm đi! Mẹ tôi bàn với tôi:

- Cái gì không cần chở đi thì cho anh ta hết. Cứ để cho tùy ý chọn, lấy cái nào thì lấy.

Đến chiều anh chọn xong mấy thứ: một đôi bàn dài, bốn chiếc ghế dựa, một bộ tam sự và một cái cân. Anh lại xin tất cả các đồng tro (ở quê tôi người ta nấu bằng rơm, rạ, tro có thể dùng bón đất cát), chờ khi nào chúng tôi lên đường là đem thuyền đến chở.

Đêm đến chúng tôi cũng nói vài ba câu chuyện phiếm, toàn là những chuyện chẳng quan trọng gì. Sáng hôm sau, anh đem Thủy Sinh về.

Chín ngày sau, chúng tôi lên đường. Sáng sớm, Nhuận Thổ đã đến rồi. Thủy Sinh không đi theo. Anh chỉ đem theo một đứa cháu gái năm tuổi để trông thuyền. Chúng tôi bận rộn suốt ngày, không có thì giờ trò chuyện. Khách khứa cũng nhiều. Kẻ đến đưa chân, người đến lấy đồ đạc. Có kẻ vừa đưa chân vừa lấy đồ đạc. Gần tối, chúng tôi xuống thuyền thì tất cả đồ đạc trong ngôi nhà cũ, hư hỏng, to nhỏ, xấu tốt đều mang đi sạch trơn như quét.

Thuyền chúng tôi thẳng tiến. Trong hoàng hôn, những dãy núi xanh hai bên bờ sông đen sẫm lại, nối tiếp nhau chạy lùi về phía sau lái.

Tôi và cháu Hoằng ngồi tựa cửa thuyền, cùng nhìn phong cảnh mờ ảo bên ngoài. Bổng cháu Hoằng hỏi:

- Bác này! Lúc nào chúng ta lại trở về nhỉ?
 - Trở về? Sao cháu chưa đi đã nghĩ đến chuyện trở về?
 - Nhưng mà thằng Thủy Sinh nó hẹn cháu đến nhà nó chơi cơ mà!
- Hoằng giương to đôi mắt đen nháy nhìn tôi, ngây người suy nghĩ.

Tôi và mẹ tôi cũng đều có ý buồn, vì thế mà lại nhắc đến Nhuận Thổ. Mẹ tôi nói:

- Cái chị Hai Dương, "nàng Tây Thi đậu phụ" ấy mà! Từ khi nhà ta bắt đầu sửa soạn hành lý, chẳng ngày nào là chị ta không đến. Hôm trước, chị ta đứng cạnh đồng tro, moi ra hơn mười chiếc, cả bát lẫn đĩa, bàn tán một hồi rồi nói quyết rằng Nhuận Thổ vùi vào đấy để khi nào xúc tro là mang đi luôn. Chị ta khám phá ra việc đó, tự cho mình là có công, liền lấy ngay cái "cầu khí sát", (một dụng cụ ở quê tôi người ta dùng nuôi gà, làm bằng một tấm ván, trên có song song, trong đựng thức ăn, gà chỉ việc thò cổ vào mổ, còn chó thì đứng nhìn, chịu chết), rồi chạy biến. Tuy nhiên chị ta lùn và chân bé tí tẹo thế mà chạy cũng nhanh đáo để!

Ngôi nhà cũ xa dần, phong cảnh làng cũ cũng mờ dần, nhưng lòng tôi không chút lưu luyến. Tôi chỉ cảm thấy xung quanh tôi là bốn bức tường vô hình, nhưng rất cao, làm cho tôi vô cùng lẻ loi, sầu muộn. Hình ảnh đứa bé oai hùng, cổ đeo vòng bạc, đứng giữa ruộng dưa hấu, tôi vốn nhớ rõ lắm, nhưng bây giờ bỗng nhiên cũng mờ nhạt đi, khiến tôi lại càng thêm ảo não.

Mẹ tôi và cháu Hoàng đã ngủ rồi.

Tôi nằm xuống, nghe nước róc rách vỗ vào mạn thuyền, biết là tôi đang đi theo con đường của tôi. Tôi nghĩ bụng: Tôi và Nhuận Thổ, tuy cách bức đến như thế này, nhưng con cháu chúng tôi vẫn còn thân thiết với nhau. Chẳng phải là cháu Hoàng đang tưởng nhớ đến Thủy Sinh đó ư? Tôi mong ước chúng nó sẽ không giống chúng tôi, không bao giờ phải cách bức nhau cả... Nhưng tôi cũng không muốn chúng nó vì thân thiết với nhau mà phải vất vả, chạy vạy như tôi, cũng không muốn chúng nó phải khốn khổ mà đàn độn như Nhuận Thổ; cũng không muốn chúng nó phải khốn khổ mà tàn nhẫn như bao nhiêu người khác. Chúng nó cần phải sống một cuộc đời mới, một cuộc đời mà chúng tôi chưa từng được sống.

Tôi nghĩ đến những niềm hy vọng, bỗng nhiên hoảng sợ. Khi Nhuận Thổ xin chiếc lư hương và đôi đèn nến, tôi cười thầm, cho rằng anh ta lúc nào cũng không quên sùng bái tượng gỗ.

Nhưng bây giờ, điều tôi đang gọi là hy vọng đây, biết đâu không phải là một thứ tượng gỗ tự tay tôi chế tạo ra? Có khác chẳng là những điều anh ta mong ước thì gần gũi, còn những điều tôi mong ước thì xa vời đó thôi.

Tôi đang mơ màng, thì trước mắt tôi hiện ra cảnh tượng một cánh đồng cát, màu xanh biếc, cạnh bờ biển; trên vòm trời xanh đậm, treo lơ lửng một vòng trăng tròn vàng thắm. Tôi nghĩ bụng: Đã gọi là hy vọng thì không thể nói đâu là thực, đâu là hư. Cũng giống như những con đường trên mặt đất; kỳ thực, trên mặt đất vốn làm gì có đường. Người ta đi mãi thì thành đường thôi.

*Tháng Giêng năm 1921
(TRƯƠNG CHÍNH dịch)*

TẾT ĐOAN NGỘ

Gần đây, ông Phương Huyền Xước thường hay nói câu "Cũng là một chín một mười" đã thành quen miệng. Không những ông ta hay nói thế, mà câu ấy quả đã khắc sâu vào đầu óc ông ta rồi. Trước kia, câu ông ta thường dùng là câu "Cũng như nhau cả thôi", nhưng về sau hình như cảm thấy chưa được yên ổn, nên đổi là "Cũng là một chín một mười!" và dùng mãi cho đến bây giờ.

Từ ngày ông ta tìm ra được câu danh ngôn bình thường đó, tuy nó có ý gọi cho ông ta nhiều điều bực dọc mới, nhưng cũng đưa lại cho ông ta một nguồn an ủi mới. Thí dụ như thấy các bậc lão thành uy hiếp bọn thanh niên, lúc đầu ông ta cũng giận, nhưng sau nghĩ lại thì ông ta lại nói: "Lớp trẻ này mai sau có con có cháu thì rồi cũng lại lên mặt như thế thôi". Thế là ông ta không bực dọc nữa. Lại như thấy bọn lính đánh đập các người kéo xe, lúc đầu ông ta cũng giận, nhưng nghĩ lại, ông ta lại nói: "Giả sử người kéo xe là lính và người lính đi kéo xe thì rồi cũng đánh đập thế thôi!" Thế là ông ta không để tâm đến nữa. Nghĩ như vậy, có lúc ông ta cũng ngờ rằng có lẽ vì chính bản thân mình không có dũng khí chống lại cái xã hội xấu xa này chăng, nên mình mới tự lừa dối mình, cố tìm ra một lối thoát, gần như là kẻ vô tâm, phải trái thế nào cũng mặc kệ. Thái độ ấy nên thay đổi đi thì hơn. Nhưng cái ý nghĩ trên kia lại cứ bám sâu vào đầu óc ông ta.

Lần đầu tiên ông ta đưa cái thuyết "một chín một mười" ra phát biểu một cách công khai, ấy là vào lúc ông ta giảng bài ở trường Thủ Thiên tại Bắc Kinh. Lúc đó, đại khái ông ta đang đề cập đến những chuyện trong lịch sử. Ông ta nói: "Cổ kim, con người cũng khác gì nhau mấy", "Những dân tộc khác màu da, tính tình cũng giống như nhau cả thôi". Rồi liên miên, cuối cùng ông ta đề cập đến vấn đề học sinh và quan lại. Luận điệu của ông ta như sau:

- Bây giờ trong xã hội có cái "mốt" khá phổ biến là chửi quan lại, mà chửi hăng nhất là học sinh. Nhưng quan lại có phải là một chủng tộc đặc biệt giời sinh ra đâu! Cũng là bình dân mà trở thành cả. Ngày nay quan lại xuất thân học sinh không phải là ít, mà nào có khác gì quan lại cũ

đâu! "Dịch địa tắc giải thiên", thay đổi địa vị là rồi thế cả! Tư tưởng, ngôn luận, cử chỉ, tác phong đều chẳng khác gì nhau lắm. Ngay bao nhiêu những việc học sinh mới làm vừa rồi, không phải là khó lòng tránh khỏi tệ lậu đấy ư? Không phải là phân nửa đều tan thành mây khói đấy ư? Cũng là một chín một mười thôi! Nhưng điều đáng lo cho tương lai Trung Quốc chính ở chỗ đó..."

Hơn hai mươi người ngồi rải rác trong lớp học nghe ông ta giảng, kẻ thì đâm ra buồn nản, có lẽ vì cho rằng ông ta nói phải, kẻ thì đâm ra phẫn nộ, có lẽ vì cho rằng ông ta làm nhục đến thanh niên thần thánh. Có mấy anh nhìn ông ta mỉm cười, có lẽ cho rằng chính ông ta đang biện hộ cho ông ta. Bởi vì ông Phương Huyền Xước là một người vừa đi dạy, vừa làm việc quan!

Thực ra, nhằm cả. Đó chẳng qua chỉ là một kiểu bất bình mới của ông ta mà thôi. Tuy nói là một kiểu bất bình nhưng lại chỉ là một kiểu lý luận suông để được an thân. Chính ông ta cũng không biết rõ là vì ông ta lười hay là vì ông ta không được tích sự gì thật, mà ông ta cảm thấy không thích hoạt động gì cả và hết sức an phận thủ thường. Ông Tổng trưởng³⁶ vu oan cho ông ta mắc bệnh thần kinh; miễn địa vị ông ta không bị lung lay thì thôi, ông ta không mở miệng cãi lại. Lương lậu giáo viên hơn nửa năm chưa trả, miễn ông ta còn có món lương về chức quan đủ ăn tiêu thì thôi, ông ta quyết không mở miệng đòi. Chẳng những không mở miệng đòi mà khi các giáo viên khác liên hiệp lại đòi chính phủ trả lương thì trong bụng ông ta thầm cho rằng: như thế là không suy nghĩ chín chắn lại sinh chuyện kêu ca. Đến khi nghe bạn đồng liêu chê cười bọn nhà giáo quá, lúc đó ông ta mới hơi bực dọc một chút. Sau nghĩ lại, ông ta cho rằng mình bực dọc là bởi vì chính phủ thiếu tiền của mình, chứ như các ông quan kia, họ không đi dạy thì thôi, họ vẫn thanh thản như thường.

Tuy chính phủ thiếu tiền của ông ta, nhưng ông ta chưa bao giờ gia nhập đoàn thể các nhà giáo cả. Có điều, người ta quyết nghị bãi khóa thì ông ta cũng không lên lớp. Chính phủ nói: "Có lên lớp dạy mới phát lương" thì ông ta mới hơi giận, thấy chúng nó như là đưa quả cây ra mà nhử khỉ. Một nhà "giáo dục" lớn phát biểu ý kiến: "Nhà giáo mà tay xách cặp, tay ngửa đòi tiền thì chẳng lấy gì làm cao thượng!!!". Nhưng về nhà, ông ta mới thực chính thức cầu nhàu với vợ. Buổi cơm chiều hôm nghe cái thuyết "không cao thượng đó", ông ta nhìn mâm cơm nói:

- Này! Làm sao chỉ có hai món thế này thôi à?

Vợ chồng ông ta không phải là người tân học, bà Xước không có biệt hiệu, học danh nào cả, nên không có cái tên nào để xưng hô với nhau; theo lệ cũ thì cũng có thể gọi là "mình", nhưng ông ta lại không muốn thủ cựu quá, do đó mới phát minh ra chữ "này" để gọi vợ. Còn bà Xước thì "này" cũng không "này" nữa, chỉ nhìn vào mặt chồng mà nói; theo thói quen, như thế ông ta biết là nói với ông ta.

- Nhưng tháng trước chỉ lĩnh được có hơn một phần mười. Hết sạch rồi! Gạo ngày hôm qua, nói khó nói dễ mãi mới mua chịu được đấy!

Bà Xước đứng cạnh bàn, nhìn vào mặt ông chồng mà nói.

- Đấy xem, còn nói nhà giáo mà đi đòi tiền lương là bần tiện nữa không! Cái hạng ấy có lẽ đến cái việc tầm thường là người thì phải ăn cơm, nấu cơm thì phải có gạo, mua gạo thì phải có tiền, chắc cũng không biết!

- Phải. Không có tiền thì làm sao mua gạo được, không có gạo thì làm sao thổi cơm được!

Ông ta phụng má ra, hơi buồn vì thấy câu nói đó của vợ gần như bắt chước mà phụ họa cái thuyết "một chín một mười" của ông ta. Sau đó, ông ta quay mặt sang chỗ khác. Theo thói quen, như thế là ông ta tuyên bố cuộc thảo luận giữa hai vợ chồng đến đây là chấm dứt.

Mãi đến cái hôm trời rét gió lạnh, các ông giáo kéo nhau đi đòi Chính phủ trả lương và bị lính Chính phủ đánh đập vỡ đầu chảy máu ở trước cửa Tân hoa môn³⁷ lầy lội, lúc đó Chính phủ mới đành phải trả cho một ít. Ông Phương Huyền Xước không phí một chút hơi sức nào mà cũng lĩnh được tiền, trả được ít món nợ cũ. Nhưng ông ta cũng vẫn còn lại một số nợ khá lớn chưa thanh toán được, bởi vì lương về chức quan của ông ta, Chính phủ cũng đang thiếu. Lúc bấy giờ, cả những ông quan thanh liêm cũng dần dần cho rằng thiếu tiền lương thì không thể không đòi được, huống chi ông Phương Huyền Xước lại kiêm giáo viên nữa, tự nhiên ông ta càng đồng tình với bên giáo giới. Cho nên lúc mọi người chủ trương tiếp tục bãi khóa, mặc dù ông ta vẫn không đến họp, nhưng sau đó ông ta vui vẻ thành tâm theo nghị quyết chung.

Nhưng rồi Chính phủ lại phát tiền, và nhà trường lại mở cửa. Có điều mấy ngày trước đây, Tổng hội học sinh lại viết một lá đơn đệ lên Chính phủ nói rằng: "Nếu thầy giáo không lên lớp thì không nên trả số tiền lương còn thiếu". Tuy chẳng có hiệu quả gì, nhưng ông Phương Huyền Xước bỗng sực nhớ đến câu Chính phủ nói trước kia: "Có lên lớp dạy mới trả tiền", thì cái thuyết "một chín một mười" lại lớn vồn trong

đầu ông ta, không làm sao quên được. Do đó, ông ta phát biểu công khai ở giữa lớp.

Xem thế đủ rõ, nếu đem cái thuyết "một chín một mười" ra mà đào sâu suy nghĩ, tự nhiên cũng có thể thấy bao hàm một mối bất bình riêng, chứ quyết không thể nói được đó chỉ là một câu biện bác cho việc ông ta làm quan. Có điều, những lúc đó, ông ta thường thích đả động đến cả những vấn đề như là vận mệnh trong tương lai của Trung Quốc. Không khéo một chút thì cả ông ta cũng sẽ tự cho ông ta là một bậc chí sĩ cứu quốc của dân nữa kia! Con người ta thường khổ ở chỗ không tự biết mình.

Nhưng cái sự thực - "một chín một mười" đã lại phát sinh. Buổi đầu Chính phủ không đếm xỉa đến các ông giáo chỉ được cái quấy rầy cho người ta nhức đầu nhức óc, về sau cũng lại không đếm xỉa đến bọn quan hiền lành như đất sét, cho nên cứ thiếu chuyển này rồi thiếu chuyển khác, rốt cuộc làm cho những ông quan tốt, trước kia khinh bọn nhà giáo đến đòi lương, có mấy vị cũng đã trở thành chủ chốt trong đại hội đòi lương rồi! Duy chỉ còn mấy tờ nhật báo là vẫn đăng những bài khinh bỉ chê cười họ mà thôi. Ông Phương Huyền Xước cũng không lấy làm lạ. Ông ta chẳng thèm để ý đến nữa bởi vì ông ta căn cứ vào thuyết "một chín một mười" mà biết rằng chẳng qua các ông nhà báo chưa hề bị thiếu tiền nhuận bút đấy thôi; vạn nhất Chính phủ, hoặc giả bọn tư sản đình chỉ trả lương cho họ thì họ cũng sẽ khai đại hội cho mà xem!

Ông ta đã tán thành việc nhà giáo đòi tiền lương, tất nhiên ông ta cũng tán thành các bạn đồng liêu đòi tiền lương. Nhưng ông ta vẫn ngồi điềm nhiên ở sở, vẫn như trước không chịu cùng đi đòi với người ta. Có người ngờ rằng ông ta cao ngạo. Như thế chẳng qua hiểu lầm ông ta mà thôi. Ông ta tự bảo rằng: "Từ khi ông ta sinh ra ở trên đời chỉ có người khác đòi nợ ông ta chứ ông ta chưa từng đi đòi nợ ai bao giờ cả. Cho nên việc đòi nợ không phải là "sở trường" của ông ta. Vả lại ông ta rất ngại gặp mặt những kẻ nắm quyền về kinh tế. Những kẻ đó chỉ khi họ mất thế đi rồi, khi tay họ cầm cuốn Đại thừa khởi tín luận³⁸ giảng Phật học rồi, thì lúc ấy cố nhiên họ cũng hòa nhã dễ gần, chứ như khi họ còn giữ cái địa vị cao quý đó thì họ vẫn có cái bộ mặt Diêm Vương, xem ai cũng là nô lệ, và tự cho họ có quyền sinh sát đối với những kẻ vô danh tiểu tốt. Vì thế mà ông ta không dám gặp mặt và cũng không muốn gặp mặt họ. Với cái thái độ đó, tuy có lúc ông ta cũng cảm thấy mình là cao ngạo

nhưng đồng thời ông ta cũng thường nghĩ rằng kỳ thực mình không có bản lĩnh gì nên mới sinh ra thế.

Người ta vay đông vay tây rồi cũng qua được tết này tết khác. Nhưng so với trước, ông Phương Huyền Xước đã túng thiếu lắm rồi. Cho nên không cần phải nói đến thằng bé sai vặt trong nhà, hay là các hàng quán ông ta thường đi lại mua bán, ngay cả bà vợ ông ta dần dần đối với ông ta cũng không ra vẻ kính nể ông ta nữa. Cứ xem cái việc bà ta gần đây không phụ họa với ông ta mà thường xuyên đưa ý kiến riêng ra, lại có những cử chỉ đường đột nữa, thì cũng có thể rõ. Buổi trưa ngày mồng bốn tháng năm Âm lịch, ông ta vừa bước chân về đến nhà thì bà ta đã giúi vào mũi ông ta một tập giấy đòi nợ. Đó là chuyện trước kia chưa từng có.

Bà ta nói mà không nhìn mặt ông ta:

- Cộng tất cả lại phải có một trăm tám mươi đồng mới trả hết. Lương lĩnh chưa?

- Hừ, mai tôi sẽ xin từ chức. Phiếu lương họ đã lĩnh về rồi, nhưng đại biểu đại hội đòi tiền lương không chịu phát. Lúc đó thì họ nói không phát cho những ai không đi đòi, sau lại nói phải thân hành đến tìm họ mà lĩnh. Bây giờ chúng nó cầm phiếu lương trong tay thì chúng nó lại biến thành Diêm Vương. Tôi quả thực rất ngại gặp mặt... Tiền tôi cũng không cần, quan tôi cũng không thiết. Như thế này thì nhục lắm!

Bà Xước thấy chồng chưa bao giờ vì chính nghĩa mà phần uất như thế, có hơi ngạc nhiên, nhưng rồi cũng làm thinh. Sau bà ta nhìn vào mặt chồng mà nói:

- Tôi nghĩ chi bằng cứ đi mà lĩnh đi. Kể gì những cái vật vãnh như thế!

- Tôi không đi! Tiền lương chứ có phải tiền người ta thưởng cho mình đâu! Theo lệ thường thì phải phòng kế toán đưa lại.

- Nhưng người ta không đưa lại thì làm thế nào? À, hôm qua, quên nói cho ông biết, mấy đứa con chúng nó đòi tiền học. Nhà trường đã thúc mấy bận rồi, nói nếu như không nộp thì...

- Láo thật! Thằng bố vừa đi làm việc vừa đi dạy thì không trả lương, mà con đi học thì đòi học phí!

Bà vợ thấy ông ta không kể gì đến lẽ phải nữa mà lại nói hằn học với bà ta như chính bà ta là hiệu trưởng, nghĩ bụng không nên động đến nữa, nên bà ta im.

Hai người lặng lẽ ăn cơm trưa. Ông Xước ngồi nghĩ ngợi một lúc rồi buồn rầu bỏ ra đi.

Theo lệ thường, mấy năm gần đây cứ trước hôm nghỉ lễ hay nghỉ Tết thì phải đến mười hai giờ đêm, ông ta mới về nhà; vừa đi vào, tay vừa móc túi, nói to:

- Này, lương lĩnh về đây rồi này!

Rồi đưa cho vợ một tập Trung Giao phiếu³⁹ mới toanh, trông vẻ đắc ý lắm. Ai ngờ hôm nay mồng bốn rồi mà lại khác lệ thường, chưa bảy giờ mà ông ta đã về. Bà vợ vừa ngạc nhiên vừa lo lắng, tưởng ông ta đã xin thôi việc rồi. Bà ta nhìn trộm vào mặt chồng có ý dò xét, nhưng chẳng thấy ông ta tỏ vẻ gì là có điều không may khác thường đã xảy ra cả.

Bà Xước nhìn thẳng vào mặt ông chồng nói:

- Sao?... Sao về sớm thế?...

- Phát không kịp. Chưa lĩnh được. Nhà ngân hàng đóng cửa rồi. Phải chờ đến mồng tám.

Bà ta lo lắng hỏi:

- Thân hành đến lĩnh à?

- Đã bỏ chuyện bắt thân hành đến lĩnh đi rồi. Nghe nói cứ do phòng kế toán đưa đến như trước. Nhưng ngân hàng đóng cửa nghỉ ba hôm, phải chờ đến sáng mồng tám.

Ông ta ngồi, cúi mặt xuống đất, uống một ngụm trà rồi nói thông thả:

- May mà trong sổ không xảy ra vấn đề gì. Đến mồng tám thì chắc chắn là có tiền. Đến những nhà bà con bạn bè không thân thiết lắm mà vay tiền, thật là phiền phức, khó khăn quá. Lúc chiều, tôi liêu đến tìm ông Kim Vĩnh Sinh nói chuyện một hồi, nghe mình nói mình không đi đòi lương, không chịu thân hành đến lĩnh thì ông ta khen là mình thanh cao lắm, làm như thế mới ra con người, nhưng sau biết mình định đến giật tạt ông ta năm mươi đồng thì ông ta mặt nhăn như bị, y như là mình nắm một nắm muối nhét vào miệng không bằng, nói nào là chưa thu được tiền nhà, nào là buôn bán thua lỗ, lại nói có thân hành đến lĩnh lương trước mặt đồng nghiệp cũng chẳng sao, rồi tức thì khuyên mình cứ đi mà lĩnh.

Nhưng bà Xước không có vẻ gì là bức tức cả, chỉ lạnh lùng nói:

- Gần tết nhất như thế này rồi, ai mà người ta cho vay mượn!

Ông Xước cúi đầu xuống, cũng cảm thấy chuyện đó không lấy gì làm lạ thật, huống nữa chỗ ông ta với ông Kim Vĩnh Sinh vốn cũng chẳng thân thiết gì. Rồi ông ta sức nhớ đến việc cuối năm ngoái, có người đồng hương đến vay ông ta mười đồng bạc, lúc đó, ông đã cầm phiếu lương của sở trong tay rồi, nhưng vì sợ người kia sau này vị tất đã giả nên ông ta làm bộ buồn rầu, nói rằng sở chưa phát lương, quả thật "muốn giúp nhưng không biết làm sao mà giúp", thành ra người kia phải ra về tay không. Tuy lúc đó, ông ta không thể nhìn thấy được bộ mặt giả vờ của ông ta như thế nào, nhưng cũng cảm thấy hết sức lúng túng, môi hơi run run, đầu cứ lắc đi lắc lại.

Được một lát, như sức nhớ ra điều gì ông ta ra lệnh bảo thằng nhỏ lập tức ra phố mua chịu một chaiLiên hoa Bạch. Ông ta biết, ngày mai mình sẽ trả nợ, nên nhà hàng không dám không cho mua chịu, nếu không cho mua chịu, ngày mai một xu cũng không trả. Sự trừng phạt đó, chúng nó phải chịu.

Mua chịu đượcLiên hoa Bạchrồi, ông ta uống luôn hai chén, mặt đang xanh nhòn bỗng đỏ ửng lên. Ăn xong cơm, ông ta lại có ý phấn khởi, châm một điếuCaramelhảo hạng, cầm cuốnThường thí tập⁴⁰ để trên bàn, nằm xuống giường định xem.

Bà Xước đi lại, đứng cạnh giường, nhìn vào mặt chồng nói:

- Thế thì mai nói với các hàng quán ra làm sao?
- Hàng quán à? Cứ bảo chiều mồng tám đến.
- Tôi không thể nói như thế được. Họ không tin và cũng không chịu đâu!

- Có gì mà không tin. Họ không tin thì họ cứ đi mà hỏi. Cả sở đã có ai người ta lĩnh đâu nào? Phải đợi đến mồng tám tất.

Ông ta đưa ngón tay trở lên giữa khoảng không trong màn, vẽ một nửa vòng tròn. Bà vợ nhìn theo ngón tay ông chồng cũng thấy một nửa vòng tròn rồi lại thấy tay ông chồng giở cuốnThường thí tậpra.

Bà Xước thấy chồng ngang ngược đến nỗi không kể gì tình lý nữa, không biết ăn nói làm sao. Sau cùng, bà ta tìm cách khác nói:

- Tôi nghĩ như thế này thì không thể sống được nữa, phải tìm một con đường khác, làm một việc gì khác.

- Con đường khác? Tôi thì văn dốt vũ dốt, làm việc gì khác là việc gì?
- Chẳng phải là ông thường viết sách, gửi đi Thượng Hải xuất bản ư?

- Các nhà xuất bản ở Thượng Hải à? Mua bản thảo thì tính từng chữ một. Những chỗ để trắng thì không tính tiền. Xem bài thơ bằng bạch thoại tôi làm đây này! Bao nhiêu chỗ để trắng! Chỉ được ba trăm đồng là cùng. Tiền nhuận bút hàng nửa năm mà chẳng có tin tức gì. "Nước xa không cứu được lửa gần", ai mà chịu được!

- Thế thì gửi cho các nhà báo ở đây có được không?

- Gửi nhà báo à? Ở đây có một tờ báo lớn, và cũng có một anh học trò cũ trong ban biên tập nể mặt, nhưng một nghìn chữ cũng được mấy đồng thôi! Dù có viết từ sáng sớm đến nửa đêm, cũng không làm sao nuôi nổi cả nhà được? Huống chi trong bụng tôi vẫn chương đâu mà nhiều thế!

- Thế thì làm thế nào mà ăn Tết?

- Ăn Tết à? Thì cứ đi làm việc. Ngày mai các hàng quán đến đòi tiền, chỉ cần nói là đến chiều mồng tám.

Ông ta lại định xem cuốn Thường thí tập. Bà vợ sợ lỡ cơ hội liền áp úng nói:

- Tôi nghĩ, Tết xong, đến mồng tám, có lẽ phải đi mua một cái vé xổ số.

- Nói tầm bậy! Sao lại mở miệng nói được những lời như thế nhỉ?

Lúc đó, ông ta bỗng lại nhớ đến việc bị ông Kim Vĩnh Sinh khuyên đi lĩnh tiền. Bấy giờ, ông ta buồn rầu đi qua hiệu Đạo hương thôn, thấy trước cửa có tấm biển quảng cáo chữ to bằng cái đấu: "Số độc đắc mấy vạn đồng", ông ta nhớ hình như trong bụng ông ta cũng có suy nghĩ, và có lẽ cũng đã đi chậm bước lại, nhưng tựa hồ như vì trong ví da chỉ còn có sáu hào, không dám bỏ ra mua, nên kiên quyết bỏ đi thẳng. Mặt ông ta biến sắc. Bà vợ tưởng rằng ông ta bực vì câu nói tầm bậy của mình nên vội vàng bỏ đi ra, không nói hết câu.

Ông Xước cũng không nói hết câu, ưỡn lưng một cái, giở cuốn Thường thí tập, ngâm nga.

Tháng 6 năm 1929

THỎ VÀ MÈO

Hè vừa rồi, bà Ba ở sau vườn nhà tôi có mua được đôi thỏ trắng cho con chơi.

Đôi thỏ này hình như mới bỏ bú. Và tuy là khác loài nhưng chúng ta cũng thấy được chúng nó ngây thơ, hồn nhiên lắm. Chúng nó vểnh cặp tai lên, bé tí và đỏ hồng hồng. Mũi thì cứ động đây, đôi mắt ra vẻ sợ hãi, ngờ vực, đáng chừng chúng nó cảm thấy đất khách quê người nên không được an tâm như hồi còn ở nhà mẹ. Loại thỏ này, nếu gặp ngày phiên và tự tay mua lấy, mỗi con đắt lắm cũng đội vài quan là cùng, nhưng bà Ba đã phải bỏ ra những một đồng bạc, bởi vì bà ta sai thằng nhỏ mua ở hiệu.

Bọn trẻ con tất nhiên vui thích lắm, cứ vây quanh, vừa xem, vừa reo hò. Người lớn cũng xúm lại xem. Cả con chó con S. cũng chạy đến, xông vào đánh hơi, khịt đằng mũi một cái rồi lùi ra. Bà Ba mắng:

- Không được cắn nó đâu nhé! Nghe không S.?

Rồi bà ta đưa tay đánh vào đầu con chó một cái. Con chó bỏ đi, và từ đó không bao giờ cắn thỏ cả.

Đôi thỏ này thường nhốt trong cái sân nhỏ, sau cửa sổ phía sau nhà, nghe đâu bởi vì chúng nó hay quào rách giấy dán tường và cũng hay gặm nát chân bàn ghế. Trong mảnh sân nhỏ này có một gốc dâu dại. Quả dâu rụng xuống, thỏ thích ăn lắm đến nỗi không buồn ăn các thứ rau người ta đưa đến cho. Lúc nào quạ hay chim thước sà xuống thì chúng nó gù lưng lại, hai chân sau dấn mạnh một cái xuống đất đánh "bịch" rồi nhảy ngược lên, như một cục tuyết. Quạ, thước bay mất. Mấy lần như thế rồi sau không dám lảng vảng đến nữa. Bà Ba nói rằng, quạ thước thì không ngại, chẳng qua cướp mất ít thức ăn là cùng, chứ cái con mèo đen kia mới đáng ghét. Nó cứ ngồi lù lù trên bức tường thấp, nhìn chăm chặp, vẻ ác lắm. Phải coi chừng. May mà con S. với nó là thù địch của nhau; có lẽ cũng không đến nỗi xảy ra việc gì.

Bọn trẻ con thường bắt cặp thỏ ra nghịch, dang tay vây quanh. Thỏ rất hiền lành, cứ vểnh tai lên, động đây cái mũi, ngoan ngoãn đứng trong vòng vây. Nhưng sơ hở một tí là chúng nó luồn ngay ra ngoài. Đêm

đến, chúng nó ngủ trong một chiếc hòm gỗ nhỏ, trong lót ít rạ, đặt dưới mái hiên phía cửa sổ sau.

Được mấy tháng như thế, bỗng một hôm thấy chúng nó cứ bới đất lên, bới rất nhanh, chân trước quào, chân sau hất, chưa đầy buổi đã đào được một cái hang sâu. Ai cũng lấy làm lạ. Sau xem kỹ thì ra một con, bụng to hơn bụng con kia nhiều. Hôm sau, chúng nó tha cỏ khô, lá cây vào hang, lục đục suốt buổi.

Mọi người vui vẻ, nói là sẽ được xem thỏ con; bà Ba liền hạ lệnh giới nghiêm, cấm trẻ con từ nay không được bắt thỏ nghịch nữa. Mẹ tôi cũng rất mừng thấy gia đình nhà thỏ đông đúc thêm, và nói chờ lúc nào thôi bú, cũng sang xin một đôi về nuôi ngay ngoài cửa sổ nhà mình.

Từ đấy, chúng nó cứ nằm lì trong cái hang chúng nó đào lấy. Thỉnh thoảng cũng có ra ăn, nhưng sau thì không thấy ra nữa. Không biết chúng nó ăn thức ăn dự trữ trong hang hay là chúng nó không ăn nữa. Được hơn mười ngày, bà Ba bảo với tôi rằng lại thấy chúng nó ra, và có lẽ bày thỏ con đẻ ra chết cả rồi hay sao ấy, bởi vì thấy con thỏ cái, vú căng sữa mà lại tuyệt nhiên không vào cho con bú. Bà ta nói có vẻ bực mình lắm, nhưng cũng chẳng biết làm thế nào.

Một hôm, trời ấm, cũng không có gió, lá cây im phắc. Bỗng nghe có tiếng cười nói ồn ào ở đâu. Chạy ra xem thì thấy quả có nhiều người đang đứng ở cửa sổ nhà bà Ba. Thì ra có một chú thỏ con đang nhảy nhót giữa sân. So với "bố mẹ" nó khi mới mua về thì còn nhỏ hơn nhiều, nhưng cũng đã biết lấy chân sau dấn mạnh xuống đất mà nhảy ngược lên được rồi. Bọn trẻ con tranh nhau mách với tôi rằng còn thấy một chú nữa thò đầu ra cửa hang một cái thì đã thụt vào ngay. Có lẽ là em con này.

Chú thỏ con cũng nhặt lá ăn, nhưng con thỏ lớn hình như không cho ăn, lấy mõm giật ra, chứ nó cũng không ăn. Bọn trẻ con cười ầm lên. Chú thỏ con đâm sợ, chạy tuốt vào hang. Con lớn cũng chạy theo đến cửa hang, đưa chân trước ấy vào lưng con em mà đùn vào. Đùn vào rồi, lại bới đất lấp kín cửa hang lại.

Từ đấy, cái sân con nhà bà Ba lại càng ồn ào. Thường thường ở cửa sổ sau thấy có người đứng nhòm ngó. Thế nhưng tuyệt nhiên không thấy bóng thỏ lớn, thỏ con đâu nữa cả. Trời lại âm u mấy ngày liền. Bà Ba lo con mèo đen nó ác lắm, có thể nào rồi chẳng. Tôi bảo không phải, chắc trời lạnh chúng nó phải nấu đi, chứ thế nào hừng nắng lên, chúng nó lại ra thôi.

Nhưng trời hửng nắng rồi mà vẫn không thấy chúng nó ra. Thế rồi người ta cũng quên bẵng đi.

Chỉ có bà Ba là người thường đưa rau đến cho chúng nó ăn nên còn hay nghĩ tới. Có một lần bà ta đi vào cái sân nhỏ ở phía cửa sổ sau, chợt thấy ở xó tường có một cái hang nữa. Nhìn lại miệng cái hang cũ thì thấy có nhiều vết móng chân lở mờ. Những vết móng chân này mà nói là của thỏ lớn, thì thỏ lớn móng chân đâu có to như thế! Bà ta đâm nghi là của con mèo đen thường ngồi lù lù trên bức tường, Thế là bà ta không thể nào không quyết tâm đào lên xem sao. Bà ta lấy cuốc đào lên, tuy trong lòng ngờ vực nhưng cũng còn hy vọng may ra còn thấy chú thỏ con trắng chẳng. Nhưng rốt cuộc, chỉ thấy mỗi một đồng cỏ khô nát bần dính ít lông thỏ, có lẽ đó là cái ổ chúng nó lót lúc ở cũ. Ngoài ra lạnh tanh chẳng thấy tung tích chú thỏ con trắng như tuyết đâu cả, đến cái chú thỏ em mới thập thò ra khỏi cửa hang kia cũng không thấy nốt.

Vừa giận, vừa thất vọng, vừa buồn rầu, bà ta không thể nào không đào nốt cái hang mới ở xó tường xem ra làm sao. Mới đục tới thì đôi thỏ lớn đã nhảy ra. Bà ta cho là chúng nó rời chỗ sang đây, mừng lắm, nhưng vẫn đào. Đào đến tận cùng thì lại thấy một đồng cỏ và ít lông lót thành ổ, có bảy con thỏ bé tí tẹo, đỏ hồng, đang nằm ngủ. Nhìn kỹ, chưa con nào mở mắt cả.

Bây giờ thì rõ ràng lắm rồi. Điều bà Ba dự đoán quả không sai. Để đề phòng nguy hiểm, bà ta đem cả bảy con thỏ con bỏ vào cái hòm gỗ, khiêng vào buồng bà ta nằm, ấn cả con mẹ vào đấy nốt, bắt buộc phải cho bú.

Từ đấy, bà Ba không những ghét con mèo đen đến thậm tệ, mà còn trách cả con thỏ mẹ không biết đường. Nghe bà ta nói thì trước khi hai con thỏ kia bị hại, đã có nhiều con khác chết rồi, bởi vì không thể nào một lúc mà lại chỉ được hai con thôi, chẳng qua là không cho bú đều, thành ra con nào không tranh bú được là nghèo. Điều đó có lẽ là đúng. Trong bảy con thỏ này, cũng có hai con rất gầy. Vì vậy hẳn việc là bà ta lại tóm lấy con thỏ mẹ, rồi lần lượt bắt từng con thỏ con đặt vào bụng, cho bú đều, không để cho con no con đói nữa.

Mẹ tôi bảo với tôi rằng cách nuôi thỏ như thế diệu vợi quá, đến nghe nói cũng chưa từng nghe ai nói bao giờ, e có thể chép vào cuốn *Vô song phả*⁴¹ được.

Họ hàng nhà thỏ dần dần đông thêm. Mọi người đều vui mừng.

Nhưng từ đó về sau, riêng tôi thì lại buồn vô hạn. Đêm khuya, ngồi trước đèn tôi thường nghĩ: hai chú thỏ con kia chết lúc nào, người cũng không biết mà quỷ thần cũng không hay. Trong cuốn lịch sử muôn loài, đã không để lại dấu vết gì, mà đến con chó S. cũng không sửa lên cho một tiếng! Nhân đấy mà sức nhớ đến chuyện cũ. Hồi còn ở trọ nhà Hội quán, một hôm ngủ dậy sớm, thấy dưới gốc cây hòe một nắm lông bồ câu, tán loạn mỗi nơi một cái. Rõ ràng là béo miệng chim cắn rồi! Nửa buổi, ông gác ra cho một nhát chổi, thế là hết, không còn dấu vết gì nữa. Ai có ngờ vừa có một sinh vật toi mạng nơi đây? Lại có lần đi qua căn nhà gác số bốn phía tây, thấy có một con chó con bị xe ngựa đè sắp chết; đến khi trở về, chẳng còn gì nữa. Chắc họ mang đi đâu rồi, khách qua đường lơ đãng, ai có ngờ cũng vừa có một sinh vật toi mạng nơi đây? Đêm hè, phía ngoài cửa sổ thường nghe ruồi đập cánh sè sè, tiếng kêu kéo dài... Chắc bị chú nhện hùm⁴² ăn thịt rồi. Ấy thế mà này giờ tôi có để ý tới đâu! Còn người khác thì chẳng ai nghe thấy cả...

Giá có thể trách Tạo vật được thì tôi cho rằng Tạo vật quả đã sinh ra muôn loài một cách quá nhiều, và tiêu diệt đi một cách quá phí phạm.

"Ngoao"! Lại có hai con mèo nào cắn nhau phía ngoài cửa sổ rồi!

- Tẩn! Con đánh con mèo đấy à?

- Bẩm, không ạ? Chúng nó cắn nhau đấy chứ ạ! Đâu có phải là con đánh!

Mẹ tôi vẫn thường cho việc tôi hành hạ mèo là không phải, bây giờ chắc bà cụ nghi tôi bất bình thay cho hai chú thỏ con mà giở trò gì chẳng, nên ngồi dậy hỏi dè chừng như vậy. Và đối với tất cả người trong nhà, tôi cũng mang tiếng là kẻ thù của mèo. Tôi đã từng giết hại mèo, bình thời cũng thường đánh đập, nhất là khi chúng nó phủ nhau. Nhưng nguyên nhân vì sao mà đánh thì quyết không phải vì chúng nó phủ nhau mà vì chúng nó cứ gào ầm lên làm cho tôi không sao ngủ được. Tôi nghĩ rằng phủ nhau thì hà tất phải gào ầm ỉ lên như thế!

Huống chi con mèo đen lại ăn thịt thỏ con thì "sự xuất hữu danh",⁴³ tôi đánh là phải lắm. Tôi nghe mẹ tôi quá từ tâm cho nên thuận miệng, tôi trả lời một câu mập mờ, tựa hồ như cho việc mình làm là không đúng.

Tạo vật làm lắm chuyện không ra gì, tôi không thể không phản kháng lại, mặc dù có lẽ phản kháng như thế chính là lại giúp cho ông ta một tay cũng nên!

Còn con mèo đen kia nhất định không thể thung dung, ngạo mạn cứ đi đi lại lại trên bức tường thấp ấy mãi được. Tôi quyết như vậy, và bất giác tôi liếc nhìn lọ axít giấu trong hòm sách.

Tháng 10 năm 1922.

HÁT TUỒNG NGÀY RƯỚC THẦN

Hai mươi năm trở lại đây, tôi chỉ xem hát tuồng Trung Quốc có hai lần. Hai lần đều vào khoảng mười năm sau này thôi, chứ khoảng mười năm trước, tuyệt nhiên không xem lần nào; không thích xem mà cũng không có dịp xem. Nhưng cả hai lần đó, cũng chưa xem được gì hết thì đã bỏ về.

Lần thứ nhất là khi tới Bắc Kinh, năm Dân quốc nguyên niên,⁴⁴ Bấy giờ có một anh bạn đến rủ:

- Tuồng Bắc Kinh hay lắm. Anh không đi xem cho biết?

Tôi nghĩ bụng: xem tuồng thì cũng thú đấy, huống nữa là lại được xem ngay ở Bắc Kinh. Thế là chúng tôi hăm hở kéo nhau đến cái rạp gì đó. Đã bắt đầu hát rồi. Ở ngoài đã nghe trống đánh thùng thùng. Vừa chen lọt vào cửa thì thấy trên sân khấu màu đỏ, màu xanh loang loáng trước mắt, và dưới sân khấu, lúc nhúc những đầu người. Định thần lại nhìn bốn phía thì thấy ở khoang giữa có mấy chỗ ngồi bỏ trống. Chen vào sắp ngồi xuống thì có người xì xào. Tiếng trống ù cả tai, chú ý mới nghe ra là ông ta bảo: "Có người rồi! Không được!"

Chúng tôi lui ra. Nhưng một người đuôi sam láng bóng dẫn chúng tôi sang phía bên cạnh, chỉ cho một chỗ ngồi. Cái gọi là chỗ ngồi đó vốn là một chiếc ghế dài, nhưng mặt ván chỉ rộng bằng ba phần tư cái đùi của tôi, còn chân thì lại cao gần bằng hai chân tôi. Tôi chưa có gan trèo lên bỗng chợt liên tưởng đến một thứ dụng cụ tra tấn đặc biệt mà bất giác sờn tóc gáy, bỏ đi ra.

Đi được một quãng xa, bỗng nghe tiếng anh bạn hỏi:

- Thế nào đấy?

Quay đầu lại mới hay là anh bạn đã bị mình cầm tay kéo bừa theo. Anh ta rất đổi ngạc nhiên hỏi tiếp:

- Sao, sao lại cứ cầm đầu bỏ đi như thế, hỏi không nói?

Tôi trả lời:

- Xin lỗi. Tai tôi ù lên, anh hỏi không nghe.

Về sau, mỗi lần nghĩ đến, tôi rất lấy làm quái lạ. Hình như lối hát tuồng đó không hay lắm, nếu không phải thì chắc là cái cách ngồi xem

tuồng như thế kia, đối với tôi, không thích hợp nữa rồi!

Lần đi xem thứ hai, không nhớ vào năm nào, chỉ nhớ vào dịp quyền tiền giúp dân Hồ Bắc bị nạn lụt, và lúc đó kếp Đàm Khiếu Thiên còn sống. Quyền bằng cách mua một cái vé hai đồng bạc đến xem hát ở rạpĐệ nhất võ đài. Rạp này toàn là kếp có tiếng đóng, trong đó có Đàm Khiếu Thiên.⁴⁵ Tôi cũng mua một vé, thật ra là nể người đi quyền mà thôi. Nhưng rồi hình như lại có một anh nào hiểu sự, nhân dịp đó nói cho biết một điều hết sức quan trọng. Thế là tôi quên mất cái nạn chiêm trống inh tai năm trước, cứ đến rạpĐệ nhất võ đài. Nhưng có lẽ lần đi xem này, cái vé quý báu kia cũng quyết định một phần. Đã bỏ tiền ra mua bằng một giá đắt như thế thì phải sử dụng mới khỏi tiếc. Tôi dò hỏi biết được là kếp Khiếu Thiên chỉ phần cuối vở mới ra. vàĐệ nhất võ đạilà một rạp hát kiểu tân thời, không cần phải tranh nhau chỗ ngồi, nên yên chí và chần chừ mãi đến chín giờ mới ra đi. Ai ngờ rạp vẫn chật ních như thường, tìm được chỗ đặt chân cũng khó. Tôi đành phải chen vào đám người đứng phía sau mà nhoi lên nhìn một anh kếp đóng vai bà lão⁴⁶ đang hát. Bà lão miệng ngậm hai cái que quần giấy cháy đỏ rực, đứng cạnh là một tên quỷ sứ. Nghĩ mãi mới đoán chắc có lẽ bà này là mẹ Mục Liên⁴⁷ chẳng, bởi vì sau đó lại thấy có một vị hòa thượng đi ra... Nhưng tôi không rõ ai thủ vai kia, bèn hỏi một ông cụ to béo bị ép gần bẹp gí, ở phía bên trái tôi. Ông cụ lườm tôi một cái, vẻ khinh thường rồi nói: "Cũng Vân Phủ⁴⁸ chứ ai!" Tôi xấu hổ thấy mình quê mùa mà lại khờ dại, nóng cả mặt, định bụng quyết không hỏi nữa. Sau đó, lại xem một kếp thủ vai đào tơ, một kếp thủ vai tiểu thư một kếp thủ vai bà già, một kếp không biết thủ vai gì, rồi xem một toán người đánh nhau loạn xạ, xem ba người đấu võ, từ hơn chín giờ đến mười giờ, từ mười giờ đến mười một giờ, từ mười một giờ đến mười một giờ rưỡi, từ mười một giờ rưỡi đến mười hai giờ... Nhưng kếp Khiếu Thiên vẫn chưa ra...

Xưa nay tôi chưa hề chầu chực một cái gì nhẫn nại được như vậy, huống chi cái ông cụ to béo đứng cạnh tôi cứ thở phì phì, trống chiêm trên sân khấu cứ đánh inh cả tai, màu sắc lòe loẹt cứ chói cả mắt, lại đã mười hai giờ rồi, nên tôi bỗng tỉnh ngộ, thấy việc mình đứng đây quả thực không thích hợp chút nào cả. Như cái máy, tôi quay lại cố hết sức chen ra ngoài, và cảm thấy phía sau lưng, cái chỗ trống đó đã được lấp kín rồi, và cái ông cụ to béo, có thể co giãn kia, chắc đã để cho nửa người bên phải ông ta phình ra được một chút. Có muốn trở lại chỗ cũ cũng

không được nữa, tất nhiên là phải chen ra. Chen mãi và cuối cùng thì chen ra được đến cửa. Ngoài đường, trừ những chiếc xe chở khách, hình như không có ai nữa. Chỉ ở cửa rạp, có hơn mười người đứng nghếch đầu lên xem quảng cáo, lại có một số đứng mà không xem gì hết. Tôi nghĩ bụng: có lẽ bọn này đứng chờ xem phụ nữ tan hát đi về chẳng. Ấy thế mà kếp Khiếu Thiên vẫn chưa ra!...

Khí trời ban đêm mát lạ, quả như "thấm vào da vào thịt". Có lẽ lần này là lần đầu tiên tôi ở Bắc Kinh được thở cái không khí trong lành như thế.

Đêm ấy là đêm tôi từ biệt hẳn hát tuồng Trung Quốc, và sau đó, không bao giờ nghĩ đến nữa, "chúng tôi" cũng phớt đều nhau như thường bởi vì tâm hồn "chúng tôi" đã là kẻ ở Nam người Bắc từ lâu rồi!

Nhưng mấy hôm trước đây, bỗng vô tình được xem một cuốn sách Nhật Bản, - tiếc là quên mất tên sách và tên tác giả rồi - nhưng là một cuốn sách bàn về hát tuồng Trung Quốc. Có một chương đại ý nói: hát tuồng Trung Quốc thôi thì đánh trống đánh chiêng inh tai, la hét om sòm, nhảy múa loạn xạ làm người xem choáng váng cả đầu óc; diễn trong rạp rất không thích hợp nhưng diễn ở một chỗ trống, giữa cánh đồng và đứng xa xa mà xem, cũng có cái phong vị riêng của nó. Xem xong, tôi có cảm tưởng như câu này nói lên được những điều đã có sẵn trong đầu óc tôi, nhưng tôi chưa hề nghĩ mà nói ra thành lời đó thôi, bởi vì tôi nhớ đích xác là đã được xem hát tuồng giữa cánh đồng và quả rất hay. Cho nên khi lên Bắc Kinh, có lại rạp hát hai lần có lẽ chính vì chịu ảnh hưởng của lần xem ấy. Đáng tiếc là chẳng hiểu thế nào mà lại quên bằng cái tên sách đi!

Thực ra thời kỳ xem hát tuồng mà thấy hay kia thì đã "xa xăm lắm" rồi, e vào hồi mới mười một, mười hai tuổi. Theo phong tục ở Lỗ Trấn chúng tôi, phàm con gái đi lấy chồng rồi nhưng chưa phải đảm đương việc nhà thì mùa hè thường được về nhà mẹ chơi. Hồi đó, bà nội tôi tuy còn mạnh nhưng mẹ tôi cũng đã phải lo liệu một phần việc trong gia đình, nên mùa hè không thể về ở nhà lâu được, đành phải chờ tảo mộ xong xuôi, rồi rảnh mới về ít ngày thôi. Mỗi năm nhân dịp này, tôi cũng theo mẹ tôi về ở nhà bà ngoại. Nhà bà ngoại tôi ở làng Bình Kiều⁴⁹ một làng nhỏ ở bên bờ sông, cách biển không xa lắm và rất hẻo lánh. Cả làng không đầy ba mươi nóc nhà đều làm ruộng, đánh cá, chỉ có một phố bán hàng xén nho nhỏ. Tuy vậy đối với tôi, Bình Kiều là một cảnh thiên

đường, ở đây không những tôi được chiều chuộng mà lại không còn phải học những câu: "Trật tự tư can, u u Nam Sơn"⁵⁰ nữa.

Tôi có rất nhiều bạn nhỏ. Vì tôi là khách đường xa nên cha mẹ các anh bạn tôi cũng bớt công việc cho họ để đến chơi với tôi. Ở làng nhỏ, khách của một nhà mà hầu như cũng là khách chung của cả làng. Chúng tôi xuýt soát bằng tuổi nhau, nhưng kể thứ bậc thì nhất nhất các anh ấy cũng là bác, chú tôi, có mấy người, tôi còn phải gọi bằng ông nữa kia, bởi vì cả làng đều người cùng họ, bà con với nhau hết. Nhưng chúng tôi là bạn, giá thử đôi khi cãi lộn nhau rồi cháu có nhè ông mà đánh thì trong làng, từ già đến trẻ, quyết chẳng ai nghĩ ra hai chữ "phạm thượng" mà luận tội, bởi vì ở đây chín mươi chín phần trăm đều không biết chữ.

Việc của chúng tôi hàng ngày đại khái là đào giun, mắc vào lưỡi câu nhỏ làm bằng dây đồng rồi ra nằm bẹp ở bờ sông câu tôm. Tôm là giống khờ dại nhất trong các giống vật ở dưới nước; chúng nó cứ lấy hai cái càng ôm lấy lưỡi câu chẳng sợ sệt gì cả, nên không mấy chốc đã có thể câu được một cái bát to tướng. Lệ thường tôm ấy tôi được ăn tất. Rồi ngoài ra, chúng tôi cùng nhau đi chăn trâu. Có lẽ trâu bò là động vật cao đẳng chẳng nên đều xem thường người lạ và dám coi tôi chẳng ra gì; vì vậy, tôi cũng chẳng dám lại gần, đành chỉ đi theo xa xa, hoặc đứng cách một quãng. Những lúc ấy, mấy anh bạn nhỏ của tôi không vì tôi biết chữ, có thể đọc được "Trật tự tư can" mà tha thứ cho tôi. Các anh ấy cứ nhè tôi chế giễu.

Điều tôi mong mỏi nhất khi ở đây là được sang làng Triệu xem hát. Làng Triệu lớn hơn Bình Kiều và cách năm dặm đường. Bình Kiều nhỏ quá, không tổ chức hát riêng được, năm nào cũng phải đóng cho làng Triệu ít tiền gọi là để tổ chức hát chung. Hồi đó, tôi không hề nghĩ vì sao hàng năm, người ta lại phải tổ chức hát như thế. Bây giờ nghĩ lại thì đoán hoặc giả là nhân dịp mùa xuân tế thần mà hát chẳng. Đó tức là "xã hí"⁵¹

Cái ngày hát tế thần năm tôi mười một mười hai tuổi đó đã gần đến nơi rồi. Đen quá, không ngờ buổi sớm không thuê ra thuyền. Làng Bình Kiều chỉ có một chiếc thuyền lớn chở khách sáng đi tối về, không có lý giữ lại dùng riêng. Còn ngoài ra, đều là thuyền nhỏ không đi được. Nhờ người sang làng bên cạnh hỏi, cũng không có, chiếc nào người ta cũng thuê trước cả rồi. Bà ngoại tôi lấy làm bực lắm, phàn nàn mãi, trách người nhà sao không thuê trước đi. Mẹ tôi tìm lời an ủi bà cụ, nói rằng ở bên Lỗ Trấn chúng tôi hát hay hơn cái làng nhỏ này nhiều, mỗi năm xem

những mấy lần, bây giờ không đi xem cũng chẳng sao. Chỉ có tôi là sốt ruột sắp khóc. Mẹ tôi hết sức dỗ dành, bảo không được giả vờ làm nũng để cho bà ngoại giận. Nhưng mẹ tôi lại không cho tôi đi với người khác, nói rằng như thế sợ bà ngoại không yên tâm.

Thế là hết. Đến chiều, các anh bạn tôi đều đi cả. Người ta đã bắt đầu hát rồi. Tôi phảng phất như nghe thấy tiếng trống, tiếng chiêng. Và tôi biết thế nào các anh bạn tôi cũng mua sữa đậu nành vừa xem vừa chén.

Ngày hôm đó, tôi không đi câu tôm, mà cơm cũng nhác ăn. Mẹ tôi khó nghĩ quá nhưng cũng chẳng biết làm sao. Đến bữa cơm chiều, bà ngoại tôi thấy được và nói rằng tôi buồn là phải. "Chúng nó" khinh rẻ quá, xưa nay đãi khách không bao giờ lại như vậy. Ăn xong thì các anh bạn tôi đi xem hát về, kéo nhau đến, say sưa kể lại vở tuồng cho tôi nghe. Chỉ có tôi là ngồi làm thinh. Các anh bạn tôi cũng thở dài ái ngại cho tôi. Bỗng Song Hỷ, anh bạn thông minh nhất trong bọn, như sực nhớ ra, nói:

- Thuyền lớn à? Không phải là thuyền chú Tám đã chèo về rồi cơ mà?

Mười mấy anh bạn kia cũng tỉnh ngộ, liền bàn góp vào, nói có thể cùng đi thuyền với tôi. Tôi mừng lắm. Nhưng bà ngoại tôi ngại là toàn một bầy trẻ con, không tin cậy được. Mẹ tôi lại nói, nếu bảo người lớn đi thì họ vừa phải làm việc suốt ngày, bây giờ bắt thức suốt đêm không hợp tình lý chút nào cả. Đang do dự thì Song Hỷ hiểu được ý bà ngoại tôi, liền nói to:

- Bà cứ để cháu xin cam đoan cho. Thuyền thì lớn, mà anh Tấn cũng không hay nghịch. Còn chúng cháu thì đứa nào mà chẳng biết bơi!

Quả có như thế. Hơn mười anh bạn nhỏ của tôi, ai cũng đều biết bơi cả. Có hai ba anh lại là tay bơi cừ nữa kia!

Bà ngoại tôi và mẹ tôi cũng tin, mỉm cười, không cản trở nữa. Tức thì chúng tôi ùa nhau chạy đi.

Lòng tôi đang nặng trĩu bỗng nhẹ hẳn. Người tôi cũng khoan khoái ra không biết bao nhiêu mà kể.

Vừa ra khỏi cổng đã nhìn thấy chiếc thuyền mui trắng đậu ở gần cầu Bình Kiều, dưới ánh trăng. Chúng tôi nhảy xuống thuyền. Song Hỷ nhổ sào mũi. Phát nhổ sào lái. Bọn nhỏ tuổi thì cùng tôi ngồi trong khoang thuyền. Những anh lớn hơn ngồi ở đằng lái. Lúc mẹ tôi ra dặn dò là "phải cẩn thận" thì chúng tôi đã bắt đầu cho thuyền rời khỏi bến. Các anh ấy cầm sào vào đầu cột, ấy một cái thật mạnh, cho thuyền lui ra phía

sau mấy thước rồi cho ra khỏi gậm cầu. Rồi lấp hai mái chèo, cứ hai người chèo một, chèo một dặm lại thay phiên nhau. Tiếng cười nói, tiếng reo hò hòa lẫn tiếng nước vỗ róc rách vào mạn thuyền. Hai bên bờ là những ruộng lúa, ruộng đậu, một màu xanh rờn. Chiếc thuyền chúng tôi vút đi như bay về phía làng Triệu.

Mùi thơm ngát của lúa, đậu hai bên bờ và mùi thơm của cỏ rong dưới đáy sông, lẫn trong hơi nước, nhẹ đưa vào mặt. Trong sương đêm, mặt trăng trở thành mờ ảo. Xa xa, dãy núi màu đen nhạt nhấp nhô, trông giống như lưng một con thú đúc bằng sắt đang chồm lên, cứ thế mà nhảy lùi mãi về phía lái. Ấy thế mà tôi vẫn cứ có cảm tưởng là thuyền đi chậm lắm. Các anh bạn tôi thay tay chèo bốn lần mới trông thấy làng Triệu thấp thoáng ở đằng xa. Lại như có nghe cả tiếng sáo, tiếng hát nữa. Còn có mấy đốm lửa lập lờ, chúng tôi đoán là đèn đám hát, nhưng có thể là đèn của thuyền đánh cá cũng nên.

Tiếng ấy chắc là tiếng sáo thật, nghe trầm bổng, véo von lắm. Lòng tôi như lắng xuống. Nhưng rồi tôi lại có cảm giác lâng lâng như cùng tiếng sáo bay đi rồi tan vào trong sương đêm đượm mùi thơm của lúa, đậu, cỏ, rong.

Đến gần đốm lửa thì ra là thuyền đánh cá thật. Và lúc đó mới nhớ ra rằng cái chỗ trống thấp thoáng hồi nãy cũng không phải là làng Triệu. Phía thẳng chiếc mũi thuyền chính là một rừng thông. Năm ngoái tôi đã có dịp đến chơi, ở đấy còn có một con ngựa đá sứt nằm lẫn kènh dưới đất, và một con dê đá ngồi chồm chồm trong cỏ. Qua khỏi rừng thông, thuyền quành vào ngã ba sông. Bây giờ trước mặt mới là làng Triệu thật.

Nổi bật đập vào mắt chúng tôi, trước tiên là cái sân khấu đứng sừng sững ở khoảng đất trống, giữa cánh đồng cạnh bờ sông, đằng xa trong ánh trăng, thấy mờ ảo hiện lên giữa không gian bát ngát, tưởng chừng như đấy là cảnh tiên mình đã từng gặp trong tranh. Thuyền lướt càng nhanh, và trong chốc lát đã trông rõ các vai trò mặc áo xanh áo đỏ đi đi lại lại trên sân khấu, và gần sân khấu, dưới sông, một đám đen ngòm: ấy là thuyền của người ta đi xem hát.

Phát nói:

- Gần sân khấu chẳng có chỗ nào trống cả. Cho thuyền đậu xa xa mà xem thôi.

Thuyền đã đi chậm lại, một lát thì đến nơi. Quả thật không thể nào cho vào gần sân khấu được, đành phải cắm sào ở một chỗ, so với cái bàn

thờ thần đối diện sân khấu, còn xa hơn nhiều. Thật ra, chúng tôi cũng không muốn cho chiếc thuyền mũi trắng của chúng tôi đậu chung một chỗ với những chiếc thuyền mũi đen kia, huống chi lại không tìm ra chỗ cho thuyền đậu!

Trong khi vội vã cắm thuyền thì thấy trên sân khấu một ông râu dài đen láy, trên lưng giắt bốn lá cờ, tay cầm thương, đang đánh nhau với một toán người mình trần trụi trụi. Theo Song Hỷ nói thì kếp đó là "ông già đầu sắt" ai cũng biết tiếng, có thể lộn nhào tám mươi cái liền, chính lúc ban ngày anh đã có đếm rồi.

Chúng tôi dồn lại cả đặng mũi thuyền ngồi xem họ đánh trận. Nhưng "ông già đầu sắt" chẳng lộn cái nào cả, chỉ có mấy người ở trần lộn thôi, lộn một hồi rồi đi vào. Tiếp theo, một vai đào đi ra, hát ê a.

Song Hỷ nói:

- Ban đêm ít người xem mà "ông già đầu sắt" cũng đã mệt rồi. Ai lại đi trở tòi giữa chỗ trống, cho đất xem à?

Tôi tin Song Hỷ nói đúng, bởi vì lúc đó dưới sân khấu vắng lắm. Người nhà quê ngày mai phải đi làm, không thức đêm được, đã về đi ngủ cả. Chỉ còn lại lác đác mấy anh vô công rồi nghề ở làng Triệu và ở các làng lân cận. Cố nhiên vợ con những tay nhà giàu thì còn đó cả, họ ngồi trong các thuyền mũi đen chẳng để ý gì đến xem hát, phần lớn đến đây chỉ là để ăn quà bánh, nhá hạt dưa. Cho nên quả có thể nói là không có ai thật. Trong thâm tâm, tôi cũng chẳng thiết gì xem nhào lộn. Thiết xem là xem Tinh rắn, do một kếp mình quấn vải trắng, hai tay để trên đầu cầm một cái đầu rắn y như là một cái gậy. Thứ đến là vai cộp nháy, do một người mặc áo vàng đóng. Nhưng chờ mãi chẳng thấy ai ra. Vai đào vào thì một kếp già đóng vai thanh niên ra liền. Tôi đã thấy hơi mỏi. Nhờ Quế Sinh đi mua sữa đậu nành cho. Quế Sinh đi một lát, trở về nói:

- Không có. Cái ông điếc bán sữa đậu nành cũng về rồi. Thôi, múc một gáo nước lã uống tạm vậy.

Tôi không uống, cố gắng đứng xem, nhưng không thể nói là đã xem được những gì, chỉ thấy mặt các vai tuồng dần trở nên kỳ quái, tai, mắt, mũi dần dần mờ đi trông chẳng rõ nữa. Trong bọn chúng tôi, những anh nhỏ thì cứ ngáp dài, mấy anh lớn thì nói chuyện riêng. Đến khi có một vai hề mặc áo đỏ bị trói vào cái cột trên sân khấu để cho một người đeo râu lổm đổm bạc lấy roi ngựa đánh thì ai nấy tinh thần mới phần chấn lên, vừa xem, vừa cười. Tôi cho đó là màn hay nhất đêm hát ấy.

Cuối cùng một vai bà già ra. Tôi vốn sợ cái vai bà già ấy lắm, nhất là lúc bà ta ngồi xuống mà hát. Lúc đó thấy ai cũng có vẻ cụt hứng cả, mới biết là mấy anh bạn cũng nghĩ như tôi. Khi mới ra, bà ta còn đi đi lại lại mà hát, sau thì bà ngồi hẳn xuống cái ghế đặt giữa sân khấu. Tôi ngại quá. Bọn Song Hỷ thì chửi lầu nhàu. Tôi kiên nhẫn chờ. Một hồi lâu, bà ta giơ tay lên, tưởng là bà ta đã đứng dậy; không ngờ bà ta lại bỏ tay xuống như cũ và vẫn tiếp tục hát. Trong thuyền chúng tôi anh thì thở dài, anh thì ngáp vặt. Song Hỷ không chịu đựng được nữa, nói:

- Cái con mụ này thì nó có thể hát suốt đêm đấy! Hay là ta về đi thôi!

Ai nấy tán thành ngay. Và cũng hăng hái như khi ra đi, ba bốn người chạy ra đằng lái, nhổ sào, đẩy thuyền lùi vài thước, cho quay mũi, lắp chèo vào, vừa chửi vai bà già, vừa chèo thuyền về phía rừng thông.

Trăng chưa lặn. Hình như chúng tôi xem hát cũng không lâu lắm. Ra khỏi làng Triệu, trăng càng tỏ. Ngoảnh lại nhìn sân khấu trong ánh đèn, tôi cảm tưởng giống như khi mới đến, cũng thấy đẹp như một tòa lâu đài xây trên núi tiên, có một lớp sương màu đỏ bao phủ. Và cũng có tiếng sáo vẳng lại, rất véo von. Tôi đoán vai bà già đã vào rồi, nhưng cũng ngại, không rủ anh em trở lại xem nữa.

Không bao lâu, thuyền đã đi quá rừng thông. Thuyền đi cũng không chậm lắm nhưng xung quanh bóng tối dày đặc, biết là đã khuya rồi. Các anh bạn bàn tán về đám hát, anh thì chửi, anh thì cười, và ra sức chèo. Bây giờ tiếng nước vỗ vào mũi thuyền nghe càng rõ. Chiếc thuyền như một con cá trắng lớn công một bầy trẻ con vượt sóng. Mấy ông già đánh cá đêm cũng dừng xuống lại, nhìn thuyền chúng tôi lướt qua, ngợi khen.

Cách Bình Kiều chừng một dặm, thuyền đi chậm lại. Mấy tay chèo kêu rất mệt vì chèo hăng quá, và nhiều anh vẫn chưa có gì trong bụng. Lần này người bàn kế là Quế Sinh. Anh nói rằng bây giờ là mùa đậu la hán, củi đuốc sẵn, có thể trộm một ít nấu ăn. Ai nấy tán thành. Rồi chúng tôi ghé thuyền vào bờ. Ruộng trên bờ toàn là đậu la hán, quả chắc nịch và đen nhánh.

Song Hỷ nhảy lên trước, nói:

- Phát à? Bên này là đậu nhà cậu, còn bên kia là đậu nhà ông Sáu Mốt, trộm bên nào?

Chúng tôi cũng nhảy lên cả. Phát vừa nhảy lên vừa nói:

- Hăng khoan. Để tớ xem đã nào!

Rồi anh ta đi đi lại lại, sờ nắn một lúc, đứng thẳng dậy, nói:

- Trộm của nhà tớ thôi. Đậu nhà tớ to hơn nhiều.

- Ừ.

Ai nấy chạy lại ruộng nhà Phát, hái mỗi người một ôm lớn, quăng vào thuyền, Song Hỷ bàn, nếu lấy trộm của nhà Phát nữa, mẹ anh biết sẽ khóc và chửi chết, nên chúng tôi lại sang ruộng nhà ông Sáu Mốt trộm một ôm nữa.

Mấy anh lớn chèo thuyền cho đi chậm chậm. Mấy anh nữa lại đăng lái nhen lửa; còn mấy đứa nhỏ chúng tôi thì bóc đậu. Một lát đậu chín. Chúng tôi để mặc cho thuyền trôi, xúm nhau lại, lấy tay bóc ăn. Ăn xong lại chèo. Nồi niêu rửa sạch, vỏ đậu ném xuống sông, chẳng còn tang tích gì nữa. Song Hỷ lo rằng lấy củ muối trong thuyền ông Tám, ông ta tỉnh lắm, thế nào ông ta cũng biết, sẽ mắng cho mà xem. Nhưng bàn tán một hồi, chúng tôi cho là không sợ. Ông ta có mắng thì sẽ đòi ông ta trả lại nhánh bách khô năm ngoái ông ta nhặt ở trên bờ sông, và gặp đâu thì cứ gọi là "ông Tám sẹo".

Song Hỷ đứng đầu mũi, bỗng nói to:

- Về đây cả rồi ạ! Chẳng chuyện gì xảy ra hết. Cháu đã bảo đảm mà!

Tôi nhìn về phía mũi thuyền. Đằng trước đã là cầu Bình Kiều rồi. Có một người đứng ở trên cầu. Chính là mẹ tôi. Song Hỷ nói là nói với mẹ tôi. Tôi chui ra ngoài khoang thuyền. Thuyền vào dưới gầm cầu, đỗ lại. Chúng tôi rộn rịp nhảy lên bờ. Mẹ tôi hơi giận, nói là đã quá canh ba rồi, sao về khuya thế, nhưng rồi cũng vui lên. Mẹ tôi cười và bảo tất cả về nhà ăn cơm rang.

Mọi người trả lời là ăn lót lòng rồi, bây giờ buồn ngủ lắm, được ngủ là thích nhất. Thế là ai về nhà nấy.

Hôm sau mãi đến trưa, tôi mới thức dậy và cũng chẳng nghe chuyện gì lôi thôi về ông Tám với chỗ củ muối cả. Buổi chiều, vẫn lại đi câu tôm.

- Song Hỷ! Đồ quỷ sứ đâu ấy! Hôm qua chúng bay trộm đậu nhà tao phải không? Lại không chịu hái cho tử tế, giẫm nát cả.

Tôi ngừng đầu nhìn lên. Thì ra là ông Sáu Mốt. Ông ta chèo chiếc thuyền con đi bán đậu về, trong lòng thuyền còn cả một đồng đậu.

Song Hỷ nói:

- Vâng. Chúng cháu đãi khách đấy! Chúng cháu lúc đầu không định lấy trộm nhà ông đâu... Ơ kìa! Ông làm tôm sợ chạy hết cả rồi kìa!

Ông Sáu Mốt nhìn thấy tôi, ngừng tay chèo. Cười nói:

- Đãi khách à? Thế thì được.

Rồi hỏi tôi:

- Anh Tấn! Hôm qua hát có hay không?

Tôi gật đầu nói:

- Hay.

- Thế đậu ăn có ngon không?

Tôi lại gật đầu, nói:

- Ngon lắm.

Tôi không ngờ nghe tôi nói thế, ông ta lại tỏ vẻ rất cảm động, giờ ngón tay cái lên⁵² nói, đặc ý:

- Người có học hành với lại ở thành phố về có khác. Biết người biết của. Đậu nhà chú, chọn từng hạt một mà gieo đấy! Người nhà quê chẳng biết đểch gì cả lại bảo là không bằng đậu nhà người ta. Chú định hôm nay mang một ít biếu cô ăn thử xem...

Rồi ông ta chèo thuyền đi.

Lúc mẹ tôi gọi tôi về ăn cơm tối thì thấy trên bàn có một bát lớn đậu la hán luộc rồi. Đó là đậu của ông Sáu Mốt đưa lại biếu mẹ tôi và tôi. Nghe nói ông ta còn khen với mẹ tôi rằng tôi còn nhỏ mà đã biết điều, sau này nhất định sẽ đỗ Trạng nguyên cho mà xem.

- Cô này! Cam đoan thế nào cô cũng được sung sướng.

Nhưng tôi lấy đậu ăn thì lại thấy không ngon bằng đậu đêm hôm qua.

Quả thật cho đến bây giờ, tôi chưa hề ăn đậu nào ngon như đậu đêm hôm ấy và cũng chưa hề được xem buổi hát tuồng nào hay như buổi hát tuồng đêm ấy!

Tháng 10 năm 1922

LỄ CẦU PHÚC

Những ngày cuối năm âm lịch quả thật có vẻ đúng là cuối năm. Quang cảnh thôn xóm làng mạc thì đã đành, không cần phải nói, mà ngay giữa bầu trời cũng thấy rõ không khí sắp sửa sang năm mới rồi. Thỉnh thoảng, pháo tiễn đưa ông táo về châu trời lại lóe sáng, rồi nổ vang. Tiếng nổ gần, nghe càng vang tận, tai cứ ù lên mãi, liên tiếp và mùi thuốc pháo thoang thoang thơm tản mát trong không trung. Tôi về đến Lỗ Trấn, quê nhà, đúng vào một đêm như thế. Nói là quê nhà, chứ thật ra tôi chẳng còn nhà cửa ở đây nữa, nên đành tạm đến ở nhà ông Tư, cũng như người họ Lỗ, ngang hàng với thầy tôi mà tôi phải gọi là chú Tư mới đúng. Ông ta là một vị cựu giám sinh,⁵³ theo lý học.⁵⁴ Ông ta cũng không khác ngày trước mấy, chỉ có già hơn đôi chút, nhưng chưa để râu. Vừa gặp ông ta đã vồn vã hỏi thăm. Hỏi thăm xong thì khen tôi "mập ra", rồi tức thì chửi bọn tân đảng. Nhưng tôi biết không phải là chửi cạnh tôi, bởi vì khi chửi như thế, ông ta vẫn nhắc đến tên Khang Hữu Vi.⁵⁵ Có điều chuyện trò chẳng ăn ý chút nào cả, cho nên được một lúc, chỉ còn lại một mình tôi trong phòng sách mà thôi.

Sáng hôm sau tôi dậy rất muộn. Ăn cơm trưa xong, tôi đi thăm mấy người bà con và mấy ông bạn. Hôm sau nữa, cũng thế. Bà con, bạn bè cũng chẳng ai thay đổi gì mấy, chỉ có điều người nào cũng già hơn một ít. Nhà nào nhà nấy đều bận rộn, sắm sửa làm lễ "cầu phúc"⁵⁶ cả. Ở Lỗ Trấn, lễ cầu phúc là một lễ lớn cuối năm, bày biện linh đình, thành kính để đón rước phúc thần, cầu xin cho sang năm làm ăn được may mắn. Họ giết gà, giết ngỗng, mua thịt lợn, làm rất tinh khiết. Đàn bà con gái, có kẻ còn đeo vòng bạc kéo lối xoắn thừng, phải dầm tay luôn trong nước đến đỏ ửng lên. Nấu nướng xong, rồi cắm đũa vào, lung tung chẳng theo hàng lối gì hết. Đó là "cỗ cầu phúc", chờ đến canh năm, bày ra thắp đèn, dâng nhang, khấn vái chư vị phúc thần về hâm hưởng. Chỉ có đàn ông mới được ra cúng mà thôi. Cúng xong tất niên lại đốt pháo. Năm nào cũng thế, và nhà nào cũng như nhà nấy, miễn là có tiền sắm được lễ vật, mua được pháo, thế thôi. Và năm nay, tất nhiên cũng lại thế. Sắc trời u

ám. Về chiều, tuyết lại bắt đầu xuống nhiều. Hoa tuyết có cái to bằng hoa mai, bay khắp không trung. Rồi thì khói pháo, cộng với sự rộn rịp xung quanh làm cho Lỗ Trấn trở thành nhốn nháo hẳn lên. Lúc tôi trở về phòng sách nhà chú Tư thì mái ngói đã phủ đầy tuyết trắng phau, rơi vào làm cho căn phòng sáng hẳn. Bức chữ "Thọ" to tướng, nét son, đập theo chữ Trần Đoàn lão tổ⁵⁷ treo trên vách, trông cũng nổi. Đôi câu đối treo hai bên thì một vế đã rơi mất rồi, cuộn lại lồng phồng để trên án thư, một vế còn đấy, đề là: Sự lý thông đạt tâm khí hòa bình.⁵⁸ Buồn tình, tôi đến trước bàn sách kê cạnh cửa sổ, lục xem. Chỉ thấy một chồng Khang Hy tự điển, không chắc còn trọn bộ Cận tư lục tập chú⁵⁹ và một bộ Tứ thư thẩn.⁶⁰ Tôi định bụng nhất quyết thế nào ngay mai cũng rời khỏi nơi này.

Huống chi, mỗi lần sức nghĩ đến chuyện hôm qua gặp thím Tường Lâm thì tôi lại thấy khó chịu trong người. Hôm qua, vào buổi chiều, tôi sang xóm Đông thăm người bạn, trở về đến bờ sông thì gặp thím. Thấy thím cứ tráo mắt nhìn, biết ngay là thím có ý đón gặp tôi. Có thể nói những người tôi đã được gặp lại ở Lỗ Trấn lần về chơi này, không ai thay đổi nhiều như thím. Mái tóc hoa râm năm trước đây bây giờ đã bạc trắng, trông không còn ra vẻ người trên dưới bốn mươi tuổi nữa; khuôn mặt hốc hác quá, nước da vàng sạm, cả đến cái vẻ u sầu xưa kia cũng mất hẳn, trông giống như tạc bằng gỗ, họa chăng chỉ đôi tròng con mắt lâu lâu đưa đi đưa lại mới chứng tỏ rằng thím còn là một con người đang sống mà thôi. Thím một tay xách cái giỏ tre trong có cái bát mẻ, không đựng gì cả, một tay chống cái gậy trúc, dài hơn người, phía dưới đã xơ ra. Rõ ràng thím bây giờ hoàn toàn đã là một mù ăn mày.

Tôi đứng dừng lại, yên trí thế nào thím cũng lại xin tiền.

Thím bắt đầu bằng một câu hỏi:

- Ông về chơi?

- Vâng.

- Thật là may quá. Ông là người có chữ nghĩa, lại đi đây đi đó, hiểu biết nhiều. Gặp ông, tôi muốn hỏi một điều.

Đôi mắt lơ dờ của thím bỗng sáng ngời hẳn lên.

Tôi không thể ngờ thím lại nói những câu như thế thành ra cứ đứng sững, ngạc nhiên hết sức.

- Ông à! - Thím bước lại hai bước cho gần hơn, hạ thấp giọng xuống, rồi nói thủ thỉ như điều gì bí mật lắm - Con người ta chết rồi thì còn có

linh hồn nữa không, ông?

Tôi rợn cả người. Thấy mắt thím nhìn tôi chòng chọc, tôi có cảm giác như gai đâm vào lưng, luống cuống hơn là khi còn đi học, bất thành linh phải thi một bài mà chưa kịp chuẩn bị, mà ông giáo thì cứ đứng ngay cạnh mình. Có linh hồn hay không có linh hồn, xưa nay nào tôi có hề nghĩ tới! Nhưng bây giờ phải trả lời thím thì trả lời thế nào được đây! trong giây phút ngàn năm, tôi nghĩ bụng: người vùng này ai cũng còn tin ma quỷ mà thím thì thím lại nghi hoặc, không, chắc là thím hy vọng, hy vọng có linh hồn, nhưng lại cũng hy vọng không có linh hồn! ... Người ta đã đến cùng đường thế này rồi, hà tất phải làm cho đau khổ thêm, chi bằng để cho vui lòng thím, thì tôi cứ bảo là có đi...

Thế rồi, tôi ấp úng trả lời:

- Tôi nghĩ ... có thể có đấy.

- Thế thì cũng có địa ngục à?

- À, địa ngục ấy à? Tôi hết sức kinh ngạc, đành phải nói chống chế cho qua - Địa ngục à! Lý ra thì phải có đấy. Mà cũng vị tất. Nhưng ai hơi đâu để tâm đến những chuyện ấy làm gì!

- Thế thì người trong một nhà, chết rồi, có thể gặp mặt nhau được nữa hay không?

- Hừ! Có thể gặp mặt nhau nữa hay không à? - Lúc này tôi mới rõ mình dốt hết sức. Ngần ngừ mãi, suy nghĩ mãi, mà hỏi cho ba câu là tịt cứng. Tôi đâm ra rụt rè, muốn nói trái lại với những điều mình đã nói - Cái đó... thực tình tôi không được rõ... Thú thực, chết rồi còn linh hồn nữa hay không, tôi cũng không được rõ.

Thừa lúc thím chưa hỏi tiếp, tôi liền rảo bước đi thẳng một mạch về nhà chú Tư, trong bụng cảm thấy bứt rứt quá, cứ nghĩ bụng: Mình trả lời với thím như thế chẳng biết có thể nguy hiểm gì cho thím không. Chắc là vì trong khi nhà ai cũng làm lễ cầu phúc cả, thím cảm thấy mình thím cô đơn, trợ trợ, nên mới hỏi như thế. Nhưng biết đâu câu hỏi đó lại không hàm một ý gì khác? Hay là thím cảm thấy trước có điều gì sẽ xảy ra chẳng? Giả thử, vì một nguyên do gì khác mà hỏi, rồi nhân câu trả lời của mình, mà có xảy ra như thế nào thật mình phải chịu trách nhiệm một phần về những lời nói của mình... nhưng ngay sau đó, tôi lại cười mình khéo vớ vẩn. Chẳng qua thím ta ngẫu nhiên mà hỏi như thế chứ vốn chẳng có gì sâu sắc cả, mà mình cứ khéo chẻ sợi tóc làm tư, chả trách nhà giáo dục nọ bảo mình mắc bệnh thần kinh cũng phải. Huống chi, mình đã có nói là "không được rõ" rồi, mình đã chối hết những điều

mình nói lúc đầu rồi. Vậy thì, dù có xảy ra chuyện gì cũng chẳng liên quan đến mình nữa.

"Không được rõ", quả thật là một câu trả lời hết sức đặc sác. Có những người trẻ tuổi, việc đòi chưa từng trải, nhưng rất to gan, ai có điều gì nghi hoặc, hỏi đến, là cứ bạo miệng trả lời liều, thậm chí còn dám mách thầy mách thuốc cho con bệnh, vạn nhất xảy ra chuyện gì không hay, thế là oán đổ lên đầu cả. Nhưng nếu biết dùng câu "không được rõ" mà trả lời để kết thúc câu chuyện đi, thì ung dung tự tại biết mấy! Lúc đó, tôi cảm thấy cái câu "không được rõ" quả là cần thiết, dù có trả lời cho một mụ ăn mày cũng nhất thiết không thể bỏ đi, không dùng.

Tuy vậy, tôi vẫn không yên tâm. Qua một đêm rồi mà vẫn thỉnh thoảng cứ sực nhớ đến, và hình như cảm thấy trước có điều gì không lành sắp xảy ra. Ngoài trời, tuyết xuống âm u; một mình ngồi trong phòng sách, buồn thiu, lòng tôi lại thêm day dứt. Thôi, chi bằng đi đi thôi, ngày mai lên tỉnh là hết. Chẳng biết món vẩy rán hiệu Phúc hưng lâu, một đồng một đĩa lớn, vừa ngon vừa rẻ, bây giờ đã tăng giá chưa? Bạn bè chơi bời với nhau ngày trước, nay tan tác mỗi người một ngả rồi, nhưng mà món vẩy rán thì không thể không ném lại xem sao, mặc dù chỉ còn một mình mình... Thế nào ngày mai nhất định cũng phải đi.

Thường thường tôi thấy có nhiều việc mình không muốn xảy ra như mình đoán và cho rằng vị tất đã xảy ra y như thế, nhưng rồi nó lại cứ xảy ra như thế, cho nên tôi rất lấy làm lo chuyện này rồi cũng sẽ theo một quy luật nào đó thôi. Quả nhiên, cái chuyện lạ lùng đó đã bắt đầu rồi. Vào khoảng gần tối, tôi nghe có mấy người xúm lại trong nhà trong, hình như bàn tán với nhau chuyện gì. Nhưng một lát sau, không nghe gì nữa, chỉ thấy chú Tư vừa đi ra vừa nói to...

- Không nhè lúc nào, lại nhè ngay vào giữa lúc này! Rõ là đồ khốn kiếp!

Lúc đầu tôi còn ngạc nhiên, sau thì áy náy trong lòng tựa hồ như câu nói vừa rồi có liên quan đến mình. Thử nhìn ra cửa, chẳng có ai cả. Chờ mãi đến tối, trước lúc ăn cơm, người ở vào pha trà, mới có dịp dò hỏi.

- Vừa rồi, cụ Tư giận ai mà gắt thế nhỉ?

Anh ta trả lời gọn thon lớn:

- Chắc là thím Tường Lâm chứ ai!

Tôi lại hỏi dồn:

- Thím Tường Lâm à? Sao thế?

- Chết rồi.
- Chết rồi à?

Tim tôi bỗng thất lại, rồi đập dữ dội. Mặt tôi chắc cũng tái đi, nhưng người ở không hay biết gì cả, vì anh ta không hề ngừng đầu lên. Tôi trấn tĩnh lại được, và hỏi thêm:

- Chết lúc nào?
- Chết vào lúc nào à? Chừng như đêm qua hay là sáng nay gì đó.

Cháu cũng không được rõ.

- Làm sao mà chết, hở?
- Làm sao mà chết à? Chắc là đói quá rồi chết thôi.

Anh ta trả lời vẻ thờ ơ, vẫn không ngừng đầu lên nhìn tôi, rồi đi ra.

Nhưng nỗi kinh hoàng của tôi chỉ thoáng qua trong giây lát. Sau đó, tôi liền nghĩ bụng: cái việc phải xảy ra, giờ đã xảy ra rồi, bất tất mình phải nhờ đến câu "không được rõ" của mình hay câu "đói quá rồi chết" của người ở để tự an ủi. Thế là lòng lại nhẹ nhõm dần, chỉ thỉnh thoảng mới lại thấy đau nhói lên một tí. Cơm tối bùng lên, chú Tư cùng ngồi ăn, vẻ nghiêm nghị. Tôi định hỏi thăm thêm về thím Tường Lâm, nhưng biết ông ta tuy đã đọc qua câu sách: "*Quý thần giả, nhị khí chi lương năng dã*"⁶¹ nhưng vẫn hay kiêng kỵ lắm thứ lắm; đang sắp sửa làm lễ cầu phúc mà đem chuyện chết chóc, ốm đau ra nói là nhất thiết không được. Nếu bắt buộc dĩ phải đề cập đến thì phải dùng những tiếng bóng gió mà nói chệch đi. Khốn nỗi, tôi lại không biết nói thế nào cho ổn, nên nhiều lần định hỏi, lại thôi. Thấy bộ mặt ông ta nghiêm nghị như thế, tôi bỗng lại ngờ rằng câu nói trên kia ông ta ám chỉ tôi, không nhè lúc nào mà lại nhè vào giữa lúc này đến quấy rầy ông ta, và tôi là đồ khốn khiếp!... Cho nên lập tức, tôi tin cho ông ta biết rằng, ngày mai tôi sẽ rời Lỗ Trấn lên tỉnh, để cho ông ta sớm khỏi bận lòng vì tôi. Ông ta cũng không tha thiết giữ tôi ở lại. Bữa cơm đó tẻ nhạt hết sức.

Mùa đông ngày ngắn, lại có tuyết xuống, nên bóng đêm đã bao trùm lấy xóm làng rồi. Dưới ánh đèn, mọi người bận rộn tíu tít, nhưng ngoài cửa sổ thì cảnh vật lại im lìm. Hoa tuyết rơi xuống lớp thảm tuyết phủ dày mặt đất, nghe rào rào, khiến cho người ta càng thêm hiu quạnh. Ngồi một mình cạnh ngọn đèn dầu lạc, ánh sáng vàng khè, tôi nghĩ đến thím Tường Lâm. Một đời người không nơi nương tựa, như một thứ đồ chơi cũ kỹ, chơi lâu ngày chán, người ta vứt vào đồng rác, bấy lâu nay vẫn lăn lóc ở đấy làm cho những kẻ sống sung sướng phải nhọc nhằn sao thím ta lại cố bám vào cuộc đời mãi làm chi. Bây giờ thì Thần chết

đã đưa thím ta đi rồi! Con người chết đi, còn có linh hồn nữa hay không, nào tôi có biết, nhưng trên đời này, cái người sống cầu bơ cầu bất ấy không còn nữa, thì kẻ ghét không muốn nhìn, cũng không còn phải nhìn thấy nữa. Như vậy, đối với thím ta cũng như đối với họ, chết đi cũng là một cái hay. Vừa lắng nghe tiếng tuyết rơi ngoài cửa sổ, vừa suy nghĩ lan man như thế, tôi thấy lòng tôi dần dần nhẹ nhõm hẳn đi.

Tuy thế, những mẩu chuyện rời rạc mà tai tôi đã nghe, mắt tôi đã thấy về quãng đời trước kia của thím lại chấp nối và hiện lên trong ký ức tôi.

Thím không phải là người Lỗ Trấn này. Đầu mùa đông năm nọ, nhà chú Tư cần thay đầy tứ gái; người đưa mối là bà Vệ dẫn thím đến. Hồi đó, thím vào khoảng hai sáu hai bảy, nước da xanh xao vàng vọt, nhưng hai gò má còn hồng hào. Thím mặc chiếc quần đen, áo kép màu chàm, ngoài khoác chiếc áo cánh chèn màu nguyệt bạch, đầu chít khăn tang. Bà Vệ gọi thím là thím Tường Lâm, và nói rằng thím là hàng xóm láng giềng bên quê ngoại bà ta, chồng chết nên mới phải đi ở. Nghe nói thế, chú Tư nhú đôi lông mày lại. Thím Tư biết ý chồng không muốn nuôi một người đàn bà góa trong nhà, nhưng thấy cung cách thím cũng đứng đắn, tay chân vạm vỡ, lại hiền lành, ít mồm ít miệng, ra người biết chịu khó làm ăn, an phận thủ thường, nên mặc chồng chau mày thì chau mày, thím Tư vẫn cứ giữ lại. Trong thời gian ở thử, thấy thím Tường Lâm làm quần quật suốt ngày, có vẻ như ngồi không thì buồn, sức lực lại khỏe chẳng thua gì đàn ông, cho nên đến ngày thứ ba thì nhất định thuê hẳn, mỗi tháng năm quan.

Ai cũng gọi thím là thím Tường Lâm cả. Chẳng ai hỏi thím họ gì, nhưng người đưa mối là người bên Vệ Gia Sơn lại bảo là hàng xóm láng giềng, nên chắc cũng là họ Vệ thôi. Thím ít nói lắm, có hỏi gì mới nói, mà nói cũng rất vắn tắt. Mãi đến mười mấy hôm sau, dần dần mới biết rằng, thím ở nhà còn có bà mẹ chồng cay nghiệt lắm, và một chú em chồng hơn mười tuổi, đã đi kiếm củi được rồi. Chồng thím chết mùa xuân vừa qua; anh ấy cũng sống về nghề hái củi, và kém thím những mười tuổi. Về thân thể thím, người ta chỉ biết có ngần ấy.

Ngày tháng trôi qua rất nhanh. Công việc thím không hề bê trễ, ăn gì xong bữa thì thôi, đã làm thì làm cật lực, không suy tính thiệt hơn. Ai cũng khen nhà ông Tư nuôi được một người ở gái siêng năng, lanh lẹn hơn cả đàn ông nữa. Công việc cuối năm, một mình thím, đảm đương hết, nào là quét dọn, lau nền nhà, giết gà, mổ ngỗng, thức suốt đêm nấu

nướng, sửa soạn lễ cầu phúc, chẳng phải thuê mướn ai thêm. Thế nhưng thím lại rất lấy làm hể hả, trên môi thoáng thấy có nụ cười, và mặt mày cũng ngày càng béo trắng ra.

Vừa sang năm mới, một hôm, thím ra sông vo gạo về, thấy mặt cứ tái nhợt đi. Hỏi thì nói rằng thím trông thấy xa xa, bờ bên kia, có một người đàn ông cứ quanh quẩn đấy mãi, giống như người bác họ chồng thím, e có khi ông ta đến tìm thím cũng nên. Thím Tư nghe, ngạc nhiên lắm, hỏi cận kề, thì thím lại không nói nữa. Chuyện đến tai chú Tư. Chú Tư chau mày lại, nói:

- Không xong rồi! Chắc là con mẹ mày bỏ nhà trốn đi đấy thôi!

Quả đúng như điều chú Tư đoán, không bao lâu vỡ chuyện, biết thím bỏ nhà trốn đi thật. Câu chuyện trên đây người ta đã dần dần băng quên đi rồi, thì chừng mười hôm sau, bỗng thấy bà Vệ đưa một người đàn bà trạc ba mươi tuổi đến, nói là mẹ chồng thím Tường Lâm. Người đàn bà này tuy có vẻ là người miền núi nhưng cách thù ứng ung dung lắm, nói năng cũng hoạt bát. Chào hỏi đâu vào đấy rồi, chị ta ngỏ lời xin lỗi, nói là đến để xin cho con dâu về, vì ra giêng, công việc nhiều, mà nhà neo người, toàn là người già trẻ con cả.

Chú Tư nói:

- Nếu là mẹ chồng gọi về thì còn nói năng gì nữa!

Thế là tính tiền công. Cả thầy được mười bảy quan năm, còn gửi đây cả, chưa tiêu mất đồng nào, bèn giao hết cho mẹ chồng thím. Người đàn bà này lại xin gói quần áo của con dâu, tạ ơn đâu đấy. Lúc đó đã đúng Ngọ.

Ngồi một lúc, thím Tư mới giật mình, hỏi to lên:

- Ôi chà! Gạo đâu rồi nhỉ? Không phải là thím Tường Lâm đã đem đi vo rồi à?

Chắc là thím Tư hơi đói bụng, sức nhớ đến cơm trưa. Bấy giờ, người trong nhà mỗi người một ngả, đi tìm rá gạo. Thím Tư xuống bếp, rồi lên nhà trên, lại vào buồng ngủ tìm, chẳng thấy rá gạo đâu cả. Chú Tư ra ngoài đồng tìm, cũng không thấy; đến khi đi thẳng đến bờ sông, mới thấy rá gạo để ngay ngắn trên bờ, bên cạnh còn cả bó rau nữa.

Những người được mục kích kể lại rằng, hồi sáng có một chiếc thuyền mui trắng đỗ ở bến, mui che kín mít, chẳng biết trong có những ai, và trước khi chuyện xảy ra, không ai để ý đến cả. Khi thím Tường Lâm ra vo gạo, thím vừa quỳ xuống, thì có hai anh đàn ông bỗng từ trong thuyền nhảy xổ ra, trông có vẻ người miền núi; một anh ôm chặt

lấy thím, anh kia giúp sức, lôi bừa vào thuyền. Thím khóc và có la lên mấy tiếng, nhưng sau đó thì không nghe thấy gì nữa. Có lẽ là chúng nó nhét cái gì vào miệng thím cũng nên. Sau đó, có hai người đàn bà lên bờ, một người không rõ là ai, còn người kia là bà Vệ. Có dòm vào trong thuyền, nhưng không trông được rõ lắm. Hình như thím bị trói lại, nằm trên sạp thì phải.

Chú Tư nói:

- Khả ố nhỉ! Nhưng mà...

Hôm ấy, thím Tư phải thổi cơm trưa lấy, và thằng Ngưu, con thím, phải nhóm lửa.

Sau bữa cơm trưa, bà Vệ lại trở lại.

Chú Tư nói:

- Khả ố quá!

Thím Tư vừa rửa bát, vừa nói về giận dữ:

- Già này! Thế là nghĩa thế nào? Khen cho già còn dám trở lại đây nhìn mặt chúng tôi được. Chính già đưa thím ấy lại, rồi già lại đồng lõa với chúng nó bắt cóc đi, làm người ta đồn ầm lên, ai trông vào còn ra thể thống gì nữa. Già định đem nhà chúng tôi ra làm trò cười cho thiên hạ đấy phỏng?

- Trời ơi! Quả thật con bị mắc hợm đấy ạ! Con trở lại đây là để thưa với ông bà cho ra ngành ngọn. Thím ấy nhờ con kiếm cho chỗ làm. Con có biết đâu là thím ấy giấu mẹ chồng thím ấy trốn đi như thế! Thật là con không phải với ông bà quá. Chỉ vì già rồi lắm cảm, lú lấp đi, không cẩn thận, thành ra không phải với ông bà. May gặp được ông bà đây xưa nay là người rộng lượng, không thèm chấp kẻ dưới. Nhất định lần này, con phải đem đến ông bà một người tử tế để chuộc tội.

Chú Tư nói:

- Nhưng mà...

Thế là chuyện thím Tường Lâm đến đây là chấm dứt. Chẳng bao lâu, người ta cũng quên khuấy đi.

Chỉ có mình thím Tư là còn nhớ, bởi vì những người ở gái sau đó, đại để, đưa không lười biếng thì tham ăn, có đưa lại vừa tham ăn vừa lười biếng, chẳng vừa ý chút nào cả, cho nên thường mới nhắc đến thím Tường Lâm. Mỗi lần nhắc đến, thím lại lẩm bẩm một mình:

- Chả biết bây giờ ra sao rồi?

Ý thím Tư là mong thím Tường Lâm sẽ trở lại. Nhưng đến Tết năm sau, thì thím không còn mong mỗi gì nữa.

Số là hôm gần hết Tết, bà Vệ đến mừng năm mới. Lúc đến bà ta rượu đã say mềm. Bà ta nói là bà ta về bên quê ngoại ở Vệ Gia Sơn, ở lại chơi mấy hôm, nên bây giờ mới đến chậm. Nói chuyện một lúc, tự nhiên hai người nhắc đến Tường Lâm.

Bà Vệ nói, vẻ thích chí:

- Thím ấy à! Bây giờ thì gặp vận may rồi! Khi bà mẹ chồng ra đây bắt thím ấy về, bà ta đã nhận lời gả cho anh Sáu, người bên Hạ Gia Úc, nên về nhà được vài hôm là người ta đưa kiệu hoa đến rước đi ngay.

Thím Tư sững sốt nói:

- Ài chà chà! Cái mẹ mẹ chồng!...

- Ấy! Thưa bà, bà quả thật là nhà đại gia nên lời lẽ có khác. Chứ chúng con, người miền núi, nghèo hèn, như thế có hề gì! Thím ta còn có một chú em, cũng phải hỏi vợ cho chú ấy chứ! Không gả thím ta đi, thì lấy tiền đâu mà cưới xin? Bà mẹ chồng thím ta thế mà là người sành sỏi, tháo vát, khéo tính toán lắm mới đem gả thím ta lên trên ấy đấy. Chứ gả cho người trong làng thì được bao nhiêu! Có gả về những nơi thâm sơn cùng cốc, nơi đàn bà con gái ít ai muốn lấy, nên mới được những tám chục quan tiền! Bây giờ thì đã cưới được vợ cho chú em rồi. Lễ vật chỉ hết có năm chục quan. Trừ phí tổn này nọ rồi, cũng còn lại được hơn mười quan. Đấy! Bà xem, tính toán như thế có khéo không?...

- Thế mà thím ấy cũng chịu theo à?

- Bẩm, có gì mà theo với không theo ạ!... Làm ồn thì ai mà chẳng làm ồn lên một lúc. Có điều cứ lấy dây thừng trói lại, đẩy vào kiệu hoa, khiêng về nhà trai, chụp chiếc mũ cưới vào đầu, dắt đi lạy ông bà ông vải, rồi đóng cửa buồng lại, thế là yên chuyện tất! Nhưng thím Tường Lâm thì khác người lắm. Nghe nói, lúc bấy giờ, thím ta làm dữ lắm cơ! Ai cũng bảo rằng bởi vì thím ta có đến ở nhà người có chữ có nghĩa, nên mới kỳ khôi như thế! Thưa bà, mắt chúng con đã trông thấy nhiều đám cũng bước đi bước nữa như thế này, có người thì kêu van khóc lóc, có người thì đòi trảm mình thắt cổ, có người khiêng về nhà trai rồi vẫn nguây nguẩy không chịu lạy ông bà ông vải cho, thậm chí có kẻ còn đập đổ cả cây hoa khi làm lễ động phòng nữa cơ! Nhưng thím Tường Lâm này thì mới lạ đời. Họ kể chuyện rằng thím ta suốt dọc đường cứ la hét, chửi bới ầm ĩ lên, lúc về đến Hạ Gia Úc thì khản tịt cả cổ. Lôi ra khỏi kiệu, hai người đàn ông và cả chú em nữa ra sức kìm giữ thím ta lại, mà thím ta cũng chẳng chịu lễ bái cho ra trò. Vừa sơ ý, hờ tay ra một cái, là ối giời ơi, a di đà Phật, thím ta đã đập đầu ngay vào góc hương án rồi,

thúng một lỗ sâu hoáy, máu tươi chảy vọt ra, phải lấy hai vuông vải điều buộc chặt lại mà vẫn không cầm nổi. Mãi đến khi mỗi người một tay xúm lại vực thím ta vào trong buồng với chồng, rồi khóa trái lại, mà thím ta vẫn còn chửi. Ô chào!... Thật là...

Bà Vệ lắc đầu, nhìn xuống đất, im lặng.

Thím Tư còn hỏi:

- Thế sau ra làm sao?

Bà Vệ ngược mắt lên trả lời:

- Bẩm, nghe nói hôm sau thím ta vẫn nằm lì, không dậy.

- Thế rồi sao nữa?

- Sao nữa à? Sau thì dậy. Cuối năm thím ta đẻ một thằng con trai, sang năm mới này là lên hai rồi đấy. Mấy hôm con về chơi bên quê ngoại, có người sang Hạ Gia Úc về, nói chuyện có gặp hai mẹ con, mẹ cũng béo, mà con cũng béo. Thím ta chẳng phải làm dâu ai cả. Anh chồng thì khỏe như trâu, biết làm ăn. Cũng có một căn nhà riêng hẳn hoi. Hì hì... Thím ta quả là gặp vận may!

Từ đó về sau, thím Tư cũng không hề nhắc đến thím Tường Lâm nữa. Nhưng mùa thu năm nọ, chừng hai năm sau khi nghe cái tin "gặp vận may" ấy, thì bỗng thấy thím ta lại đến nhà chú Tư. Thím ta đặt lên bàn một cái giỏ trong hình củ mã - thầy, và để gói chăn áo dưới mái hiên. Cũng như lần trước, thím ta mặc quần đen, áo kép màu chàm, ngoài khác chiếc áo chèn màu nguyệt bạch, trên đầu cũng chít khăn trắng, nước da cũng xanh xao, vàng vọt, có điều hai gò má thì không hồng hào như trước nữa. Thím ta cứ cúi mặt xuống đất, khước mắt ươn ướt, và con mắt cũng không được lanh lợi như trước. Vẫn là bà Vệ đưa thím ta đến. Về mặt từ bi, bà ta nói với thím Tư liến thoắng:

- Bẩm, người ta thường nói: "Trời mưa nắng không chừng". Cái anh chồng thím ta sức vóc thế, lại còn trẻ, ai có ngờ ốm một trận thương hàn là lăn đùng ra chết... ốm đã khỏi rồi, thế mà, chỉ ăn có một bát cơm nguội vào, là lại trở lại. May mà còn để lại được chút con trai. Thím ta là người siêng năng: đồn củi, hái chè, nuôi tằm, làm được tất, nên cũng tạm đủ ăn. Ai có ngờ thằng con trai thím ta lại bị chó sói tha mất! Gần hết mùa xuân rồi đấy, thế mà chó sói còn lảng vảng về làng!... Ai có ngờ được. Bây giờ thì thím ta thân một mình trơ trọi. Ông anh chồng đến đòi nhà, đuổi thím ta đi. Thím ta thực bước đường cùng, chỉ còn cách đến nhờ vả ông bà đây là chỗ thím ta từng hầu hạ. Được cái là thím ta bây giờ không bị giàng buộc gì nữa. Mà lại gặp lúc bà đây đang muốn thay

người ở, nên con lại đưa thím ta đến. Con nghĩ, thím ta đã quen đường quen ngõ rồi, thế nào cũng còn hơn kẻ lạ nước lạ cái nhiều.

Thím Tường Lâm ngược đôi con mắt lơ lơ, nhìn lên nói:

- Con thật là ngu dốt quá. Thật đấy, con cứ tưởng chỉ có mùa tuyết xuống, trong núi không có gì ăn, thú dữ mới mò về làng. Biết đâu là giữa mùa xuân mà nó cũng ra. Hôm đó, hửng sáng con đã dậy, mở cửa, lấy cái giỏ con, xúc một giỏ đậu bảo thằng Mao ra ngồi ở chỗ bậc cửa mà bóc đi. Cháu nó dễ bảo lắm cơ. Con bảo gì là nó nghe nấy. Thế là cháu nó ra ngồi đấy. Còn con thì ở sau nhà chẻ củi, vo gạo, bỏ gạo vào nồi xong, định luộc đậu. Con gọi "Mao ơi!", không thấy thừa, chạy ra xem thì thấy đậu vung vãi ra cả đất, mà chẳng thấy thằng Mao đâu cả. Thường cháu chẳng đi chơi nhà ai. Đi đâu hỏi, cũng không có. Con nóng ruột quá, nhờ người đi tìm. Tìm khắp mọi nơi, cho đến chiều, vào núi thì thấy chiếc giày của nó mắc vào bụi gai. Ai cũng nói: "Thôi hỏng rồi, chắc là bị sói tha đi cũng nên". Đi vào nữa, quả nhiên thấy thằng bé nằm trong một đồng cỏ, ruột gan bị moi ăn hết, tay còn cầm chặt lấy cái giỏ đậu...

Rồi thím nức nở nghẹn ngào, nói không ra lời.

Thím Tư lúc đầu còn chần chừ, nhưng khi nghe kể chuyện xong, thì quầng mắt cũng đỏ lên, suy nghĩ một lát, rồi bảo thím Tường Lâm xách giỏ và gói áo quần xuống nhà dưới. Bà Vệ thở ra một cái như người cất được gánh nặng trên vai. Còn thím Tường Lâm thì có vẻ khoan khoái hơn lúc vừa đến. Không cần phải chỉ dẫn, thím tự sửa soạn giường chiếu, quen thuộc lắm rồi. Từ đó, thím lại đến Lỗ Trấn ở thuê.

Người ta vẫn gọi thím là thím Tường Lâm.

Nhưng lần này, cảnh ngộ thím thay đổi khác trước nhiều lắm. Đến ở được hai ba hôm, thì chú thím Tư thấy thím tay chân không được lanh lợi như trước nữa, lại dận gì quên nấy, mặt cứ đỏ dần ra như mặt người chết, cả ngày không được một tiếng cười. Nghe giọng điệu thím Tư, biết thím Tư có ý không bằng lòng lắm. Lúc thím Tường Lâm mới đến, tuy chú Tư cũng chau mày lại như lần trước, nhưng thấy lâu nay khó thuê ra người ở gái, nên chú cũng không phản đối gì mấy. Chú chỉ dặn riêng thím Tư rằng, con người như thế thì cũng đáng thương thật, nhưng vì đã làm bại hoại phong hóa nên chỉ dùng làm việc thường đỡ dần tay chân thôi, chứ khi tết nhất, cúng đơm, chớ để cho mó tay vào. Cổ bàn nhất thiết phải tự tay mình làm lấy, không thì dơ dáy bẩn thỉu, và ông bà ông vải không hưởng đâu!

Trong nhà chú Tư thì việc quan hệ nhất là giỗ Tết. Trước kia, khi trong nhà có giỗ tết là thím Tường Lâm bận rộn nhất, nhưng bây giờ thì thím lại hết sức rảnh rang. Thấy chiếc bàn đã khiêng ra đặt giữa nhà và tấm vải màu đã treo lên, thím nhớ ngay phải đem cốc chén và đĩa bày ra theo thường lệ.

- Thím Lâm! Thím cứ để đấy cho tôi! - Thím Tư vội vàng nói.

Thím Tường Lâm sượng sùng, vội thụt tay lại, rồi lại đi rím đôi đèn nển.

Thím Tư lại vội vàng nói:

- Thím Lâm! Thím cứ để đấy. Tôi đi lấy cho.

Thím quanh đi quẩn lại, chẳng có việc gì làm, đành bỏ đi xuống nhà dưới, không hiểu ra làm sao cả. Cả ngày hôm đó, các việc thím có thể làm được là ngồi đun bếp.

Người Lỗ Trấn vẫn gọi là thím Tường Lâm, nhưng giọng điệu thì khác trước nhiều lắm. Họ vẫn chuyện trò với thím, nhưng nhạt nhẽo hơn xưa. Thím không hề để ý đến, mắt cứ đăm đăm nhìn thẳng, kể cho mọi người nghe câu chuyện mà thím không khi nào quên.

- Tôi thật là ngu đần quá! Tôi cứ tưởng là chỉ có mùa tuyết xuống, trong rừng không có gì ăn, thì thú dữ mới mò về làng. Chứ biết đâu sang xuân rồi mà nó cũng mò về. Hôm đó, bừng sáng tôi đã dậy, ra mở cửa, lấy cái giỏ con, xúc một giỏ đậu, bảo thằng Mao nhà tôi đã ngồi ở bậc cửa mà bóc đi. Cháu nó bảo dễ lắm, tôi bảo gì làm nấy. Thế là cháu ra ngồi đó. Tôi thì ở đằng sau nhà chẻ củi, vo gạo, cho gạo và nôi xong, định đi luộc đậu. Gọi "Mao ơi!", không thấy chưa. Chạy ra xem thì thấy đậu vung vãi ra cả đất, mà chẳng thấy thằng Mao nhà tôi đâu cả. Nóng ruột quá, tôi nhờ người đi tìm. Mãi đến chiều, mấy người vào núi thì tìm thấy một chiếc giày của cháu mắc vào bụi gai. Ai cũng nói: "Thôi hỏng rồi! Chắc là bị sói tha mất rồi cũng nên". Đi vào nữa, quả nhiên thấy cháu nằm trong một đồng cỏ, ruột gan bị moi ăn hết. Trông mà thương quá, cháu còn nắm chặt cái giỏ đậu trong tay...

Thế là nước mắt ròng ròng, thím khóc nức nở.

Câu chuyện ấy thế mà lại có hiệu nghiệm. Bọn đàn ông nghe kể đến đó thường thường là thôi không cười nữa, tiu nghỉu bỏ đi. Còn đàn bà con gái thì không những có vẻ tha thứ cho thím về chỗ thím bước đi bước nữa, mà cũng bỏ ngay cái bộ khinh bỉ lúc đầu, lại còn khóc theo thím nữa là khác. Có mấy bà cụ không đứng đấy nghe thím kể, thì cố đi tìm, nài thím kể lại câu chuyện bi thảm đó cho nghe.

Đến khi thím khóc nức lên, thì những giọt nước mắt ở khóe mắt các bà cũng rơi xuống. Các bà thở dài một hồi, rồi ra về thỏa mãn, vừa đi vừa bàn tán.

Câu chuyện bi thảm đó, thím kể đi kể lại nhiều lần rồi, thường thường vẫn có dăm ba người nghe. Nhưng không bao lâu, người ta nghe mãi thuộc lòng, đến nỗi ngay những bà từ bi, niệm phật ăn chay, cũng chẳng có giọt nước mắt nào trên mi nữa. Về sau, cơ hồ tất cả người ở Lỗ Trán đều có thể nhắc lại y nguyên từng lời nói của thím, cho nên vừa nghe thím kể là họ đã chán ngấy lên rồi.

Thím bắt đầu kể:

- Tôi thật ngu dần quá...

Họ đã cắt ngang nói:

- Ủ, thím thì tưởng mùa tuyết xuống, trong rừng không có gì ăn, thú dữ mới mò vào làng...

Rồi bỏ đi cả.

Thím đứng há miệng ngơ ngác, dăm dăm nhìn họ, rồi cũng bước đi, hình như chính thím cũng thấy câu chuyện của mình nhạt phèo. Nhưng thím vẫn cứ mong mỏi, nhân việc gì đó, - thí dụ nhân nói đến cái giỏ, nói đến đậu, hay nói đến một đứa trẻ nào đó chẳng hạn, - mà kể chuyện thằng Mao của thím. Hễ nhìn thấy một đứa trẻ lên hai lên ba, là y như thím than phiền:

- Ủ! Giá thằng Mao nhà tôi mà còn sống thì cũng bằng chừng này rồi đấy!...

Đứa bé nhìn thấy cặp mắt thím, hoảng lên, nín lấy áo mẹ lôi đi. Thế là thím đứng trơ một mình; cuối cùng thím cũng chán ngán bỏ đi nốt. Về sau, ai cũng biết tính thím như thế rồi, hễ có đứa trẻ nào đứng đấy là người ta hỏi thím trước, nửa đùa nửa thật:

- Thím Lâm! Thằng Mao nhà thím còn sống chắc cũng bằng chừng này chứ gì?

Vị tất thím đã biết rằng câu chuyện thương tâm của thím, người ta thưởng thức bao nhiêu lâu nay, bây giờ đã như cái bã, nhai đi nhai lại mãi, chán lắm rồi, phải nhổ đi. Nhưng nhìn nụ cười của họ, thím hình như cũng thấy được đó là một nụ cười vừa lạnh lùng, vừa chế giễu, thôi thì mình cũng chẳng cần kể chuyện nữa làm chi. Rồi thím chỉ lờm họ một cái, chứ cũng không mở miệng đối đáp một lời.

Lỗ Trán, bao giờ cũng cứ từ hai mươi tháng chạp trở đi là người ta rộn rịp sửa soạn ăn Tết. Nhà chú Tư Tết năm nay phải mượn thêm một

người ở trai nữa mà vẫn không hết việc, nên lại phải gọi u Liễu đến làm giúp, giết gà, làm ngỗng. Nhưng u Liễu lại theo đạo Phật, ăn chay, không sát sinh, chỉ chịu rửa bát đĩa cho thôi. Thím Tường Lâm thì ngoài việc đun bếp, chẳng còn việc gì khác, thành ra rồi rã, chỉ ngồi nhìn u Liễu làm. Tuyết lấm tẩm rơi.

- Ủ, tôi là thật là ngu dần...

Thím Tường Lâm nhìn trời, thở dài, như nói một mình. U Liễu về sốt ruột nhìn vào mặt thím, nói:

- Thím Lâm, thím lại kể chuyện ấy đấy à? Tôi hỏi thím nhé! Chứ cái sẹo ở trán thím, có phải là hồi đó thím đập đầu vào hương án mà thành ra như thế phải không?

Thím trả lời ấp úng:

- Ờ... ờ.

- Thế tôi hỏi thím, tại sao về sau thím lại bằng lòng...?

- Tôi ấy à?

- Ủ, thím, chứ còn ai nữa? Tôi chắc thím phải bằng lòng, không thì...

- A! A! U không biết chứ hần khỏe lắm cơ!

- Tôi chẳng tin. Tôi chẳng tin thím sức vóc như thế mà lại không chống cự nổi hần. Nhất định là về sau thím bằng lòng, lại còn đổ cho là vì hần khỏe!

- A, a, rõ u này!... U cứ thử xem.

Thím cười. U Liễu cũng cười; cái mặt nhăn nheo của u dúm lại như một hạt đào. Rồi đôi mắt nhỏ ti hí, héo hắt của u cứ nhìn vào cái sẹo trên trán thím Tường Lâm, rồi lại nhìn chòng chọc vào con mắt thím, làm thím ngượng quá, không cười được nữa, quay ra nhìn tuyết rơi.

U Liễu nói, vẻ kín đáo:

- Thím Lâm này! Thật ra thím cũng vụng đấy! Cứ làm mạnh nữa, đập đầu cho chết quách đi, có phải hơn không. Còn như bây giờ, thím với người chồng sau của thím ăn ở với nhau chưa được hai năm, mà để thím mang vào người cái tội tày đình. Thím nghĩ mà xem, mai sau thím chết xuống âm phủ, hai người chồng tranh nhau thì thím sẽ về ở với người nào? Vua Diêm Vương đành phải cưa đôi thím ra, chia cho mỗi người một nửa. Tôi thấy thật là...

Thím Tường Lâm sợ hãi quá, nổi sợ hãi lộ rõ trên thần sắc. Ở trên miền núi nhà thím, chưa nghe ai nói như thế bao giờ cả.

- Tôi nghĩ chi bằng thím nên lo liệu trước đi thì hơn. Thím hãy cúng một cái bậc cửa vào miếu Thành hoàng thế mạng cho thím, để cho

người qua kẻ lại giày đạp lên, chuộc cái tội kiếp này cho thím, khỏi phải chết rồi còn chịu khổ!

Lúc bấy giờ, thím không nói ra làm sao cả, nhưng xem chừng thím buồn bã khổ sở lắm. Sáng hôm sau, ngủ dậy, hai mắt thím thâm quầng. Ăn cơm sáng xong, thím đến miếu Thành hoàng ở xóm Tây, xin cúng một cái bạc cửa. Lúc đầu, ông từ một mực không chịu; đến khi thím sắp phát khóc lên, ông ta mới miễn cưỡng nhận lời. Cái bạc cửa làm mất mười hai quan tiền.

Đã lâu không chuyện trò với ai cả, vì câu chuyện thằng Mao người ta nghe chán tai rồi, nhưng từ hôm thím và u Liễu ngồi nói chuyện với nhau, hình như tiếng phao đồn ra, nên nhiều người lại thích gọi cho thím nói. Cố nhiên đầu đề câu chuyện đổi khác, chỉ xoay cái sẹo trên trán thím.

Người này hỏi:

- Thím Lâm, tôi hỏi thím nhé! Sao hồi đó thím lại bằng lòng?

Người khác nhìn cái sẹo của thím, phụ họa theo:

- Hừ? Có uống không. Đập vỡ đầu mà cũng chẳng đi đến đâu cả!

Nghe giọng nói, thấy vẻ cười của họ, có lẽ thím cũng biết là họ đang chế giễu mình, cho nên thím cứ nhìn họ trừng trừng, không nói một câu. Về sau, mặc kệ họ nói gì thì nói, thím cũng không ngoảnh đầu lại. Cả ngày, thím cứ ngậm tăm âm thầm làm các việc: ra phố, quét nhà, rửa rau, vo gạo, mang trên trán cái sẹo mà mọi người cho là một vết nhơ.

Ở sắp đầy năm, thím mới xin thím Tư đưa cho thím số tiền công đồn lại bao nhiêu nay, đem đổi được mười hai đồng bạc "chim ưng", rồi xin phép đi ra xóm Tây. Chỉ trong khoảng thời gian chưa ăn xong một bữa cơm, thím đã trở về, sắc mặt tươi tắn, con mắt cũng lạnh lợi hẳn lên, vui vẻ nói với thím Tư rằng thím đã cúng một cái bạc cửa vào miếu Thành hoàng rồi.

Đến hôm giỗ tổ vào tiết đông chí, thím ta làm việc càng hăng. Thấy thím Tư sửa soạn mâm cỗ xong, rồi cùng với cậu Ngưu khiêng cái bàn ra để giữa nhà, thì thím thân nhiên đi lấy cốc chén và đĩa.

Thím Tư hốt hoảng nói to:

- Thím để đấy thôi, thím Lâm!

Thím thụt tay lại như bị bỏng, mặt xám ngắt. Thím không đi lấy đôi đèn nến nữa, cứ đứng ngẩn ra đó. Đến khi chú Tư thắp hương, bảo thím đi chỗ khác, thím mới đi.

Lần này thì thím thay đổi chóng quá. Hôm sau, chẳng những con mắt thím sâu hoắm xuống, mà tinh thần lại càng tiêu tụy. Thím đâm ra nhút nhát, sợ đêm tối, sợ bóng đen, bất cứ gặp ai, thậm chí gặp chú Tư, cũng cứ lăm la lăm lét như chuột nhắt ra khỏi hang giữa ban ngày. Hoặc có khi thím ngồi ngây ra chẳng khác gì pho tượng gỗ. Chưa đầy nửa năm, tóc thím đã bạc ra, thím không nhớ được cái gì cả, thậm chí quên cả việc đi vo gạo nữa.

- Thím Lâm làm thế nào mà lại như thế? Biết vậy thì hồi đó chả giữ lại cho xong!

Thím Tư đôi lần đã thốt ra như thế trước mặt thím Tường Lâm, hình như có ý bảo cho thím biết mà liệu chừng.

Nhưng thím Tường Lâm vẫn cứ như thế, chẳng mong có thể lành lợi thêm được chút nào. Thế rồi, chú thím Tư định đuổi thím ra, bảo thím về với bà Vệ. Khi tôi còn ở Lỗ Trấn, chú thím Tư chỉ mới nói như thế thôi, nhưng xem tình trạng thím bây giờ, thì biết sau đó họ đuổi thím đi thật. Còn như ra khỏi nhà chú thím Tư, thím Tường Lâm phải đi ăn xin liền, hay là về nhà bà Vệ rồi sau mới phải đi ăn xin, thì điều đó tôi không được rõ.

Tiếng pháo nổ gần, kêu to quá làm tôi giật mình thức giấc. Nhìn thấy ngọn đèn dầu vàng khè, nhỏ bằng hạt đậu, rồi lại nghe tiếng pháo dây nổ lạch tách, biết là nhà chú Tư đang làm lễ cầu phúc, và đã gần sang canh năm rồi. Tôi nằm mơ màng, nghe tiếng pháo văng vẳng ở đâu xa, liên hồi không ngớt, có cảm tưởng như có một đám mây dày đặc vang rộ tiếng pháo cùng với hoa tuyết phấp phới bay đang bao phủ lên cả cái thị trấn này. Giữa những tiếng ồn ào xung quanh, tôi cảm thấy con người nhác nhón ra mà cũng rất thoải mái. Bao nhiêu nỗi lo ngại từ sáng sớm đến chiều tối hôm qua bây giờ tiêu tan đi trong bầu không khí cầu phúc. Tôi có cảm tưởng như nhìn thấy trời đất quỷ thần sau khi về âm hưởng rượu thịt, hương hoa, đều say mềm, bây giờ đây đang bước đi chênh choáng giữa không trung, và đang chuẩn bị đem lại cho tất cả những người ở Lỗ Trấn một nguồn hạnh phúc vô cùng tận.

*Ngày 7 tháng 2 năm 1924
(GIẢN CHI dịch)*

TRONG QUÁN RƯỢU

Tôi từ miền Bắc đi về miền Đông - nam, nhân tiện ghé thăm quê nhà, nên mới qua thành S. Thành này cách quê tôi chừng ba mươi dặm đường, ngồi thuyền non nửa ngày là về tới nơi. Tôi đã từng dạy một năm trời trong một trường học ở đây. Giữa mùa đông, tuyết lại vừa xuống, nên phong cảnh thê lương lắm. Lòng đã bần thần, lại thêm nhớ cảnh cũ người xưa, nên tôi tạm dừng chân ngồi nghỉ ở khách sạn Lạc Tư. Khách sạn này trước kia chưa có. Thành vốn nhỏ, đi một lát đã đến khắp các nhà mấy người đồng sự ngày trước mà mình định gặp, nhưng chẳng gặp ai cả. Không biết họ tản mát đi đâu hết rồi. Đi qua trường học, trường học cũng đã đổi tên, mà quanh cảnh cũng khác xưa. Tôi cảm thấy lạc lõng đi. Không đến hai tiếng đồng hồ, tôi đã thấy không còn hứng thú nữa, và hối hận mình cũng hay đa sự, nán ở lại làm gì.

Cái khách sạn tôi trọ chỉ cho thuê phòng, chứ không bán cái ăn. Cơm nước phải mua nơi khác đưa tới, nhưng chẳng ngon lành gì cả, nhai như nhai đất. Trước cửa sổ có một bức tường chắn ngang, loang lổ vết nước mưa, rêu bám vào đã khô héo. Nền trời màu chì, nhờ nhờ, hết sức u ám. Tuyết lại lác đác rơi. Bữa cơm trưa ăn không no, vả lại không có gì tiêu khiển, tất nhiên tôi nhớ đến cái quán rượu nhỏ ngày trước rất quen, tên là Nhất Thạch Cự, cách khách sạn kể cũng không bao xa. Thế là tôi khóa phòng lại, ra phố đi tìm. Thực ra chẳng phải vì thèm rượu, mà chỉ vì muốn tránh cái cảnh cô liêu nơi đất khách. Quán Nhất Thạch Cự vẫn còn đấy, mặt ngoài vẫn chật hẹp ảm thấp, tối tăm và tầm biểnh hổng nát vẫn y như xưa. Nhưng từ ông chủ cho tới người hầu sáng, chẳng quen ai hết. Trong quán Nhất Thạch Cự này tôi hoàn toàn là một người khách lạ. Nhưng tôi vẫn cứ bước lên cái thang gác quen thuộc ở góc nhà mà lên thẳng cái gác xép. Ở đây vẫn y nguyên năm cái bàn nhỏ như trước, dọc mỗi một cái cửa sổ sau là có khác; trước kia song gỗ, nay thì đã lắp kính rồi.

- Cho một cân rượu Thiệu.⁶² Còn thức nhắm thì cho mười khuông đậu răn. Tương ớt nhiều nhiều đấy nhé!

Tôi vừa dặn anh hầu sáng đang theo tôi lên gác, vừa đi lại phía cửa sổ sau, ngồi vào cái bàn kê ngay đấy. Gác vắng tanh vắng ngắt, tôi tha hồ chọn chỗ ngồi tốt nhất, có thể nhìn xuống mảnh vườn hoang phía dưới. Mảnh vườn này hình như không phải của quán Nhất Thạch Cư. Trước kia tôi cũng đã nhiều lần ngồi đây nhòm xuống, có lúc cũng gặp ngày tuyết như thế này. Nhưng bây giờ mắt tôi đã quen với cảnh trí miền Bắc, nên nhìn thấy lạ lẫm. Tuyết xuống mà mấy gốc mai già, hoa vẫn nở đầy, hình như bất chấp cả ngày đông tháng giá. Cạnh cái đình đổ nát, còn có một cây sơn trà, giữa nền lá xanh sẫm, nổi bật lên mười cánh hoa đỏ chói, xung quanh là tuyết trắng, nên trông đỏ như những ngọn lửa. Nhìn hoa mà tưởng hoa như có vẻ phần nộ, ngạo mạn, khinh thị người du khách từ phương xa đến đây thưởng thức. Lúc ấy tôi mới chợt nhớ ra rằng tuyết ở miền này ướt đầm, rơi vào đâu là bám chặt vào đó, mà lại sáng long lanh như thủy tinh, khác hẳn với tuyết miền Bắc, khô như phấn bột gió nổi lên là cứ bay vù trời như khói tỏa.

- Thưa ông, rượu...

Người hầu sáng nói uể oải, rồi đặt chén, đĩa, hồ rượu và bát đĩa xuống bàn. Tôi quay lại, sắp đặt các thứ, rồi rót rượu ra. Nghĩ mình không phải quê miền Bắc, mà về miền Nam, thì cũng chỉ như một người khách thôi, nên dù tuyết miền Bắc khô và bay vũ như bụi phấn, hay là tuyết miền Nam ướt đầm và bám chặt vào cỏ cây, tôi cũng thấy đều chẳng có quan hệ gì với mình cả. Tôi hơi buồn, nhưng lại uống một ngụm rượu rất khoái chí. Rượu rất ngon, đậu cũng rán thật khéo, chỉ tiếc món tương ớt không mùi mè gì, người thành S vốn không thích ăn cay.

Có lẽ vì đang giữa buổi chiều chạng, thành ra nói là quán rượu, nhưng lại chẳng có vẻ gì là quán rượu cả. Tôi đã cạn ba chén rồi, mà ngoài tôi ra, bốn chiếc bàn kia vẫn bỏ trống. Tôi nhìn xuống mảnh vườn hoang, dần dần cảm thấy cô đơn, nhưng lại muốn đừng có ai tới nữa. Thỉnh thoảng nghe tiếng bước chân lên thang gác là tự dưng tôi lại buồn, đến khi thấy là anh hầu sáng thì mới yên tâm. Thế là lại uống thêm hai chén nữa.

"Lần này chắc là khách!" tôi nghĩ bụng như thế, vì nghe tiếng bước chân khoan thai hơn bước chân anh hầu sáng. Xem chừng người đó đã lên hết thang gác thì tôi có vẻ như sợ sệt, ngừng đầu lên nhìn cái ông khách cũng đến đây uống rượu như mình và chẳng liên quan gì đến mình cả. Nhưng tức thì, tôi hết sức ngạc nhiên, đứng dậy. Tôi không ngờ

lại được gặp ở đây một người bạn, nếu quả anh ta bây giờ vẫn cho phép tôi gọi là bạn. Người vừa đi lên đó rõ ràng là một người bạn đồng song của tôi và cũng là người bạn đồng nghiệp của tôi, hồi tôi còn là một nhà giáo. Diện mạo tuy có hơi đổi khác, nhưng thấy là nhận ra ngay, chỉ có cử chỉ thì chậm chạp vô cùng, thật chẳng giống chút nào với anh Lã Vĩ Phủ nhanh nhẹn, hoạt bát ngày trước cả.

- À, anh Vĩ Phủ! Anh đấy à? Tôi thật không ngờ lại được gặp anh ở đây!

- A, a! Anh? Tôi cũng không ngờ...

Tôi liền mời anh cùng ngồi. Anh có ý ngần ngừ một chút rồi mới ngồi xuống. Lúc đầu, tôi rất lấy làm lạ, sau đó thì hơi buồn, không làm sao vui lên được. Nhìn kỹ thì thấy mái tóc, bộ râu của anh vẫn bồm xồm như độ nọ, khuôn mặt vẫn dài dài và xanh xao, có điều gầy tóp đi. Trông anh có vẻ rất trầm tính, nói là tiêu tụy thì đúng hơn. Dưới cặp lông mày vừa rậm vừa đen, mắt anh không còn gì là tinh anh nữa. Nhưng sau khi anh chậm rãi nhìn xung quanh, rồi nhìn xuống mảnh vườn hoang thì bất chợt tôi lại thấy mắt anh sáng hẳn lên như hồi còn đi học.

Tôi vui vẻ nói, nhưng không được tự nhiên lắm:

- Chúng ta xa nhau độ ấy, có đến mười năm rồi nhỉ? Tôi vẫn biết anh ở Tế Nam nhưng, quả thực lười lắm, chẳng thư từ gì cho anh cả.

- Tôi cũng thế. Nhưng bây giờ tôi lên Thái Nguyên rồi. Đã hơn hai năm nay. Ở với bà cụ tôi. Lần về đón bà cụ, thì được tin anh đã dọn đi, không còn gì ở đây nữa.

Tôi hỏi:

- Thế, anh lên Thái Nguyên làm gì trên ấy?

- Gõ đầu trẻ, ở nhà một người đồng hương.

- Còn trước kia?

- Trước kia à? - Anh ta móc trong túi áo một điếu thuốc, châm lửa, ngậm vào miệng hút, rồi nhìn làn khói bay, nói một cách trầm tư- Cũng là những việc chẳng ra gì, coi như không làm gì cả.

Anh ta hỏi tình cảnh của tôi sau ngày từ biệt nhau. Tôi vừa kể cho anh nghe qua loa, vừa bảo người hầu sáng mang chén, đĩa ra, uống nốt chỗ rượu này đã rồi hãy lấy thêm hai cân nữa. Trong lúc đó thì gọi thêm thức nhắm. Trước kia, chúng tôi rất thật tình với nhau, nhưng bây giờ lại dăm khách khí lồi thoi, cuối cùng, chẳng biết ai gọi và gọi món nào cả. Thành ra người hầu sáng kê ra mà chỉ định lấy bốn món, một đĩa đậu hồi hương, một đĩa thịt đông, một đĩa đậu phụ rán và một đĩa cá khô.

Anh ta tay cầm điều thuốc, tay bưng chén rượu, nhếch miệng tươi cười gương, nói:

- Tôi vừa trở lại đây, sức nghĩ tới mình mà tôi buồn cười. Hồi còn bé, nhìn thấy con ong hay con ruồi đang đậu, hễ có cái gì làm kinh động là bay vù đi; bay quanh được một vòng bé tí, lại trở lại đậu vào chỗ cũ, mình cho là buồn cười và đáng thương hại. Không ngờ chính mình bây giờ cũng như chúng nó; vừa bay được một vòng bé tí, đã bay trở về. Mà không ngờ anh cũng thế. Anh không thể bay xa hơn chút nữa hay sao?

Tôi cũng nhếch miệng cười gương, nói:

- Khó nói quá. Có lẽ cũng chỉ bay quanh được một vòng nho nhỏ thôi. Nhưng anh thì vì sao mà bay trở lại?

- Cũng là vì một việc hết sức chán ngắt. Anh ta uống một hơi cạn chén, rít mấy khói thuốc, mắt hơi mở to- hết sức chán ngắt. Nhưng anh với tôi thì ta cứ nói.

Người hầu sáng đem thêm rượu, thức ăn lên bày một bàn đầy. Có khói thuốc lá và hơi nóng đậu rần, gian gác như có vẻ rộn ràng lên. Ngoài trời, tuyết cũng rơi càng dày đặc.

Anh ta nói tiếp:

- Chắc anh cũng biết, trước đây tôi có một đứa em trai, chết lúc lên ba, chôn ở quê đây. Nó hình dáng như thế nào, tôi cũng không nhớ rõ. Nhưng nghe bà cụ nói thì nó dễ thương lắm và rất mến tôi. Cho đến bây giờ, mỗi lần bà cụ nhắc đến thì nước mắt lại muốn trào ra. Mùa xuân năm nay, một người anh họ gửi thư nói cho biết là nắm mộ của nó ở gần sông bị nước xói lở, chẳng bao lâu nữa, e không còn, phải liệu ngay từ bây giờ. Bà cụ được tin, sốt ruột lắm, cơ hồ mấy đêm liền không ngủ. Bà cụ cũng biết chữ, nên xem thư lấy. Nhưng tôi biết làm thế nào? Không có tiền, không có thì giờ, lúc đó tôi chỉ hăng nghĩ ra cách gì cả.

Lần nữa đến nay, nhân dịp nghỉ tết rồi rồi, tôi mới về được đến đây mà đòi mộ cho nó- Anh ta lại uống thêm một chén rượu nữa, nhìn ra ngoài cửa sổ rồi nói tiếp - Ở trên kia làm gì được thế này? Hoa nở trong tuyết, tuyết xuống mà hoa không bị giá... Thế là hôm kia, tôi mua một chiếc tiểu ở ngoài phố - vì tôi đoán chiếc quan tài chôn ở dưới đất đã mục đi rồi - đem theo bông và chăn nệm. Thuê bốn người về làng đòi mộ. Lúc đó, tôi bỗng rất hứng thú. Muốn đào ngay nắm mộ lên, muốn thấy ngay hài cốt của đứa em từng thương mến tôi. Những việc như thế, đời tôi chưa từng trải qua bao giờ cả. Đến nghĩa địa, quả nhiên thấy con sông đã lở dần, cách nắm mộ không đầy hai mươi thước nữa. Tôi

nghiệp, hai năm nay không ai đắp điểm cho, bây giờ bằng xuống rồi. Tôi đứng giữa mưa tuyết, chỉ nắm mộ và bảo mấy người làm thuê một cách cương quyết: "Đào lên!". Tôi vốn là người tầm thường, nhưng lúc này, tôi cảm thấy giọng nói của tôi có vẻ khác thường. Cái mệnh lệnh đó của tôi cũng là cái mệnh lệnh oai nhất trong đời tôi. Nhưng mấy người kia lại không cho là quái lạ, liền bắt tay đào. Chờ đào đến huyết, tôi bước lại xem. Quả nhiên, quan tài sắp mục hết rồi, chỉ còn lại một ít miếng gỗ và một đồng vụn. Tim tôi đập mạnh. Tôi tự tay bốc lên, rất cẩn thận, cốt nhìn mặt đứa em cho được. Nhưng không ngờ, chần nệm, quần áo, xương cốt, chẳng còn gì hết. Tôi nghĩ bụng, chắc là tiêu đi hết rồi chẳng. Thường nghe nói tóc lâu tiêu nhất, cho nên nghi là còn tóc. Tôi cúi xuống nhìn vào đồng bùn, chỗ mà cái gối kê đầu trước kia phải đặt đấy. Cũng không có. Thật chẳng còn gì nữa.

Tôi bỗng thấy mắt anh bạn tôi hơi đỏ lên, nhưng biết ngay là vì hơi men. Anh ta không gấp thức nhắm mấy, chỉ uống liên tiếp, uống một hơi hết hơn cân rượu, rồi tinh thần, cử chỉ xem hoạt bát lên, gần giống được như anh Lã Vĩ Phủ tôi biết ngày trước. Tôi gọi người hầu sáng lấy thêm hai cân rượu nữa, rồi quay lại, cầm chén trong tay, nhìn anh, im lặng nghe anh kể tiếp:

- Thật ra, như thế này thì bắt tất phải dòi làm gì? Đắp đất bằng lại, bán cái tiểu đi là xong chuyện. Đem bán tiểu là một việc hết sức kỳ, nhưng quý hồ giá thật rẻ thì cái cửa hàng bán cho tôi chắc cũng lấy lại thôi. Tối thiểu cũng vớt vát được ít tiền uống rượu. Nhưng tôi không làm thế, cứ trải chần nệm ra, lấy bông bọc nắm bùn nơi em tôi đã nằm xuống, gói lại, bỏ vào chiếc tiểu mới, bảo khiêng về chỗ đặt ngôi mộ thầy tôi, chôn kề đấy. Vì còn phải xây lăng nữa, nên hôm qua còn bận hơn nửa ngày coi thợ làm. Nhưng thế này cũng cho là xong đi được một việc, có thể về nói dối nói dá với bà cụ, cho bà cụ yên lòng. Ơ! Ơ! Anh nhìn gì tôi mà nhìn như thế? Chắc anh lấy làm lạ, so với ngày trước, tôi thay đổi quá nhiều, có phải không? Đúng thế đấy. Tôi còn nhớ lúc chúng mình rủ nhau đến Thành hoàng nhớ râu các ông tướng ở đấy, rồi bàn hết ngày này đến ngày khác phương pháp cải cách nước Trung Quốc, hăng đến nỗi có thể đánh nhau được. Nhưng bây giờ thì tôi ra như thế này đấy. Cái gì cũng muốn qua loa xong chuyện thì thôi. Có lúc chính tôi cũng nghĩ rằng giá bạn bè ngày trước có gặp lại, e khi họ không nhận mình là bạn bè nữa cũng nên... Nhưng bây giờ thì tôi ra như thế này đây. - Anh ta lại móc ra một điều thuốc nữa, ngậm vào miệng, châm hút. - Nhìn anh

thấy hình như anh cũng còn mong đợi ở tôi ít nhiều thì phải. Bây giờ tất nhiên tôi mù mẫm đi nhiều rồi, nhưng cũng có đôi điều còn nhận ra được. Lòng tin tưởng của anh làm cho tôi rất cảm kích, nhưng cũng làm cho tôi thấy áy náy. Tôi sợ rồi lại phụ lòng một người bạn cũ đến nay vẫn có ý tốt với mình...

Anh ta bỗng ngừng lại, rít mấy khói thuốc, mới lại thông thả nói:

- Chính ngày hôm nay, trước khi đến quán Nhất Thạch Cù này, tôi cũng vừa làm một chuyện hết sức chán ngắt, nhưng là chuyện tôi vui lòng làm. Trước kia, hồi còn ở đây, tôi có một ông láng giềng ở phía đông là lão Trường Phú, làm nghề chở thuyền. Ông ta có một người con gái tên là cái Thuận. Hồi đó, anh đến tôi chơi, có lẽ cũng có gặp, nhưng chắc không để ý, bởi vì nó còn bé tí tẹo. Sau này, lớn lên cũng chẳng lấy gì làm nhan sắc, có điều mặt trái xoan, hơi gầy, trông bình thường, nước da vàng vàng, chỉ được cặp mắt rất to, lông mi cũng rất dài, lòng trắng thì trong như nền trời một đêm quang tạnh, nhưng là trời quang tạnh ở miền Bắc khi không có nổi gió cơ, chứ ở đây thì làm gì trong được như thế! Con bé đảm lắm. Mẹ chết lúc mười tuổi, một mình săn sóc hai đứa em dại, một gái, một trai, lại phải hầu hạ ông bố nữa, nhưng rất chu đáo. Và cũng cần cơ, nên cảnh nhà dần khá lên. Láng giềng hàng xóm không ai là không tấm tắc khen, cả đến lão Trường Phú cũng thường phải nói lên những câu tỏ vẻ cảm động. Lần này, trước khi tôi lên đường về đây bà cụ nhà tôi sức chột nhớ đến con bé; các bà được cái nhớ dai. Bà cụ nói là có một lần cái Thuận thấy một cái "nơ" nhưng đồ cài đầu, cũng muốn có một cái, nhưng không làm sao có được. Thế là khóc. Khóc non nửa đêm, ông bố đánh cho một trận, mắt sưng húp hai ba ngày. Thứ "nơ" nhưng đó thì các tỉnh miền Bắc mới có, chứ ở thành S. tìm đâu ra; con bé muốn có thì có làm sao được! Nhân thể chuyển này tôi về Nam, bà cụ bảo tôi mua hai cái làm quà cho nó.

Việc này tôi thấy cũng chẳng phiền hà gì mà lại lấy làm thích nữa. Thật ra thì, vì cái Thuận mà có phải mệt nhọc tí chút, tôi cũng vui lòng. Năm trước, tôi về đón bà cụ lên; một hôm, lão Trường Phú có ở nhà, tôi sang thăm, rồi chẳng biết vì sao mà ngồi tán gẫu mãi. Lão ta mời tôi ăn điểm tâm, - ăn chè kiêu mạch- và bảo cho tôi biết là nấu với đường trắng. Anh tính, làm nghề chở thuyền mà trong nhà có đường trắng ăn thì đủ biết trong nhà không phải là nghèo đâu nhé, cho nên lão ta mới ăn sang như vậy. Lão ta mời mãi; thành ra phải nhận lời, nhưng chỉ xin ăn một bát cơm thôi. Lão ta cũng là người thạo đời lắm, nên liền dặn cái

Thuận: "Con à, các ông ấy người nhỏ nhẽ, không ăn nhiều đâu. Con múc vào bát con, và cho thêm thật nhiều đường vào!". Nhưng đến khi nấu xong, bưng lên, tôi nhìn thấy mà thất kinh. Một bát to tướng, tôi ăn một ngày e không hết. Có điều so với bát của lão Trường Phú thì bát của tôi đúng là bát nhỏ. Bình sinh, tôi chưa hề ăn chè bột kiều mạch bao giờ, lần này ăn thử, quả không ngon, mặc dù ngọt lắm. Tôi thông thả ăn mấy miếng, định thôi, bỗng vô tình, nhìn thấy cái Thuận đứng xa xa ở góc nhà, thì tôi không có can đảm để bỏ bát đĩa xuống được nữa. Xem điệu bộ con bé, thấy nó vừa sợ vừa mong, chắc sợ là sợ nấu không được khéo, và mong là mong tôi ăn thấy ngon. Tôi nghĩ bụng, giá mà mình bỏ lại gần nửa bát bỏ đấy, chắc là nó buồn tủi lắm. Thế rồi tôi cương quyết há to cổ họng ra, đổ vào, ăn nhanh gần bằng lão Trường Phú. Do đó, tôi mới biết được cái khổ tâm phải ăn gượng. Nhớ lại, chỉ có hồi còn bé phải uống hết bát thuốc giun khuấy với đường mới khổ tâm như thế mà thôi! Nhưng tôi vẫn không oán thán chút nào, bởi vì cái nụ cười mà con bé cố giấu đi khi nó đến thu dọn mấy cái bát không, cũng đã thừa để bù đắp lại nỗi khổ tâm của tôi rồi. Cho nên mặc dù hôm đó, tôi no kênh, không ngủ ngon giấc, lại nằm mơ toàn những điều quái gở, tôi vẫn cứ cầu mong cho con bé được hưởng hạnh phúc trọn đời, và mong mỗi thế giới sẽ biến đổi để con bé được sung sướng hơn. Nhưng những ý nghĩ đó chẳng qua là dấu vết của những mộng cũ của tôi ngày trước mà thôi, chứ ngay lúc đó, tôi đã cười mình khéo hão huyền, và rồi cũng quên bẵng đi mất.

Trước kia, tôi chưa biết chuyện cái Thuận vì cái "nơ" nhưng mà bị đòn, nay nhân bà cụ nói cho biết, thì cũng chợt nhớ đến chuyện ăn bột kiều mạch, rồi đâm ra vồn vã đi tìm mua "nơ" cho được. Tìm tất cả các hiệu ở Thái Nguyên, không đâu có. Mãi về đến Tế Nam...

Ngoài cửa sổ, có tiếng ào ào. Tuyết đọng trên cành cây sơn trà cong oằn bồng đổ xuống. Cành cây lại vươn thẳng lên để lộ những cụm lá đen thẫm, bóng loáng và những bông hoa màu đỏ chói. Nền trời màu chì càng sẫm lại. Chim kêu chiu chít. Có lẽ sắp tối rồi, mặt đất tuyết lại phủ dày, chúng kiêu không ra cái ăn, phải bay về tổ sớm hơn ngày thường. Anh ta nhìn ra cửa sổ một hồi, quay lại uống một chén rượu, lại rút mấy gói thuốc, rồi nói tiếp.

- Mãi về đến Tế Nam mới mua được "nơ" nhưng. Cũng không rõ con bé bị đòn có phải vì thứ "nơ" nhưng này hay không, dù sao đây cũng là

"nơ" nhưng. Và cũng không rõ con bé thích màu đậm hay màu nhạt nữa, tôi bèn mua một cái màu đỏ thắm và một cái màu hồng đem về đây.

Thế là trưa hôm nay, ăn cơm xong, tôi đến thăm lão Trường Phú. Chỉ vì chuyện ấy, tôi phải nấn ná lại một ngày. Nhà lão vẫn ở chỗ cũ, nhưng trông có vẻ tiêu điều. Tôi nghĩ bụng đó chỉ là cảm tưởng riêng của mình mà thôi. Đưa con trai và cái Chiêu, đưa con gái thứ hai của lão đứng ở cửa. Nhón rồi. Cái Chiêu không giống con chị nó chút nào, xấu như ma lem, nhưng thấy tôi đi vào thì chạy trốn vào nhà mất. Tôi hỏi thằng bé, biết là lão Trường Phú đi vắng: "Chị nhón em đâu?". Nó liền giương mắt nhìn tôi, vội hỏi tôi tìm có việc gì, lại có vẻ hăm hăm như muốn nhảy xổ tới, cắn một miếng. Tôi trả lời ấp úng rồi tháo lui, bởi vì bây giờ cái gì tôi cũng không muốn bỏ qua cho xong chuyện thì thôi.

Anh không biết chứ tôi ngại đến thăm hỏi nhà người ta lắm, ngại hơn dạo trước nữa, bởi vì mình biết rõ mình đáng ghét lắm, chính mình cũng không thương được mình nữa huống hồ ai. Đã biết là thế rồi thì đến làm gì cho người ta phải buồn trong lòng? Nhưng lần này bà cụ tôi đã dặn dò như thế, không lẽ không làm cho đến nơi đến chốn. Cho nên nghĩ lại, tôi lại đến cái cửa hàng bán củ ở xế cửa nhà lão Trường Phú. Bà cụ Phát, mẹ ông chủ hàng, vẫn còn sống, và còn nhận ra tôi, mời tôi vào ngồi chơi. Chào hỏi mấy câu xong, tôi nói rõ cho bà cụ biết tôi trở về đây và đến tìm lão Trường Phú để làm gì. Không ngờ, bà cụ thở dài, nói:

- Thương cho cái Thuận bạc phước không được cài cái "nơ" nhưng ấy rồi!

Thế rồi bà cụ kể tường tận cho tôi nghe, nói rằng: "Từ mùa xuân năm ngoái, thấy con bé người cứ gầy héo đi, nước da cứ vàng ra, về sau bỗng thường thường ngồi đâu khóc đấy. Hỏi sao khóc, lại không nói. Có khi khóc suốt đêm, đến nỗi ông Phú cũng phải gắt lên, mắng là lớn rồi, chưa có chồng mà phát điên hay sao. Nhưng sang thu, con bé bị cảm, đầu thì cảm xoàng, sau phải nằm xuống và từ đấy, liệt giường liệt chiếu. Mãi đến mấy ngày trước khi tắt thở, con bé mới chịu nói với ông Phú rằng, lâu nay thỉnh thoảng khạc ra máu, đêm đổ mồ hôi trộm, y như mẹ nó ngày trước, nhưng cứ giấu đi, sợ ông ta lo. Có một đêm, lão Trường Canh, bác con bé, đến mượn tiền - lão này thường cũng đến đòi mượn tiền như thế nhiều lần rồi, - con bé không cho mượn. Thì lão cười lạt, nói: "Mày đừng có lên mặt, chắc gì thằng chồng mày đã được như tao!" Con bé từ dạo ấy buồn lắm, nhưng xấu hổ không dám hỏi ai, chỉ cứ nằm khóc. Ông Phú vội vàng đem chuyện thằng chồng chưa cưới nói cho con

bé nghe, nào là có đức tính này, đức tính nọ... Nhưng muộn rồi! Vả lại con bé cũng không tin, lại nói: "Bây giờ con đã như thế này rồi, gì thì gì cũng không thích nữa".

Bà cụ còn nói: "Giá như thằng chồng con bé quả không bằng lão Canh, thì cũng tởm thật. Không bằng anh trộm gà thì còn ra cái quái gì? Nhưng khi anh ta đến đưa đám con bé, con mắt tôi có trông thấy, ăn mặc tươm tất lắm, trông con người cũng ra dáng đáo ể. Nước mắt lưng tròng, anh ta còn kể nào là đi chống thuyền bao nhiêu năm nay, làm ăn cực khổ, thắt lưng buộc bụng, cốt dành dụm đồng tiền cưới vợ thì bỗng dưng vợ lặn đùng ra chết... Thì ra, anh ta cũng tốt đấy chứ, lão Canh toàn nói vu. Chỉ thương cho cái Thuận lại đi tìm những lời dèm pha của một thằng ăn trộm, để chết đi oan uổng cái đời. Nhưng điều đó cũng không thể trách ai được, trách là trách cái số con bé không ra gì".

Thế là thôi. Công việc của tôi thế cũng là cho xong đi. Nhưng hai cái "nơ" nhưng mang theo thì đem làm gì đây? Được rồi! Thì tôi nhờ bà cụ đưa lại cho cái Chiêu vậy. Cái Chiêu này vừa thấy mặt tôi là chạy mất tang, có lẽ cho tôi là một con chó sói hay sao ấy, nên trong bụng tôi cũng không muốn cho. Nhưng rồi tôi vẫn cứ cho, và cứ về thưa với bà cụ rằng cái Thuận thấy cái "nơ" nhưng mừng đáo ể. Thế là được việc. Nhưng cái chuyện chán ngắt như thế thì kể gì? Chỉ cần qua loa cho xong thôi. Tết cũng ăn qua loa. Và cứ "Tử viết Thi vân" mà gõ đầu trẻ.

Tôi lấy làm ngạc nhiên, hỏi:

- Thế nào? Anh dạy "Tử viết Thi vân" à?

- Tất nhiên. Anh vẫn tưởng tôi dạy ABCD hay sao? Lúc đầu, tôi có hai đứa học trò, một đứa học Kinh thi, một đứa học Mạnh Tử. Mới rồi, thêm một đứa nữa, con gái, học Nữ nhi kinh. Đến môn toán mà cũng không muốn dạy, mà bố mẹ chúng nó không muốn tôi dạy.

- Thật không ngờ anh mà lại đi dạy những sách ấy?

- Bố mẹ chúng nó muốn chúng nó học những thứ ấy. Tôi chỉ là người ngoài; dạy gì mà chẳng được. Những chuyện chán ngắt thế kể làm gì? Miễn thế nào xong thôi.

Anh ta mặt đỏ gay, hình như có ý say, và con mắt lại lơ lơ như trước. Tôi khẽ thở dài, một lúc lâu, không tìm ra câu gì để nói. Có tiếng bước chân lên thang gác sầm sập. Mấy ông khách kéo nhau lên. Người bước lên trước là một anh chàng lùn tịt, khuôn mặt tròn xoe và bều bệu, rồi đến một anh chàng cao lông ngông, cái mũi đỏ lòm trông rất chướng. Theo sau, còn có nhiều người nữa, bước dồn dập rung chuyển cả gian

gác. Tôi đưa mắt nhìn Lã Vĩ Phủ. Anh ta cũng đưa mắt nhìn tôi. Tôi liền gọi anh hầu sáng đến tính tiền.

Tôi vừa sửa soạn đi ra, vừa hỏi:

- Anh dạy học như thế, đủ sống chứ?

- Vâng, mỗi tháng kiếm được hai chục đồng, cũng chẳng lấy gì làm đủ.

- Thế thì, anh có định sau này làm gì không?

- Sau này à? Chẳng biết nữa. Anh xem, những việc chúng ta dạo đó định làm, hỏi có việc nào được vừa ý? Tôi bây giờ không biết một cái gì hết, ngày mai đây làm gì cũng không biết, phút sắp đến cũng thế...

Anh hầu sáng đem đơn tính tiền lên đưa cho tôi. Anh bạn tôi cũng không còn khách khí như lúc mới vào nữa, Anh ta chỉ đưa mắt cho tôi một cái, rồi cứ hút thuốc, để mặc tôi trả tiền.

Chúng tôi cùng đi ra. Khách sạn của anh ta trọ và khách sạn của tôi trọ ở trái nẻo nhau, nên ra đến cửa là chia tay. Tôi đi về khách sạn một mình. Gió lạnh và tuyết cứ phủ vào mặt, nhưng lại thấy trong lòng rất dễ chịu. Nhìn thấy trời đã nhá nhem tối rồi, và nhà cửa, đường phố đều như nằm trong một màn lưới tuyết dày đặc, trắng xóa và luôn luôn di động.

Ngày 6 tháng 12 năm 1924

MỘT GIA ĐÌNH HẠNH PHÚC

Phỏng theo anh Hứa Khâm Văn

"... Viết hay không viết, phải hoàn toàn theo ý muốn của mình. Có như thế, tác phẩm viết ra sẽ như ánh sáng mặt trời tuôn trào từ một nguồn ánh sáng vô cùng tận, chứ không phải tia lửa bật ra do sự cọ sát của đá và sắt. Tác phẩm đó mới là nghệ thuật chân chính, và nhà văn đó mới là một nghệ sĩ chân chính. Còn ta? Viết như ta thì kể gì?..." Nghĩ đến đây, bỗng anh nhảy xuống giường. Trước thì anh có ý định viết bài gì kiếm ít tiền nhuận bút mà sống, viết xong sẽ gửi cho tờ Hạnh phúc nguyệt san, vì ở đó tiền nhuận bút hình như hậu hơn ở nơi khác. "Nhưng phải chọn đề tài cho thích hợp, bằng không thì họ sẽ không nhận. Ừ được! Chọn thì chọn... Trong óc thanh niên bây giờ, vấn đề nào là vấn đề lớn nhất nhỉ?... Nói chung thì nhiều lắm, nhưng phần lớn đều xoay quanh câu chuyện tình yêu, hôn nhân, gia đình mà thôi... Đúng. Nhiều thanh niên đang buồn nản về những câu chuyện đó và đang đem thảo luận với nhau. Vậy thì, ta viết về gia đình vậy. Nhưng viết như thế nào đây?... Bằng không, sợ họ không nhận. Vậy hà tất phải viết những điều không hợp thời. Nhưng..."

Anh nhảy xuống giường, rồi bước nhanh đến bàn, ngồi xuống rút một tờ giấy kẻ ô màu lục,⁶³ không chần chừ nhưng lại có vẻ "đành vậy", viết cái đầu đề:

Một gia đình hạnh phúc.

Bỗng bút anh dừng lại. Anh ngừng đầu lên, giương mắt nhìn trần nhà, suy nghĩ nên cho cái "gia đình hạnh phúc" ấy ở vào địa phương nào cho tiện. Ở Bắc Kinh ư? Không được. Ở đây âm khí nặng nề lắm, đến không khí mà cũng như là không khí chết nữa là! Giá thử có xây xung quanh cái gia đình ấy một dãy tường thật cao cũng không tài nào ngăn cách ra được. Quả không được thật. Giang Tô, Chiết Giang, thì chưa biết ngày nào sẽ nổ chiến tranh. Phúc Kiến càng khỏi phải nói. Tứ Xuyên, Quảng Đông ư? Ở đấy thì chiến tranh thật sự rồi! Sơn Đông, Hà Nam... ư? Ở đấy bị bắt cóc như chơi. Ví dụ, một trong hai người bị bắt cóc, thì thành ra một gia đình bất hạnh rồi? Ở các tô giới như Thiên Tân,

Thượng Hải, thì tiền thuê nhà đắt lắm!... Hay là cho ở nước ngoài? Thế thì buồn cười quá! Vân Nam, Quý Châu, không rõ như thế nào, nhưng đường giao thông ở đây bất tiện vô cùng..."

Anh nghĩ đi nghĩ lại, nghĩ không ra được một địa phương nào cho ổn cả, đành phải giả thiết cho như là ở tỉnh A vậy. Nhưng lại nghĩ: "Bây giờ nhiều người đang phản đối cái lối dùng chữ cái Latinh thay thế cho tên người tên đất; họ cho rằng làm như thế sẽ giảm mất hứng thú của độc giả. Trong bài của ta, có lẽ cũng đừng dùng là chắc chuyện. Vậy thì, ở đâu được bây giờ? Hồ Nam cũng đang đánh nhau. Đại Liên, tiền thuê nhà cũng đắt. Sát Cáp Nhĩ, Cát Lâm, Hắc Long Giang... nghe nói có cướp, cũng không xong..."

Anh lại nghĩ đi nghĩ lại, vẫn không nghĩ ra được một địa phương nào ổn cả. Cuối cùng, anh quyết cứ giả thiết cái nơi "gia đình hạnh phúc" ấy là ở A vậy.

"Tóm lại, cái gia đình hạnh phúc đó nhất định phải ở A, không còn bàn tán gì nữa. Trong gia đình, tất nhiên có hai vợ chồng, đó là ông chủ, bà chủ. Tự do kết hôn. Họ có ký kết với nhau hơn bốn mươi điều khoản, rất tỉ mỉ, cho nên hai người hết sức bình đẳng, hết sức tự do. Lại đã học qua bậc Cao đẳng, là những tay trí thức ưu tú, cao thượng..."

Bây giờ ít ai sang Nhật học nữa, vậy thì cứ cho là du học ở Âu Mỹ về. Ông chồng luôn luôn mặc âu phục, áo sơ mi cổ cứng trắng tinh; bà vợ thì tóc phi - dê, phồng phồng như tổ chim sẻ, luôn luôn để lộ hàm răng như ngà như ngọc, nhưng áo quần lại mặc kiểu Trung Quốc...". - Không, không được! Thế không được. Những hai mươi năm kia mà!

Nghe tiếng đàn ông nói ngoài cửa sổ, bất giác, anh quay đầu ra nhìn. Tấm màn cửa vẫn buông rủ xuống, vì ánh mặt trời rọi vào, chói quá. Mắt anh hoa lên. Sau đó thì có tiếng những thanh củi nhỏ quăng xuống đất sầm sập. Anh lại quay đầu lại, nghĩ: "Không việc gì đến mình. Hai mươi năm kia?"

"Họ là những bậc trí thức ưu tú, cao thượng, rất thích văn chương, nhưng vì từ nhỏ đều được ăn sung mặc sướng, nên không thích tiểu thuyết Nga. Tiểu thuyết Nga phần lớn tả những người lớp dưới, quả thật không hợp với gia đình này. "Hai mươi năm kia?" Mặc kệ! Thế thì họ xem sách gì? Thơ của Bairen, của Kít⁶⁴ ư? Không được. Đều không ổn. À, có rồi. Họ đều thích xem cuốn Người chồng lý tưởng.⁶⁵ Ta tuy chưa thấy mặt mũi cuốn đó như thế nào, nhưng cả đến các vị giáo sư đại học mà

cũng khen thì chắc chắn họ cũng thích xem. Anh xem, tôi xem mỗi người một cuốn. Gia đình này có những hai cuốn".

Anh thấy hơi đói bụng, đặt bút xuống, đưa hai tay chống lấy đầu, làm cho cái đầu anh trông giống như một quả địa cầu để giữa hai cái trụ. Anh tưởng tượng.

"... Hai vợ chồng đang ăn cơm trưa. Chiếc bàn phủ khăn trắng tinh. Người bếp mang thức ăn lên. Món ăn Trung Quốc. "Hai mươi lăm cân" cái gì? Mặc kệ! Tại sao lại món ăn Trung Quốc nhỉ? Người phương Tây nói: món ăn Trung Quốc tốt nhất, ngon nhất, hợp vệ sinh nhất, cho nên hai vợ chồng này ăn món ăn Trung Quốc. Mới đưa lên bát thứ nhất, nhưng bát thứ nhất ấy là bát gì nhỉ..."

- Củi...

Anh giật mình quay đầu lại, thấy vợ anh đứng cạnh, phía tay trái, đôi mắt buồn bã, nhìn anh chòng chọc. Cho rằng vợ anh đến quấy rầy không để anh sáng tác, anh hơi giận, gắt lên:

- Cái gì?

- Củi. Hết sạch rồi. Nay phải mua một ít. Lần trước, mười cân vẫn hai quan tư, nay đòi những hai quan sáu. Em định giả hai quan năm, có được không?

- Được, được... thì trả hai quan năm vậy.

- Cân non quá. Ông ta nhất định kể là hai mươi bốn cân rưỡi. Em chỉ tính cho ông ta là hai mươi ba cân rưỡi thôi. Có được không?

- Được, được, thì tính cho ông ta hai mươi ba cân rưỡi.

- Như thế thì, năm năm hai năm, ba năm mười lăm...

- Ừ, ừ, năm năm hai năm, ba năm mười lăm...

Anh cũng tính không ra. Ngừng một lát, bỗng anh hăm hở cầm quản bút viết phép tính lên tờ giấy kẻ ô màu lục có cái đầu đề: Một gia đình hạnh phúc. Tính một hồi lâu, anh mới ngừng đầu lên nói:

- Năm quan tám!

- Thế thì, ở đây không đủ rồi. Còn thiếu tám chín đồng trinh nữa.

Anh rút ngăn kéo ra, có bao nhiêu tiền nắm vào một nắm, có hơn hai ba mươi đồng, bỏ vào tay vợ đang ngửa ra. Thấy vợ đi ra khỏi phòng, anh mới quay đầu lại về phía bàn viết. Anh cảm thấy đầu óc anh phình ra, như chất đầy củi là củi, kèn kèn càng càng... Năm năm hai năm... Trên vỏ não cân in vết bao nhiêu chữ số Ả Rập, loạn xạ. Anh hít một hơi thật sâu, rồi ráng sức thở hắt ra, hình như muốn dùng cách đó để làm cho những chuyện củi đuốc, các con số Ả Rập, năm năm hai

nhằm đừng ám ảnh mình nữa. Quả thật, thở xong, anh thấy trong lòng nhẹ nhõm hẳn. Thế rồi anh lại mơ màng suy nghĩ:

"Món gì nhỉ? Hơi là lạ một chút cũng không sao. Sườn xào chua ngọt. Hải sâm nấu tôm thì xoàng quá. Muốn cho hai vợ chồng nhà này ăn món Long hổ đấu, nhưng Long hổ đấu như thế nào nhỉ? Có người nói đó là món thịt rắn nấu trộn thịt mèo, một món ăn sang của người Quảng Đông, không phải là yến tiệc thì không ai ăn. Nhưng mình đã có thấy cái tên món ăn này trên thực đơn các quán ăn Giang Tô rồi, người Giang Tô hình như không ăn thịt rắn và thịt mèo, e có lẽ như người nào đó nói, đó là ếch và lươn thôi. Vậy thì cho đôi vợ chồng này là người tỉnh nào đây? Mặc kệ. Nói tóm lại, dù là người tỉnh nào, có ăn một bát thịt rắn và thịt mèo hoặc thịt ếch và thịt lươn, quyết cũng không tổn thương gì cho hạnh phúc của gia đình họ cả. Vậy là bát thứ nhất nhất định phải là Long hổ đấu không còn phải bàn tán gì nữa.

"Thế là bát Long hổ đấu được đặt chính giữa bàn. Hai vợ chồng họ cùng cầm đũa, chỉ vào miệng bát, chàng nhìn nàng, nàng nhìn chàng, cười híp mắt lại:

- *My dear, please.*

- *Please you eat first, my dear.*

- *Oh no, please, you!*⁶⁶

"Thế rồi, cả hai người cùng đưa đũa ra, cùng gắp một miếng thịt rắn... không không, thịt rắn thì kỳ dị quá. Hay là cứ nói thịt lươn thôi. Như thế thì món Long hổ đấu này phải nấu bằng thịt lươn và thịt ếch. Cả hai người cùng gắp một miếng thịt lươn, bằng nhau - ... năm năm hai năm, ba năm... mặc kệ! - Cùng bỏ vào miệng".

Anh không thể tự kiềm chế được, chỉ muốn ngoảnh đầu lại xem, bởi vì có tiếng người đi đi lại lại phía sau lưng hai ba bận, ồn ào. Nhưng anh cố nén lại, và nghĩ tiếp, lung tung:

"Thế này thì hình như hơi chướng một chút. Có gia đình nào mà lại như thế? Hi hi, óc mình sao lại lung tung lên thế này! Cái đầu đề hay như thế mà không thể viết thành truyện chẳng? Hay là không cần thiết phải chọn hai người đi du học về? Cứ nói là đã học qua đại học ở trong nước cũng được thôi vậy. Họ đều tốt nghiệp đại học, đều là bậc trí thức cao thượng, ưu tú, cao thượng... Anh là một nhà văn. Chị cũng là một nhà văn, hoặc giả là một người yêu văn. Hay chị là một nhà thơ, và anh là một người yêu thơ, một người rất tôn trọng phụ nữ... Hay là...?"

Cuối cùng, anh không nhịn nổi nữa, quay đầu lại. Thì cạnh cái giá sách sau lưng anh, đã lù lù một chồng bấp cải, dưới ba bấp, giữa hai bấp, trên cùng một bấp xếp thành một chữ A to tướng.

"Hừ, hừ!" - Anh kinh ngạc thở dài, đồng thời thấy mặt bỗng nóng bừng và như có hàng trăm cái kim cứ chích nhẹ vào xương sống. - "Hừ" - Anh thở hắt ra một cái rồ dài, như để cho kim đừng chích vào xương sống nữa, rồi suy nghĩ tiếp:

"Nhà ở của cái gia đình hạnh phúc này phải cho rộng rãi. Có một phòng chứa đồ vật, bấp cải các thứ đều chất vào đấy cả. Ông chồng có một phòng sách riêng, giá sách kê san sát dọc tường, tất nhiên là bên cạnh quyết không có những đồng bấp cải gì gì cả; trên giá toàn là sách Trung Quốc, sách ngoại quốc, tất nhiên trong đó cũng có Người chồng lý tưởng, - cả hai cuốn - Lại phòng ngủ riêng. Giường gọng đồng, hay muốn giản dị hơn một chút, thì giường gỗ, như những cái xưởng sổ một của nhà Hỏa lò đóng, cũng được; dưới giường, gọn gàng, sạch sẽ".

Tức thì anh liếc xuống dưới giường mình, cúi chất ở đấy đụn hết rồi chỉ còn lại cái dây thừng bện rơm nằm thườn thượt như một con rắn chết.

"Hai mươi ba cân rưỡi..." Anh chắc chắn cái đồng củi mới mua lại sẽ chất nhào vào đấy thôi. Đầu anh lại thấy kèn kèn càng càng. Anh vội đứng dậy, chạy ra cửa, định đóng chặt lại. Nhưng hai tay vừa chạm vào cánh cửa thì lại thấy mình nóng nẩy quá, liền thôi. Anh chỉ buông cái màn cửa chứa đầy bụi xuống, vừa nghĩ thầm trong bụng: "Như thế này thì tránh được cả hai điều: đóng cửa lại thì tỏ ra nóng nẩy, để cửa mở thì không yên tĩnh. Thật rất thích hợp với "đạo trung dung".

"Cho nên phòng sách của ông chồng cứ đóng cửa cả ngày". - Anh trở lại, ngồi xuống, suy nghĩ - "Ai có việc gì muốn vào hỏi thì phải gõ cửa trước, có cho phép mới được vào. Cách đó hay thật. Bây giờ giá dụ ông chồng đang ngồi trong phòng sách của mình. Và vợ đến bàn chuyện văn chương, cũng phải gõ cửa trước đã. Như thế mới yên tâm, bà ta không thể khuôn bấp cải vào được".

"Come in, please, my dear"⁶⁷

"Nhưng ông chồng không có thì giờ bàn chuyện văn chương thì làm thế nào? Thế thì cứ để mặc cho bà ta đứng ngoài mà gõ lạch cạch mãi ư? Như thế có lẽ không được.

Hình như trong cuốn Người chồng lý tưởng có nói đến thì phải. Thế thì e cuốn tiểu thuyết đó hay thật, mình mà nhận được tiền nhuận bút

thì cũng phải đi mua một cuốn xem xem..."

Bốp!

Anh ngồi thẳng lưng ra, vì theo kinh nghiệm, anh biết bốp như thế là tiếng bàn tay vợ đánh vào đầu đứa con gái mới lên ba. Nghe tiếng con khóc, nhưng anh cứ ngồi thẳng lưng, suy nghĩ:

"Gia đình hạnh phúc này có con muộn, rất muộn. Hoặc chi bằng không có con là hơn. Chỉ hai vợ chồng son ở với nhau mà thôi. Hoặc chi bằng ở khách sạn, cái gì cũng khách sạn cung cấp cho cả. Và chỉ có một người..."

Nghe tiếng nước nở to dần, anh liền đứng dậy, chui qua tấm màn cửa, vẫn suy nghĩ.

"Con khóc mà ông Mác vẫn cứ ngồi viết cuốn Tư bản như thường cho nên ông ta mới là vĩ nhân..."

Anh ra phòng ngoài, mở cái cửa lớn. Có mùi dầu hỏa xông lên. Con bé nằm xoài phía bên phải cửa, mặt úp xuống đất, trông thấy anh, liền khóc òa lên.

- À, à... Được rồi... Đừng khóc, đừng khóc nữa! Con của ba! Ngoan lắm!

Anh cúi xuống, ẵm con.

Anh ẵm con rồi quay lại, thấy vợ còn đứng ở phía bên trái cửa, lưng cũng thẳng ra, nhưng hai tay chống nẹ, mặt hằm hằm, giống như là chuẩn bị tập thể dục ấy!

- Cả đến mày cũng làm khổ tao. Đã không giúp được việc gì lại còn phá hoại. Cái đèn dầu để ở đó mà cũng làm cho đổ nhào đi được. Tối lấy gì mà thấp?...

- À, à... được rồi. Đừng khóc, đừng khóc nữa.

Mặc cho vợ cứ đứng nói, giọng run lên vì tức giận, anh ẵm con vào phòng, lấy tay xoa đầu con, nói:

- Con của ba ngoan lắm.

Rồi anh đặt con xuống, đẩy lùi ghế ra, ngồi, để cho con đứng kẹp giữa hai đầu gối, giơ tay lên nói:

- Đừng khóc nữa, con ngoan. Để ba làm "Mèo rửa mặt" cho mà xem nhé!

Rồi anh dướn cổ ra, lè lưỡi, giả vờ liếm hai cái vào lòng bàn tay, rồi đưa lên xoa xoa vào mặt mình.

- A, a, a, con mèo Hoa!

Con bé cười.

- Đúng đấy! Con mèo Hoa đấy!

Anh lại xoa xoa vào mặt mấy cái nữa rồi mới thôi. Trông thấy đứa bé nhìn mình cười híp lại, đôi mắt còn ướt, anh chợt thấy cái khuôn mặt của mẹ nó năm năm về trước. Đôi môi đỏ thắm lại càng giống, chỉ có nhỏ hơn một tí. Hồi đó, cũng là vào một ngày mùa đông trong sáng, vợ anh nghe anh nói là sẽ vì nàng mà bất chấp mọi trở ngại, hy sinh tất cả, thì vợ anh cũng nhìn anh cười híp lại, đôi mắt cũng đầm lệ. Anh ngồi buồn thiu, giống như một người say. Anh nghĩ: "Hừ! Hừ! Đôi môi dễ thương quá!"

Bức màn cửa bỗng vén lên. Đồng củi được khuôn vào.

Anh cũng sực tỉnh, nhìn, thì thấy con, mắt còn ướt, đang hé môi đỏ thắm nhìn anh. "Đôi môi!" Anh liếc sang bên cạnh. Đồng củi đang được khuôn vào. "Có lẽ tương lai rồi nó cũng năm năm hai năm, chín chín tám mốt!... Và đôi mắt cũng buồn buồn âm thầm như thế!"

Nghĩ thế rồi anh liền với lấy tờ giấy kẻ ô màu lục trên có viết cái đầu đề và một mớ con tính, vò nát, rồi lại mở ra lau nước mắt, nước mũi cho con.

- Con ngoan! Con ra chơi một mình nhé!

Anh vừa ẵm đứa bé ra, vừa vút mạnh cục giấy vò nát vào giỏ rác.

Nhưng tức thì anh lại cảm thấy như thế hơi nhấn tâm với con. Anh quay đầu lại, nhìn theo con đang lủi thủi đi ra. Tai anh nghe rõ tiếng người ta sắp củi vào gậm giường. Anh muốn tập trung tư tưởng, bèn quay đầu lại, nhắm mắt cố xua đuổi những ý nghĩ băng quơ, ngồi thật yên lặng. Anh thấy hiện lên trước mắt một bông hoa màu đen, tròn, đẹp, ở giữa màu vàng da cam, từ khóe trái mắt bên trái trôi sang bên phải, cuối cùng biến mất. Rồi lại thấy một bông hoa màu xanh rất tươi, ở giữa màu lục thắm, tiếp theo là một chồng sáu bắp cải, cao sừng sững trước người anh, sắp thành hình chữ A to tướng.

Ngày 18 tháng 3 năm 1924

MIẾNG XÀ PHÒNG

Bà Tư Minh đang ngồi dựa lưng vào cửa sổ phía Bắc, cùng con Tú, đưa con gái lên tám tuổi của bà, dán những thoi vàng giấy, dưới ánh chiều tà. Bỗng nghe tiếng giày đế vải kéo nặng nề, chậm chạp. Bà ta biết là chồng đi vào, nhưng không ngoảnh lên nhìn, cứ chăm chú dán. Nhưng tiếng giày càng rõ, càng gần. Bà ta có cảm giác như chồng đã đứng cạnh mình, cho nên không thể không đưa mắt qua nhìn, thì thấy ông đã đứng đấy, nhún vai, khom lưng, đang ra sức lục lọi cái gì trong túi áo trong, dưới áo khoác ngoài.

Mãi hồi lâu, ông ta mới còng quèo rút tay ra được, trong tay có một cái bao hình chữ nhật, nho nhỏ, màu xanh hoa quỳ, đưa cho vợ. Bà ta vừa cầm lấy thì nghe một mùi thơm, không rõ mùi gì, giống mùi ô liu nhưng cũng không phải mùi ô liu. Trên cái giấy bọc xanh hoa quỳ, còn có một cái dấu ấn bằng kim nhũ sáng chói và nhiều đường vẽ lằn tằn. Con Tú chạy lại, định giật lấy xem, bà vội ẩy con ra. Bà ta vừa nhìn, vừa nói:

- Đi phố về à?

Ông chồng nhìn cái bao giấy vợ cầm trong tay, nói:

- Ừ, ừ...

Thế là cái bao giấy màu xanh hoa quỳ được bóc ra. Phía trong còn một lớp giấy bóng mỏng dính, cũng màu xanh hoa quỳ. Bóc cái giấy bóc thì thấy chính cái vật trơn và cứng, cũng màu xanh hoa quỳ trên mặt có những đường vẽ lằn tằn. Lớp giấy bọc ngoài nguyên chỉ là màu nhò nhò thôi. Cái mùi thơm không rõ là mùi gì, giống mùi ôliu, nhưng cũng không phải là mùi ô liu, nghe càng ngát.

Bà ta nâng niu cái vật màu xanh hoa quỳ đó như nâng niu đứa trẻ, đưa lên mũi ngửi, rồi nói:

- Hì hì! Đây mới là thứ xà phòng tốt đây!

- Ừ ừ. Từ nay về sau thì mình dùng thứ này thôi.

Bà Tư thấy chồng miệng thì nói, con mắt thì nhìn chăm chăm vào cổ mình, nên từ hai gò má trở xuống, bà ta cứ nghe nóng phừng phừng. Đôi lúc bà ta có đưa tay sờ vào cổ thì thấy đầu ngón tay hơi nham nháp, nhất là phía sau vành tai. Bà ta biết đó là cái ghét tích lũy lâu ngày,

nhưng lâu nay vẫn không để ý. Bây giờ, thấy chồng chú ý nhìn, mà tay mình đang cầm miếng xà phòng ngoại, màu xanh hoa quỳ có mùi thơm là lạ như vậy, thì mặt bà ta không thể không nóng phùng phùng được. Rồi dần dần cứ lan mãi ra, khoảnh khắc đã nóng nóng đến mang tai. Thế rồi bà ta quyết ý ăn cơm tối xong sẽ đem miếng xà phòng này ra dùng và kỳ rửa thật sạch. Bà ta nói một mình:

- Có những chỗ chỉ dùng xà phòng thường thì không sao sạch được.

- Mẹ! Cho con cái này nhé!

Con Tú đưa tay giặt lấy tờ giấy bao màu xanh hoa quỳ, nói. Con Chiêu, con gái út của bà, đang chơi ngoài sân cũng chạy vào. Bà Tư vội lấy cả hai đưa ra lấy tờ giấy bóng bọc lại, rồi lại bỏ vào tờ giấy bao màu xanh hoa quỳ như cũ, với tay lên để trên cái tầng cao nhất bàn rửa mặt, nhìn một lần nữa, rồi quay lại ngồi dán vàng giấy.

- Trình!

Ông Tư như sực nhớ điều gì, bỗng gọi to, giọng kéo dài, rồi ngồi xuống cái ghế có lưng dựa cao, đối diện vợ.

- Trình đâu?

Bà ta cũng gọi giúp chồng, rồi dừng lại, lắng nghe, Không có tiếng trả lời. Thấy chồng ngẩng đầu lên đợi, vẻ sốt ruột, bà ta bất giác áy náy trong lòng, liền giáng sức gọi, gọi the thé:

- Thằng Thuyên⁶⁸ đâu nhỉ?

Lần gọi này có hiệu nghiệm. Bỗng có tiếng giầy da lộp cộp đi gần lại. Một lát, Thuyên đã đứng trước mặt mẹ. Nó chỉ mặc chiếc áo cộc, mồ hôi nhầy nhụa trên khuôn mặt tròn tròn, beo beo. Bà ta mắng con:

- Làm gì mà bố mày gọi cũng không nghe?

- Con vừa luyện bài bát quái quyền.

Nó liền quay sang phía ông bố, đứng thẳng, nhìn bố, có ý hỏi ông ta có việc gì.

- Trình! Tao hỏi mày.Ưa tú phulà cái gì?

- Thừa,Ưa tú phu⁶⁹ ... là một người đàn bà độc ác, phải không ạ?

Sự giận dữ bỗng hiện rõ trên nét mặt ông Tư.

- Nói tầm bậy! Tao mà lại là "đàn bà" à?

Trình hoảng lên, lùi hai bước, đứng càng thẳng. Tuy có khi nhìn thấy bố đi đứng có vẻ như vai ông già trên sân khấu, nhưng chưa bao giờ nó cho bố nó là một người đàn bà cả. Nó biết là nó trả lời sai rồi.

-Ưa tú phulà "một người đàn bà độc ác", tao lại không biết mà còn hỏi mày hay sao? Đó không phải là tiếng Trung Quốc mà là tiếng ngoại

quốc, mày nghe ra chưa. Nghĩa là gì, mày có biết không, hử?

Trình càng lúng túng tợn.

- Thừa con... con không biết ạ!

- Hừ! Té ra bỏ tiền cho mày ăn học, thật là vô ích. Chỉ có chùng ấy mà cũng không biết. Thế mà nhà trường mày cứ khoe là "Khẩu nhĩ tịnh trọng" dạy tiếng ngoại quốc, chú trọng cả nghe và nói! Rút cục chẳng được cái gì cả. Cái thằng nói cái tiếng ngoại quốc đó cũng chỉ độ mười bốn, mười lăm tuổi là cùng, còn nhỏ hơn mày nữa, ấy thế mà đã xì xồ xì xào nói được. Còn mày thì đến nghĩa là gì cũng không biết. Không biết xấu hổ mà còn mở miệng nói "con không biết"! Đi lấy tự điển tra cho tao!

Trình vâng một tiếng trong cổ họng, lùi ra, vẻ cung kính.

Một lát, ông Tư lại nói giọng cảm kích:

- Quả thật, bọn học sinh bây giờ không ra cái thể thống gì cả. Kể ra, thời Quang Tự, mình cũng hết sức đề xướng việc mở trường học, nào có ngờ đâu, trường học lại tệ hại đến nước ấy. Nào là giải phóng, tự do gì gì ấy nhưng chẳng có một chút thực học nào, chỉ được cái làm những chuyện tầm bậy. Cái thằng Trình này, mình mất cho nó bao nhiêu tiền ăn học có phải ít đâu, nhưng vô ích thôi - khó khăn lắm mới xin được vào trường Trung Tây Chiết Trung, dạy Anh văn thì chuyên môn khoe là "khẩu nhĩ tịnh trọng". Mình có cho là tốt nữa không nào? Hừ, học một năm rồi mà chỉ có mỗi chữ ư ư tú phuc cũng không biết. Có lẽ cũng lại là cái lỗi học vẹt thôi. Hừ! Nhà trường, nhà bè! Đào tạo ra được cái gì? Tôi nói thật, nên đem mà đóng cửa quách lại!

Bà Tư vẫn ngồi dán vàng giấy, tán thành ý kiến của chồng:

- Phải đấy. Đóng cửa quách lại mà hơn đấy!

- Con Tú, con Chiêu rồi cũng bắt tất phải cho đi học. Trước kia, cụ Cữu, cụ ấy nói: "Con gái, học hành cái gì?". Cụ ta phản đối cho con gái đi học thì mình công kích cụ ta. Nhưng bây giờ, nhìn lại mới thấy những người có tuổi tác họ nói phải. Mình nghĩ mà xem. Con gái mà cứ lữ lượt đi ngoài đường phố như thế kia, trông đã chướng mắt rồi, chúng nó lại còn đòi cắt tóc ngắn đi nữa cơ! Tôi chúa ghét bọn nữ sinh cắt tóc ngắn. Nói thực, lính tráng, thổ phỉ, thế mà còn tha thứ được, chứ bọn này mới thật là bọn làm loạn thiên hạ. Phải trừng trị nghiêm khắc mới được ...

- Phải đấy. Con trai cạo trọc đi như sư phụ còn chưa đủ sao mà con gái cũng lại muốn làm như vãi bà nốt!

- Trình!

Trình hai tay cầm một cuốn sách nhỏ mà dày, gáy vàng, bước nhanh đi vào, đưa cho bố, chỉ vào một chỗ nói:

- Có chữ này âm hơi giống. Chữ này...

Ông Tư cầm lấy xem, biết là tự điển, nhưng chữ in nhỏ quá, lại in ngang. Ông ta chau mày, giơ ra trước cửa sổ, nheo mắt lại, cố đọc cho ra hàng chữ con chỉ cho.

- Tên Cộng tế giảng xã thành lập vào thế kỷ 18... Ờ, không phải. Chữ này đọc thế nào? - Ông ta đưa tay chỉ vào tiếng Anh in ở trước, hỏi.

- Odd fellows.

Ông ta bỗng lại nổi giận:

- Không phải, không phải, không phải chữ này. Tao nói cho mày nghe. Tiếng kia là một tiếng đều, một tiếng chửi. Nó chửi tao như thế đấy. Có hiểu không? Tra đi!

Trình liếc nhìn bố mấy cái, đứng im.

Bà Tư thấy con lúng túng, thương hại, nói đỡ cho con mà cũng có ý không bằng lòng con.

- Thằng này ngu ngốc thế nào ấy!... Nhưng mà ông cũng phải nói rõ cho nó biết, rồi bảo nó tra kỹ xem.

Ông Tư thở dài một cái, quay lại nhìn vợ nói:

- Nguyên là khi tôi ra phố, đến hiệu Quảng Nhuận Tường mua xà phòng, thì có ba thằng học sinh cũng đang đứng mua cái gì ở đấy. Còn tôi? Có lẽ chúng nó thấy tôi cũng hơi lười thôi, lấy sáu bảy miếng xem, miếng nào cũng hơn bốn hào, không mua. Xem miếng một hào thì tôi quá, không thơm tí nào cả. Tôi nghĩ bụng: Thôi cứ lấy loại vừa vừa là hơn cả, nên chọn miếng màu xanh đỏ, hai hào tư. Anh bán hàng là một anh chỉ biết tiền, con mắt cứ xếch ngược lên, nhón cái mõm chó ra. Đáng ghét là mấy thằng học sinh ranh con cũng lại xì xồ xì xào nói tiếng ngoại quốc, vẻ thích chí lắm, rồi cười với nhau. Sau tôi đòi mở ra xem rồi mới trả tiền. Giấy tây bọc lại như thế, biết xấu tốt thế nào! Không ngờ cái anh bán hàng háms lợi đó, không những không chịu cho mở, mà lại còn ngang ngược nói những câu chó đẻ. Rồi bọn ranh con kia cũng cười hùa theo. Cái tiếng đó là một tiếng oắt con nói, vừa nói vừa nhìn tôi. Rồi chúng nó cười phá lên. Rõ ràng là quả là một tiếng đều - ông Tư ngoảnh lại phía thằng Trình nói tiếp - Mày cứ tra chỗ tiếng đều cho tao.

Trình "vâng" một tiếng trong cổ họng, rồi lễ phép lui ra.

- Chúng nó còn bô bô những là "tân văn hóa, tân văn hóa". "Hóa" đến như thế rồi, chưa đủ hay sao?

Ông ta đưa mắt lên nhìn xà nhà, nói một mình:

- Học sinh không có đạo đức, người ngoài xã hội cũng không có đạo đức nốt. Không tìm cách cứu vãn, thì Trung Quốc đến diệt vong mất. Mình nghĩ xem, thế này có đáng buồn hay không?...

Bà Tư không tỏ vẻ ngạc nhiên gì cả, thuận miệng hỏi:

- Thế nào, chuyện gì thế?

Ông ta quay lại nhìn vợ, nghiêm trang nói:

- Chuyện một người con gái hiếu thảo. Giữa đường phố có hai người ăn xin, một người con gái, trạc mười tám mười chín - cái tuổi đó mà đi ăn xin thì thật không hợp chút nào cả, nhưng nó vẫn đi ăn xin - và một bà già sáu bảy mươi, đầu bạc trắng, mắt mù, ngồi trước thềm một phố bán vải. Người ta nói người con gái ấy hiếu thảo lắm, mà bà già kia là bà nội nó đấy. Ai cho cái gì là nó lại đưa cho bà nó tất, còn nó thì nó nhịn đói, Nhưng chẳng biết có ai bố thí gì cho một người con gái hiếu thảo như thế không?

Ông ta nhìn chăm chú vào mặt vợ như để thử xem vợ trả lời ra sao.

Bà vợ không trả lời, cũng lại nhìn chăm chú vào mặt ông chồng, như chỉ chờ ông ta nói thôi. Cuối cùng, ông ta tự trả lời lấy:

- Hừ! Chẳng ai bố thí gì cho cả. Tôi đứng xem rất lâu, chỉ thấy có một người cho một đồng trinh, còn thì toàn là người đứng vây xung quanh xem cho vui mà thôi. Lại có hai thằng đều giả, ăn nói bừa bãi. "Phát à? Cậu đừng chê con bé bẩn thỉu, cậu cứ đi mua cho nó hai miếng xà phòng rồi tắm rửa kỳ cọ cho nó thật sạch sẽ, thế là mê đấy nhé!" Hừ, mình xem, chẳng ra cái thứ gì cả!

Bà Tư cúi đầu xuống, một hồi lâu mới uể oải hỏi:

- Hừ! Thế ông có cho nó tiền không?

- Tôi à? Không. Cho một hai đồng trinh thì ngượng tay lắm. Nó không phải là một kẻ ăn xin tầm thường như người khác. Phải...

- Ờ.

Bà vợ không chờ chồng nói hết câu, thông thả đứng dậy đi xuống bếp. Trời đã xẩm tối. Đã đến giờ ăn cơm.

Ông Tư cũng đứng dậy đi ra sân. Ngoài còn sáng hơn trong nhà. Trình đứng ở một góc tường đang tập bài bát quái quyền. Đây là nó làm theo lời ông bố dạy, lợi dụng lúc trời nhá nhem tối mà tập cho khỏi phí thì giờ. Nó tuân theo lời ông bố như thế đã hơn nửa năm nay. Ông Tư gật gù có vẻ khen ngợi, rồi chấp tay sau đít đi đi lại lại giữa cái sân trống. Một lát, cái chậu cảnh duy nhất, trồng cây vạn niên thanh, lá to

tướng, đã mờ đi trong bóng tối. Một vài ngôi sao lấp lánh trong đám mây trắng lưa thưa như một miếng giẻ rách. Trời đã tối hẳn. Lúc đó ông Tư bỗng háng hái lên, hình như ông ta định làm việc gì to tát lắm; tuyên chiến với bọn học sinh hư hỏng kia và với cái xã hội đồi bại xung quanh. Ý chí ông mạnh mẽ dần; ông càng bước những bước dài tiếng giày để vãi nghe càng kêu làm cho mấy con gà mái và mấy chú gà con đã ngủ trong chuồng sợ, tục tục, chớp chớp vang lên.

Nhà trên đã có ánh đèn. Đó là tín hiệu gọi mọi người về ăn cơm tối. Cả gia đình xúm xít lại quanh cái bàn đặt chính giữa nhà. Đèn để ở phía cuối bàn. Một mình ông Tư ngồi ở đầu bàn, mặt cũng tròn tròn béo béo như thằng Trình, chỉ có thêm hai chòm râu. Qua làn hơi nghi ngút bốc lên từ những bát canh, đĩa thức ăn nóng hổi, trông ông như vị thần tài trong đền Thành hoàng. Phía tay trái là bà Tư và con Chiêu, phía tay phải là thằng Trình và con Tú. Tiếng đũa bát chạm vào nhau nghe như mưa rào. Không ai chuyện trò gì, nhưng bữa ăn cũng rất ồn ào.

Con Chiêu làm đổ bát cơm. Canh và thức ăn vương vãi cả bàn. Ông Tư tròn tròn hai mắt ti hí của ông nhìn trừng trừng, làm cho con bé mếu máo sắp khóc. Bấy giờ ông mới thôi, không nhìn nữa. Ông ta đưa đũa ra định gắp cái cọng rau non mà ông đã chú ý từ nãy. Nhưng không thấy đâu nữa. Ông liếc sang trái, sang phải, phát hiện ra thằng Trình vừa gắp lên và đang há to miệng và cơm. Thế là ông đành phải uể oải gắp một cọng rau vàng úa.

Ông ta nhìn vào mặt con nói:

- Trình? Chữ ấy tra ra chưa?

- Chữ nào ạ? Thưa chưa ạ.

- Hừ, mày xem - Kiến thức cũng không có, đạo lý cũng chẳng biết. Chỉ được cái ăn là giỏi! Ra xem cái cô con gái hiếu thảo kia mà bắt chước người ta. Đi ăn xin mà còn biết hiếu thảo với bà, chịu nhịn đói để bà ăn. Còn như bọn học sinh chúng mày thì biết được đâu như thế! Không kiêng nể ai hết. Sau này thì rồi cũng như thằng đểu giả kia mà thôi!...

- Con nghi một chữ, nhưng không biết có đúng không. Con chắc là chúng nó nói *old fool*.⁷⁰

- Ừ, ừ: phải đấy! Chữ ấy đấy! Chúng nó nói giống như thế đấy! ôn-phun. Nghĩa là gì? Mày cùng cánh với chúng nó, thế nào mày chả biết!

- Nghĩa... nghĩa là gì con cũng không rõ lắm.

- Nói láo! Mày dối tao! Chúng mày đều hỏng tuốt!

Bà Tư bỗng nói:

- Trời đánh còn tránh bữa ăn. Hôm nay làm sao mà ông lại cứ gắt gỏng ầm nhà lên thế. Đang bữa ăn mà cũng đánh chó mắng mèo. Chúng nó còn trẻ con, biết gì cơ chứ!

- Sao?

Ông Tư định gắt với vợ, nhưng ngoảnh lại, thấy đôi má hót của bà vợ phùng ra, mặt lại tái đi, hai con mắt xéch ánh lên rất dễ sợ, thì liền đổi giọng:

- Tôi có gắt gỏng gì đâu. Chả là muốn bày dạy cho con biết điều hơn một chút.

Nhưng bà vợ càng phẫn nộ:

- Nó hiểu làm sao được những điều trong bụng ông. Nếu nó biết điều thì nó đã thấp đuốc đi mà tìm đứa con gái hiểu thảo kia đến đây rồi. Ông đã mua cho nó một miếng xà phòng rồi kia kìa, chỉ mua thêm một miếng nữa là đủ thôi!

- Tầm bậy nào! Đó là thằng đểu giả kia nó nói như thế chứ!

- Biết đâu đấy! Chỉ cần mua thêm một miếng nữa, rồi tắm rửa kỳ cọ cho nó, rước nó về mà thờ, thì thiên hạ mới đứng ngồi yên ổn với ông được.

- Ăn nói gì lạ thế! Có dính dáng gì với nhau? Tôi thấy mình không có xà phòng thì...

- Sao lại không dính dáng gì tới nhau? Ông đã thành tâm mua cho nó thì đi mà tắm rửa kỳ cọ cho nó. Tôi không xứng đáng, mà tôi cũng không thiết, tôi cũng không cần phải dùng nhờ của nó.

- Ăn nói gì lạ lùng thế nhỉ! Đàn bà có khác...

Ông Tư lấp bắp, mặt đỏ mồ hôi hột y như mặt thằng Trình khi tập môn bát quái quyền, nhưng có lẽ phần lớn là vì cơn nóng quá đó thôi!

- Đàn bà chúng tôi thì thế nào? Đàn bà chúng tôi thế mà còn hơn đàn ông nhà ông nhiều đấy! Bọn đàn ông nhà ông hết chửi bọn nữ sinh mười tám mười chín, thì lại sang đùa ăn mày mười tám mười chín, chửi hay khen, không phải là bụng dạ các ông có tốt gì. Tắm rửa kỳ cọ cho sạch... Nói thế mà không biết dơ!

- Không phải là tôi đã nói rồi sao? Đó là cái thằng đểu giả ấy nó...

- Ông Tư có nhà không nhỉ?

Có tiếng gọi oang oang ở ngoài tối đưa vào.

- Ông Thống phải không đấy hả? Tôi ra bây giờ.

Ông Tư biết là ông Hà Đạo Thống, người nổi tiếng vì có cái giọng oang oang. Rồi như người được ân xá, ông ta vui vẻ nói to:

- Trình? Con ra thấp đèn rọi cho bác Thống đi vào phòng sách nghe!
Trình thấp đèn đưa ông Thống sang cái phòng xép ở mé tây. Theo sau là ông Bốc Vi Viên.

Ông Tư miệng còn nhai cơm, chạy ra chấp tay vái, nói:

- Xin thất lễ với hai bác! Mời hai bác dùng với tôi bữa cơm xoàng. Thế nào?

Ông Viên bước lên cũng chấp tay vái, nói:

- Chúng tôi vô phép rồi ạ! Đang đêm hôm, chúng tôi lại tìm bác để bàn về cái đề bài văn đưa ra cho độc giả họa lại nhân dịp Di phong văn xã hợp lần thứ 18 ấy mà. Mai có phải là "phùng thất"⁷¹ không nhỉ?

Ông Tư hốt hoảng nói:

- Ơ! Nay là mười sáu à?

Ông Thống nói to:

- Bác xem, có hồ đồ không?

- Thế thì phải gửi đến tòa báo ngay đêm nay, và bảo họ ngày mai nhất định phải đăng cho chúng mình.

- Đề bài văn tôi đã thảo ra đây rồi. Bác xem thế nào có dùng được không?

Ông Thống nói, rồi lấy tờ giấy gói trong khăn tay ra đưa cho ông Tư.

Ông Tư đi đến trước đèn, mở to ra, đọc từng chữ:

"Làm một bài văn trân trọng đề nghị cùng toàn thể quốc dân đồng bào trong toàn quốc yêu cầu ông Đại Tổng thống đặc biệt ra lệnh bắt phải tôn trọng thánh kinh và lập đền thờ bà Mạnh mẫu để cứu văn nền phong hóa suy đồi và bảo tồn quốc túy".

- Hay đấy! Hay đấy! Nhưng mà số chữ có nhiều quá không?

Ông Thống nói to:

- Không hề gì. Tôi tính rồi. Không phải trả thêm tiền quảng cáo đâu. Còn đề bài thơ thì thế nào?

Ông Tư bỗng có vẻ cung kính lắm:

- Đề bài thơ à? Tôi đã có sẵn đây rồi: Hiếu nữ hành. Đây là chuyện có thực. Phải biểu dương người con gái đó. Hôm nay, tôi ra phố gặp...

Ông Viên vội xua tay, cắt lời:

- A, a. Không được đâu... Tôi cũng có thấy. Nó là một kẻ "hành khất". Tôi không hiểu nó nói gì, mà tôi nói nó cũng không hiểu. Chẳng biết người ở đâu. Ai cũng khen là hiếu thảo, nhưng tôi hỏi có biết làm thơ không, thì nó lắc đầu. Giá mà biết làm thơ thì hay lắm đấy nhé!

- Nhưng mà trung hiếu là những đức tính lớn, không biết làm thơ cũng có thể bỏ qua đi cho.

Ông Viên xòe bàn tay ra, tiến về phía ông Tư, vừa xua vừa đẩy, cướp lời nói:

- Thế, không được. Và ai cũng biết là không được. Có biết làm thơ mới thú chứ!

Ông Tư đẩy ông ta ra.

- Chúng ta sẽ dùng cái đề này, thêm ít lời giải thích, rồi đem đăng báo. Một là để biểu dương cô ta, hai là có thể nhân đó mà châm biếm thời thế. Thời thế bây giờ không ra cái trò trống gì nữa. Tôi đứng ngoài xem xét một hồi lâu, vẫn không thấy ai cho một đồng trinh nào cả. Há đó chẳng phải toàn là những người không có tâm can gì cả hay sao?

Ông Viên lại bước tới:

- Ai chà! Ông Tư! Thật là ông đứng trước nhà sư mà lại chửi thẳng trọc. Thì chính tôi cũng có tiền đầu! Quả thực lúc đó tôi không mang tiền theo trong người.

- Ông Viên, ông không nên nghĩ xa như thế - Ông Tư lại đẩy ông ta ra.
- Tất nhiên là tôi không nói ông. Ông khác. Ông hãy nghe tôi nói đã: Bao nhiêu người đứng vây quanh hai bà cháu cô ta không ra vẻ kính nể gì cả, chỉ đến xem cho vui mắt. Lại còn có hai thằng đều, ăn nói bừa bãi, không chút dè dặt. Một thằng nói trắng trợn như thế này: "Phát này, cậu đi mua hai miếng xà phòng, tắm rửa kỳ cọ cho con bé thì trông mê đấy nhé!" Ông nghĩ...

- Ha, ha, ha! Hai miếng xà phòng! - Ông Thống bỗng cười to lên và nói oang oang điếc cả tai. - Cậu mua... Ha, ha, ha!

Ông Tư giật mình hoảng hốt nói:

- Ông Thống! Ông đừng nói to lên như thế chứ!

- Tắm rửa kỳ cọ - ha ha! ...

Ông Tư sa sầm nét mặt.

- Ông Thống! Chúng ta nói chuyện đứng đắn một tí. Sao ông cứ đùa mãi thế, đùa đến người ta phải nhức óc lên với ông. Ông nghe đây này! Chúng ta sẽ lấy hai cái đề này, gửi ngay đến tòa báo, bảo với họ ngày mai đăng cho kịp. Việc này lại phải phiền đến hai ông.

Ông Viên nhận lời ngay:

- Được, được, cái đó tất nhiên.

- Ha, ha!... Tắm rửa sạch!... Hi! Hi!

Ông Tư bực dọc kêu lên:

- Ông Thống!

Ông Thống thấy ông Tư gắt, không cười nữa. Bọn họ thảo xong lời giải thích đề thơ. Ông Viên chép lại trên giấy viết thư, rồi cũng ông Thống đi đến tòa báo. Ông Tư cầm đèn, tiễn ra đến cổng. Trở lại nhà trên, ông cảm thấy không yên trong lòng, ông ta do dự một tí, nhưng rồi cũng bước vào. Vào nhà liền thấy cái bao đựng xà phòng hình chữ nhật, nhỏ nhỏ, màu xanh hoa quỳ, quảng trên chiếc bàn vuông giữa nhà, cái dấu ấn bằng nhũ kim giữa cái bao long lanh dưới ánh đèn, xung quanh còn có những đường vẽ li ti.

Con Tú và con Chiêu ngồi chơi dưới đất phía cuối bàn, Thăng Trình ngồi tra tự điển phía tay phải bàn. Sau cùng, ông ta thấy bà Tư ngồi trên chiếc ghế có cái lưng dựa cao cao, trong bóng tối, xa ánh đèn. Giơ đèn ra xem thấy mặt bà ta cứ thừ ra không ra giận mà cũng không ra vui, đôi mắt cũng không nhìn vào cái gì cả.

... Tắm rửa kỳ cọ! Thật là không biết xấu!

Ông Tư nghe con Tú nhắc lại khe khẽ câu nói đó, quay đầu lại không thấy nó làm gì cả, chỉ thấy con Chiêu đang đan hai ngón tay bé tí tẹo của nó gãi gãi vào mặt.

Ông ta xấu hổ quá, liền tắt đèn bước ra sân. Ông ta đi đi lại lại, không chú ý, làm cho con gà mẹ và bảy gà con lại tục tục, chớp chớp inh lên. Ông ta bước đi rón rén, đi xa xa. Một hồi lâu, chiếc đèn ở nhà trên đã đưa vào phòng ngủ. Ông ta nhìn thấy ánh trăng như một tấm lụa trắng rộng, phẳng lì. Mặt trăng như một cái mâm ngọc hiện ra giữa đám mây trắng tròn vành vạnh.

Ông ta cảm thấy buồn buồn, tựa hồ giống như người con gái hiếu thảo kia, lẻ loi, đơn chiếc, không biết bày tỏ nỗi lòng với ai. Đêm ấy, mãi khuya ông ta mới đi ngủ.

Nhưng sáng sớm hôm sau, miếng xà phòng đã được đưa ra dùng. Hôm đó, ông ta dậy muộn hơn ngày thường, thấy bà vợ đang cúi đầu xuống bàn rửa mặt, cọ xát vào cổ, bọt xà phòng phồng lên như bọt con cua đồng, và sau mang tai thì dần cục lại một cục to tướng, khác xa một trời một vực so với bọt xà phòng thường dùng trước kia chỉ có một lớp mỏng dính. Từ đó, người bà Tư lúc nào cũng có một mùi thơm không rõ mùi gì, giống như mùi ô liu mà cũng không phải là mùi ô liu. Gần nửa năm nay, cái mùi thơm đó bỗng mới đổi sang mùi thơm khác ai ngửi cũng nói là hơi giống mùi đàn hương.

Ngày 22 tháng 3 năm 1924.

CÂY TRƯỜNG MINH ĐĂNG

Một buổi chiều mùa xuân u ám. Thế mà không khí trong cái quán trà độc nhất của cái thôn Cát Quang này lại có vẻ ồn ào khác ngày thường. Ai cũng còn nghe như phảng phất bên tai cái câu nói giọng trầm trầm khe khẽ đó:

- Thối cho tắt quách đi thôi!

Nhưng tất nhiên, không phải ai trong thôn này cũng đều nghĩ như thế cả. Dân ở đây ít đi ra ngoài, động có muốn đi đâu thì giở ⁷²hoàng lịch ra xem, xem trong đó người ta có ghi câu "bất nghi xuất hành" không cái đã. Nếu không ghi, mới đi, và đi cũng phải đi theo cái hướng "hỉ thần", để gặp được "cát lợi". Mấy người bạt tử, không kiêng kỵ gì cả, đang ngồi trong quán chẳng qua là mấy anh thanh niên tự cho là khoáng đạt, nhưng theo ý những người thường chỉ co ro trong xó bếp thì bọn họ chỉ là những đứa con hư hỏng.

Bây giờ cũng không phải là không có chuyện gì mà quán trà lại ồn ào lên như thế.

Một anh mặt lười cày, bùng chén trà lên, hỏi:

- Vẫn cứ thế a?

Anh đầu vuông nói:

- Nghe nói vẫn cứ thế, vẫn cứ luôn miệng nói: "Thối cho tắt quách đi. Thối cho tắt quách đi!" Con mắt thì lại càng sáng quắc lên. Ghê quá! Thật là thôn ta mắc một cái vạ. Anh không nên xem thường. Chúng ta phải tìm cách khử nó đi.

- Khử đi thì khó khăn gì. Chẳng qua hắn ta chỉ là... Thật không ra người nữa! Hồi xây đền, cha ông hắn ta cũng có quyền góp nhiều, thế mà bây giờ hắn ta lại đòi thối tắt cây trường minh đăng đi! Không phải là một đứa con bất hiếu là gì? Chúng ta cứ trối giải lên trình huyện, bảo hắn ta là một thằng ngổ nghịch...

Anh trán rộng nắm tay lại, đập bàn, nói giọng khẳng khái. Cái nắp chén trà, đặt không ngay ngắn, rơi một cái bịch xuống bàn.

Anh đầu vuông nói:

- Không xong. Bảo là ngỗ nghịch trối giải lên huyện thì phải là cha hay là cậu hần mới được...

Anh trán rộng liền xù đi:

- Tiếc là bây giờ hần ta chỉ còn mỗi ông bác...

Anh đầu vuông bỗng hỏi to:

- Anh trán rộng! Canh bạc hôm qua có khá không đấy?

Anh trán rộng gương cặp mắt nhìn anh đầu vuông một chặp, chưa trả lời thì Trang Thất Quang mặt béo đã rán cổ lên nói:

- Thối tắt cây đèn đi thì cái thôn Cát Quang nhà ta còn có phải là thôn Cát Quang nữa đâu? Như thế không phải là sẽ đi đời à? Các ông già bà lão chẳng nói là gì: Cây đèn ấy là do Lương Võ Đế thắp lên đấy, cứ thế truyền lại đời nay, chưa bao giờ tắt. Cái hồi loạn Trường Mao⁷³ cũng không tắt. Anh nhìn xem. Chắc! Không phải là cái ngọn đèn nó cứ xanh lè đi đó à? Ai đi qua cũng muốn nhìn một tý và tấm tắc khen. Chắc! đẹp thật! Bây giờ nó phá hỏng đi như thế là nghĩa thế nào?

Anh đầu vuông nói có vẻ khinh bỉ:

- Không phải là hần ta điên à? Anh còn không biết sao?

Trang Thất Quang đỏ mồm hôi hột:

- Hừ!... Thì anh biết!

Thím Năm Khôi, chủ nhân cái quán trà này đồng thời cũng là người hầu hạ trong quán, này giờ chỉ đứng nghe, thấy mấy người kia nói không ăn nhập với việc bà ta đang chú ý, liền vội nói xen vào để lái sang câu chuyện chính:

- Tôi cho rằng cứ dùng cái mưu ngày trước mà lừa hần ta thì mới được!

Trang Thất Quang ngạc nhiên hỏi:

- Cái mưu nào ngày trước?

- Chẳng phải là trước kia hần ta cũng đã phát điên một lần rồi à? Y như bây giờ. Hồi đó, ông bố hần hãy còn sống, lập mưu lừa hần, mới trị bệnh khỏi đấy chứ!

Trang Thất Quang càng ngạc nhiên hỏi:

- Lừa thế nào? Sao tôi lại không biết nhỉ?

- Anh làm thế nào mà biết được! Hồi đó các anh còn bé tý tẹo, chỉ biết ngậm vú mẹ, chứ biết gì? Còn tôi, thì lúc bấy giờ đã nhớn. Hai bàn tay hồi ấy còn cứ là trắng nà trắng nồn...

Anh đầu vuông nói:

- Thì bây giờ vẫn còn là trắng nà trắng nồn đấy chứ!

- Đồ phải gió! - Thím Năm trợn mắt cười - Đừng có nói lếu láo! Nói chuyện cho đứng đắn. Hồi đó hắc cũng còn trẻ. Ông bố hắc cũng hơi có máu điên. Nghe nói: Một hôm ông nội hắc dẫn hắc vào đền, bắt lạy thần thổ địa, thần ôn dịch, ông Vương Linh Quan.⁷⁴ Hắc sợ quá, nhất định không chịu lạy, bỏ chạy, từ đó sinh ra dở người. Về sau thì cứ như bây giờ, hễ gặp ai cũng bàn thối tắt cây trường mình đang ở chính điện. Hắc nói: Tắt đi thì sẽ không có hoàng trùng, tật bệnh nữa, ra vẻ là một chuyện đứng đắn lắm. Có lẽ là bị ma ám nên mới sợ đường ngay lẽ thẳng chứ? Còn như chúng ta ai mà sợ thổ thần? Trà đã nguội chưa? Cho thêm vào ít nước sôi! Được rồi! Sau hắc cứ xông vào đền cho được, đòi thối cho tắt đi. Ông bố hắc thương con quá, không chịu bắt bỏ vào trong phòng mà nhốt lại. A, sau không phải là toàn thôn người ta điên tiết lên, người ta đến làm rầy rà với ông bố hắc. Nhưng không có cách gì. May mà ông nhà tôi⁷⁵ hồi đó còn sống, nghĩ ra được một cách: lấy một cái chăn bông dày, che kín cây trường mình đang lại, tối om om, rồi bảo hắc vào xem, nói là đã thối tắt đi rồi.

Anh mặt lười cày thổ dài, phục lẫn, nói:

- Hi hi! May mà có ông nhà bà nghĩ ra được cách đó nhỉ!

- Việc gì mà phải làm như thế! - Anh trán rộng giận dữ nói - Cái thứ người như thế, cứ đánh cho chết đi là xong chuyện. Hừ!

Thím Năm thất kinh nhìn anh trán rộng, khua tay liên tiếp, nói:

- Làm thế nào được? Ông nội hắc ta ngày trước cũng ra cầm triện⁷⁶ rồi đấy nhé!

Bọn "trán rộng" nhìn nhau, cảm thấy ngoài cách hay ho của "ông nhà tôi" ra, quả thật không còn thể nghĩ ra cách nào nữa.

Thím Năm lại đưa sống tay chùi nước miếng ở mép, nói càng nhanh:

- Rồi sau thì lành đấy! Lành hắc. Từ đó hắc cũng không vào đền nữa, mà cũng không nhắc đến chuyện đó nữa. Như thế bao nhiêu năm. Không hiểu thế nào mà lần này, sau cái hôm tế thần xong được mấy ngày, lại phát điên lại. Ừ, y như trước kia. Lúc quá trưa, hắc đi ngang qua đây, nhất định là lại đến đằng đền thôi! Các anh đến bàn với cụ Tứ xem, lập mưu lừa hắc là hay hơn cả. Cây đền đó chẳng phải là vua Lương Ngũ Đế⁷⁷ thấp lên là gì! Không phải người ta nói rằng nó mà tắt đi một cái thì chỗ này sẽ sụt xuống thành biển, mà chúng ta thì thành

⁷⁸ cá hết. Các anh đi đến ngay đằng nhà cụ Tứ mà bàn thử xem, bằng không thì...

Anh đầu vuông nói:

- Chúng ta hãy đến đằng đền xem sao đã.

Rồi hiên ngang ra đi.

Anh trán rộng và Trang Thất Quang cũng đi theo. Anh mặt lưỡi cày đi sau cùng, gần đến cửa thì quay lại, nói:

- Lần này cho tôi chịu đã nhé!... Con mẹ nó!

Thím Năm ừ ừ, rồi đi về phía bức tường phía Đông lấy một hòn than, vẽ lên tường một cái hình tam giác nhỏ và gạch một dãy gạch ngăn ⁷⁹ngăn, nhỏ nhỏ ở phía dưới và vẽ thêm hai đường dài nữa.

Khi bọn này đi gần đến đền thì quả nhiên thấy có mấy người đã đứng đấy rồi, hẳn ta là một, và hai người khác đứng xem, cùng ba đứa trẻ con.

Nhưng cửa đền vẫn đóng chặt.

Anh trán rộng mừng rỡ nói:

- May, cửa đền còn đóng!

Bọn họ đến, thì mấy đứa trẻ con hình như mạnh dạn hơn, sấn lên, vây xung quanh người điên. Hẳn ta này giờ đứng ngoảnh mặt vào cửa đền, bỗng quay lại nhìn bọn họ.

Trông hẳn ta vẫn như mọi hôm: mặt vuông vàng khè, cái áo dài xanh rách tươm, chỉ có hai con mắt to mà dài, dưới cặp lông mày rậm, ánh lên hơi khang khác, nhìn ai cứ nhìn chăm chặp, không chớp, mà lại có vẻ đau xót, giận dữ nghi ngờ, sợ hãi. Trên mớ tóc cắt ngắn, thấy có hai lá lúa, chắc là bọn trẻ con nghịch ngợm lén bỏ lên lúc nào, bởi vì thấy chúng nó cứ nhìn lên đầu hẳn ta, rụt cổ lại rồi thè lưỡi ra rất nhanh mà cười.

Bọn họ đứng lại, nhìn nhau. Cuối cùng, anh mặt cày sấn lại, hỏi:

- Ông làm gì thế?

Hẳn trả lời khe khẽ, giọng ôn hòa:

- Tôi đứng gọi lão đen mở cửa vì phải tắt cây đèn ấy đi. Anh xem: Cái ông mặt xanh ba đầu sáu tay, cái ông ba mắt, cái ông mũi cao, cái ông nửa đầu, cái ông đầu trâu răng lợn... phải thổi tắt đi! Thổi tắt đi sẽ không còn hoàng trùng nữa, không còn dịch miệng lợn nữa.

Anh trán rộng cười khinh bỉ, bước tới:

- Hi hi, chỉ động ngộ động đại. Ông mà thổi tắt đi thì hoàng trùng lại càng nhiều, và không khéo ông lại mắc bệnh dịch miệng lợn cho mà

xem!

Trang Thất Quang cũng cười hùa theo:

- Hì! Hì!

Một đứa bé ở trần giơ cái cây sậy cầm chơi ở tay, nhắm vào người hấn ta như để bắn, rồi hé cái miệng nho nhỏ như một bông hoa anh đào, nói:

- Pằng!

Anh trán rộng nói to:

- Ông nên về nhà đi ông ạ! Ông không về thì ông bác ông sẽ ra đánh cho ông gãy xương. Còn đèn thì để đấy, tôi thối giùm ông. Vài hôm nữa ông lại đây sẽ thấy.

Hai con mắt hấn ta chớp chớp, nhìn xoáy vào mắt anh trán rộng, làm cho anh ta phải nhìn tránh đi chỗ khác. Hấn ta mỉm cười, có vẻ mỉa mai:

- Anh thối à?

Và quả quyết nói tiếp:

- Không thể được. Không cần các anh thối tắt. Để tôi thối lấy cho tắt ngay bây giờ.

Anh trán rộng xui đi và người nhũn ra như sau khi tỉnh rượu. Anh đầu vuông đã lại bước lên, thông thả nói:

- Ông xưa nay vẫn là người biết điều cơ mà, sao bây giờ lại quẫn đi như thế này! Để tôi nói cho ông vỡ nhẽ, chắc ông sẽ hiểu ra. Giá thử ông thối tắt cây đèn đó đi thì những ông tướng kia vẫn còn kia mà! Đừng có đại dột! Thôi đi về mà đánh một giấc cho khỏe!

Hấn ta bỗng cười gằn lên, nhưng nghiêm sắc mặt lại ngay, nói giọng trầm trầm:

- Tôi biết. Dù có thối tắt đèn đi, những cái kia vẫn còn. Bây giờ chỉ có cách là thối tắt đèn đi đã. Làm như thế trước dễ hơn. Tôi phải thối cho tắt đi. Và tôi phải tự thối lấy.

Vừa nói, hấn ta vừa quay lại, ra sức đẩy mạnh cánh cửa đèn. Anh trán rộng nổi nóng:

- Ô hay! Ông không phải là người thôn này hay sau? Ông nhất định muốn cho người tất cả thôn này biến thành cá cả hay sao? Thôi, về đi thôi! Ông có đẩy cũng không mở được. Và ông cũng không có cách nào mở ra được đâu! Và thối cũng không tắt cơ mà! Ông về nhà đi là hơn.

- Tôi không về. Tôi phải thối cho tắt đi!

- Không được. Ông không có cách nào mở được cửa đâu mà!

- ...

- Ông không có cách nào mở được cửa đâu mà!

Hắn ta quay lại nhìn bọn họ, nói trầm tĩnh:

- Thế thì sẽ liệu cách khác.

- Ừ... Để xem ông làm thế nào?

- ...

- Để xem ông làm thế nào?

- Tôi cho một mồi lửa!

Anh trán rộng nghĩ là tai mình nghe không rõ:

- Sao?

- Cho một mồi lửa.

Im lặng như sau khi đánh một tiếng khánh trong trống, chỉ còn lại cái dư âm ngân vang. Xung quanh, cảnh sống như ngưng đọng lại trong cái không khí âm trầm đó. Nhưng một lát, có mấy người thì thầm với nhau; một lát nữa, họ lùi ra. Hai ba người đứng xa xa nhìn. Bỗng có tiếng Trang Thất Quang đứng đằng sau bức tường ở cổng sau đèn gọi to:

- Lão đen à? Nguy to rồi! Ông đóng cửa đèn cho thật chặt nhé! Ông có nghe rõ không? Đóng cho thật chặt vào! Chúng tôi đi tìm cách đối phó rồi sẽ trở lại ngay!

Nhưng hắn ta hình như không để ý đến cái gì khác, chỉ chớp chớp mắt, điên cuồng, vội vàng tìm trên đất, tìm trên không, tìm trong người hắn ta, hình như tìm lửa.

Anh đầu vuông và anh trán rộng đến nhà này rồi lại đến nhà kia như con thoi; cả thôn Cát Quang bỗng náo động lên. Trong tai, trong óc người nào người nấy còn vang lên câu nói hãi hùng: "Cho một mồi lửa!" Tất nhiên trong tai trong óc của số người xưa nay chỉ cùm rúm ở nhà, thì không có gì vang lên cả. Nhưng mà không khí toàn thôn thì vẫn cứ căng thẳng. Phàm những ai cảm thấy câu chuyện này nghiêm trọng, thì không thể nào yên tâm được. Hình như họ sắp phải biến thành cá, và từ đây thiên hạ sẽ bị tiêu diệt. Đành rằng họ cũng biết lơ mờ rằng chẳng qua chỉ cái thôn Cát Quang bị tiêu diệt mà thôi, nhưng họ cũng cảm thấy thôn Cát Quang tức là cả thiên hạ rồi!

Không bao lâu, phòng khách cụ Tứ trở thành nơi người tụ tập lại để bàn về câu chuyện này. Ngồi phía trên là cụ Quách, tuổi cao, đức trọng. Mặt cụ ta đã nhăn nheo như một quả chanh héo. Cụ ta cứ đưa tay vuốt mãi chòm râu bạc ở má, như muốn cầm nhổ đi. Rồi cụ bỏ tay ra, nói thông thả:

- Lúc sáng, ông Phú ở xóm Tây trúng phong. Người con ông ta nói là bị động thổ thần. Như thế này thì rồi đây, vạn nhất xảy ra điều gì, thí dụ là, chó nhà ai giở quẻ, thì họ không khỏi đến nhà cụ đây, phải, đến nhà cụ đây mà nheo. Phiền lắm!

Cụ Tứ cũng vuốt bộ râu cá trê hoa râm trên mép, nhưng vẫn bình thản, như không để tâm gì đến chuyện đó, nói:

- Đúng thế đấy. Đó là bố nó báo đấy! Lúc chú ấy còn sống, không phải là chú ấy cũng chẳng tin gì thần phật cả? Hồi đó, tôi với chú ấy cứ rầy rà với nhau mãi, nhưng không làm sao cho chú ấy thay đổi được. Bây giờ bảo tôi còn có cách gì?

- Theo tôi thì chỉ còn một cách. Phải, còn có một cách. Ngày mai cụ bắt hẩn ta trói lại đưa lên thành, bỏ vào cái đền Thành hoàng ở đấy, giam một đêm, phải, giam một đêm đuổi cái con ma ám vào người anh ta.

Anh đầu vuông và anh trán rộng lấy tư cách là người có công bảo vệ cho toàn thôn, không những được vào lần đầu tiên trong cái phòng khách này của cụ Tứ, mà ngày thường thì không để gì vào chiêm ngưỡng được, họ lại còn được ngồi vắt mảy dưới cụ Quách và trên cụ Tứ nữa, rồi lại còn được uống trà. Họ theo cụ Quách vào đây, và kể xong đầu đuôi câu chuyện, thì chỉ ngồi uống trà, uống hết trà cũng cứ ngồi im; không nói gì nữa. Nhưng lúc này, anh trán rộng bỗng lại trình bày ý của y:

- Bẩm, làm như thế sợ chậm quá. Hiện có hai người đang theo riết ông ta ngoài ấy. Cần nhất là phải có cái nhìn gấp gáp ngay bây giờ đây. Nếu quả thật mà ông ta châm lửa vào thì...

Cụ Quách nhảy nhót lên, cầm run run.

Anh đầu vuông cướp lời:

- Nếu quả thật châm lửa vào thì...

Anh trán rộng nói to:

- Thì... hỏng hết!

Một đứa ở gái, tóc vàng khè, đi lên pha trà. Anh trán rộng không nói nữa, liền rót uống. Anh ta rùng mình một cái, bỏ chén xuống, thè lưỡi ra liếm mép, mở nắp chén, thổi phù phù...

Cụ Tứ giơ tay đập khe khẽ xuống bàn một cái, nói:

- Thật là làm liên lụy đến người ta! Thứ người gì mà lại như thế! Đáng kiếp! Hi!...

Anh trán rộng ngừng đầu lên:

- Vâng, đúng thế đấy ạ! Đáng kiếp lắm! Năm ngoái bên thôn Liên Các, họ cũng đánh chết một người như thế đấy ạ! Người ta bàn định với nhau là sẽ hùa vào đánh một lúc. Thế là họ cùng đánh một lúc, không thể biết ai là người đánh trước, cho nên sau chẳng việc gì hết!

Anh đầu vuông nói:

- Nhưng đó lại là một chuyện. Bây giờ họ đang theo riết ông ta ngoài ấy. Ta phải tìm ngay cách gì đây mà đối phó... Con cho rằng...

Cụ Quách và cụ Tứ nghiêm nghị nhìn vào mặt y.

- Con cho rằng không gì bằng hãy tạm nhốt ông ta lại cái đã.

Cụ Tứ khe khẽ gật đầu:

- Cũng là một cách hay đấy!

Anh trán rộng nói:

- Hay đấy!

Cụ Quách nói:

- Ừ... cũng là một cách... hay đấy. Bây giờ chúng ta... bắt hẩn... về nhà cụ đây... Rồi cụ đây... tìm ngay... một cái phòng nào... Phải còn chuẩn bị... khóa lại...

Cụ Tứ ngẩng mặt lên, suy nghĩ một lúc rồi nói:

- Phòng à?... Nhà này chẳng có gian phòng nào như thế cả... Vả lại biết khi nào nó mới khỏi?

Cụ Quách nói:

- Thì cứ dùng... cái gian phòng của hẩn ta.

Cụ Tứ bỗng nghiêm nghị nói có vẻ bí ai, giọng hơi run run:

- Nhưng thằng Lục Thuận nhà tôi sang thu này lại cưới vợ mới chết chứ!... Cụ xem! Nó tuổi nhiều như thế, mà cứ điên hoài, không chịu lấy vợ lấy con cho. Chú ấy đã qua đời rồi, tuy cũng không được an phận cho lắm, nhưng mà hương khói thì không thể nào để cho tắt đi được.

Cả ba người cùng nói một lúc:

- Cái đó tất nhiên!

- Thằng Lục Thuận sinh con đẻ cái ra thì đưa con thứ hai, tôi có thể để cho nó thừa tự. Nhưng mà... không phải con nó đẻ ra... có thể nào thừa tự mà không được cái gì cả hay sao?

Cả ba người cùng nói một lúc:

- Cái đó không thể được!

- Cái gian phòng nát ấy không liên quan gì đến tôi cả. Thằng Lục Thuận cũng không hề để ý đến. Nhưng mà con rút ruột đẻ ra, bắt đi

thừa tự người khác thì rằng mẹ nó không thể để cho dễ dàng như thế được.

Cả ba người cùng nói một lúc:

- Tất nhiên là như thế!

Cụ Tứ trầm ngâm. Ba người kia nhìn nhau.

Trầm ngâm một hồi cụ Tứ mới thông thả nói:

- Tôi ngày ngày mong sao cho nó lành đi. Nhưng nó vẫn không lành cho. Cũng không phải là bệnh không lành, mà chính nó lại không muốn lành bệnh. Không biết làm thế nào, thì phải làm như anh kia nói, là đem nhốt lại, khỏi hại đến người khác. Có làm cho chú ấy xấu mặt thì có lẽ nó mới lành được, và như thế mới phải với chú ấy.

Anh trán rộng cảm động nói:

- Vâng, tất nhiên là như thế. Nhưng mà, gian phòng...

Cụ Tứ hết sức thông thả hỏi:

- Ở đằng đền có cái phòng nào không nhỉ?

Anh trán rộng sực nhớ ra nói:

- Bẩm có, có đấy ạ! Ở cửa đi vào, về phía tây, có một gian phòng bỏ trống, lại chỉ có một cái cửa sổ vuông nho nhỏ, có song gỗ chắn ngang, không thể nào bẻ gãy được. Rất tốt.

Cụ Quách và anh đầu vuông bỗng mừng rỡ. Anh trán rộng thở dài một cái, nhón miệng uống trà.

Chưa chập tối, thiên hạ đã thái bình. Có lẽ họ đã lãng quên đi rồi cũng nên. Không những mặt ai cũng không còn thấy vẻ lo lắng nữa, mà đến vẻ vui mừng lúc trước cũng biến đâu mất. Trước đền, tất nhiên dấu chân người ta cũng nhiều hơn bình thường. Nhưng rồi không bao lâu nữa cũng lại thưa thớt dần. Bởi vì cửa đền đóng lại mấy ngày, bọn trẻ con không vào chơi được nữa. Chúng nó cảm thấy bây giờ có vào sân đền chơi được mới thú, cho nên ăn cơm chiều xong, có mấy đứa chạy đến đấy chơi, ra câu đố cho nhau đoán.

Đứa lớn nói:

- Mà đoán thế! Tao nói lại một lần nữa:

Mái chèo đỏ thắm

Mũi thuyền trắng phau

Chèo sang cho mau

Nhảy lên nằm nghỉ

Nghỉ được một tí

Lại tìm cái ăn

Ăn xong thì hát...

Một em gái nói:

- Thế là cái gì? Cái gì mà lại "mái chèo đỏ thắm!"

- Tao đoán ra rồi. Đó là...

Cu Sẹo nói:

- Hượm! Để tao đoán: Chiếc đồ ngang phải không?

Một em ở trần cũng nói:

- Đồ ngang đúng rồi!

Em lớn nhất nói:

- Ha! Đồ ngang à? Đồ ngang thì chống bằng sào chứ? Vớ lại đồ ngang mà biết hát à? Chúng bay đoán sai cả. Tao nói nhá!

Cu Sẹo nói:

- Hăng thông thả.

- Hừ! Mày đoán không ra đâu. Để tao nói cho mà nghe. Đó là con ngỗng.

Em gái nói:

- Ừ, con ngỗng. Con ngỗng mới có cái chèo đỏ thắm chứ!

Em ở trần hỏi:

- Thế sao lại nói "mũi trắng"?

- Tao châm lửa đốt sạch!

Bầy trẻ thất kinh, sực nhớ ra. Chúng nó nhìn sang gian phòng phía Tây, thấy ông điên, một tay cầm lấy chấn song gỗ ở cửa, một tay bóc lớp vỏ ở ngoài, hai con mắt ông ta chớp chớp, sáng loáng.

Im lặng một lúc. Cu Sẹo bỗng thét lên ù té chạy. Mấy đứa kia vừa cười vừa thét, cũng chạy nốt. Em ở trần còn giơ cái ống sậy lên về phía sau, nhắm vào người ông điên, rồi cái miệng chúm chím như một bông hoa anh đào, vừa thở hỗn hển, vừa hô lên một tiếng giòn tan:

- Pằng!

Sau đó im lặng hẳn. Trời cũng tối dần. Ngọn lửa xanh lè của cây trường minh đăng càng sáng, chiếu khắp điện thần, long ngai, chiếu cả ra sân, chiếu đến cái cửa sổ song gỗ tối om.

Bọn trẻ chạy ra khỏi đền thì đứng dừng lại, tay cầm tay, thông thả về nhà. Chúng nó vừa cười khì khì, vừa đồng thanh hát cái câu đó lúc nãy theo điệu điệu chúng nó đặt ra:

Mũi thuyền trắng phau

Đến nơi thì nghỉ

Thối tắt đi thôi

Để tôi thôi tắt
Hát một câu tuồng
Ta châm lửa đốt!
Ha! Ha! Ha!
Lửa, lửa, lửa.
Ăn chút điểm tâm.
Hát một câu tuồng.

.....

Ngày 1 tháng 3 năm 1925

THỊ CHÚNG

Trên con đường ở tây thành khu Thủ Thiện⁸⁰ lúc này chẳng còn một tiếng ồn ào. Ánh mặt trời gay gắt chưa chiếu thẳng xuống, nhưng đất cát trên mặt đường hình như đã lấp lánh, chói lòa. Không khí nóng phùng phùng, đâu đâu cũng thấy cái uy lực của những ngày mùa hạ. Nhiều con chó lè lưỡi ra, đến những con quạ trên cành cây cũng phải há hốc mỏ và thở. Tuy vậy, tất nhiên cũng có lệ ngoại: tiếng chập chõe bằng đồng xa xa vắng lại làm cho người ta nhớ đến bát canh mớ chua, và cảm thấy hơi man mát. Nhưng khi tiếng kim thuộc đơn điệu, uể oải đó dứt quãng thì sự tĩnh mịch lại càng xa vắng, nặng nề.

Chỉ nghe tiếng chân anh phu xe chạy. Anh ta cứ im lìm chạy tới, giống như chạy để tránh ánh nắng mặt trời gay gắt chiếu trên đầu.

- Bánh bao nóng này! Bánh bao mới ra lò này!

Một em bé mập mạp, khoảng mười một, mười hai tuổi, mắt ti hí, đứng trước cửa hiệu cạnh đường, quai miệng ra rao hàng. Cái giọng vỡ nghe ồ ồ, có vẻ ngái ngủ. Em bé như bị ngày dài của mùa hè ru ngủ. Trên cái bàn nát đặt cạnh, có chừng hai ba mươi chiếc bánh bao, nguội tanh, nguội ngắt, nằm im lìm.

- Bánh bao nóng này!...

Em bé bỗng chạy vút sang lề đường bên kia, giống như một quả bóng ném mạnh vào tường dội lại. Lúc đó dưới cột đèn điện, có hai người đứng ngoảnh mặt ra đường cái, về phía em; một người là tên tuần sát gày gò, mặt vàng ệch, mặc áo lính màu vàng đã bạc thếp, lưng đeo một chiếc đao, tay cầm một sợi dây thừng, dây thừng này một đầu buộc chặt vào tay một người đàn ông mặc áo xanh, ngoài khoác áo chèn trắng, người đàn ông đội một chiếc mũ cói mới, vành mũ bẻ cụp xuống, che khuất đôi mắt. Nhưng em bé thấp vừa ngẩng lên nhìn thì gặp ánh mắt của y. Và đôi mắt của y hình như cũng đang nhìn vào đầu em bé. Em bé vội nhìn xuống, nhìn chiếc áo chèn trắng, thì thấy trên áo có nhiều hàng chữ chi chít, chữ to, chữ nhỏ, chẳng biết chữ gì?

Trong khoảnh khắc, người đứng xem đã vây lấy thành nửa vòng rộng. Khi một ông già đầu trọc lốc đến thì không còn chỗ trống mấy nữa.

Và lập tức có một anh chàng béo đầy, mũi đỏ, mình trần trùng trục chen vào. Anh béo này, người to đứng choán chỗ của hai người, cho nên những người đến sau phải đứng ở vòng thứ hai, thò cổ vào khoảng cách giữa hai người đứng trước mà xem.

Ông đầu trọc đứng hơi đối diện với người mặc áo chèn trắng. Ông ta khom lưng xuống nghiên cứu mấy hàng chữ viết trên chiếc áo chèn và đọc to.

-À... đều...hừ...tám...mà...

Em bé lại nhìn thấy người mặc áo chèn trắng cũng đang nghiên cứu cái đầu trọc lóc trơn bóng. Em nhìn theo, chỉ thấy cái đầu bóng nhẫy, cạnh vành tai còn có ít tóc nửa trắng nửa đen, ngoài ra chẳng có gì lạ cả. Nhưng một chị vú em bế một đứa bé ở tay lại thừa cơ chen vào. Ông đầu trọc sợ mất chỗ, vội đứng thẳng lên. Ông ta chưa đọc hết hàng chữ, nhưng chẳng biết làm thế nào, đành phải nhìn người mặc áo chèn trắng vậy: dưới vành mũ cối, thấy nửa cái mũi, một cái miệng và cái cằm nhọn hoắt.

Rồi cũng giống như một quả bóng ném mạnh vào tường dội trở lại, một em học sinh cũng chạy đến, tay giữ chặt chiếc mũ vải nhỏ trắng tinh trên đầu, chui vào đám đông. Nhưng chui vào được vòng thứ ba, - có lẽ là vòng thứ tư - thì đụng phải một vật gì to lắm, không lay chuyển nổi. Ngẩng đầu lên nhìn thì thấy từ cái thắt lưng chiếc quần xanh trở lên là một tấm lưng rất to, trần trụi trụi, trên sống lưng, mồ hôi chảy ròng ròng. Nó biết không làm gì nổi, đành phải len sang bên phải cái đũng quần mà chui. May tìm thấy ở cuối có một khe hở ánh sáng lọt qua được. Nó vừa cúi xuống định chui thì nghe một tiếng:

"Cái gì thế?"

... Cặp môn của người bạn quần xanh chìa ra bên phải một cái, thế là che lấp mất khe hở, không còn thấy ánh sáng nữa.

Nhưng không bao lâu, em học sinh đã len đến bên cạnh người tuần sát mang đao, chui ra được. Nó nhìn xung quanh, hết sức ngạc nhiên. Ngoài là một vòng người, đứng kia là một người mặc áo chèn trắng, trước mặt là một em bé béo mập, cời trần, sau em bé là một anh chàng to béo, mũi đỏ, cũng cời trần. Lúc đó em mới phát hiện ra cái chương ngại vật to lớn lúc này chính là anh chàng này, nên cứ nhìn vào cái mũi đỏ, vừa ngạc nhiên vừa kính phục. Em bé béo mập này giờ vẫn chăm chú nhìn mặt em học sinh, nên cũng không khỏi nhìn theo con mắt nó.

Đến khi quay đầu lại, thì thấy một mục đàn bà béo, trên đầu mục ta lơ thơ mấy sợi tóc rất dài.

- Hẳn ta bị tội gì thế nhỉ?...

Mọi người ngạc nhiên nhìn, đó là một người cục mịch, trông giống như một anh chàng công nhân, đang khe khẽ hỏi ông đầu trọc.

Ông đầu trọc không trả lời, chỉ giương mắt nhìn anh ta. Anh ta phải đưa mắt nhìn xuống. Một lát sau, nhìn lại, thấy ông đầu trọc vẫn giương mắt nhìn mình, mà những người khác hình như cũng đang giương mắt nhìn mình, thế là anh ta thấy lúng túng như chính anh ta phạm tội. Cuối cùng anh ta thông thả lùi ra và chuồn thẳng. Một ông, người cao, cấp chiếc dù tây ở nách, điền vào chỗ trống đó. Ông đầu trọc cũng quay lại nhìn người mặc áo chèn trắng.

Ông người cao khom lưng xuống, muốn nhìn vào mặt người mặc áo chèn trắng bị vành mũ cói che khuất, nhưng không hiểu sao bỗng lại đứng thẳng lên. Thế là những người phía sau ông ta phải hết sức vươn cổ ra. Có một anh, người gầy, cũng đến, cái miệng há hốc ra như một con cá chép chết.

Bỗng người tuần sát nhắc chân lên một cái. Ai nấy lấy làm ngạc nhiên, vội nhìn vào chân y, nhưng y lại đặt chân xuống. Thế là mọi người lại nhìn người mặc áo chèn trắng. Ông người cao bất thành linh khom lưng xuống, muốn nhìn vào phía dưới cái vành cói bẻ cụp, nhưng rồi liền đứng thẳng dậy, đưa tay lên đầu gãi cổ mạng.

Lão trọc không được vui lắm, vì thấy đám người đứng sau lưng lão ta cứ nhốn nháo lên, tiếp theo có tiếng nhóp nhép đưa vào tai. Lão ta cau mày quay đầu lại nhìn. Cạnh lão, phía tay phải, một bàn tay đen thui đang cầm nửa chiếc bánh bao bỏ vào miệng một em bé mặt như mặt mèo. Lão ta cũng không nói gì, lại nhìn vào chiếc mũ cói mới của người mặc áo chèn trắng.

Bỗng nhiên, như thần sét giáng xuống cả đám người đứng xem, cả đến anh to béo kia cũng phải lảo đảo đổ xô về phía trước. Đồng thời, có một cánh tay béo tròn béo trọc đưa qua vai anh ta, xòe cả năm ngón tay, tát một cái bốp vào mặt em bé béo.

- Mày thì chết với tao... Con mẹ mày!

Có một người nào, mặt tròn như mặt ông Phật, đứng sau lưng anh béo kia nói như thế.

Em bé béo mập lảo đảo bốn năm bước, nhưng không ngã nhào xuống, một tay che má, quay người lại, định chui qua khe hở cạnh dít

anh béo. Nhưng anh béo đã đứng vững lại rồi, chìa đít sang một bên, che lấp khe hở, giận dữ gắt:

- Cái gì thế hở?

Em bé béo mập như con chuột nhắt rơi vào bẫy, hoảng hốt một hồi, bỗng chạy về phía em học sinh đứng đấy, đẩy em ra, nhào ra ngoài. Em học sinh cũng quay lại chạy theo.

- À! Thằng nhãi con!

Năm sáu người đều nói như thế.

Khi yên tĩnh lại, anh béo lại nhìn vào mặt người mặc áo chèn, thì thấy người mặc áo chèn cũng đang ngửng lên nhìn vào mặt anh ta. Anh ta hoảng hốt cúi nhìn xuống ngực mình, chỉ thấy chỗ lõm giữa hai núm vú của mình ướt đầm mồ hôi. Anh ta liền đưa bàn tay lên lau.

Nhưng tình hình xem không thật được yên ổn. Trong lúc lộn xộn, chị vú ăm em bé nhìn xung quanh, không lưu ý để cho cái lược Tô Châu hình đuôi chim thước gài trên đầu chạm phải sống mũi anh xe đứng cạnh. Anh xe xô ra, nhưng lại xô nhầm em bé. Em bé giật nảy người, ngoảnh mặt ra ngoài, hét to đòi về. Chị vú lúc đầu hơi lảo đảo, sau đứng vững được, xoay người em bé lại cho nó nhìn người mặc áo chèn trắng, một tay đưa lên chỉ và nói:

- Ấy à... Xem kìa! Hay chưa kìa!

Bỗng có một cái đầu em học sinh nào đội mũ cối cứng, chui vào khe hở. Nó đang bỏ hạt gì như hạt dưa vào miệng, cầm dưới đưa lên, cắn đôi, nhưng rồi lui ra. Một cái mặt bầu dục, nhể nhại mồ hôi, đất bụi, lại sấn luôn vào chỗ ấy.

Người cao cầm dù tây bọc mình, hạ cánh tay xuống, chau mày nhìn cái người như cá chép chết ở sau lưng. Hình như hơi ở cái miệng to tướng của y thở ra nóng quá, vốn đã khó chịu, huống nữa là ở giữa tiết hè! Lão đầu trọc thì đang ngẩng đầu nhìn bốn chữ viết phấn trắng trên tấm bảng sơn đỏ treo ở cột đèn điện, hình như cảm thấy thú vị lắm. Còn anh to béo và anh tuần sát thì đang nghiêng đầu nghiêng cứu cái mũi giày nhọn như mũi cái dao rựa hình móc câu của chị vú.

- Hay lắm!

Không biết ở chỗ nào bỗng có tiếng khen nổi lên cùng một lúc. Biết là có chuyện gì đã xảy ra, tất cả các cái đầu đều quay lại. Cả anh tuần sát và người tội phạm y dắt ở tay cũng nhốn nháo lên.

- Mới ra lò này!... Ai mua bánh bao nóng mới ra lò này!

Bên kia đường, thằng bé béo mập đứng nghèo đầu, rao to, như ngái ngủ. Giữa đường, các anh xe im lặng kéo xe chạy, như chạy trốn ánh mặt trời gay gắt trên đầu. Mọi người đều như có vẻ thất vọng. May thay, khi đưa mắt nhìn xung quanh tìm kiếm thì phát hiện thấy cách đó một khoảng chừng mười gian phố có một cỗ xe vừa dừng lại, và một anh xe đang lồm ngồm bò dậy.

Cả đám đông liền tản ra, láo nháo, chạy đến xem. Anh to béo đi được nửa đường thì dừng lại dưới gốc cây hòe. Người cao chạy nhanh hơn lão trọc và anh mặt bầu, đã lại đến nơi. Ông khách vẫn ngồi nguyên trên xe, còn anh xe thì đã đứng dậy rồi, nhưng đang sờ sờ vào đầu gối. Xung quanh, năm sáu người đứng nhìn, cười khì khì.

Anh xe định lại kéo, ông khách hỏi:

- Kéo được không!

Anh xe chỉ gật gật đầu, cầm xe kéo đi. Mọi người nhìn theo buồn bã. Chỉ biết lúc đầu có một chiếc xe trượt ngã, còn sau có một cái xe khác ngã nhào đè lên cái xe kia như thế nào, thì không ai rõ.

Trên đường lại rất yên lặng. Có mấy con chó thè lưỡi thở. Anh to béo đứng dưới bóng cây hòe nhìn bụng con chó thóp vào căng ra theo một nhịp điệu rất nhanh.

Chị vú bé đưa từ hiên nhà tập tễnh đi đến. Em bé béo mập nheo mắt lại, nghèo đầu, kéo dài giọng rao như ngái ngủ:

- Bánh bao nóng này! ... Ai mua bánh bao nóng mới ra lò này!

Ngày 12 tháng 3 năm 1925

CAO PHU TỬ

Hôm đó, từ sáng sớm đến xế chiều, ông ta mất cả thì giờ vào việc xem cuốn Trung Quốc lịch sử giáo khoa thư và cuốn Liễu Phàm cương giám⁸¹ qua chiếc kính lúp.⁸² Quả như người đời thường nói: "Nhân sinh thức tự ưu hoạn thủy"- Ở đời, biết chữ là bắt đầu phải lo lắng - ông ta bỗng cảm thấy mình có ý bất bình với thế sự. Xưa nay, ông ta có bất bình như thế bao giờ đâu.

Trước hết, ông ta nghĩ đến bố mẹ xưa kia quả thật ít khi để tâm đến con cái trong nhà. Hồi còn nhỏ, ông ta thích nhất là trèo lên cây dâu hái trộm quả dâu ăn, nhưng ông bà cụ cứ mặc kệ. Có một lần ông ta ngã đập đầu xuống đất chảy máu, thế mà ông cụ bà cụ cũng không săn sóc cho ra trò để đến nỗi ngày nay vẫn còn vết sẹo như nhát dao chém ở mày bên trái, không bao giờ mất đi được. Bây giờ, tuy ông ta để tóc rõ dài, rẽ giữa, lại chải xiên xiên thì cũng tạm che lấp đi được, nhưng vẫn còn trông thấy cái đuôi vết sẹo lòi ra ngoài. Kể đó cũng là một khuyết điểm, vạn nhất bọn nữ sinh phát hiện ra thì nhất định họ chẳng xem ra gì nữa. Ông ta bỏ chiếc kính lúp xuống, thở dài, oán giận.

Thứ đến cuốn Trung Quốc lịch sử giáo khoa thư. Người biên soạn quả thật không chú ý biên soạn cho giáo viên dùng. Sách tuy có nhiều đoạn gần khớp với cuốn Liễu Phàm cương giám, nhưng phần lớn thì lại khác hẳn. Chỗ giống, chỗ không, như thế làm cho người ta khi giảng bài không biết làm thế nào để dùng được tài liệu ở cả hai cuốn. Nhưng khi chợt nhìn thấy mảnh giấy kẹp trong cuốn giáo khoa thư thì ông ta lại giận cái ông giáo dạy sử kia đang giữa năm học mà lại xin từ chức đi, bởi vì trên mảnh giấy đó có ghi câu:

Bắt đầu từ Chương Tám: "Sự thương vong của Đông Tấn".

Giá thử như cái ông giáo kia chưa giảng xong đoạn nói về Tam Quốc thì việc soạn bài của ông ta bây giờ cũng không đến nỗi chật vật như thế này. Ông ta thuộc nhất là lịch sử đời Tam Quốc. Nào là Đào viên kết nghĩa, Khổng Minh tá tiền, Tam khí Chu Du, Hoàng Trung định Quân sơn trảm Hạ Hầu Uyên v.v.... đoạn nào chả thuộc lòng như cháo, giảng một học kỳ cũng chưa hết. Sang đến đời Đường, thì lại có những việc như

Tần Quỳnh bán ngựa, cũng là những việc ông ta biết rõ lắm. Ai có ngờ hôm nay lại phải giảng về Đông Tấn! Ông ta thở dài oán giận, rồi kéo cuốn Liều Phàm cương giámlại xem.

- Gớm, cái anh này! Đứng ngoài nhìn vào chưa đủ sao mà lại còn phải chui vào trong nhà mình?

Người nào đứng sau lưng ông ta vòng tay ra phía trước, hất cằm ông ta lên. Nhưng ông ta vẫn ngồi yên, vì theo giọng nói và cử chỉ đó, ông ta cũng biết người rón rén đi vào đó là Hoàng Tam, bạn đánh mạt chược với ông ta. Hoàng Tam tuy là chỗ chơi thân với ông ta - mới tuần trước đây thôi, hai người rủ nhau đi đánh mạt chược, xem tuồng, uống rượu, theo gái - nhưng từ khi ông ta đăng cái bài: "Nhiệm vụ của quốc dân là phải chỉnh lý quốc sử" trên tờ Đại trung nhật báo, một bài văn hết sức kêu, đọc lên hết sức sượng miệng rồi được giấy mời của trường Nữ học Hiền Lương đến dạy học, thì ông ta thấy cái anh Hoàng Tam này quả thật không được cái trò trống gì, trông lại có vẻ bần tiện nữa. Cho nên ông ta không ngoảnh lại nhìn, cứ nghiêm sắc mặt trả lời:

- Đừng nói nhảm. Tôi đang soạn bài...

- Không phải là chính miệng anh nói ra với thằng Bát rằng anh muốn làm nhà giáo là để ngấm các cô nữ sinh à?

- Anh không nên tin lời thằng Bát chó chết ấy!

Hoàng Tam ngồi xuống cạnh bàn, liếc nhìn qua trên bàn, liền phát hiện thấy, giữa chiếc kính lúp và chồng sách, một cái thiệp mời màu hồng, mở rộng. Y cầm lấy, giương mắt, đọc từng chữ một:

Chúng tôi xin trân trọng mời ông Cao Nhĩ Sở phu tử đến giảng dạy cho trường chúng tôi mỗi tuần bốn giờ lịch sử. Mỗi giờ xin tính ba hào tiền thù lao. Dạy giờ nào tính giờ ấy.

Hà Vạn Thục Trinh, hiệu trưởng trường Nữ học Hiền Lương.

Trung Hoa dân quốc năm thứ 13, cúc nguyệt, cát nhật.⁸³

- Cao Nhĩ Sở phu tử? Là ai? Anh à? Anh đổi tên rồi à?

Hoàng Tam xem xong liền vội hỏi.

Nhưng Cao phu tử chỉ cười một cách ngạo nghễ. Quả thật ông ta đã đổi tên. Nhưng mà Hoàng Tam chỉ biết đánh mạt chược chứ xưa nay có để ý đến nền học vấn mới, nghệ thuật mới đâu! Y đã không biết có một nhà đại văn hào nước Nga tên là Cao Nhĩ Cơ⁸⁴ thì làm sao hiểu được ý nghĩa sâu sắc của Cao Nhĩ Sở được. Cho nên ông ta chỉ cười ngạo nghễ mà không trả lời.

Hoàng Tam bỏ chiếc thiệp mời xuống, nói:

- Hừ hừ, anh Cán! Anh không nên đùa như thế. Chán lắm! Ở đây đã có một cái trường con trai, đủ để làm cho một phong hóa suy đồi rồi, thế mà họ còn muốn mở một trường con gái nữa. Chẳng biết rồi tương lai sẽ đến như thế nào! Anh tội gì mà cũng nhúng tay vào? Tội gì?

- Đâu có thế! Hơn nữa là bà Hà Vạn Thục Trinh nhất định mời tôi cho được. Từ chối không tiện.

Vì thấy Hoàng Tam có ý phỉ báng trường, lại nhìn đồng hồ tay, đã hai ruỡi, chỉ còn nửa giờ nữa thì lên lớp nên ông ta hơi bực mình, và vẽ sốt ruột lộ ra mặt.

Hoàng Tam cũng nhanh ý liền nói lảng sang chuyện khác.

- Thôi thì không nói đến chuyện đó nữa, Chúng ta nói chuyện đứng đắn nhé! Tối hôm nay có một đám. Thằng con cả lão Mao Tư Phủ bên Mao gia- đồn ấy mà, hấn ta hiện ở đây, định mời thầy địa về xem mồ mả. Hấn ta mang theo hơn hai trăm bạc. Bọn mình đã hẹn với hấn ta là tối nay đánh vài hội, tôi một chân, anh một chân và Bát một chân. Thế nào cũng đến nhé, đừng để nhỡ. Ba thằng ta sẽ bóp mũi hấn.

- Cán - tức là Cao phu tử - trầm ngâm, không nói gì cả.

- Thế nào cũng lại nhé! Nhất định nhé! Tôi còn phải lại đằng lão Bát bàn chuyện với lão ta. Đánh ở đằng nhà tôi. Thằng ngốc ấy lần này là lần đầu tiên đi ra ngoài. Nhất định là chúng mình sẽ bóp mũi hấn. Anh đưa cỗ bài có vẽ cây trúc ấy cho tôi nào.

Cao phu tử thông thả đứng dậy, đi lại lấy cỗ mặt chược để đầu giường nằm, đưa cho Hoàng Tam. Xem đồng hồ tay thì đã hai giờ bốn mươi. Ông ta nghĩ bụng: Hoàng Tam tuy cũng được việc, nhưng hấn đã biết mình đi dạy học rồi, mà lại phỉ báng nhà trường trước mặt mình, phá rầy mình, không cho mình chuẩn bị bài lên lớp, thật là những cái không nên chút nào. Rồi ông ta nói, lãnh đạm:

- Ủ, thì chiều hẵng bàn. Tôi cần phải lên lớp cái đã.

Vừa nói, ông ta liếc nhìn bộLiễu Phàm cương giámvề mặt hầm hầm, cầm cuốn sách giáo khoa bỏ vào cái cặp da mới mua, rồi cẩn thận đội chiếc mũ cũng mới mua, cùng Hoàng Tam đi ra. Ra đến cửa, ông ta liền rảo bước, hai cánh tay đưa đi đưa lại như người thợ mộc khoan gỗ. Một lát, cả hai người đã khuất, không thấy bóng đâu nữa.

Cao phu tử đến trường học Nữ học Hiền Lương thì liền đem tấm danh thiệp mới in của mình cho lão lưng gù ngồi gác cổng. Một lát, nghe

có tiếng: " Xin mời vào". Thế là ông ta đi theo lão lưng gù, rẽ quặt hai lần, đến "phòng giáo sư". Phòng này kiêm phòng khách luôn thể. Bà hiệu trưởng đi vắng, ông trưởng phòng giáo vụ, râu hoa râm tiếp. Ông ta đại danh là Vạn Dao Phổ, biệt hiệu: " Ngọc hoàng hương án lại". Vừa rồi, ông ta có lần lướt cho đăng trên tờĐại trung nhật báonhững bài thơ trong cuốnTiên đàn thù xướng tậpcủa ông ta, tức là những bài thơ ông ta xướng họa với nữ tiên.

- Ái chà, ông Sở,⁸⁵ chúng tôi mong mỗi được gặp ngài từ lâu!

Ông Phổ chấp vái lia lịa, đầu gối cũng khuỵu xuống năm sáu cái liền, tưởng chừng như ông ta sắp ngồi thụp xuống đất.

Cao phu tử, tay ôm chiếc cặp da, cũng làm như ông kia và cũng nói:

- Ái chà, ông Phổ...! Chúng tôi cũng mong mỗi được gặp ngài từ lâu.

Rồi hai người cùng ngồi. Một bác chạy giấy, lò đờ như người sắp chết, mang đến hai chén nước sôi. Cao phu tử nhìn lên chiếc đồng hồ treo tường đối diện. Chỉ mới hai giờ bốn mươi. Chậm hơn đồng hồ tay của ông ta đến nửa giờ.

- Ái chà! Cái bài báo của ngài quả thật là tuyệt tác...Vâng. Quả thật là... Cái bàiBàn về bốn phạm đối với quốc túy Trung Quốccây mà! Quả thật rõ ràng, sáng sủa, đọc mãi không biết chán. Thật nên đem ra viết mà treo lên làm châm ngôn khuyên răn bọn thanh niên. Tôi cũng rất thích văn chương, nhưng chẳng qua là làm chơi thôi, chứ không thể so sánh với ngài được.

Ông ta lại chấp tay vái vái và nói khe khẽ:

- Cái đàn Thịnh Đức của chúng tôi thường thường vẫn cầu tiên đấy! Tôi cũng thường đến đó xướng họa. Xin mời ngài lúc nào rảnh, bớt chút thì giờ quá bộ đến đây chơi. Vị bói tiên ở đó tức là vị Nhụy Châu tiên tử, theo giọng nói của cô ta, thì tựa hồ như là một vị hoa thần bị đầy xuống hạ giới. Rất thích làm thơ xướng họa với các bậc danh nhân, và cũng rất tán thành những người tân đảng. Những vị học giả như ngài đây chẳng hạn, thế nào cũng được cặp mắt xanh của cô ta hết sức chú ý. Ha... Ha... Ha...

Nhưng Cao phu tử cũng không thể ngồi cao đàm khoát luận được, bởi vì bài ông sắp giảng - Sự hưng vong của Đông Tấn - ông ta chưa chuẩn bị được đầy đủ lắm. Đã thế, bây giờ lại quên đi ít nhiều rồi. Ông ta lo lắng, trông đau khổ hết sức. Trong lúc tâm trí ông ta rối loạn như thế, lại thêm có những điều lo nghĩ khác xen vào nữa, nào là khi lên lớp thì tư thế phải như thế nào cho được oai nghiêm, nào là cái vết sẹo trên

trán phải làm sao che lấp đi được, nào là khi cầm sách giáo khoa đọc thì phải đọc cho thật thông thả, nào là đối với học sinh thì phải cho rộng lượng v.v.... Ông ta vẫn mơ màng nghe ông Phố nói:

- Cho ít quả lặt vào đấy nhé!... Câu "Tùy ý thanh loan thượng bích tiêu"⁸⁶ siêu thoát quá!... Cái ông Đặng Hiếu xin năm lần, mới được một bài ngũ tuyệt...

Hồng tự phát thiên hà⁸⁷

Chớ nói...

Mạc đạo...

Nhụy Châu tiên tử nói... Lần này là lần đầu tiên, ngài đến đây... xin giới thiệu đây là vườn thực vật của nhà trường...

- A a...

Cao phu tử đang nghĩ lung tung, bỗng thấy ông Phố giơ một ngón tay lên thì giật nảy mình tỉnh ra, nhìn theo ngón tay ông ta. Phía ngoài cửa sổ có một đám đất trống, trồng bốn năm gốc cây... và đối diện là một ngôi nhà nhỏ một tầng, ba phòng...

Ông Phố vẫn không động đậy ngón tay, vừa chỉ vừa nói:

- Thưa, đây là giảng đường đấy ạ!

- À à...

- Thưa học sinh trường chúng tôi dễ bảo lắm. Các em ngoài việc lên lớp nghe giảng bài chỉ chuyên tâm may vá thôi...

- À, à...

Cao phu tử quả thật hơi lúng túng. Ông ta mong ông Phố đừng nói nữa, để cho ông ta có thể tập trung tư tưởng một tí, tranh thủ nghĩ đến sự "hưng vong của Đông Tấn".

- Chỉ đáng tiếc là trong học sinh cũng có mấy em học sinh đòi làm thơ. Cái đó thật không nên. Duy tân, tất nhiên là được, nhưng làm thơ thì con cái nhà đại gia không nên. Nhụy Châu tiên tử cũng không tán thành mở trường nữ học, cho rằng làm như thế là làm hỗn loạn lưỡng nghi⁸⁸ không phân biệt nam nữ nữa. Thiên tào không thể đồng ý được. Tôi cũng đem câu chuyện đó thảo luận mấy lần với cô ta rồi.

Cao phu tử bỗng giật nảy mình. Ông ta nghe chuông đánh.

- Không... không... Mời ngài cứ ngồi đã, đó là chuông hết giờ...

- Chắc ngài bận việc lắm, bất tất phải khách khí.

- Không ạ! Không ạ! Cũng không bận việc gì cả!

Tôi cho rằng việc mở trường nữ học là thuận theo trào lưu chung của thế giới thì ta cứ mở. Nhưng nếu làm không ra trò thì dễ lệch lạc, cho nên Thiên tào mới không bằng lòng. Có lẽ chẳng qua là vì cẩn thận mà Thiên tào phòng chỉ thế thôi. Còn nếu như được người quản lý tốt, không để cho lệch lạc đi, hợp với đạo trung dung, hết sức chú trọng đến quốc hồn, quốc túy, thì quyết không dễ xảy ra điều gì tệ hại. Ngài nghĩ xem, có phải thế không ạ? Nhụy Châu tiên nữ cũng cho rằng nói như thế là đúng, vừa phải. Hà... Hà...

Người chạy giấy lại bùng lên hai chén nước đun sôi, nhưng chuông lại đánh lần nữa.

Ông Phổ mời Cao phu tử uống hai ngụm nước đun sôi rồi mới thông thả đứng lên, dẫn ông ta đi qua mảnh vườn nhà trường đến giảng đường.

Tim thập thành thịch. Cao phu tử đứng cạnh bàn, người thẳng ro. Ông ta nhìn thấy nửa phòng học toàn là những mái tóc lồng phồng. Ông Phổ rút trong túi áo ra một tờ giấy, mở rộng vừa nhìn vừa nói với học sinh:

- Xin giới thiệu với các em đây là giáo sư Cao Nhĩ Sở, một nhà học giả nổi tiếng, tác giả bài báo "Nhiệm vụ của quốc dân là phải chỉnh lý quốc sử" mà mọi người đều biết. Đại Trung nhật báo có nói: Cao phu tử là người hâm mộ nhà đại văn hào Nga Cao Nhĩ Cơ, nên đổi tên là Cao Nhĩ Sở để tỏ lòng ngưỡng mộ của mình. Trên văn đàn ta có một người như thế thật là một điều hết sức may mắn! Nay bà hiệu trưởng chúng ta viết giấy mời hai ba lần, ngài mới bằng lòng nhận lời đến giảng dạy môn lịch sử cho trường chúng ta...

Cao phu tử bỗng cảm thấy vắng vẻ. Thì té ra ông Phổ đã đi biến đâu mất rồi, chỉ còn trơ lại một mình ông ta đứng cạnh chiếc bàn. Ông ta đành phải bước chân lên bục, cúi đầu chào, định thần, nhớ lại những điều mình dự định trước để làm thế nào cho thái độ của mình được oai nghiêm, rồi thông thả mở sách, bắt đầu giảng về sự "hưng vong của Đông Tấn".

- Hi hi...

Hình như có ai cười trộm ở đâu đây.

Tức thì Cao phu tử thấy mặt mình nóng bừng bừng. Ông ta vội vàng nhìn vào sách, thấy mình nói cũng không sai; trên sách quả in rõ mấy chữ "*Đông Tấn thiên an*".⁸⁹ Đối diện mình vẫn là mái tóc lồng phồng choán nửa gian phòng, không thấy động tĩnh gì khác. Ông ta đoán là vì

mình nghi ngờ nên nghe như thế, chứ kỳ thực chẳng có ai cười cả. Thế rồi, ông ta định thần lại, chăm chú nhìn vào sách, thông thả giảng tiếp. Lúc đầu, tai ông ta còn nghe rõ những điều miệng ông ta nói, nhưng dần dần thì không nghe rõ nữa, thậm chí không biết mình đang nói gì. Đến khi ông ta đang phát triển đoạn nói về "mưu đồ to lớn của Thạch Lặc" thì ông ta nghe có tiếng cười sảng sặc.

Không giữ được, ông ta nhìn xuống phía học sinh. Tình hình khác hẳn lúc đầu. Nửa gian phòng toàn thấy con mắt là con mắt. Lại có rất nhiều hình tam giác cạnh đều, xinh xắn. Giữa những hình tam giác đó, có hai lỗ mũi, tất cả kết thành một cái biển sâu thẳm, chuyển động, cứ trào lên, lấp lánh, dồn về phía ánh mắt ông ta. Nhưng khi ông ta liếc lên nhìn thì bỗng lại biến đâu mất cả và trở thành những mái tóc lồng phồng chiếm nửa gian phòng.

Ông ta lại vội vàng cúi đầu xuống, không dám rời mắt khỏi cuốn sách giáo khoa nữa, bất đắc dĩ lắm mới ngược mắt lên nhìn trần nhà. Trần nhà trát xi măng, quét vôi trắng, nay đã ngả sang màu vàng. Ở chính giữa có vẽ một đường vòng tròn, nhưng cái vòng tròn này bỗng trở thành sinh động, khi mở rộng ra, khi thu nhỏ lại; làm cho con mắt ông ta hoa lên. Ông ta nghĩ bụng: nếu mình lại nhìn xuống thì thế nào cũng không tránh được cái biển mũi và mắt đáng sợ kia, nên ông ta đành nhìn vào sách vậy. Lúc đó, ông ta đã giảng đến đoạn "Chiến tranh Phi Thủy", "Bồ Kiên sắp đến lúc hoảng sợ" thấy cỏ cây cũng tưởng là binh lính.⁹⁰

Ông ta vẫn nghĩ rằng có nhiều người đang cười trộm ông, nhưng ông ta vẫn cố gắng giảng tiếp. Rõ ràng là ông ta đã giảng lâu lắm rồi, thế mà chuông vẫn chưa đánh. Nhìn đồng hồ tay thì không nên, sợ học sinh xem thường. Giảng một hồi nữa, lại đến "sự bột khởi của họ Thác - Bạt", tiếp theo là cái biểu về "sự hưng vong của Lục Quốc". Ông ta vốn chưa định giảng đến đoạn này nên chưa chuẩn bị.

Ông ta bỗng cảm thấy bài giảng của mình đến đây phải đình chỉ lại.

- Hôm nay là ngày đầu tiên, hãy tạm giảng đến đây...

Ông ta lúng túng một hồi rồi mới nói tiếp, chữ được chữ mất. Vừa gật đầu, vừa bước chân xuống bục, ông ta đi ra khỏi lớp.

- Hi hi hi...

Ông ta tựa hồ nghe sau lưng có nhiều người đang cười ông ta và lại phảng phất thấy những tiếng cười đó phát ra từ cái biển mũi sâu thẳm.

Buồn rười rượi, ông ta đi qua sân trường, rảo bước về phía phòng giáo sư.

Ông ta giật mình một cái, đến nỗi cuốn sách lịch sử Trung Quốc rời khỏi tay rơi xuống đất, bởi vì bỗng có cái gì đập mạnh vào đầu ông ta. Ông ta lùi lại hai bước, chăm chú nhìn thì thấy có một cành cây chắn ngay trước mắt, và đã bị cái đầu của ông ta chạm mạnh vào làm cho cái lá phải lay động. Ông ta vội cúi xuống, nhặt sách lên, thì thấy cạnh sách có một miếng gỗ, trên đề mấy chữ:

CÂY DÂU

Khoa trồng dâu

Ông ta tựa hồ nghe sau lưng có nhiều người đang cười ông ta và lại phảng phất thấy những tiếng cười đó phát ra từ cái biển mũi sâu thẳm. Thế là ông ta xấu hổ, không dám đưa tay lên xoa cái đầu đang đau nhói lên. Ông ta một mạch rảo bước về phía phòng giáo sư.

Ở đây, hai chén nước đun sôi vẫn để nguyên, nhưng không thấy người chạy giấy tờ lơ lơ như sắp chết đâu nữa. Ông Phổ cũng chẳng thấy tấm hơi đâu cả. Mọi vật đều trở thành ảm đạm, trong cái ảm đạm đó, chỉ có cái cặp da mới và cái mũ mới của ông ta là sáng chói. Nhìn lên chiếc đồng hồ treo tường, chỉ mới có ba giờ bốn mươi.

Cao phu tử về đến nhà khá lâu rồi, mà có lúc vẫn thấy người nóng bừng lên. Rồi ông ta lại giận dữ vu vơ. Cuối cùng, ông ta cảm thấy quả thật nhà trường đã làm cho phong hóa suy đồi, cứ đóng quách cửa đi là xong. Nhất là các trường nữ học... Chẳng có nghĩa lý gì cả. Chẳng qua thích hư danh mà thôi!

- Hi... Hi.

Ông ta vẫn phảng phất nghe tiếng cười. Điều đó làm cho ông ta càng giận dữ và cũng càng làm cho ông ta quyết tâm xin từ chức. "Tối đến sẽ viết thư cho bà hiệu trưởng họ Hà. Chỉ cần nói là mình bị đau chân không đi dạy được là ổn. Nhưng giá bà ta cố đến kéo đi thì làm thế nào? Cũng không nhận. Trường nữ học quả thật không biết làm cho phong hóa suy đồi đến nước nào nữa, tội gì mình lại đi nhập bọn với họ. Không nên. Ông ta nghĩ thế.

Thế rồi, ông ta ẩy quyểnLiễu Phàm cương giámra một bên tỏ ý quyết tuyệt. Cái kính lúp cũng quăng ra ở góc. Cái thiệp mời thì gấp lại. Ông ta định ngồi xuống bỗng thấy cái màu đỏ của tấm thiệp mới đáng ghét quá. Ông ta liền cầm lấy và đem nhét vào ngăn kéo cùng cuốnTrung Quốc lịch sử giáo khoa thư.

Sách vở chồng đầu vào đấy, trên bàn chỉ còn lại chiếc kích lúp, bây giờ nhìn thấy quang đăng hẳn ra. Nhưng ông ta vẫn không thấy khoan khoái trong lòng, giống như người thiếu đi nửa linh hồn. Nhưng ông ta liền tỉnh ra; ông ta đội cái mũ dạ quai đỏ vào, đi thẳng đến nhà Hoàng Tam.

Lão Bát nói to:

- Giáo sư Nhĩ Sở họ Cao đến đây rồi!

Ông ta chau mày, gõ vào đỉnh đầu lão Bát một cái, nói:

- Chỉ láo!

-Lên lớp chưa? Thế nào? Có cô nào nhớ không? Hoàng Tam hỏi về sốt sắng.

- Tôi không định đi dạy nữa. Trường học nữ quả thật không biết còn làm cho phong hóa suy đồi đến nước nào nữa. Chúng ta không thể trà trộn vào với họ được.

Người con cả nhà họ Mao đi vào, béo tròn như cục bột.

- Ái chà! Mong mãi.

Cả nhà chấp tay vái, đầu gối khụy xuống hai ba lần như sắp ngồi xổm xuống cả.

Lão Bát chỉ Cao phu tử nói với người con cả ông Mao:

- Xin giới thiệu đây là anh Cao Cán Đình mà hôm nọ tôi đã nói chuyện với ông.

- A, a... Rất lấy làm hân hạnh.

Người con cả nhà họ Mao liền đặc biệt chấp tay vái và gật gật đầu.

Phía tay trái gian phòng đã bày sẵn một chiếc bàn đặt xiên xiên. Hoàng Tam một mặt chào khách, một mặt cùng đưa ở gái bố trí chỗ ngồi và sắp đặt những chiếc ghế gỗ thay tiền mặt. Một lát, ở mỗi góc bàn đã cắm một cây nến gầy guộc thấp sẵn. Cả bốn người ngồi vào bàn.

Im phăng phắc, chỉ nghe tiếng con bài mạt chược bằng xương đập lách cách vào mặt bàn bằng gỗ tứ đàn, trong cái tĩnh mịch buổi đầu hôm, nghe càng vang vọng.

Bài của Cao phu tử không đến nỗi xấu lắm, nhưng ông ta vẫn không được vui, trong lòng bất bình cái gì. Ông ta tính vốn hay quên, chỉ có lần này ông ta cứ thấy lo lo cho nền phong hóa. Tuy trước mắt ông ta số thẻ tăng lên nhưng cái đó cũng không thể làm cho ông ta thư thái, vui vẻ lên được. Nhưng rồi thời thế thay đổi, phong hóa cuối cùng cũng thấy tốt hơn. Có điều, lúc ấy đã khuya, đánh đến hồi thứ hai rồi, và ông ta sắp ù một ván "thanh thiên sắc".

Ngày 1 tháng 5 năm 1925

CON NGƯỜI CÔ ĐỘC

I.

Bây giờ hồi tưởng lại mới thấy mối tình bạn giữa tôi và anh Ngụy Liên Thù cũng hơi khác thường: bắt đầu bằng một đám ma và kết thúc cũng bằng một đám ma.

Hồi đó, tôi đang ở thành S. Thường thường mỗi khi nghe nhắc đến tên anh thì ai cũng bảo anh là người kỳ quái lắm. Học thì học môn động vật học, thế mà lại đi dạy lịch sử ở một trường trung học: đối với ai cũng có vẻ thờ ơ, thế mà lại thích xen vào việc người khác; lúc nào cũng bảo là phải xóa bỏ gia đình, thế mà cứ đến tháng lĩnh lương thì lại nhất định gửi tiền ngay về cho bà nội, một ngày cũng không để chậm. Ngoài ra, người ta còn kháo nhau bao nhiêu chuyện lật vật khác nữa về anh. Tóm lại, ở thành S, anh cũng có thể kể là làm đầu câu chuyện cho thiên hạ. Mùa thu năm nọ, tôi đến ở chơi nhà một người bà con ở Hàn Thạch Sơn. Người này cũng họ Ngụy, bà con với anh Liên Thù, nhưng lại không hiểu gì hơn về anh cả. Người ấy xem anh hình như là một người ngoại quốc, và thường nói: "Anh ta khác chúng tôi lắm!". Cái đó cũng không có gì lấy làm lạ. Trung Quốc mang tiếng là mở mang việc học đã vài chục năm rồi, nhưng ở Hàn Thạch Sơn thì đến một trường tiểu học cũng chưa có. Cả cái làng miền núi này chỉ có anh Liên Thù là đi ra ngoài du học mà thôi. Vì thế, theo con mắt người ở đây, anh quả là một người khác giống. Tuy nhiên, đối với anh, họ lại rất ganh tị và có vẻ thèm muốn được như anh. Họ nói rằng anh sẽ làm ra được nhiều tiền lắm.

Đến cuối thu, làng này có bệnh lý. Tôi cũng sợ lây, định trở về thành. Chợt nghe nói bà nội anh Liên Thù cũng bị bệnh, và vì tuổi già, nên đâm ra nặng lắm, mà quanh vùng thì lại không có lấy một ông thầy thuốc nào.

Gia đình anh Liên Thù, gọi gia đình là gọi thế thôi, kỳ thực chỉ có mỗi bà cụ. Bà cụ có thuê một người gái ở, và sống đơn giản lắm. Anh mồ côi cả cha lẫn mẹ từ khi còn tấm bé, chính bà cụ nuôi nấng anh thành người. Nghe nói trước kia bà cụ cực khổ lắm. Nhưng bây giờ thì thông

thả rồi. Hiềm một điều vì anh không có vợ con gì, nên trong nhà vắng vẻ lắm. Có lẽ đó cũng là điều người ta cho anh là khác thường.

Hàn Thạch Sơn cách thành, theo đường bộ thì một trăm dặm, mà đường thủy chỉ bảy mươi dặm, nhưng cho người đi gọi anh về, khứ hồi ít nhất cũng phải bốn ngày. Ở làng núi hẻo lánh, những việc như thế này được xem là những "tin tức" quan trọng, ai cũng cần phải dò hỏi cho biết. Ngày hôm sau, đã đồn ầm lên rằng bệnh bà cụ nặng lắm, và đã cho người đi gọi anh Liên Thù về. Nhưng đến canh tư thì bà cụ tắt thở. Câu nói cuối cùng của bà cụ là: Làm sao không để cho tôi trông mặt thẳng Liên Thù một tí!"

Ông trưởng tộc, bà con bên nội, bà con bên ngoại, cả những người rồi việc nữa, đến chật một nhà. Họ tính rằng anh Liên Thù có về đến nơi thì cũng đã nhập liệm rồi. Cổ hậu sự cũng như áo quần, bà cụ đã sắm sẵn, nên không cần phải lo liệu gì hết. Đối với họ, vấn đề quan trọng nhất là nên đối phó với cái ông "cháu thừa trọng"⁹¹ ấy như thế nào đây, bởi vì họ đoán trước rằng, tất cả các lễ nghi đình đám, nhất định thế nào anh cũng thay đổi hết cho mà xem. Sau khi bàn bạc, họ quyết định đại khái sẽ bắt buộc anh phải theo cho ba điều chính: một là mặc tang phục trắng, hai là lạy hấn hoi, ba là mời thầy chùa, thầy phù thủy về làm chay. Nói tóm lại là phải làm y như tục lệ cũ.

Bàn định xong xuôi, họ hẹn nhau hôm nào anh về thì tất cả mọi người sẽ tụ tập ở phòng khách, bày sẵn thế trận, kẻ tung người hứng, trợ lực nhau, đàm phán thật nghiêm nghị. Người làng ai nấy nuốt nước dãi, tò mò chờ nghe tin tức. Họ biết anh là người "phái mới", cái gì cũng "học theo tây" từ trước đến nay không hề kể gì đến phải trái cả. Nhất định cuộc đấu tranh giữa hai bên sắp sửa bắt đầu, và chưa biết chừng sẽ to chuyện cũng nên. Và lúc đó sẽ có nhiều cái lạ lắm, không thể đoán trước được.

Có tin cho biết anh về đến nhà thì đã xế chiều. Vừa bước chân vào nhà thì anh đến trước linh sàng bà cụ, chỉ cúi mình một cái mà thôi. Ông trưởng tộc, bà con nội ngoại bèn lập tức thi hành kế hoạch đã định, mời anh ra ngoài nhà khách lớn, nói giáo đầu một thôi đã, mới vào đề, rồi kẻ xướng người họa, chín người mười miệng, không để hở một tí làm cho anh không có dịp cãi lại. Cuối cùng, nói mãi cũng phải hết, cả phòng khách lại im lìm, ai nấy lo sợ, chăm chú nhìn miệng anh. Anh sắc mặt không chút thay đổi, chỉ trả lời vắn vắn mỗi câu:

- Được tất!

Lại là một điều họ không ngờ trước. Cái gánh nặng trong lòng họ đã được cất đi rồi, nhưng họ vẫn cảm thấy lại có bề nặng hơn trước, và như thế này thì anh này quả là "kỳ dị" quá, càng đáng phải lo ngại. Những người trong làng nghe ngóng tin tức cũng thất vọng. Họ kháo nhau: "Lạ thật! Ông ta bảo "được tất". Để xem xem ra làm sao". Cái gì cũng có thể theo như cũ tất thì không có gì mà xem nữa. Thế nhưng họ vẫn cứ muốn xem, cho nên trời vừa tối, họ đã tíu tít chập chờn trước nhà.

Tôi cũng là một người đến để xem. Tôi cho người đem đèn nhang sang trước. Khi tôi đến nơi thì thấy anh đang mặc áo quần cho bà cụ. Anh khổ người nhỏ bé, gầy gò, khuôn mặt dài. Mái tóc bù xù với bộ râu và cặp lông mày rậm rì đen ngòm đã choán mất một nửa mặt rồi, chỉ còn thấy mỗi đôi mắt sáng lấp lánh trong bóng tối. Anh mặc áo quần cho bà cụ rất khéo, đầu vào đấy, như một tay chuyên môn đi liệm thuê, làm cho người xem bất giác đều thán phục. Theo phong tục ở Hàn Thạch Sơn thì vào những lúc này, thế nào người bên họ ngoại cũng tìm cách bắt bẻ. Nhưng anh vẫn cứ làm thình, bắt bẻ đâu thì sửa chữa đấy, thản nhiên như không. Một bà cụ đã hai thứ tóc trên đầu đứng đằng trước tôi, phải tấm tắc khen.

Thế rồi, làm lễ. Lễ xong thì khóc. Các bà hết thảy đều khẩn lâm râm. Sau đó, là nhập quan. Nhập quan xong, làm lễ, rồi lại khóc, cho đến khi đóng nắp hòm mới thôi. Im lặng một phút, bỗng mọi người nhốn nháo lên. Hình như có điều gì làm cho họ ngạc nhiên lắm và không được bằng lòng. Và tôi bỗng tình cờ nhận ra rằng thủy chung anh không hề nhỏ lấy một giọt nước mắt nào, mà chỉ ngồi trên tấm nệm rơm, hai con mắt cứ sáng ngời, lấp lánh giữa mái tóc bù xù và bộ râu, đôi lông mày đen ngịt.

Việc nhập quan đã làm xong trong cái không khí ngạc nhiên và bất mãn đó. Ai ai cũng như muốn bỏ ra về ngay, nhưng anh thì vẫn cứ ngồi trên chiếc đệm rơm, vẻ trầm ngâm. Bỗng anh chảy nước mắt ròng ròng, rồi khóc thất thanh, sau đó, lại rống lên, như con chó sói bị thương rống lên giữa cánh đồng vắng đen khuya, nghe vừa thảm thiết, vừa phẫn nộ, vừa bi ai. Theo phong tục thì không ai lại khóc như thế bao giờ. Vì không đề phòng trước, nên mọi người đều thấy lúng túng, không biết xử trí ra làm sao. Ngần ngừ một lát rồi có mấy người đến khuyên giải anh đừng khóc nữa. Lúc đầu thì chỉ mấy người, sau họ xúm nhau lại thành một đám đông. Nhưng anh vẫn cứ ngồi đờ ra, không động đậy, như một chiếc tháp bằng sắt, mà rống to mãi.

Chán ngán, người ta đành phải tản ra, còn anh thì anh cứ khóc, khóc mãi, có đến nửa tiếng đồng hồ, lúc đó mới bỗng dưng ngừng lại, cũng không chào hỏi khách đến viếng, cứ đi thẳng tuột vào nhà trong. Sau đó, có mấy người đi vào dòm; trở ra họ nói rằng, anh đi vào buồng bà cụ, rồi nằm dài trên giường và hình như đã ngủ thiếp đi rồi.

Cách hai ngày sau, tức là trước khi tôi lên đường về tỉnh một ngày, thì nghe người làng bàn tán dữ quá. Họ nói rằng anh sẽ đem già nửa đồ đạc trong nhà đốt cho bà cụ, còn bao nhiêu sẽ cho người ở gái, là người đã hầu hạ bà cụ lúc còn sống, và nay bà cụ chết đi thì chị ta lại cũng đã đưa bà cụ ra tận huyết. Mà cả cái ngôi nhà cũng để cho ở đấy luôn, muốn ở đến lúc nào thì ở. Bà con thân thích đều can ngăn nói rất hơi bông cổ cũng chẳng ăn thua gì.

Có lẽ cũng vì tò mò mà khi tôi ra về, đi qua cổng nhà anh, tôi lại ghé vào chia buồn nhân thế. Anh mặc áo trắng sổ gấu, ra tiếp, nét mặt vẫn lạnh lùng như thế. Tôi khuyên giải một hồi. Ahh chỉ vâng vâng dạ dạ, và đáp lại vền vền mỗi câu:

- Cám ơn anh có lòng tốt...

II.

Lần thứ ba, hai chúng tôi gặp nhau vào đầu mùa đông năm nọ, trong một hiệu sách ở thành S. Cả hai bên gật đầu chào nhau, cùng một lúc, tỏ ý là đã quen nhau rồi. Nhưng chúng tôi bắt đầu gần gũi nhau là vào cuối năm ấy, sau khi tôi mất việc làm. Hồi đó, tôi thường đến thăm anh, một là tất nhiên vì buồn rồi, hai là vì nghe người ta nói, anh tuy tính lạnh lùng như thế, nhưng lại thích chơi với những người gặp chuyện không may. Có điều, thế sự thăng trầm không nhất định, người không may không thể không may mãi, cho nên anh ta cũng ít khi chơi với ai được lâu dài. Lời đồn đại ấy quả thật không sai. Tôi đưa danh thiếp vào là anh tiếp ngay. Phòng khách của anh là hai gian nhà ăn thông nhau, chẳng bày biện gì cả. Ngoài bàn ghế, chỉ có mấy cái giá để sách. Ai cũng nói anh là một nhà thuộc "tân đảng" ghê lắm, thế mà trên giá sách không có tân thư mấy. Anh đã biết tôi mất việc rồi, nhưng nói xong vài câu khách sáo, thì chủ cũng như khách chỉ ngồi lẳng lặng nhìn nhau. Không khí dần dần trở thành nặng nề. Tôi chỉ thấy anh ngồi hút thuốc liên tiếp, điều thuốc hết nhanh quá, sắp cháy đến ngón tay, anh mới vứt đi. Anh đưa tay lấy điều thứ hai, bỗng dưng nói:

- Hút đi!

Tôi cũng lấy một điều, hút rồi nói vài câu về chuyện dạy học và chuyện sách vở, nhưng vẫn thấy không khí nặng nề thế nào. Tôi định đứng dậy ra về thì nghe có tiếng la hét và tiếng bước chân rầm rập ngoài cửa. Bốn đứa trẻ vừa trai vừa gái chạy thốc vào. Đứa lớn nhất tám chín tuổi, đứa bé nhất, bốn năm tuổi. Đứa nào đứa nấy mặt mũi áo quần nhem nhuốc, mà lại không hề dễ thương chút nào cả. Nhưng trông thấy chúng nó, anh lại vui, mắt bỗng sáng ngời lên. Anh ta vội vàng đứng dậy, đi sang phòng bên cạnh, miệng hỏi:

- Lương anh, Lương em lại đây! Hôm qua các cháu đòi ác-mô - ni-ca, chú đã mua cho đây này.

Lũ trẻ theo anh ta ulla vào rồi mỗi đứa được một cái ác-mô - ni-ca vừa thối vừa đi ra. Ra khỏi phòng khách, chẳng biết thế nào, lại đánh nhau. Một đứa khóc lên. Anh ta đi theo sau chúng nó dặn dò:

- Mỗi cháu một cái. Như nhau cả. Không được tranh giành nhau nhé!

Tôi hỏi:

- Con nhà ai mà đông thế?

- Con ông chủ nhà này cả đấy. Mẹ chúng nó chết rồi. Chỉ còn bà nội.

- Thế, ông chủ nhà ở vậy một mình thôi à?

- Vâng. Bà ta mất có lẽ đã bốn năm nay rồi nhưng ông ta vẫn chưa chịu lấy ai cả. Không thì đâu đã chịu cho người một thân một mình như tôi thuê mấy gian phòng bỏ trống này.

Anh vừa nói, vừa mỉm cười lạnh lùng.

Tôi rất muốn hỏi anh vì sao đến nay anh vẫn chưa lấy vợ, nhưng vì chưa quen lắm, nên không tiện hỏi.

Đã quen thân với nhau rồi, thì dễ nói chuyện với anh lắm. Anh hay nói những tràng nghị luận, thỉnh thoảng đưa ra những ý kiến rất ngộ nghĩnh. Điều làm cho người ta không chịu được, là anh có mấy ông khách, có lẽ là những người đã đọc cuốn *Trăm luân*⁹² cả rồi chẳng, nên thường tự ví mình là những "thanh niên bất hạnh", hoặc là "những người thừa". Họ ngồi vắt vẻo trên ghế, vẽ nhác nhóm và kiêu ngạo, vừa than vãn thở dài, vừa chau mày hút thuốc. Lại có lũ con ông chủ nữa, lúc nào cũng cãi cọ nhau, đánh vỡ bát đĩa, vò quà, ồn ào nhức cả óc. Nhưng anh Liên Thù hề thấy chúng nó thì lại không có vẻ lạnh lùng như lúc bình thường, anh còn quý chúng nó hơn tính mạng mình nữa. Nghe nói có lần thằng Lương ba lên sỏi, anh hốt hoảng đến nỗi bộ mặt trông đã đen rồi, bây giờ lại càng sạm thêm. Không ngờ bệnh chỉ nhẹ thôi. Về sau

bà nội lũ trẻ đem chuyện ấy nói ra, người ta lại có dịp chế giễu anh. Hình như anh cũng thấy tôi tỏ vẻ hơi khó chịu, cho nên một hôm anh có cơ hội là nói ngay với tôi:

- Trẻ con đùa nào cũng tốt. Đùa nào cũng chất phác hồn nhiên cả.

Tôi chỉ trả lời cho qua chuyện:

- Cũng chưa hẳn đã như thế!

- Không. Trẻ con không có những tính xấu của người lớn. Về sau con người hỏng đi, như anh thường vẫn công kích, là hoàn cảnh làm cho hư hỏng đi mà thôi, chứ vốn không phải hư hỏng, mà là chất phác, hồn nhiên... Tôi cho rằng Trung Quốc ta mà còn hy vọng là chỉ hy vọng ở chỗ đó...

- Không phải. Nếu trong người đứa bé mà không có mầm mống xấu thì sau lớn lên, làm sao lại trở thành xấu được. Ví như một hạt giống, chính vì trong hạt giống đã có mầm mống của cành, lá, hoa, quả rồi, cho nên khi mọc thành cây mới có thứ đó được chứ? Đâu có lẽ tự dưng mà lại như thế được!

Hồi đó tôi nhàn rỗi, không có việc gì làm, nên đành xem kinh Phật, giống như các cụ lớn hể không làm quan nữa, về hưu một cái là niệm Phật ăn chay. Tất nhiên tôi không hiểu gì về Phật lý cả, nhưng cũng không giữ gìn, cứ nói bừa như thế.

Anh Liên Thù bực mình lắm, lườm tôi một cái, không nói nữa. Tôi cũng không đoán được là anh đuối lý không trả lời hay là không thèm tranh cãi với tôi. Có điều lại thấy cái thái độ lạnh lùng của anh mà đã lâu không thấy nữa. Anh im lặng hút hai điếu thuốc liền. Đến khi anh sắp lấy điếu thứ ba, thì tôi đành phải rút lui.

Anh giận tôi có đến ba tháng mới nguôi, có lẽ một phần vì quên đi, một phần vì chính anh bị lũ trẻ con "chất phác ngây thơ" kia oán ghét, do đó mà anh thấy rằng những lời tôi xúc phạm đến trẻ con cũng có chỗ tha thứ được. Nhưng đó chẳng qua là do tôi đoán phỏng thôi. Lúc bấy giờ, anh đến chỗ tôi ở. Uống rượu xong, anh có vẻ bi ai, hơi ngừng mặt lên, nói:

- Nghĩ lại mà lấy làm quái! Khi tôi đi đến đây, giữa đường gặp một đứa trẻ con, bé tí tẹo, nó cầm một lá sậy ở tay, chỉ vào người tôi, hét: "Giết!" Nó đi còn chập chững, chưa vững bước.

- Đó là hoàn cảnh làm cho hư hỏng đi đấy chứ!

Nói xong, tôi rất lấy làm hối hận. Nhưng hình như anh ta không để ý, cứ uống rượu thực mạng; và giữa hai ngụm, lại hút thuốc lia lịa.

Tôi liền nói lảng sang chuyện khác:

- À quên, chưa hỏi anh. Anh thường ít đi chơi nhà ai, sao hôm nay cao hứng cái gì lại đến đây thế? Chúng ta quen biết nhau kể cũng đã hơn một năm trời nay, nhưng anh đến đây lần này là lần thứ nhất đấy nhé!

- Chính tôi đang định nói chuyện với anh đây. mấy ngày này, nhất thiết anh đừng lại đặng tôi nhé! Đặng tôi, đang có một người lớn và một đứa trẻ con đáng ghét quá, thật không ra người nữa!

Tôi hơi kinh ngạc:

- Một người lớn và một đứa trẻ con? Là ai thế?

- Ông anh họ tôi và thằng con ông ta. Ha ha!... con cũng giống bố như đúc.

- Chắc lên thăm anh, rồi nhân thế ở lại chơi chứ gì?

- Không phải. Nó là lên bàn với tôi để tôi nhận thằng bé làm con thừa tự!

- À. Làm con thừa tự cho anh à? - Tôi kinh ngạc quá không thể không kêu lên - Không phải là anh chưa lấy vợ kia mà?

- Họ biết là tôi không lấy vợ. Nhưng đó không phải là điều quan trọng. Kỳ thực, họ chỉ muốn thừa tự cái ngôi nhà nát của tôi ở Hàn Thạch Sơn thôi! Chắc anh biết, ngoài ra, tôi còn có gì nữa đâu! Tiền, được đồng nào vào tay là tiêu sạch, chỉ có mỗi ngôi nhà nát đó. Mục đích ở trên đời của cả hai bố con họ là đuổi người ở gái tôi cho ở nhờ đấy.

Câu nói trắng trợn của anh làm tôi ghê rợn. Nhưng tôi cứ tìm lời an ủi:

-Tôi nghĩ người bà con anh cũng không đến nỗi như thế. Chẳng qua óc họ còn cũ một tí thế thôi. Đấy, như cái năm nọ, lúc anh khóc dữ quá, họ đến vây lấy anh, hết sức khuyên giải anh. Nhiệt tình lắm đấy chứ!...

- Lúc thầy tôi mất, họ định cướp ngôi nhà của tôi, ép tôi ký tên vào văn tự, tôi khóc to, họ cũng đến vây lấy tôi và cũng khuyên giải nhiệt tình như thế!...

Hai con mắt anh đăm đăm nhìn lên không trung, như đang hình dung lại tình cảnh lúc bấy giờ.

- Nói tóm lại, cũng là tại anh không có con nối dõi. Nhưng mà tại sao anh lại cứ không chịu lấy vợ thế?

Tôi bỗng tìm ra được cách chuyển câu chuyện sang hướng khác và cũng để hỏi điều tôi muốn hỏi anh từ lâu. Không có dịp nào tốt hơn nữa.

Anh nhìn tôi, ngạc nhiên. Một lát, anh cúi xuống nhìn vào đầu gối, thế rồi cứ hút thuốc không trả lời.

III.

Tuy anh Liên Thù sống trong cảnh cô liêu như vậy mà người ta cũng có để cho anh yên đầu. Dần dần, có kẻ giấu tên viết bài công kích anh trên mấy tờ báo lá cải. Trong giáo giới, cũng thường có những tin đồn nhảm về anh, nhưng bây giờ không phải là lời nói đùa chế giễu chơi như trước nữa mà là những lời thương tổn đến anh. Tôi cũng không để ý lắm, tôi biết đó là kết quả những bài văn mấy lâu anh thường đăng trên các báo. Ở thành S., người ta chúa ghét những anh viết những bài nghị luận không kiêng nể ai cả. Ai như thế là họ ngấm ngầm quật lại. Xưa nay vẫn như thế. Chính anh Liên Thù cũng biết. Nhưng đến mùa xuân, bỗng nghe nói anh bị ông hiệu trưởng mời ra khỏi trường. Tin đó làm cho tôi thấy hơi đột ngột. Thật ra, xưa nay vẫn như thế rồi, chẳng qua là vì tôi mong cho những người mình quen biết được may mắn hơn mà tránh khỏi, cho nên mới thấy đột ngột. Chứ không phải là lần này người ở thành S. có ác gì hơn trước đâu!

Lúc đó, một phần vì tôi đang bận vì sinh kế, một phần lại đang chạy vạy để mùa thu sắp tới có thể lên Sơn Dương dạy học được, nên không có thì giờ đến thăm anh. Đôi lúc nhàn rỗi một tí - chừng ba tháng sau khi anh mất việc - thì lại không nghĩ đến chuyện đến thăm nữa. Có một hôm, vì qua phố chính, tình cờ dừng lại trước hàng sách cũ tôi không thể không sửng sốt khi thấy ở đấy có bày một bộ *Sử ký sách ẩn*⁹³ do Cáp - Cổ - Các in lần thứ nhất. Bộ này chính là của Liên Thù. Anh ta rất thích sách, nhưng không phải là một người chơi sách. Bộ này cũng kể là một bộ anh cho là quý lắm. Không phải là vụn vặt vặt vãnh thì đời nào chịu đem bán đi, lẽ nào vừa mất việc hai ba tháng mà đã túng thiếu như thế rồi ư? Mặc dù từ trước đến nay, hễ có tiền là anh tiêu hết, không dành dụm gì cả. Thế là tôi nhất định đến thăm anh. Dọc đường nhân tiện, tôi mua hai chai rượu, hai gói lạc rang và hai cái đầu cá nướng. Cửa phòng anh đóng kín. Gõ to hơn mấy tiếng không thấy thưa. Tôi nghĩ là anh đang ngủ, lại gọi hơn và đập cửa.

- Đi vắng rồi!

Một người đàn bà béo, con mắt xếch, đứng ở cửa sổ đối diện, thò cái đầu hoa râm ra, cũng nói to, hình như có ý bực. Đó là bà nội mấy thằng Lương anh, Lương em.

Tôi hỏi:

- Đi đâu ạ?

- Đi đâu, ai biết được? Ông ấy thì còn đi đâu? Cứ đợi đấy, lát nữa thế nào cũng về thôi!

Tôi đẩy cửa đi vào phòng khách anh. Quả thật là "nhất nhất bất kiến như tam thu hề!", nhìn đâu cũng thấy trống không, lạnh lẽo, không những đồ đạc chẳng còn mấy cái mà đến sách vở cũng chỉ còn trơ lại các quyển đóng kiểu tây mà ở thành S, chẳng ai thèm mua. Cái bàn tròn đặt giữa nhà vẫn còn đó, trước đây mấy bố thanh niên khảng khái, chán nản, mấy bậc kỳ sĩ hoài tài bất ngộ và lũ trẻ ồn ào, bắn thiu, thường cứ vây quanh đấy, bây giờ thì vắng tanh và mặt bàn phủ một lớp bụi mỏng. Tôi đặt chai rượu và mấy cái gói xuống, kéo một chiếc ghế lại, dựa lưng vào bàn, ngồi ngoảnh nhìn ra cửa.

Quả đúng một lát thì cửa mở. Một người đi vào, lặng lẽ như cái bóng, Chính là anh Liên Thù. Có lẽ là vì trời gần tối chẳng, nên trông anh đen hơn trước, nhưng vẻ mặt vẫn không đổi khác.

Anh có vẻ vui mừng, hỏi:

- À, anh! Đến lâu chưa?

Tôi nói:

- Cũng mới đến thôi. Anh đi đâu về thế?

- Chả đi đâu cả. Đi lảng nhăng một tí.

Anh cũng kéo ghế lại, ngồi cạnh bàn. Hai chúng tôi bắt đầu uống rượu và nói chuyện về việc anh mất việc. Nhưng anh lại không muốn nói nhiều về chuyện đó. Anh cho rằng đó cũng là một việc đã liệu trước rồi, thường cũng đã vấp nhiều rồi, không lấy gì làm lạ, và cũng không có gì đáng nói. Như thường lệ, anh vẫn ngồi uống hết chén này đến chén khác, và vẫn đem chuyện xã hội, chuyện lịch sử ra bàn. Không biết thế nào, thấy giá sách trống rỗng, tôi lại sức nhớ đến bộ Sử ký sách ẩndo Cấp - Cố - Các in lần thứ nhất. Tôi bỗng có cảm giác quạnh hiu, buồn thương vợ vẫn:

- Phòng khách anh lạnh lẽo thế này... Độ này chắc ít ai đến chơi nhỉ!

- Chẳng ai đến cả. Họ cho rằng tôi đang buồn bực, đến chơi cũng chẳng thú vị gì. Mình buồn bực thì quả cũng làm cho người khác khó chịu. Mùa đông ai lại đi dạo vườn hoa bao giờ!

Anh uống liền hai hớp rượu, ngồi im lặng, suy nghĩ.

Bỗng anh ngẩng lên nhìn tôi, hỏi:

- Cái chỗ anh chạy chọt dạo nọ cũng lại không xong gì phải không?

Tuy biết anh có ý say, nhưng nghe hỏi thế, tôi cũng hơi bực, đang định nói, thì thấy anh vênh tai ra nghe ngóng rồi cầm một nắm lạc đi ra.

Ngoài cửa có tiếng bọn thằng Lương cười cười nói nói ồn ào.

Nhưng anh vừa đi ra thì bọn chúng nó đã im bật và hình như bỏ chạy cả. Anh chạy theo, nói gì gì, nhưng không nghe có tiếng trả lời. Anh ta lại trở vào lẳng lặng như một cái bóng, rồi bỏ nằm lạch vào gói giấy.

Anh nói nhỏ, giọng mỉa mai:

- Đến cái mình cho chúng nó mà chúng nó cũng không thèm ăn.

Tôi cảm thấy buồn quá, nhưng cũng cố làm bộ mỉm cười, nói:

- Anh Thù, tôi thấy anh chỉ chuốc lấy khổ vào người. Anh cho người đời ai cũng xấu cả.

Anh cười gằn một tiếng.

- Tôi nói chưa hết. Đối với chúng tôi là những người thỉnh thoảng lại thăm anh, anh cũng cho là vì rỗi rãi không có việc gì làm, nên đến đây, lấy anh ra làm trò tiêu khiển chứ gì?

- Đâu có. Nhưng cũng có lúc nghĩ như vậy. Hoặc là đến tìm ít mẩu chuyện về tôi để đi chỗ khác có cái nói.

Tôi thở dài nói:

- Thế thì anh nhầm rồi. Người ta thực ra có ai như thế đâu. Chính anh làm cho anh cô độc. Như con tằm, anh tự bủa xung quanh anh một tổ kén, rồi nhốt mình vào trong đó. Anh nên nhìn đời sáng sủa hơn một chút.

- Cũng có lẽ như thế thật. Nhưng tôi hỏi anh. những sợi tơ mà tôi xây tổ kén đó, tôi lấy đâu ra? Tất nhiên là trên đời cũng có nhiều người như thế rồi. Như bà nội tôi chẳng hạn. Tôi tuy không cùng máu mủ với bà cụ. Có điều cũng không hề gì. Tôi đã khóc trước số phận của tôi khi tôi khóc bà cụ...

Cái cảnh hôm nhập liệm bà cụ anh bỗng lại hiện ra trước mắt tôi. Tôi bỗng hỏi đột ngột:

- Tôi vẫn không hiểu tại sao lúc bấy giờ anh lại khóc to như thế?

- Lúc nhập liệm bà nội tôi ấy à? Ừ, anh không hiểu là phải.

Anh châm đèn lên rồi bình tĩnh nói tiếp:

- Tôi chắc chính vì lần đó tôi khóc như thế mà anh đi lại với tôi, phải không? Anh không biết đấy chứ, bà cụ ấy là mẹ kế của thầy tôi, còn cụ bà đẻ ra thầy tôi thì đã qua đời lúc thầy tôi mới lên ba tuổi cơ!

Rồi anh có vẻ trầm tư, ngồi uống rượu và ăn hết cả cái đầu cá nướng.

- Những điều dĩ vãng ấy, tôi vốn không biết. Và hồi còn nhỏ tôi cảm thấy không sao hiểu được. Hồi đó, thầy tôi còn sống. Cảnh nhà còn khá,

cứ đầu năm mới là thầy tôi lại đem những bức chân dung tổ tiên ra thờ, trọng thể lắm. Hồi đó, được ngắm những người mặc quần áo đẹp thế, tôi lấy làm sướng mắt lắm. Nhưng cái u em bế tôi lại chỉ vào một bức mà nói:

- Đây mới thật là bà nội đây này! Lạy bà đi để bà phù hộ cho chóng lớn!

Tôi thật không hiểu tại sao đã có một bà nội rành rành đó rồi, mà lại còn có một bà "mới thật là bà nội" nữa. Nhưng tôi cũng thích cái bà "thật là bà nội" đó lắm. Bà ta không già như bà nội ở trong nhà, còn trẻ, trông rất đẹp, mặc áo đỏ thêu kim tuyến, đội mũ giắt hạt trai, không khác mẹ tôi mấy. Khi tôi nhìn bà thì con mắt bà cũng nhìn chòng chọc vào tôi, và nụ cười ở khóe miệng càng lâu càng rõ. Tôi chắc chắn rằng nhất định bà yêu tôi lắm. Nhưng tôi cũng yêu bà nội hiện ở trong nhà, suốt ngày ngồi trước cửa sổ khâu vá. Bà cụ khác với bà nội người ta ở chỗ dù tôi vui vẻ nô đùa trước mặt bà cụ, hoặc giả có gọi bà cụ, cũng không làm cho bà cụ vui lên được. Tôi thấy bà cụ lạnh lùng quá. Về sau, tôi dần dần xa bà cụ. Cũng không phải là vì tôi lớn rồi, và biết bà cụ không phải là người để ra thầy tôi, mà chính là vì cứ thấy bà cụ ngồi lì khâu vá, năm này sang tháng khác, như cái máy, tự nhiên tôi đâm ra khó chịu. Có điều bà cụ thì vẫn cứ như trước, vẫn cứ ngồi khâu vá, vẫn sẵn sóc tôi, chiều chuộng tôi, tuy ít khi vui cười, nhưng cũng không quá mệt mỏi. Cho đến khi thầy tôi mất, bà cụ vẫn cứ như thế. Về sau, thì cơ hồ chúng tôi hoàn toàn sống nhờ vào đường kim mũi chỉ của bà cụ, mà bà cụ thì tất nhiên vẫn không đổi khác, cho đến khi tôi đi học.

Ngọn đèn mờ dần. Dầu đã cạn. Anh đứng dậy mò dưới giá sách ra một cái bình sắt tây nho nhỏ, rót thêm dầu.

- Chỉ trong mỗi tháng này thôi mà dầu hỏa đã tăng giá hai lần rồi đấy nhé! - Anh vừa xoay cái cổ đèn vào, vừa nói thông thả - Đời sống càng ngày càng khó khăn tệ!... Bà cụ vẫn cứ như thế. Cho đến khi tôi tốt nghiệp, có việc làm, đời sống trong nhà mới được thư thả hơn trước. Mà tôi e bà cụ vẫn cứ như thế cho đến khi lâm bệnh, thật tình không gắng gượng được nữa, mới phải nằm xuống... Theo tôi nghĩ thì trong tuổi già, bà cụ kể cũng không đến nỗi vất vả lắm, và sống được như thế kể cũng đã gọi là thọ rồi, tôi không cần phải khóc làm chi. Vả lại, đã có bao nhiêu người khóc rồi. Cả những người trước kia làm nhục bà cụ cũng khóc, ít ra ai cũng làm ra vẻ cảm cảnh. Ha... Ha... Nhưng không hiểu làm sao, lúc đó, cả cuộc đời bà cụ lại thu gọn và hiện ra trước mắt tôi, cuộc đời một

người chính mình làm cho mình cô độc, rồi ngồi ngẫm ngẫm cái cảnh cô độc của mình. Tôi cảm thấy những người như thế không phải là ít. Và những người đó làm cho tôi phải khóc lên. Nhưng phần lớn có lẽ vì tôi hồi đó hơi nhiều tình cảm quá!...

Ý kiến của anh đối với tôi bây giờ chính là ý kiến của tôi đối với bà cụ tôi ngày trước. Nhưng ý kiến của tôi hồi đó kỳ thực không đúng. Ngay tôi đây, từ khi bắt đầu hơi hiểu cuộc đời, thì quả tôi đã dần dần xa bà cụ.

Anh trầm ngâm, kẹp diếu thuốc ở ngón tay, cúi đầu, nghĩ ngợi. Ngọn đèn cũng khi tỏ khi mờ.

- Hừ! Muốn làm sao cho khi mình chết, không ai phải vì mình mà khóc, cũng không phải là việc dễ.

Anh lẩm bẩm như nói một mình. Ngừng lại một tí anh ta lại ngừng lên nhìn tôi, nói tiếp:

- Nghĩ lại thì anh cũng chẳng có cách nào giúp tôi cả. Tôi cần phải tìm gấp việc gì làm...

- Anh không có người bạn nào có thể nhờ cậy được ư?

Quả lúc đó tôi cũng đang lo cho thân tôi chưa xong.

- Kể ra thì có mấy người đấy, nhưng cảnh ngộ của họ cũng chẳng khác gì tôi cả.

Lúc tôi từ biệt anh Liên Thù ra cửa thì trăng đã lên giữa đỉnh đầu, tròn vành vạnh. Đêm về khuya rất tĩnh mịch.

Tình cảnh tôi dạy học ở Sơn Dương không lấy gì làm tốt đẹp lắm. Dạy hai tháng rồi mà vẫn không nhận được đồng lương nào trong tay, đến nỗi món thuốc lá mà cũng phải giảm đi. Có điều những người trong trường này, kể cả những anh viên chức nhỏ, lương bổng mười lăm mười sáu đồng thôi, nhưng mà ai cũng tỏ ra là những người lạc thiên tri mệnh cả. Họ đã chịu đựng quen nên đã thành xương đồng da sắt. Mặt có vàng ra, người có tóp đi, họ vẫn cứ làm việc từ sáng đến tối. Khi thấy người nào địa vị cao hơn họ một tí họ còn phải đứng dậy chào hết sức cung kính nữa. Quả họ là những người không cần "ăn no mặc đủ" rồi mới biết lẽ nghĩa. Mỗi khi tôi nhìn thấy cảnh đó, không hiểu sao tôi lại sực nhớ đến những lời anh Liên Thù nhờ cậy tôi, khi chia tay nhau. Đạo ấy, đời sống của anh khó khăn quá, sự túng quẫn thường lộ ra cả nét mặt. Nhìn anh tựa hồ không thấy cái vẻ trầm ngâm ngày trước nữa. Biết tôi sắp lên đường, đang đêm, anh đến thăm. Ngần ngừ hồi lâu, anh ta mới ấp úng:

- Không biết trên đó có cách gì không nhỉ? Sao chép mỗi tháng hai mươi ba đồng cũng được. Tôi...

Tôi rất lấy làm ngạc nhiên, không ngờ anh lại chịu làm những việc như thế. Trong khoảnh khắc tôi không nói ra lời.

- Tôi... Tôi còn phải sống ít lâu nữa.

- Để lên đó tôi xem xem... Thế nào cũng hết sức giúp anh.

Tôi cương quyết hứa với anh như vậy, và lời hứa đó vẫn thường văng vẳng bên tai, đồng thời hình ảnh của anh cũng hiện lên trước mắt. Tôi như thấy anh đang ấp úng nói câu: "Tôi còn phải sống ít lâu nữa". Những lúc đó, tôi liền tìm hết cách chạy chọt cho anh khắp nơi. Nhưng có được gì đâu! Việc ít, người nhiều. Kết quả là họ nói với tôi một vài câu xin lỗi, và tôi cũng lại gửi cho anh một bức thư xin lỗi. Tôi dạy gần hết một học kỳ, tình hình lại rắc rối. Tờ Học lý chu báo của mấy tay cự phách ở đây chủ trương bắt đầu công kích tôi. Tất nhiên là họ không chỉ đích danh, nhưng họ nói bóng gió rất khéo, làm cho ai đọc cũng cho là tôi đang gây phong trào trong học sinh phản đối nhà trường. Và việc tôi đề cử anh Liên Thù dạy ở đây, họ cũng nói là tôi cốt gây bè kéo cánh.

Tôi đành phải ngồi yên không dám làm gì cả. Ngoài giờ lên lớp ra là ở nhà đóng cửa lại, trốn tránh. Đến cả khói thuốc lá lọt qua khe cửa sổ mà có khi cũng sợ tình nghi là gây phong trào phản đối nhà trường! Việc của anh Liên Thù lại càng không thể đả động tới. Như thế cho đến giữa mùa đông.

Hôm ấy, tuyết xuống, mãi đến khuya vẫn chưa tạnh. Bên ngoài vắng lặng quá, vắng lặng đến nỗi như có thể nghe được thanh âm của sự vắng lặng. Dưới ánh đèn heo hắt, tôi nhắm mắt ngồi khàn, tưởng tượng thấy hoa tuyết rơi từng đóa từng đóa xuống lớp tuyết đã phủ dày mênh mông trên mặt đất, tưởng tượng thấy quê hương tôi đang chuẩn bị ăn Tết, ai nấy bận tíu tít, còn tôi thì vẫn còn là một đứa bé đang cùng với bọn trẻ con lấy tuyết đắp tượng La Hán ở chỗ đất bằng trong mảnh vườn sau nhà, rồi lấy hai cục than nhỏ điểm vào làm mắt cho ông La Hán, đen láy. Bỗng hai con mắt đó nhấp nháy, biến thành hai con mắt của anh Liên Thù.

"Tôi cần phải sống thêm ít nữa".

Vẫn là cái giọng đạo nọ.

- Tại sao vậy?

Tự dừng, tôi hỏi như thế, và liền cảm thấy buồn cười. Câu hỏi buồn cười đó làm cho tôi chợt tỉnh. Tôi ngồi ngay ngắn lại, châm một điếu thuốc, ẩy cánh cửa sổ nhìn: quả tuyết xuống ngày càng nhiều. Nghe có tiếng gõ cửa. Một lát sau, nghe có người đi vào, nhưng là bước chân đã

quen của người làm vật trong khách sạn. Anh ta đẩy cửa, đưa cho tôi một phong thư dài hơn sáu tấc,⁹⁴ chữ viết nguệch ngoạc, nhưng liếc qua cũng nhận ra được hai chữ "Ngụy gửi". Thư của anh Liên Thù!

Đây là bức thư đầu tiên anh gửi cho tôi từ ngày tôi xa thành S. Vốn biết tính anh lười, nên mấy lâu không nhận được thư của anh, tôi cũng không lấy làm lạ. Tuy nhiên lần lúc cũng giận anh không cho mình biết một tin tức gì về anh cả. Đến khi nhận được thư này, thì bỗng dưng tôi lại lấy làm lạ, vội vàng mở ra xem. Chữ trong thư cũng nguệch ngoạc như thế. Thư viết như sau:

Gửi anh Thân Phi...

Biết xưng hô với anh như thế nào đây cho phải? Thôi thì để trắng vậy. Rồi anh muốn tôi xưng hô với anh như thế nào thì anh cứ việc điền vào. Thế nào cũng được.

Sau buổi chia tay, tôi nhận được của anh ba bức thư tất cả, nhưng tôi không trả lời. Lý do rất đơn giản: cả đến tiền mua tem gửi thư, tôi cũng không có.

Cỡ lẽ anh cũng muốn biết một ít tin tức về tôi nhỉ? Nói ngay để anh rõ: tôi thất bại rồi! Trước kia, tôi cứ tưởng mình như thế là đã thất bại, bây giờ mới rõ là chưa phải, mà chính ngày nay tôi mới thất bại thật sự. Trước kia, còn có người muốn cho tôi sống thêm ít lâu nữa, và tôi cũng muốn như thế, nhưng không sống nổi. Đến bây giờ, thì không cần thiết phải sống nữa, song vẫn cứ phải sống.

Nhưng cứ như thế mà sống ư?

Cái người muốn tôi sống thêm ít nữa, mà rồi tôi không sống nổi đó, cái người ấy đã bị kẻ thù lừa giết mất rồi. Ai giết? Chẳng biết ai cả.

Đời người thay đổi chóng quá mất thôi! Nửa năm nay, tôi chẳng khác gì người ăn xin, mà thực tế thì cũng có thể nói được là đã ngửa tay ăn xin rồi. Tuy nhiên, tôi thấy mình còn có nhiều việc phải làm, vì thế, tôi vui lòng ăn xin, chịu đói chịu rét, chịu hiu quạnh, chịu đắng cay. Cốt sao đừng chết mất thôi. Anh tính, đời còn có người muốn cho mình sống thêm ít lâu nữa, điều đó có một sức mạnh lớn lao dường nào! Nhưng giờ đây thì không còn có sức mạnh đó nữa, con người đó cũng không còn nữa. Và chính tôi cũng cảm thấy mình không đáng sống nữa. Cả những người khác cũng thế. Nhưng đồng thời, tôi lại cảm thấy rằng, chính vì những người không muốn cho tôi sống, mà tôi lại phải sống. Có điều hay cho tôi là cái người muốn cho tôi sống nay không còn nữa, cho nên tôi không sợ ai vì tôi mà đau lòng. Làm cho một người như thế đau

lòng, điều đó thật tôi không muốn chút nào cả. Nhưng bây giờ thì không còn nữa rồi, cả đến người ấy cũng không còn nữa rồi. Khoan khoan lắm! Thoải mái lắm! Tất cả những cái gì xưa kia tôi thù ghét, phản đối, bây giờ tôi làm hết. Tất cả những cái gì xưa kia tôi sùng bái, chủ trương, bây giờ tôi bỏ hết. Tôi đã thất bại thực sự rồi!... Nhưng mà tôi đã thắng lợi.

Anh cho tôi là điên ư! Cho tôi đã thành anh hùng hoặc vĩ nhân ư? Không. Không đâu. Chỉ giản đơn như thế này thôi: ít lâu nay tôi đã làm cố vấn cho sư trưởng họ Đỗ, lương tháng tám chục đồng.

Anh Thân Phi...

Anh cho tôi là hạng người như thế nào, cái đó tùy anh. Muốn cho là gì cũng được.

Chắc anh còn nhớ cái phòng khách của tôi ngày trước chứ? Cái phòng chúng mình gặp nhau lần đầu và từ biệt nhau lần cuối ấy mà! Bây giờ tôi vẫn dùng phòng ấy làm phòng khách. Ở đây, có những ông khách mới, có những lễ lạt mới, những lời tâng bốc mới, những sự chạy chọt mới, những cái cúi đầu khom lưng mới, những cuộc chơi bài, đánh đố mới, những cái nhìn lạnh lùng, hằn học mới, những đêm thức trắng mới và những lúc thổ huyết mới.

Trong bức thư trước, anh có nói rằng việc anh dạy học không được như ý. Thế có muốn làm cố vấn không nào? Cứ bảo tôi, tôi xoay cho. Thực ra, làm một anh gác cửa cũng không hề gì. Cũng có những ông khách và những món lễ lạt mới, những lời ton hót mới...

Ở đây, tuyết xuống nhiều rồi. Trên ấy như thế nào? Bây giờ đã khuya, tôi vừa học ra hai cốc máu, thấy người tỉnh hẳn ra, sức nhớ từ sang thu đến nay, anh đã lần lượt gửi cho tôi ba bức thư... Thật là một điều kinh ngạc hết sức. Cho nên tôi nghĩ phải cho anh biết một ít tin tức về tôi mới được. Mong anh không đến nỗi bực mình, chán ngán.

Sau này, có lẽ tôi không thư từ gì cho anh nữa đâu. Cái tính tôi, anh còn lạ gì. Bao giờ thì anh trở về đây? Nếu về sớm, chắc có thể gặp nhau đấy! Nhưng tôi nghĩ chúng ta đã không còn đi cùng một con đường nữa rồi, thế thì mong anh quên tôi đi là hơn. Tôi thành thực cảm ơn anh trước kia thường lo lắng cho đời sống của tôi. Nhưng bây giờ thì anh quên tôi đi. Tôi nay đã "tươi" lắm rồi!

Liên Thù

Ngày 14 tháng 12...

Mặc dù bức thư này không làm cho tôi "bực mình chán ngán", nhưng sau khi xem qua một lần, rồi xem kỹ một lần nữa, tôi cũng cảm

thấy hơi khó chịu, đồng thời cũng cảm thấy hơi khoái chí. Tôi lại nghĩ bụng, bây giờ sinh kế không còn là vấn đề đối với anh nữa, tôi cũng có thể trút hết được một gánh nặng, mặc dù về mặt này, thủy chung tôi chưa hề giúp được gì cho anh. Bỗng tôi lại nghĩ đến chuyện viết thư trả lời anh, nhưng viết thì biết nói gì bây giờ, nên lại thôi không muốn viết nữa.

Và dần dần thực tình tôi đã quên anh. Hình ảnh của anh không mấy khi hiện lên trong ký ức tôi nữa. Nhưng nhận được thư của anh chưa được mười ngày thì tòa soạn Học lý tuần báo ở thành S. bỗng lại tiếp tục gửi bài báo của họ đến cho tôi. Tôi thường ít đọc những của ấy, nhưng đã gửi tới thì cũng tiện lật xem. Không ngờ, tờ báo đó lại làm cho tôi nhớ đến anh Liên Thù bởi vì ở đấy thường thường có đăng những bài thơ văn liên quan đến anh, như bài Đến chơi nhà Liên Thù tiên sinh một đêm tuyết xuống hoặc bài Một buổi gặp mặt của các nhà thơ ở thư trai quán Cổ vấn Liên Thù.

Có một lần ở mục Nhân đàm, có đăng một bài dài kể lại những mẩu chuyện trước kia người ta truyền cho nhau để chế giễu anh, những mẩu chuyện đó gọi là "dật văn" nghĩa là những mẩu giai thoại. Tuy ý tại ngôn ngoại, nhưng đọc lên, người ta cũng hiểu tác giả muốn nói rằng: "Phàm những con người phi thường tất có thể làm được những việc phi thường".

Không hiểu sao, tuy những bài báo đó có làm tôi nhớ đến anh, nhưng trong ký ức tôi thì hình ảnh anh lại cứ không rõ gì cả, có điều tựa hồ như lại càng thân mật hơn. Điều đó làm cho tôi bỗng dưng thường thấy khó chịu và hơi rùng mình, mà không biết duyên cớ vì đâu. May sao, đến mùa thu thì không thấy tờ Học lý tuần báo gửi đến nữa. Nhưng tờ Học lý tuần báo ở Sơn Dương lại đăng liên tiếp một bài nghị luận khá dài đề là: "Lời đồn đại cũng là sự thực". Trong đó có nói rằng: những lời đồn đại về mấy ông nọ đã được truyền đến tai những vị thân sĩ đứng đắn rồi! Bài báo ám chỉ một số người trong đó có tôi. Tôi đành phải hết sức cẩn thận, và cứ như trước, cả đến khói thuốc lá cũng phải giữ gìn không dám cho bay ra ngoài. Giữ gìn cẩn thận như thế thật đến khổ và mất thì giờ, thành ra trăm việc đều bỏ phế, và tất nhiên không có thì giờ rồi để nhớ đến anh Liên Thù. Tóm lại, kỳ thực tôi đã quên hẳn anh rồi.

Nhưng rốt cục tôi cũng không nấn ná đến nghỉ hè được. Cuối tháng năm tôi đã rời khỏi Sơn Dương.

Từ Sơn Dương dời đến Lịch Thành, rồi lại từ Lịch Thành dời đến Thái Cốc, dời đi dời lại, mất gần nửa năm mà vẫn không tìm ra việc làm, tôi liền nhất định trở về thành S. Về đến nơi vào một buổi chiều đầu xuân, trời muốn mưa và không mưa được. Một màu xám bao trùm lấy cảnh vật. Chỗ trọ cũ còn có phòng để không, tôi lại đến ở đó. Trên đường về sức nhớ đến anh Liên Thù, nên tới nơi tôi liền định cơm chiều xong là đi thăm anh. Tôi mang theo hai gói bánh nướng Văn Hỉ, ngon có tiếng. Phải đi qua bao nhiêu chặng đường ướt át, và phải tránh bao nhiêu con chó nằm kènh ra giữa lối đi, mới tới được trước cửa nhà anh. Trong nhà đèn đuốc có vẻ khác thường. Tôi nghĩ bụng: Đã là cố vấn thì đến chỗ ở cũng phải cho thật sáng sủa chứ, rồi bất giác cười thầm. Nhưng khi ngẩng đầu lên nhìn thì thấy trong cánh cổng có cái gì trắng trắng. Rõ ràng là một tờ giấy dán chéo.⁹⁵ Tôi lại nghĩ: Chắc là bà nội mấy thằng Lương lớn, Lương bé chết chứ gì! Và tôi bước qua cổng đi thẳng vào phía trong.

Một chiếc quan tài đặt giữa sân, dưới ánh sáng một ngọn đèn lù mù. Một người lính mặc quân phục đứng canh. Có lẽ là anh lính hầu cận. Và có một người nào đang nói chuyện với y. Nhìn ra thì lại là bà nội thằng Lương. Ngoài ra, có mấy người phu mặc áo cộc đứng ở đó chẳng làm gì cả. Tim tôi bỗng đập mạnh. Bà cụ quay lại nhìn thẳng vào mặt tôi, bỗng nói to:

- Trời ơi! Ông về rồi đấy à? Sao không về sớm lấy ít ngày trước?

- Ai... ai mất đấy ạ?

Thật ra tôi cũng đã đại khái đoán ra rồi, nhưng vẫn cứ hỏi:

- Cụ lớn Thụy. Ngài mất từ hôm qua.

Tôi nhìn xung quanh. Phòng khách tối om. Hình như chỉ có một ngọn đèn. Ở nhà giữa lại treo một bức màn tang trắng. Có mấy đứa trẻ xúm nhau ở nhà ngoài. Đó là bọn thằng Lương lớn, Lương bé.

Bà nội thằng Lương đi lên trước, đưa tay chỉ cho tôi, nói:

- Ngài nằm ở đây này. Sau khi ngài ăn mừng xong, tôi để cả gian giữa nhà cho ngài thuê. Bây giờ ngài nằm ở đấy.

Bức màn tang trơ trụi, không treo gì cả. Phía trước có một cái bàn dài, và một chiếc bàn vuông, trên chiếc bàn vuông bày mười đĩa thức ăn và cơm. Tôi vừa bước vào, bỗng có hai người mặc áo tang ra cản lại, mắt như mắt cá chết trôi, trợn lên lộ vẻ kinh ngạc và ngờ vực, nhìn chòng chọc vào tôi. Tôi vội vàng nói rõ mối quan hệ giữa tôi và anh Liên Thù. Bà nội thằng Lương cũng đứng ra làm chứng cho. Bây giờ họ mới dẫn

buông tay ra và không nhìn tôi như trước nữa, mặc nhiên để tôi đi đến nghiêng mình trước linh sàng.

Tôi vừa nghiêng mình một cái, bỗng có người nào ngồi dưới đất khóc hu hu... Định thần lại thì thấy một đứa bé hơn mười tuổi, phủ phục trên chiếc nệm rơm, cũng mặc áo tang, đầu cạo nhẵn thín, đội chiếc mũ bện bằng gai to tướng.

Trò chuyện với hai người nọ, mới biết một người là anh em họ với Liên Thù, kể là người bà con gần nhất với anh. Người kia là cháu họ xa. Tôi xin được vào nhìn mặt người bạn cũ lần chót. Họ hết sức ngăn cản nói là "không dám". Sau nói mãi, họ mới nghe và chịu vén bức màn tang lên cho nhìn.

Lần này là tôi gặp anh Liên Thù khi anh đã chết rồi. Nhưng sao lạ! Tuy anh mặc bộ quần áo lót ngắn và nhàu nát, trên thân áo còn có vết máu, mặt hốc hác đến thảm hại, nhưng diện mạo thì vẫn như trước kia, miệng mím chặt, mắt nhắm lại, vẻ yên tĩnh, như đang ngủ, khiến cho tôi có ý muốn đặt tay trước mũi anh xem có phải anh vẫn đang thở thật đấy không?

Ai nấy đều im lặng như chết, cả người chết lẫn người sống. Tôi lùi ra. Người anh em họ của anh đến nói chuyện: nào là "chú nó" đang giữa lúc trẻ trung, đường công danh còn rộng rãi, thế mà bỗng "hoá ra người thiên cổ". Đó không những là điều bất hạnh cho "họ hàng" mà cũng làm cho "bầu bạn đau lòng". Ông ta không nói ra, nhưng có ý như xin lỗi họ anh Liên Thù. Người miền núi biết ăn nói thế cũng hiếm. Nhưng sau đó thì không khí lại trầm mặc. Ai nấy đều im lặng như chết, cả người chết lẫn người sống.

Tôi thấy chán ngắt, chẳng thương xót gì cả, nên lùi ra sân nói chuyện với bà nội thẳng Lương. Nhân đó mới biết là sắp đến giờ nhập liệm, chỉ còn chờ bộ quần áo mới đang đi may cho người chết về nữa thôi. Lại biết khi nào đây nắp quan tài thì bốn tuổi "tí, ngo, mào, dậu" nhất thiết phải tránh cho xa. Bà cụ nói nghe có vẻ thích thú lắm, thao thao bất tuyệt, như nước suối chảy. Bà cụ kể lại bệnh tình anh Liên Thù, nói đến tình cảnh anh lúc còn sống, và cũng xen vào một vài câu bình phẩm.

- Để tôi nói cho ông nghe. Ông lớn Ngụy từ khi gặp vận hội, thì khác trước lắm, mặt lúc nào cũng vênh lên, trông nghênh ngang lắm. Đối với mọi người cũng không phải quá lạnh lùng như trước. Ông biết đấy, ngày trước, cứ như là người câm, một ngày không được một tiếng. Với lại,

trước đây gọi tôi bằng "cụ" là gì, thế mà sau này gọi là "già". Hi! Hi! Thật hay đáo để! Người ta đưa biếu món truyệt Tiên Cự,⁹⁶ không ăn, lại đem quăng ra sân- Ở chỗ này đây- gọi tôi bảo: "Già này! Già có ăn thì ăn". Sau khi ông ta gặp vận hội, kẻ lui người tới đông lắm, tôi phải nhường cái gian nhà giữa cho mà ở, còn tôi thì dọn vào cái gian xép này. Từ khi gặp vận hội thì ông ta khác hẳn người thường, chúng tôi thường nói đùa với nhau như thế. Giá ông về đây chừng một tháng trước thì ông còn thể thấy được cảnh tấp nập ở đây. Cứ mỗi tuần là hai ba lần tiệc tùng, rồi thì nói nói, cười cười, hát xướng, ngâm thơ, đánh mạt chược.

Ngày trước, ông ta sợ trẻ con hơn là sợ bố nữa, lúc nào cũng nhỏ nhẹ, dịu dàng với chúng nó. Gần đây, thì khác hẳn, hay nói, hay đùa. Bọn thằng Lương thích đùa với ông ta lắm, hễ hở tay ra là lại chạy vào phòng ông ta. Ông ta nghĩ ra lắm cách đùa với chúng nó. Chúng nó vò mua cái gì, thì ông ta bắt chúng nó giả làm chó sủa, hoặc cúi đầu lạy sát đất, mới mua cho. Ha! Ha! Thật là vui đáo để. Hai tháng trước, thằng Lương con vò ông ta mua giày, nó phải cúi đầu lạy ba cái đấy! Hiện giờ giày còn đi đấy chưa rách.

Một người mặc áo trắng dài đi ra. Bà cụ ngừng lại. Tôi dò hỏi về chứng bệnh anh Liên Thù, nhưng bà cụ không nói rõ lắm, chỉ nói rằng người anh sút đi từ lâu, có điều không ai để ý, bởi vì thấy anh vẫn vui vẻ lắm. Cho đến cách đây hơn một tháng, mới nghe anh nói thổ huyết mấy lần, nhưng hình như cũng chẳng đi xem thầy xin thuốc gì cả. Sau thì nằm liệt xuống. Ba hôm trước khi chết, cổ khàn hẳn đi, không nói ra tiếng nữa. Ông Mười Ba, bà con với anh, tận Hàn Thạch Sơn mò lên, hỏi anh có tiền bạc dành dụm gì không. Anh không nói gì cả. Ông Mười Ba nghi là anh giả vờ. Cũng có người nói rằng, kẻ chết vì lao cũng không nói ra tiếng. Chẳng biết thế nào...

Bỗng bà cụ nói khẽ lại:

- Nhưng mà tính khí ông lớn Ngụy cũng lạ lùng lắm cơ. Ông ta chẳng chịu dành dụm chút gì cả, tiền cứ tiêu như nước. Ông Mười Ba ngờ là chúng tôi được nhờ cậy nhiều. Nhưng nhờ cậy cái gì? Ông ta cứ tiêu tầm bậy tầm bạ hết sạch. Ví dụ, mới mua hôm nay, ngày mai đã lại bán đi, hay là phá cho hỏng. Chẳng hiểu ra làm sao cả. Đến khi chết thì lại chẳng có cái gì nữa, hết sạch. Nếu không thì hôm nay đâu đến nỗi lạnh tanh đi như thế này!

Ông ta chỉ chơi bời phá phách, chẳng lo gì đến chuyện đứng đắn cả. Tôi đã nghĩ đến điều đó và khuyên nhủ ông ta. Tuổi tác như thế phải có

vợ có con. Cứ như địa vị ông ta hỏi ai chẳng được! Giá chưa gặp nơi môn đăng hộ đối, thì hẵng cưới vài ba cô hầu đã, cũng được. Đã làm người thì phải cho ra người chứ! Nhưng ông ta cứ nghe tôi nói là lại cười và nói: "Già này? Sao già lại cứ lo những chuyện như thế cho người khác?". Ông xem, ít lâu nay, ông ta trở thành phù phiếm như thế, chẳng thực tế chút nào cả. Người ta nói điều phải lại không chịu nghe. Giá mà nghe tôi thì đâu đến nỗi bây giờ nằm xuống, một thân một mình tro trọi như vậy. Ít ra thì cũng được nghe tiếng khóc của vài người thân.

Một người ở hiệu may đưa quần áo về. Ba người bà con liền lấy bộ đồ lót, rồi đi vào sau màn. Một lát, màn vén lên, thì đồ lót đã thay rồi. Bây giờ đến lượt mặc áo ngoài. Tôi thật không ngờ tới. Người ta mặc cho anh cái quần màu vàng đất, có nẹp đỏ rộng, rồi mặc chiếc áo nhà binh vào có cầu vai kim tuyến chói sáng. Không rõ anh phẩm tước gì, và phẩm tước ấy ai cho. Khi nhập quan, thấy anh nằm không được thoải mái lắm, cạnh chân để một đôi giày da màu vàng, cạnh người để một cái gương bằng giấy, và cạnh cái mặt đen xạm khô dẹt, để một mũ lưỡi trai viền kim tuyến.

Ba người bà con anh vịn vào thành quan tài khóc một hồi, rồi ngừng khóc, lau nước mắt. Đứa bé đội mũ gai lùi ra, thằng Lương ba cũng chạy trốn mất, có lẽ bọn chúng nó cũng thuộc vào một trong bốn tuối tí, ngo, mảo, đậu, chẳng.

Mấy người phu khiêng nắp quan tài vào. Tôi lại gần, nhìn vào mặt anh lần cuối cùng trước khi vĩnh biệt. Trong bộ quần áo cứng nhắc đó, anh nằm yên tĩnh, mắt nhắm, miệng mím, mĩa mai cái xác chết đáng buồn cười đó.

Tiếng đóng nắp quan tài vang lên, thì tiếng khóc cũng òa lên theo. Tôi không tài nào mà ngồi nghe họ khóc được; đành phải đi ra sân, rồi thuận chân bước. Không ngờ đã ra đến cổng. Đường ướt át, trơn rõ lắm. Ngừng lên nhìn trời, mây đen đã tan hết. Một vầng trăng tròn treo lơ lửng toả xuống một làn ánh sáng lạnh lẽo.

Rồi bước rất gấp, như muốn thoát ra khỏi một cái gì nặng nề đang đè tôi xuống, nhưng không thể nào thoát ra được. Tai tôi như văng vẳng nghe một thanh âm ầm ục, mãi rất lâu, mới bật ra thành một tiếng rống to, kéo dài như một con chó sói bị thương rống lên giữa cánh đồng vắng đêm khuya, vừa thảm thiết, vừa phẫn nộ, vừa bi ai.

Bỗng thấy lòng nhẹ nhõm, tôi thản nhiên bước đi trên con đường đá ướt át, dưới ánh trăng.

Ngày 17 tháng 10 năm 1925

TIẾC THƯƠNG NHỮNG NGÀY ĐÃ MẤT

Bút ký của Quyên Sinh

Nếu như có thể được thì tôi sẽ vì hương hồn Tử Quân và vì chính mình ghi lại đây lòng hối hận, nỗi đau thương của mình.

Gian phòng đổ nát, hẻo lánh như bị bỏ quên trong cái hội quán này sao mà buồn bã, trống trải thế! Thời gian đi nhanh quá! Từ ngày tôi yêu Tử Quân, và nhờ nàng mà thoát ra khỏi nơi buồn bã, trống trải đó, tính đến nay, đã tròn một năm rồi. Thật là không may chút nào cả! Khi tôi trở về đây, lại chỉ có gian phòng này là còn bỏ trống, chưa có ai ở. Vẫn cái cửa sổ hư hỏng ấy. Vẫn cây hòe gần chết khô và cây tử đằng già cỗi ngoài cửa sổ. Rồi chiếc bàn vuông đặt trước cửa sổ, bức tường nát, tấm phản kê sát tường cũng vẫn y nguyên như trước. Đêm khuya, một mình nằm trơ trên tấm phản, tôi có cảm giác giống y như hồi tôi chưa ở chung với nàng. Thời gian một năm qua hoàn toàn như mất hẳn, như hoàn toàn không có. Tôi cũng chưa hề dọn ra khỏi cái gian phòng đổ nát này để xây dựng một cảnh gia đình nho nhỏ, chứa chan hi vọng, ở ngõ Cát Triệu bao giờ cả!

Chẳng những thế mà thôi. Một năm về trước, cảnh vắng vẻ, trống trải ấy cũng đâu có thế này, bởi vì hồi đó còn có sự mong chờ, mong chờ nàng đến. Ngồi mong chờ mãi, sốt ruột, cứ nghe tiếng giày cao gót nhẹ nhàng đi trên con đường lát gạch là tôi lại bỗng vui hẳn lên. Rồi thì được nhìn khuôn mặt tròn trĩnh, nước da hơi xanh, với hai má lúm đồng tiền của nàng, được nhìn thấy đôi tay trắng và gầy, chiếc áo vải sọc, chiếc quần màu huyền của nàng. Nàng còn hái một ít lá non ở cây hòe gần chết khô trước cửa sổ đem vào cho tôi xem. Và cả những chùm hoa nửa trắng nửa tím của cây tử đằng lủng lẳng trên cái cành trông như bằng sắt nữa.

Thế mà bây giờ, chỉ có cái cảnh vắng vẻ, trống trải là y nguyên như trước, còn Tử Quân thì không đến nữa, vĩnh viễn không bao giờ đến nữa!...

Khi Tử Quân không ở trong gian phòng đổ nát này, thì xung quanh tôi, tôi không thấy gì nữa hết. Ngồi buồn, tôi tiện tay quờ lấy một cuốn

sách, sách khoa học hay là sách văn học, sách nào thì cũng thế thôi, như nhau cả, rồi cứ đọc bừa. Bỗng nhận thấy mình đã lật qua hơn mười trang giấy rồi, mà nào có nhớ trong sách họ nói cái gì đâu! Chỉ có lỗi tai thì thích lắm, như nghe được mọi tiếng giày qua lại trước cổng, trong đó có tiếng giày của nàng, và tiếng giày nghe lóc cóc càng gần dần... nhưng thường thường thì lại dần dần xa vắng rồi mất hút đi trong những bước chân dồn dập. Tôi rất ghét cái thằng con lão gác cổng: nó đi đôi giày vải, nghe chẳng giống tiếng giày của Tử Quân chút nào cả. Tôi cũng rất ghét cái anh chàng mặt trát kem bừa, ở gian phòng bên cạnh, hẳn thường đi đôi giày da mới đóng, nghe y như là tiếng giày của Tử Quân ấy!

Nàng ngã xe rồi chẳng? Hay là ô tô cán bị thương rồi chẳng?...

Tôi muốn cầm mũ đi tìm nàng nhưng người chú ruột của nàng đã có lần mắng vào mặt tôi.

Bỗng tiếng giày của nàng đến gần, càng lâu càng rõ. Chạy ra đón thì nàng đã đi đến giàn tử đằng rồi, tùm tùm cười, để lộ hai lúm đồng tiền trên má. Như thế chắc là ở nhà, nàng không bị ông chú rầy la rồi. Tôi yên tâm. Chúng tôi ngồi lẳng lặng nhìn nhau một lúc, rồi tiếng nói của tôi vang lên trong căn phòng đồ nát này. Tôi nói về cảnh gia đình chuyên chế, nói về việc phá bỏ tục lệ cũ, nói về nam nữ bình đẳng, nói về Ipxen, Tago, Seli⁹⁷ ... Nàng chỉ mỉm cười, gật đầu, đôi mắt tò mò sáng lên một cách hết sức ngây thơ. Trên tường, tôi có treo một bức ảnh bán thân của Seli khắc đồng, cắt trong một tờ tạp chí. Đó là bức ảnh đẹp nhất của ông ta. Tôi chỉ cho nàng xem, nhưng nàng chỉ nhìn qua, rồi cúi đầu xuống, hình như có ý ngượng, về những phương diện này, có lẽ nàng còn chưa thoát khỏi ràng buộc của tư tưởng cũ. Về sau, tôi nghĩ có lẽ nên lấy bức ảnh kỉ niệm của Seli chụp khi ông ta chết đuối ngoài biển hoặc là bức ảnh của Ipxen thay vào. Nhưng rồi tôi cũng không thay. Bây giờ thì đến cái bức ảnh kia đã biến đi đâu rồi, cũng chẳng biết nữa!

"Người em là của em, không ai có quyền can thiệp vào đời em cả".

Đó là câu nói của nàng với tôi, khi chúng tôi đã gần gũi nhau nửa năm. Hôm ấy chúng tôi nói chuyện đến người chú ruột của nàng ở đây và ông thân sinh nàng ở quê nhà. Nàng ngồi im lặng suy nghĩ một lát, rồi nói như thế, hết sức rành rọt, kiên quyết, trầm tĩnh. Lúc đó tôi đã bày tỏ hết ý nghĩ của tôi, và nói rõ cho nàng hiểu thân thế, khuyết điểm của tôi, không giấu diếm điều gì. Và nàng cũng biết như thế. Câu nói trên làm cho tâm hồn tôi rung động, bao nhiêu ngày sau còn vang dội trong tai tôi. Tôi vui mừng không sao kể xiết, thấy phụ nữ Trung Quốc đâu

phải là "nan hóa"⁹⁸ như những ông chán đời thường nói. Trong một tương lai không xa nữa, ánh ban mai sẽ rực rỡ lên cho mà xem!

Tôi tiễn nàng ra tới cổng. Theo thường lệ, chúng tôi đi cách nhau mười bước. Và theo thường lệ, cái lão râu cá trê lại dán mặt vào tấm kính cửa sổ bắn thiu, đến nỗi cái mũi bẹp dí xuống. Đến sân, theo thường lệ, lại thấy anh chàng mặt bự kem, đứng sau cửa sổ kính sáng loáng. Mắt nhìn thẳng phía trước, nàng đi một cách kiêu hãnh, nên không thấy. Và tôi cũng đi một cách kiêu hãnh trở vào.

"Người em là của em, không ai có quyền can thiệp vào đời em cả". Trong óc nàng, niềm tin tưởng triệt để đó kể còn dứt khoát, mạnh mẽ hơn tôi nhiều. Cái mũi bẹp dí kia và nửa lọ lem kia, đối với nàng, có nhiều lý gì?

Bây giờ tôi không nhớ rõ lúc đó tôi đã thổ lộ với nàng mối tình yêu trong trắng, nồng nàn của tôi như thế nào. Mà không những bây giờ, ngay sau lúc đó, tôi cũng không còn nhớ được ra sao nữa. Đêm nằm mừng tượng lại cũng chỉ mừng tượng được một đôi điều vụn vặt mà thôi. Và sau khi ở chung với nhau một vài tháng rồi thì cả những điều vụn vặt đó cũng trở thành mộng ảnh, hết sức mơ hồ, không tài nào hình dung được. Chỉ còn nhớ rằng mười hôm trước đó, tôi đã nghiên cứu thái độ của mình, khi tỏ tình với nàng, sắp đặt sẵn, nên nói cái gì trước, cái gì sau, và cũng nghĩ đến cách xử trí như thế nào giá như nàng cự tuyệt. Nhưng đến lúc đó thì trở thành vô dụng hết. Và trong lúc hoảng hốt, không tự chủ được, tôi đã bắt chước cái trò thường thấy trên màn ảnh. Về sau, mỗi lần nghĩ đến, tôi rất lấy làm xấu hổ. Có điều, trong ký ức tôi thì lại chỉ còn lại cái cảnh đó là không phai mờ. Và đến nay, nó vẫn như ngọn đèn duy nhất trong một gian phòng tối mịt, và dưới ánh sáng ngọn đèn đó, tôi mới lại nhìn thấy tôi, mắt đắm lệ, cầm lấy tay nàng, quỳ xuống....

Không những tôi không rõ chính tôi đã làm gì, mà đến Tử Quân cử chỉ nói năng ra làm sao, tôi cũng không biết nữa. Chỉ biết là nàng đã đồng ý. Nhưng tôi vẫn phảng phất nhớ là mặt nàng tái đi, sau đó lại dần dần đỏ ửng lên. Trước kia tôi chưa từng thấy mặt nàng đỏ ửng lên như thế bao giờ, và sau này cũng không hề thấy lại một lần nào như thế nữa.

Đôi mắt nàng ngây thơ như mắt con trẻ, ánh lên một niềm vui mừng lẫn lộn buồn thương, trong đó lại có sự ngạc nhiên, sự nghi hoặc nữa, Tuy vậy, nàng cố tránh tầm mắt tôi; và hoảng hốt, nàng như muốn bay ra ngoài, qua khung cửa sổ hư nát. Nhưng tôi biết nàng đã nhận lời tôi

rồi, mặc dù tôi không nhớ nàng đã nói như thế nào hay là chẳng nói gì hết.

Còn nàng thì nàng nhớ rõ cả. Những lời tôi nói với nàng, nàng như thuộc lòng, có thể nhắc lại được một cách trơn tru. Và những cử chỉ của tôi thì như đã được in vào một cuốn phim ảnh để trước mắt nàng mà tôi không nhìn thấy được, ghi lại rành rọt, tỉ mỉ tất cả, và tất nhiên cũng ghi lại cả cái trò khá bỉ ổi bắt chước màn ảnh, mà tôi không muốn nhớ lại tí nào. Những khi đêm khuya thanh vắng, mặt nhìn mặt, ôn lại chuyện cũ, tôi thường bị nàng chất vấn, khảo sát, bắt nhắc lại những lời tôi đã nói lúc bấy giờ, nhưng luôn luôn phải nhờ nàng bổ sung, đính chính cho, y như là một anh học sinh hạng bét.

Về sau, dần dần cũng thừa đi, không mấy khi như thế nữa. Có điều mỗi lần thấy nàng ngồi mất dăm dăm nhìn vào quăng không, vẻ trầm tư, nét mặt dịu hiền, má lúm đồng tiền càng lúm xuống, là biết ngay nàng đang ôn lại chuyện cũ. Tôi chỉ sợ nhất là nàng thấy lại cái trò buồn cười mà tôi đã bắt chước được trên màn ảnh. Tôi biết, thế nào nàng cũng thấy lại, và không thấy lại không được.

Có điều nàng thì nàng không cho là buồn cười đâu! Dù tôi có cho là buồn cười, thậm chí cho là bỉ ổi đi nữa, nhất định nàng cũng không cho là buồn cười chút nào. Điều đó tôi biết rất rõ, bởi vì nàng yêu tôi, yêu tha thiết như thế, trong trắng như thế.

Cuối mùa xuân năm ngoái là quãng đời hạnh phúc nhất mà cũng là bận rộn nhất của tôi. Lòng tôi thì đã yên tĩnh lắm rồi, nhưng những phần khác trong người tôi cùng với cả thân thể tôi lại tíu tít lên. Lúc đó, chúng tôi mới dắt nhau đi chơi ngoài phố, cũng có mấy lần dạo vườn hoa, nhưng nhiều nhất là dắt nhau đi tìm nhà. Dọc đường, thỉnh thoảng tôi lại cảm thấy có những con mắt nhìn chúng tôi tò mò, chế nhạo, đều cáng, khinh bỉ, nếu không giữ gìn cẩn thận, thì cả con người tôi co rúm lại. Tôi đành phải dùng đến cái tính kiêu ngạo, cái tinh thần phản kháng của tôi mà chống chọi lại. Nhưng nàng thì bất chấp tất cả, không thêm bận lòng vì những điều ấy, cứ khoan thai, bình tĩnh bước đi, thản nhiên như đi giữa chốn không người.

Tìm cho ra được một cái nhà để thuê không phải là chuyện dễ. Phần nhiều người ta từ chối bằng cách này cách khác, chỉ một vài nơi chúng tôi không thuê là vì không vừa ý. Lúc đầu thì chúng tôi còn hơi khó tính, mà có lẽ cũng không phải khó tính, bởi vì nhìn qua cũng thấy không phải là chỗ chúng tôi có thể yên thân được. Về sau thì miễn người ta

bằng lòng cho thuê là tốt rồi. Đi xem hơn hai mươi chỗ, mới tìm được một chỗ tạm tạm có thể ở được, tức là hai gian phòng hướng nam của một ngôi nhà nhỏ, ngõ Cát Triệu. Chủ nhà là một ông công chức nhỏ, nhưng cũng là người biết điều, ông ta ở gian giữa và cái phòng xép. Ông ta có vợ và một đứa con gái vừa lên một, và một đứa đầy tớ gái thuê ở nhà quê ra. Đứa bé mà không khóc thì yên tĩnh vắng lặng lắm!

Chúng tôi chẳng sắm sửa mấy, thế mà cũng tiêu hết nửa số tiền dành dụm được. Tử Quân còn phải bán đôi hoa tai và chiếc nhẫn vàng duy nhất của nàng. Tôi không cho nàng bán, nhưng nàng cứ nhất định bán cho kỳ được, nên tôi cũng không ngăn cản nữa. Tôi biết nếu không để nàng góp phần của nàng vào thì nàng không yên tâm.

Trước đây nàng đã to tiếng với ông chú đến nỗi ông chú giận không nhận nàng là cháu nữa. Còn tôi thì tôi cũng đã lần lượt tuyệt giao với những ông bạn tự cho là thành thực khuyên bảo tôi, nhưng thật ra là họ sợ giùm cho tôi, hoặc giả là ghen tị với tôi. Nhưng như thế mà lại yên thân. Mỗi ngày tan sở, tuy trời đã gần tối, anh phu xe lại chạy rất chậm, thế mà tôi về đến nhà, hai chúng tôi còn có thì giờ ngồi đối diện với nhau được một lát. Lúc đầu thì chúng tôi im lặng nhìn nhau, sau khi chuyện trò cởi mở thân mật, và cuối cùng thì im lặng. Hai người cúi đầu suy nghĩ, nhưng thật ra chẳng suy nghĩ gì cả. Dần dần tôi hiểu thấu nàng cả về linh hồn lẫn thể xác. Và chưa đầy ba tuần lễ, tựa hồ như không có gì về nàng tôi không biết nữa. Tôi đã tìm ra được cả những điều làm cho chúng tôi không gần nhau, trước kia tưởng không có, nhưng bây giờ thì vẫn thấy cách bức, tức là những cái cách bức thực sự.

Càng ngày, Tử Quân càng vui vẻ hoạt bát lên. Nhưng nàng không thích chơi hoa. Hai chậu hoa nho nhỏ tôi mua ở chợ về, để bốn ngày không có giọt nước, chết khô ở góc tường, còn tôi thì lại không rỗi để làm những việc ấy. Tóm lại, nàng thích nuôi gà nuôi chó, có lẽ là bà quan nọ truyền nhiệm cho chăng, chưa đầy một tháng, quyến thuộc của chúng tôi bỗng dựng đông hẳn lên. Bốn con gà con lảng vảng trước sân cùng bầy với mười con gà của bà chủ nhà. Cả hai người đều nhận được mặt gà, biết con nào là của mình. Lại còn một con chó đốm con nữa, mua ở chợ về. Nhớ như nguyên nó đã gọi là con gì rồi, nhưng Tử Quân lại đặt cho một tên khác, con Tùy. Tôi không thích cái tên đó, nhưng cũng gọi là con Tùy.

Thật thế, tình yêu phải được đổi mới luôn, lớn dần lên và phải sáng tạo. Tôi đem điều đó nói với Tử Quân. Nàng cũng gật đầu cho là đúng.

Trời ơi! Ban đêm sao mà thấy êm ả và hạnh phúc đến thế nhỉ?

Phải giữ cho cuộc sống êm ả và hạnh phúc được vững bền, mãi mãi êm ả như thế. Hồi còn ở hội quán, đôi khi chúng tôi còn xung đột về quan niệm, hiểu nhầm về tư tưởng của nhau, chứ từ khi dời đến ở ngõ Cát Triệu này thì đến những cái đó cũng không còn nữa. Ngồi đối diện dưới ánh đèn, nhắc lại chuyện cũ, chúng tôi thường thức lại nỗi vui sướng làm lành với nhau sau những cuộc xung đột, vui sướng như chết đi mà được sống lại.

Tử Quân cũng càng ngày càng béo ra, sắc mặt cũng hồng hào lên. Chỉ hiềm điều nàng bận lắm. Bận việc cửa việc nhà đến nỗi giờ nói chuyện gẫu với nhau cũng không có nữa, nói gì đến thì giờ đọc sách và đi chơi! Chúng tôi thường bàn với nhau thế nào cũng phải thuê một người ở gái.

Có điều này làm cho chúng tôi không được vui là cứ buổi chiều đi làm về, tôi thường thấy vẻ mặt nàng buồn rười rượi, nhất là khi thấy nàng cố gượng nói gượng cười thì tôi lại càng buồn hết sức. May mà dò biết được rằng, nguyên nhân vì có sự lục đục với bà quan nọ về chuyện gà què giữa hai người. Nhưng chuyện như thế sao mà hỏi lại nhất định không nói? Con người ta nhất định phải ở riêng biệt ra. Chỗ như thế này thì không thể ở được.

Cuộc đời của tôi đã thành nếp rồi. Mỗi tuần lễ sáu ngày, ngày nào cũng từ nhà đến sở, rồi lại từ sở về nhà. Ở sở thì ngồi vào bàn giấy, sao sao chép chép công văn và thư từ, về nhà thì ngồi cùng nàng, mặt cùng mặt, hoặc giúp nàng nhóm bếp, nấu cơm, hấp bánh bao. Tôi biết nấu cơm là từ hồi đó.

Ở đây tôi được ăn ngon hơn khi ở hội quán nhiều. Tử Quân không có tài về khoa nấu nướng, nhưng nàng làm hết lòng hết sức. Những điều làm cho nàng lo nghĩ đêm ngày cũng làm cho tôi lo nghĩ theo, gọi là vui buồn có nhau. Huống chi nàng lại phải suốt ngày mồ hôi đầm đìa, tóc cứ dính bết vào trán và hai bàn tay thì càng lâu càng thô ráp đi như thế!

Rồi lại phải cho con Tuy ăn, cho gà con ăn... đều là việc không có nàng không xong.

Có lần tôi đã nói thật với nàng rằng: "Anh không ăn cũng được, chứ không để cho em vất vả thế kia". Nàng chỉ lườm tôi một cái, không nói gì, nhưng nét mặt lại buồn rười rượi. Tôi đành phải làm thinh. Nhưng nàng thì vẫn cứ vất vả như thế.

Cái điều không hay mà tôi dự đoán quả nhiên đã xảy ra. Buổi chiều trước tết Song Thập, tôi đang ngồi thần thờ và nàng thì đang rửa chén bát. Nghe tiếng gõ cửa, tôi ra mở. Thì ra là anh chạy giấy ở sở, anh ta đưa cho tôi một tờ công văn in thạch. Tôi đã hơi đoán ra chuyện gì rồi. Dem lại trước bàn xem, quả nhiên tờ công văn viết như thế này đây:

Theo lệnh ông thủ trưởng cơ quan thì ông Sử Quyên Sinh có thể nghỉ việc bắt đầu từ hôm nay.

PHÒNG BÍ THƯ

Ngày 9 tháng 10

Việc này khi còn ở hội quán, tôi đã dự đoán rồi. Cái thằng mặt bự kem kia là bạn cờ bạc với thằng con ông thủ trưởng. Nhất định hắn đã đặt điều xuyên tạc mối quan hệ giữa tôi và Tử Quân, rồi tìm cách nói đến tai cấp trên của tôi. Mãi đến nay mới hiệu nghiệm thì cũng có thể cho là hơi muộn! Thật ra, đối với tôi, đó không phải là một miếng đòn đau, bởi vì tôi đã quyết định sẵn rồi, hoặc là đi sao chép ở nơi khác, hoặc là đi gõ đầu trẻ, hoặc là dịch một ít sách, tuy có mệt hơn, hưởng nữa ông chủ bút tờ Người bạn của tự do là người quen, đã gặp nhau mấy lần, cách đây hai tháng còn gửi thư cho tôi. Tuy vậy, tim tôi vẫn đập mạnh. Rồi thì Tử Quân xưa nay vốn không sợ cái gì, bỗng cũng biến sắc đi; điều này làm cho tôi hết sức đau khổ. Gần đây xem nàng hình như có ý khiếp nhược hơn trước.

Nàng nói:

- Chẳng hề gì! Hừ! Không làm việc này thì làm việc khác. Chúng ta...

Nàng không nói hết câu. Không hiểu vì sao mà giọng nói của nàng tôi nghe cứ như thoang thoảng. Và ngọn đèn trông cũng thấy âm đạm khác thường. Con người ta nghĩ cũng buồn cười. Một việc nhỏ mọn hết sức cũng có thể có một ảnh hưởng rất sâu sắc. Lúc đầu chúng tôi ngồi nhìn nhau im lặng, dần dần chúng tôi bàn bạc với nhau, cuối cùng thì quyết định số tiền hiện còn phải hết sức dè xẻn, một mặt đăng quảng cáo trên báo tìm chỗ làm thư ký hay dạy học, một mặt thì viết thư cho ông chủ bút tờ Người bạn của tự do, nói rõ cảnh ngộ tôi hiện nay, mong ông ta nhận sử dụng những bản dịch của tôi sẽ gửi đến, giúp tôi chút đỉnh trong lúc hoạn nạn.

- Đã nói thì làm. Quyết tìm một con đường khác vậy!

Tôi liền đứng dậy đi lại bàn viết, đẩy lọ đựng dầu thơm và giấm sang một bên, Tử Quân thì mang cái đèn leo lét đến. Tôi thảo mẫu đăng quảng cáo trước rồi ngồi chọn những quyển sách có thể dịch được.

Đồng sách này từ khi dọn nhà đến nay chưa hề giở ra xem, cho nên quyển nào quyển nấy trên đầu cũng bám đầy bụi. Sau cùng thì viết bức thư.

Tôi ngần ngại mãi, chẳng biết nên nói thế nào cho tiện. Đang dùng bút suy nghĩ thì liếc qua nhìn nàng. Dưới ánh đèn heo hắt, trông mặt nàng càng thảm hại quá chừng. Tôi không ngờ một việc con con như thế mà lại có thể làm cho một người kiên quyết, cam đảm như Tử Quân thay đổi hẳn đi như thế được. Quả thực, gần đây nàng trở thành khiếp nhược lắm rồi, chứ không phải chỉ mới bắt đầu từ đêm hôm nay mà thôi! Vì thế lòng tôi càng thêm rối loạn. Bỗng hình ảnh cuộc sống yên lành trong cảnh thanh vắng của cái hội quán đồ nát kia, cứ thoáng qua trước mắt tôi. Tôi định tâm nhìn cho thật rõ thì lại chỉ thấy cái ánh đèn heo hắt.

Một hồi lâu, thư cũng đã viết xong. Bức thư hơi dài. Tôi thấy người rã rời hẳn ra. Hình như gần đây tôi cũng khiếp nhược hơn trước. Thế rồi chúng tôi quyết định nội ngày mai sẽ gửi quảng cáo và bức thư đi. Không ai nói gì, nhưng chúng tôi đều cảm thấy được tinh thần bền bỉ, quật cường của nhau. Và chúng tôi còn như thấy được mầm hy vọng tương lai đang chớm nở.

Thật ra, miếng đòn từ ngoài đánh vào đó lại làm cho tinh thần chúng tôi phần chấn lên, đổi mới hẳn đi. Cuộc đời tôi ở sở vốn chẳng khác gì cuộc đời con chim trong tay chú bán chim. Chỉ được có ít gạo tẩm cầm hơi, quyết không thể nào cho béo mập ra được. Càng lâu, đôi cánh càng tê dại đi, dù có đem thả ra khỏi lồng cũng không bay nổi nữa. Bây giờ thì có thể cho như là đã thoát khỏi lồng rồi đấy. Nhân lúc chưa quen sử dụng đôi cánh, từ đây tôi phải vút lên, bay liệng trong những khoảng trời mát mẻ, rộng thênh thang.

Quảng cáo vừa đăng cố nhiên không thể có kết quả ngay được. Mà dịch sách cũng không phải chuyện dễ. Những quyển trước kia xem cho là hiểu hết cả, bây giờ cầm bút dịch lại thấy hàng trăm chỗ nghi ngờ, khó khăn, nên dịch rất chậm. Nhưng tôi quyết tâm tiến hành. Không đầy một tháng mà mép cái cuốn tự điển còn khá mới kia đã đầy dấu vân tay đen thui. Đủ rõ tôi làm việc kỹ lưỡng như thế nào. Ông chủ bút Người bạn tự do từng có nói với tôi rằng tạp chí của ông ta nhất định không bỏ qua những bài tốt gửi đến mà không đăng.

Hiềm một điều tôi không có được một gian phòng tĩnh mịch để làm việc, mà Tử Quân thì cũng không lặng lẽ và khéo chiều như trước nữa. Trong nhà, bát đĩa cứ quăng bừa bãi, khói cứ um lên, không thể nào an

tâm mà làm việc được. Nhưng cái đó thì chỉ có thể trách mình không có tiền mà bố trí một chỗ làm việc riêng. Đã thế lại còn thêm có con Tùy và đàn gà con nữa. Rồi đàn gà càng ngày càng lớn lên, càng dễ gây ra những cuộc cãi cọ giữa hai gia đình.

Lại còn chuyện cơm nước. Cơm thì ngày nào cũng phải ăn, như "nước sông ngày nào cũng chảy", không dừng được. Công việc của Tử Quân hoàn toàn hình như ở chỗ cơm nước. Ăn xong lại chạy tiền, chạy tiền được rồi thì lại ăn. Lại còn phải cho con Tùy và đàn gà con ăn nữa. Bao nhiêu điều trước kia nàng đã biết rồi bây giờ hình như quên đi cả. Và nàng cũng không hề nghĩ rằng mỗi khi thúc giục tôi đi ăn cơm là thường làm cho tứ vắn của tôi phải đứt đoạn. Dù trong bữa cơm tôi có làm mặt giận, nàng cũng không hề sửa đổi. Nhưng không cảm thấy gì hết, nàng cứ ngồi ăn ngon lành.

Tôi phải mất đến năm tuần lễ mới làm cho nàng hiểu được rằng công việc của tôi không thể gò bó theo việc cơm nước đúng giờ đúng buổi. Nàng hiểu ra, nhưng có lẽ nàng không được vui, có điều không nói gì hết. Từ đó công việc của tôi quả tiến hành có nhanh hơn trước. Không bao lâu đã dịch được năm vạn chữ. Chỉ cần sửa chữa một ít nữa là có thể gửi cho Người bạn của tự do, cùng một thể với hai bài báo khác cũng vừa viết xong. Nhưng chuyện cơm nước vẫn làm cho tôi khổ sở. Cơm canh nguội lạnh, cái đó không hề gì, nhưng mà lại không đủ no. Có khi đến cơm cũng thiếu nốt, mặc dù cả ngày ngồi trong nhà dùng sức óc, tôi đã ăn kém trước nhiều rồi. Thiếu cơm là vì cho Tùy ăn trước. Có lúc lại còn cho nó vài miếng thịt dê là món gần đây chúng tôi cũng không dễ gì có mà ăn. Nàng nói độ rày con Tùy nó gầy đến thảm hại, bà chủ nhà chê cười nghe không chịu được.

Thế là chỉ có đàn gà là ăn cơm thừa của tôi. Điều này mãi lâu tôi mới nhận thấy, đồng thời cũng nhận thấy được "vị trí của loài người trong vũ trụ", để dùng chữ của Hocsl⁹⁹i, vị trí của tôi chẳng qua là ở giữa con chó và đàn gà con mà thôi!

Về sau, qua bao nhiêu lần phản đối và thúc giục, đàn gà đã lần lượt biến thành những món ăn thịnh soạn. Chúng tôi và con Tùy được hưởng chất béo trong hơn mười ngày. Thật ra, phải nói chúng nó gầy lắm, vì đã từ lâu, mỗi ngày chúng nó chỉ còn được vài hạt ngô nữa thôi. Từ đấy trở đi, trong nhà yên tĩnh lắm. Có điều Tử Quân thì trông tiêu tụy hẳn. Hình như nàng cảm thấy buồn bực, chán nản, đến nỗi không buồn mở miệng

nói năng gì cả. Tôi nghĩ bụng: "A! con người ta sao mà dễ thay đổi đến thế!"

Nhưng rồi đến con Tùy cũng không thể giữ nuôi được nữa. Chúng tôi không còn hy vọng nhận được thư ở đâu gửi tới giúp đỡ nữa nên đã từ lâu Tử Quân cũng không có thức gì cho nó ăn để bắt nó cúi chào hoặc đứng thẳng hai chân trước. Mùa đông lại sắp sửa đến nơi rồi. Lò sưởi đã thành một vấn đề lớn. Con Tùy với mức ăn của nó thực ra là một gánh nặng mà chúng tôi đã cảm thấy rõ từ trước. Thế là không thể giữ nuôi được nữa.

Giá cột vào cổ nó một nhánh rơm¹⁰⁰ rồi đưa ra chợ bán, có lẽ cũng được ít tiền đấy, nhưng chúng tôi không thể và cũng không muốn làm như vậy. Cuối cùng, tôi lấy một cái bao tải chụp vào đầu nó rồi dắt ra bỏ ở ngoại ô phía tây. Nó còn chạy theo, tôi liền xô xuống một cái hố cũng không sâu lắm.

Trở về nhà thấy càng yên tĩnh hơn nhiều. Nhưng tôi phải giật mình khi nhìn thấy nét mặt Tử Quân thê thảm quá chừng, chưa bao giờ thê thảm đến thế! Tất nhiên là về chuyện con Tùy. Nhưng việc gì mà đến nông nỗi ấy? Đó là tôi chưa nói lại cho nàng biết việc xô con Tùy xuống hố đấy!

Đến đêm nét mặt thê thảm của nàng lại thêm có cái gì giá lạnh. Tôi cảm lòng không đậu, phải hỏi:

- Là chưa? Em hôm nay sao lại như thế?

Cũng chẳng ngược mắt nhìn tôi, nàng hỏi lại:

- Cái gì?

- Nét mặt em ...

- Có gì đâu... không có gì hết!

Cuối cùng xem lời lẽ, hành động của nàng, tôi cũng hiểu ra rằng có lẽ nàng cho tôi là một người nhẫn tâm. Thật ra, một mình tôi thì sự sống cũng dễ dàng thôi... mặc dù xưa nay, vì có tính kiêu ngạo, tôi không hề lui tới những nơi quen biết với gia đình tôi ngày trước, rồi sau khi rời đến ở đây thì lại cũng xa dần những người bạn cũ của mình nốt. Nhưng quý hồ có thể bay nhảy được thì con đường làm ăn sinh sống của tôi cũng còn rộng rãi chán. Bây giờ, chịu đau khổ cho đời sống giày vò như thế này, phần lớn chính là vì nàng. Cho đến cái việc đem con Tùy vứt đi, há lại cũng không phải vì nàng đó sao? Nhưng sự hiểu biết của Tử Quân hình như lại cứ càng ngày càng nông nổi, hời hợt, đến nỗi có một điều đó mà cũng nghĩ không ra.

Tôi tìm một cơ hội đem cái sự thật đó nói bóng gió xa xôi cho nàng hiểu. Nàng gật đầu ý chừng đã hiểu. Nhưng xem tình hình về sau thì nàng vẫn chưa hiểu, hoặc giả không tin điều tôi nói là đúng.

Khí trời lạnh và nét mặt của nàng càng lạnh làm cho tôi không thể ngồi yên thân ở trong nhà được. Nhưng đi đâu bây giờ? Trên đường phố, trong vườn hoa, tuy không gặp phải những vẻ mặt lạnh lùng như thế, nhưng gió lạnh thổi thốc vào người như cắt da cắt thịt. Cuối cùng tôi đã tìm ra được cảnh thiên đường của tôi trong Thư viện bình dân.

Vào đây không phải mua vé. Trong phòng đọc sách lại có sẵn hai cái lò sưởi bằng sắt. Mặc dù than trong lò cũng nửa tắt nửa đỏ, nhưng mắt nhìn thấy có lò là đã tưởng tượng thấy ấm rồi. Có điều sách không có quyền nào xem được; sách cũ thì cổ hủ quá rồi, mà sách mới hình như không có quyền nào.

Cũng may tôi đến đây không phải là để xem sách. Ngoài tôi ra, thường có mấy người nữa, lúc nhiều nhất là hơn mười người. Ai cũng áo quần mỏng manh như tôi cả. Và ai cũng xem sách để lấy có ngồi sưởi nhờ. Cảnh này thích hợp với tôi lắm. Đi ngoài đường thế nào cũng gặp người quen, họ sẽ lườm nguýt mình, khinh bỉ. Nhưng ở đây thì quyết không thể vấp phải cái tai họa giữa trời ấy, bởi vì những người đến xem sách ở đây, hoặc giả họ ngồi xa, vây quanh những lò sưởi khác, hoặc giả họ dựa vào cái lồng ấp bằng đất sét họ mang theo.

Ở đây, tuy không có sách để xem, nhưng tôi lại được an nhàn để suy nghĩ. Một mình, ngồi thừ ra, nhớ lại khoảng thời gian vừa qua, tôi mới nhận ra rằng, hơn nửa năm nay, tôi chỉ sống vì tình yêu, một tình yêu mù quáng, mà quên hẳn những ý nghĩa quan trọng khác của cuộc đời. Trước hết quên rằng phải sống cái đã. Con người ta có sống thì tình yêu mới có chỗ dựa. Trên đời, đối với những người chịu phần đấu thì không phải không có con đường sống. Mà tôi thì cũng chưa quen sử dụng đôi cánh của tôi, mặc dù so với trước đã thấy yếu đuối hơn nhiều!...

... Cả gian phòng đọc sách và những người ngồi đọc sách mờ dần. Bỗng trước mắt tôi hiện ra cảnh người đánh cá giữa lớp sóng cồn, người binh sĩ nằm trong chiến lũy, kẻ quyền quý ngồi trong ô - tô, bọn đầu cơ công trái ở sở giao dịch,¹⁰¹ đấng hào kiệt giữa chốn rừng sâu núi thẳm, vị giáo sư trên giảng đàn, nhà thể thao lúc hoàng hôn, tên kẻ trộm giữa đêm khuya... Từ Quân không có cạnh tôi. Cái dũng khí của nàng không còn nữa. Nàng chỉ biết buồn giận vì con Tuy, chỉ biết chăm chú vào việc

cơm nước mà thôi. Nhưng kỳ quái làm sao, nàng chẳng gầy ốm đi tí nào cả...

Tôi bỗng thấy lạnh. Mấy cục than nửa tắt nửa đỏ trong lò sưởi cũng đã tàn. Đã đến giờ thư viện đóng cửa. Lại phải trở về ngõ Cát Triệu mà chịu đựng cái vẻ mặt lạnh như băng kia rồi đây. Gần đây thỉnh thoảng trên vẻ mặt đó cũng thoáng hiện lên một chút tình đầm ấm, nhưng như thế lại càng làm cho tôi thêm đau khổ. Còn nhớ có một đêm tôi chợt thấy đôi mắt Tử Quân bỗng ánh lên cái niềm nở ngây thơ thừa nọ đã mất từ lâu. Lúc ấy nàng vừa cười vừa nhắc lại cho tôi nghe cảnh ở hội quán. Cười nhưng lâu lâu cũng tỏ vẻ sợ sệt, hoảng hốt.

Tôi biết mấy lâu nay, đối với nàng, tôi còn lạnh lùng hơn nàng đối với tôi nữa, và thái độ đó của tôi đã làm nàng lo ngại. Cho nên tôi đành phải gượng nói, gượng cười để an ủi nàng chút ít. Nhưng nụ cười của tôi vừa hé nở trên môi, lời nói của tôi vừa buột ra khỏi miệng thì đã biến thành hư không. Cái hư không đó lập tức dội trở lại vào tai, vào mắt tôi, đưa đến cho tôi một sự mĩa mai cay đắng không thể chịu được.

Tử Quân hình như cũng cảm thấy thế. Từ đó nàng mất hẳn cái trầm tĩnh đến như tê dại trước kia. Mặc dù hết sức che giấu đi, nàng cũng thường thường để lộ sự lo ngại trên thần sắc. Nhưng đối với tôi nàng lại ôn tồn hơn trước nhiều.

Tôi muốn nói rõ những điều suy nghĩ cho nàng biết nhưng còn chưa dám, bởi vì khi định nói ra thì lại bắt gặp đôi mắt thơ ngây như con trẻ của nàng, thành thử tôi đành phải tạm thời tự tạo ra một vẻ mặt vui tươi gượng gượng. Nhưng điều đó lại lập tức trở thành một sự mĩa mai đối với tôi làm cho tôi không thể trấn tĩnh, lạnh nhạt được nữa.

Từ đó nàng lại bắt đầu ôn lại chuyện cũ và khảo tra tôi, bắt tôi phải bịa ra những câu trả lời yêu thương giả dối. Cái yêu thương thì tỏ cho nàng thấy, còn cái giả dối thì giữ lại trong lòng. Ngày lại ngày cái giả dối chất chứa, tràn ứ lên, làm cho tôi tắc thở. Trong lúc đau khổ, tôi thường nghĩ rằng: "Nói sự thật tất nhiên cần phải dũng cảm lắm. Giá thử không có cái dũng cảm đó, cứ yên thân trong sự giả dối thì con người ấy quyết không phải là người có thể tìm ra con đường sống. Chẳng những không tìm ra con đường sống mà ngay con người đó cũng chẳng còn tồn tại nữa".

Một buổi mai, trời lạnh lắm, Tử Quân có vẻ oán giận. Tôi chưa từng thấy nàng có vẻ mặt ấy bao giờ. Nhưng cũng có lẽ tôi tưởng tượng ra chẳng? Lúc đó tôi hờn mát và cười thầm trong bụng. Cái tư tưởng nàng

đã rèn luyện được và những lời lẽ sáng suốt can đảm của nàng rút cục lại cũng chỉ là hư không, mà nàng lại không cảm thấy cái hư không đó mới chết chứ! Đã lâu, nàng không hề cầm đến sách nữa. Nàng quên rằng mục đích thứ nhất của đời người là mưu sống. Và trên con đường mưu sống đó thì cần phải hoặc nắm tay cùng đi, hoặc một mình can đảm tiến lên. Còn như chỉ biết cầm lấy vạt áo người ta mà đi theo thì dù người kia là một chiến sĩ đi nữa, cũng khó mà chiến đấu cho được. Rút cục cả hai người sẽ bị tiêu diệt.

Tôi nhận thấy chúng tôi có lìa nhau ra thì mới có thể có một nguồn hy vọng mới được. Nàng phải cương quyết bỏ tay ra... Tôi bỗng nghĩ nàng có thể chết đi cho rảnh, nhưng tôi liền tự trách mình và lấy làm hối hận. May mà là buổi mai, nhiều thì giờ nên tôi có thể đem hết sự thực của tôi nói cho nàng nghe. Chúng tôi có thể mở được con đường mới hay không là ở một chuyện này!

Ngồi nói chuyện với nàng, tôi cố ý gọi lại quãng đời quá khứ của chúng tôi, bàn về văn chương và do đó đề cập đến các nhà văn ngoại quốc, đến tác phẩm của họ như Nora, Người đàn bà của biển cả.¹⁰² Tôi ca tụng đức tính quả quyết của Nora¹⁰³ ... Cũng vẫn là những lời năm ngoái tôi đã nói với nàng ở gian phòng đồ nát của hội quán, có điều bây giờ thì trở thành những lời trống rỗng, từ miệng của tôi nói ra rồi lại truyền vào tai tôi. Tôi luôn luôn có cảm tưởng có một em bé nào tinh nghịch ẩn nấp sau lưng tôi và lặp lại những lời tôi nói một cách ác ý, cay độc.

Nàng vẫn cứ vừa lắng nghe vừa gật đầu, sau thì trở nên trầm mặc. Còn tôi cũng chặp chặp nổi nổi cố nói cho hết, đến cái dư âm những lời tôi nói cũng mất đi trong hư không.

- Phải đấy! - Nàng lại im lặng một lát rồi nói tiếp - Nhưng mà, anh Quynh Sinh này, em thấy độ này anh khác trước nhiều, có phải thế không? Anh... anh cứ nói thật với em!

Tôi cảm thấy tựa hồ như nàng vừa giáng cho tôi một gậy vào đầu, nhưng lập tức tôi trấn tĩnh được rồi nói rõ ý kiến và chủ trương của tôi, tức là mở một con đường mới, làm lại một cuộc đời mới để cho cả hai cùng khỏi bị tiêu diệt.

Cuối cùng tôi nói thêm mấy câu, giọng hết sức quả quyết:

- Huống chi em đã có thể không cần phải đắn đo, cứ dũng cảm mà bước tới. Em muốn anh phải nói thật. Đúng thế. Người ta không nên giả dối. Anh cứ nói thật ra, bởi vì... bởi vì anh không yêu em nữa. Nhưng

như thế càng hay cho em, bởi vì như thế em có thể đi tìm việc mà làm, không phải bận lòng gì cả.

Tôi đang đoán thế nào cũng sẽ có một biến cố gì xảy đến. Nhưng không, nàng chỉ ngồi im lặng. Mặt nàng bỗng tái dần rồi vàng ệch ra như người chết, rồi trong nháy mắt lại trở lại bình thường, cặp mắt nàng lại ánh lên một niềm trong trắng, ngây thơ. Nàng nhìn quanh quẩn như đứa trẻ đói khát tìm người mẹ hiền, nhưng nàng chỉ nhìn trong không trung, cố tránh mắt tôi, vẻ sợ hãi lắm.

Tôi không thể ngồi nhìn quang cảnh đó mãi. May mà là buổi sáng, nên tôi liền chạy ra Thư viện bình dân, không kể mưa ướt gió lạnh.

Ở thư viện, thấy có tờ Người bạn của tự do. Hai bài văn ngắn của tôi đã được đăng rồi. Tôi rung mình một cái hình như vừa tiếp được một luồng sinh khí. Tôi nghĩ bụng: Con đường sống hãy còn nhiều... nhưng bây giờ, chỉ mới được chừng ấy, chưa thấm vào đâu.

Tôi bắt đầu tìm gặp những người quen lâu nay không hề lui tới. Nhưng cũng chỉ đến một vài lần thôi. Nhà họ tất nhiên vẫn ấm cúng nhưng tôi cảm thấy lạnh buốt thấu xương. Đêm về, tôi nằm co ro trong căn nhà của tôi còn lạnh hơn là băng giá nữa. Nỗi lạnh lẽo buốt như kim châm đó thấm tận tâm hồn tôi, cứ làm cho tôi đau đớn, tê dại đi. "Con đường sống còn nhiều... Mình cũng chưa quên sử dụng đôi cánh của mình", tôi nghĩ thế. Tôi bỗng lại mong cho nàng chết đi, nhưng lập tức lại tự trách mình và lấy làm hối hận.

Ngồi trong Thư viện bình dân, lâu lâu tôi lại nhìn thấy con đường sống mới lóe lên, thoáng qua trước mắt. Tôi tưởng tượng thấy Tử Quân đã nhìn thẳng vào sự thật một cách cam đảm, kiên quyết đi ra khỏi căn nhà giá lạnh này, và không có vẻ oán giận chút nào cả. Còn tôi thì nhẹ nhàng như một đám mây bay bồng bềnh giữa không trung, trên nền trời xanh biếc, dưới là núi thẳm biển lớn, nhà rộng lầu cao, chiến trường, xe ô - tô, giao dịch, biệt thự, thành phố náo nhiệt, sáng trưng, đêm tối mịt mù...

Và, đúng thế, tôi tự cảm thấy cuộc đời với cái bộ mặt mới mẻ đó nhất định sẽ đến.

Thế rồi chúng tôi cũng sống qua những ngày đông cực kỳ khó chịu của Bắc Kinh. Chúng tôi khác nào con chuồn chuồn rơi vào tay đứa bé ác nghịch: nó buộc vào một sợi chỉ nhỏ rồi đưa ra đùa bỡn, hành hạ đủ cách; may một điều là chưa chết, nhưng rút cục cũng đã nằm lẩn kên trên mặt đất rồi sớm muộn cũng sẽ toi mạng.

Viết cho ông chủ bút Người bạn của tự do kể có ba bức thư mới được trả lời. Trong thư trả lời chỉ có hai phiếu mua sách, một cái giá trị hai hào, một cái ba hào. Thế mà chỉ tính mỗi một việc viết thư giục trả tiền nhuận bút cũng đã mất đứt đi chín xu rồi, nhin đói một ngày mà cũng chẳng được cái gì hết.

Nhưng cái việc tôi dự cảm thế nào cũng đến thì bây giờ đã đến.

Nó xảy ra khoảng cuối đông, đầu xuân. Bấy giờ gió không còn lạnh lắm nữa nên tôi cũng bỏ nhà đi vợ vẫn ở ngoài lâu hơn trước, mỗi khi trở về, trời đã sẩm tối. Một hôm, cũng vào lúc trời sẩm tối như vậy, theo thường lệ, tôi uể oải về nhà. Nhìn thấy cổng đã lại buồn thiu, bước càng chậm. Nhưng cuối cùng rồi cũng đi vào. Không có đèn đóm gì cả. Tôi sờ được bao diêm đánh lên thì thấy nhà vắng tanh vắng ngắt.

Đang sừng sốt thì bà chủ nhà đứng ngoài cửa sổ gọi tôi ra.

- Hôm nay ông thân sinh chị ấy đến đây đưa chị ấy về quê rồi.

Bà ta chỉ nói vồn vện có thế.

Hình như đó lại là một việc tôi không ngờ trước nên tôi có cảm tưởng như bị ai đánh vào gáy. Tôi đứng thừ ra, không nói được nửa lời.

Một lát sau, tôi mới hỏi được một câu:

- Nhà tôi về rồi sao?

- Vâng, chị ấy về rồi.

- Thế nhà tôi... nhà tôi có dặn gì không?

- Chị ấy chẳng nói gì hết. Chị dặn khi nào ông về thì nhờ nói lại với ông là chị ấy đã về quê, thế thôi.

Tôi không tin. Nhưng sao nhà lại vắng tanh vắng ngắt đi như thế này! Tôi nhìn khắp xung quanh, tìm Tử Quân. Chỉ thấy mấy cái bàn ghế cũ nát, ảm đạm và cũng đơn sơ lắm, không thể che giấu được một người nào hay một vật gì. Tôi xoay ra nghĩ thử đi tìm bức thư hay mảnh giấy nào nàng có thể để lại chẳng. Cũng không có. Chỉ có muối, ớt khô, bột mì, nửa bắp cải để dồn vào một chỗ, bên cạnh còn mấy chục đồng xu. Đó là tất cả những cái nuôi sống chúng tôi, bây giờ nàng trịnh trọng để lại cho một mình tôi, và không nói ra nhưng có ý bảo tôi là sẽ nhờ vào đó mà cầm giữ sự sống cho được lâu dài hơn.

Có cảm tưởng như tất cả những sự vật xung quanh mình dồn ép lại, tôi chạy ra đứng giữa sân. Trời tối om. Chỉ cái khung cửa sổ dán giấy ở gian nhà giữa là có ánh đèn. Tôi trông thấy bóng hai vợ chồng chủ nhà đang đùa giỡn với đứa con. Lòng tôi lắng xuống và dần dần thấy hiện lên thấp thoáng con đường thoát ra khỏi cảnh nặng nề, khó thở này: núi

sâu, đầm rộng, sở giao dịch, bữa tiệc linh đình dưới ánh đèn điện, hầm hổ, đêm khuya mật mừng, một mũi dao nhọn đâm phắt một cái, những bước chân lặng lẽ...

Trong chốc lát, lòng tôi nhẹ nhõm, khoan khoái. Tôi nghĩ đến tiền đi đường, rồi thở phào.

Tôi nằm nhắm mắt, thấy hiện lên cái tiền đồ dự đoán trước. Chưa đến nửa năm mà đã duyệt qua hết. Trong bóng tối, tôi phảng phất thấy một đồng thức ăn rồi lại thấy Tử Quân, mặt vàng sạm, gương đôi mắt ngậy thơ nhìn tôi, vẻ cầu khẩn. Tôi định thần lại thì biến đâu mất cả.

Nhưng lòng tôi lại thấy nặng trĩu. Tại sao tôi không rán chịu thêm ít ngày nữa mà đã vội vàng nói thẳng sự thực với nàng như thế? Bây giờ nàng biết rằng từ nay về sau, nàng chỉ còn việc là chịu đựng cái uy nghiêm gay gắt như mặt trời của ông bố - người chủ nợ của con cái - và cái khinh bỉ lạnh lùng, lạnh lùng hơn cả băng giá, của người xung quanh. Ngoài ra là hư không tất cả. Mang cái gánh hư không nặng trĩu đó trên vai mà bước đi trên cái gọi là đường đời, trước cái uy nghiêm của ông bố và sự khinh bỉ của người xung quanh, hỏi còn gì ái ngại hơn! Huống chi cuối con đường ấy lại chẳng qua chỉ là một năm mồ, một năm mồ mà đến một tấm bia cũng không có nốt.

Đáng lý ra tôi không nên đem sự thật nói với Tử Quân. Hai chúng tôi đã từng có lần yêu nhau thì bây giờ tôi nên nói dối dá với nàng là hơn. Nếu quả sự thật là đáng quý thì đâu đến nỗi nàng phải chịu mang cái gánh hư không nặng nề đó. Sự dối dá tất nhiên cũng là hư không, có điều cuối cùng, quá lắm thì cũng chỉ nặng nề đến như thế là cùng.

Tôi tưởng đem sự thật nói cho nàng rõ thì nàng sẽ không còn phải lo ngại gì nữa, cứ kiên quyết, mạnh dạn bước tới như hồi chúng tôi sắp sửa ở chung. Nhưng có lẽ tôi nhầm rồi. Hồi đó sở dĩ nàng dũng cảm được, bất chấp được tất cả chính là vì yêu tôi.

Tôi đã không có cái dũng cảm mang cái gánh nặng hư không đó nên mới đem cái gánh nặng sự thật đặt lên vai nàng. Bây giờ sau khi yêu tôi thì nàng phải gánh cái gánh đó, bước đi trên cái gọi là đường đời, trước sự uy nghiêm của ông bố và sự khinh bỉ lạnh lùng của người xung quanh.

Tôi lại nghĩ đến việc nàng nên chết đi... Tôi thấy rõ tôi là một thằng khiếp nhược, phải gạt ra khỏi hàng ngũ những kẻ mạnh, dù họ là những người chân thật hay giả dối. Thế mà tự thủy chì chung, nàng vẫn mong mỏi cho tôi cầm giữ được sự sống lâu dài hơn.

Tôi phải rời cái ngõ Cát Triệu này. Ở đây vắng vẻ, trống trải quá. Tôi nghĩ bụng, có lẽ quý hồ rời khỏi nơi này thì tôi lại có cảm tưởng như Tử Quân còn ở cạnh tôi, hay ít nhất thì cũng có cảm tưởng như nàng còn ở trong thành phố này. Và một ngày kia nàng sẽ thỉnh linh đến thăm tôi, giống như hồi tôi còn ở hội quán.

Nhưng bao nhiêu lời nhờ cậy, bao nhiêu thư đi từ về đều không có hiệu quả gì cả. Cực chẳng đã tôi đành phải tìm đến một bậc thế giao mà lâu nay tôi không hề lai vãng. Ông này là bạn đồng song với ông bác tôi hồi còn nhỏ và là một vị bật cồng¹⁰⁴ nổi tiếng về chỗ thông hiểu kinh truyện, lên ở Bắc Kinh đã lâu, đường giao du cũng rất rộng.

Chùng vì quần áo tôi lù xì quá nên vừa bước chân vào cửa thì anh gác cổng đã trợn trắng con mắt lên mà nhìn.

Nói khó dễ mãi mới vào gặp được. Ông ta còn nhận ra tôi, có điều lạnh nhạt lắm. Chuyện của chúng tôi, ông ta biết cả. Sau khi nghe tôi nói là nhờ tìm cho tôi một việc ở một nơi nào khác cũng được, ông ta nói về thờ ơ:

- Tất nhiên anh không thể ở đây được nữa. Nhưng đi đâu bây giờ? Khó khăn lắm. À... gì đây! ... Cứ gọi là bạn đi... người bạn của anh, cô Tử Quân ấy mà? Chết rồi, anh biết rồi chứ!

Tôi sửng sốt không nói lên lời, mãi mới hỏi được một câu:

- Thật không ạ?

- Ha, ha. Tất nhiên là thật rồi. Chú Vương Thăng ở nhà đây là người làng cô ta.

- Nhưng mà không biết chết như thế nào?

- Ai biết được. Chỉ biết chết rồi, thế thôi.

Tôi không nhớ rõ tôi đã từ giã ông ta như thế nào để lui về nhà trọ nữa. Tôi biết ông ta không nói dối, và như thế là Tử Quân sẽ không bao giờ trở lại đây như thể năm ngoái. Nàng tuy muốn mang cái gánh hư không nặng trĩu trên vai mà bước đi trong cái gọi là con đường đời, trước sự uy nghiêm của ông bố và sự khinh bỉ lạnh lùng của người xung quanh, nhưng cũng không thể được. Số phận nàng đã định cho nàng phải chết trong cái cũi người không có tình yêu - tức là cái sự thật tôi đã nói cho nàng rõ.

Tất nhiên tôi không thể ở lại đây được nữa. Nhưng "đi đâu bây giờ?".

Xung quanh tôi là một sự hư không rộng lớn cộng thêm cái tĩnh mịch của sự chết chóc. Tôi phảng phất như được nhìn thấy cái bóng đen

bao trùm lấy kẻ phải chết trước mắt những người không có tình thương và lại còn nghe được tất cả những tiếng vật vã đau đớn tuyệt vọng của kẻ đó nữa.

Tôi vẫn chờ đợi một cái gì mới, một cái gì không có tên và không ngờ trước được. Nhưng ngày lại ngày, chỉ có sự quạnh hiu của cái chết mà thôi.

Tôi không hay đi lang thang như trước nữa, hết ngồi lại nằm trong cái hư không rộng lớn, mặc cho sự quạnh hiu của cái chết đục khoét tâm hồn tôi. Nhưng chính sự quạnh hiu của cái chết cũng có khi run sợ thụt lùi và ẩn náu đi, và trong khoảnh khắc đó thì thoáng hiện lên mỗi kỳ vọng mới, không có tên và không ngờ trước được.

Một buổi mai âm u, mặt trời không làm sao thoát ra khỏi đám mây dày đặc bao bọc xung quanh; cả đến không khí cũng ra bề mặt mỗi. Bỗng nghe có tiếng chân người bước nhẹ nhàng vội vã và tiếng thở dài mũi xì xì... Tôi giương mắt nhìn. Nhìn qua một lượt, nhà vẫn trống không. Nhưng rồi tình cờ nhìn xuống đất thì thấy một con vật nhỏ, gầy còm, chết dờ, đất bụi bám đầy mình, đang quanh quẩn ở đấy...

Tôi nhìn kỹ. Quả tim tôi bỗng ngừng lại. Rồi tôi nhảy vùng dậy.

Té ra là con Tù! Nó lại trở về.

Tôi rời khỏi ngõ Cát Triệu, cũng chẳng phải chỉ vì sự khinh miệt của ông bà chủ nhà và người ở gái, và phần lớn là vì con Tù này. Nhưng "đi đâu bây giờ"? Tất nhiên con đường sống mới đang còn nhiều, tôi biết sơ qua như thế, và đôi khi cũng trông thấy thấp thoáng, hình như gần trước mắt tôi thôi. Nhưng làm thế nào mà bước được bước thứ nhất để đi đến đó thì tôi chưa biết.

Suy nghĩ và đắn đo mãi, tôi thấy chỉ có hội quán là chỗ còn có thể dung thân được. Vẫn cái gian phòng đồ nát ấy, cái tấm phản ấy, gốc hòe gần chết khô ấy, cây tử đằng ấy, nhưng cái làm cho tôi hi vọng, sung sướng yêu đương và sống được lúc bấy giờ nay không còn nữa. Chỉ trở lại cái hư không mà tôi đã đánh đổi bằng sự thật.

Con đường sống mới vẫn còn nhiều. Tôi cần phải tiến vào vì tôi còn sống. Nhưng tôi vẫn chưa biết làm thế nào để bước được bước thứ nhất. Có lúc tôi phảng phất thấy con đường đó như con rắn dài, màu xám, đang trườn về phía tôi rất nhanh. Tôi cứ đứng chờ, nhưng gần thấy đến nơi thì bỗng lại mất hút đi trong bóng tối.

Đêm đầu xuân vẫn còn dài dằng dặc. Ngồi thừ ra một hồi lâu, bỗng sực nhớ đến đám ma ở đầu phố buổi sáng. Đi đầu là một đoàn người

giấy, ngựa giấy, theo sau là những người mà tiếng khóc nghe như tiếng hát. Bây giờ tôi mới biết họ thông minh thật. Nhẹ nhàng đơn giản biết bao nhiêu!

Nhưng đám ma của Tử Quân cũng lại hiện lên trước mắt tôi. Nàng một mình mang cái gánh nặng hư không nặng trĩu, bước đi trên con đường dài, màu xám, nhưng bỗng lại mất hút đi trong sự uy nghiêm và trong sự khinh bỉ xung quanh.

Tôi muốn có cái gọi là linh hồn và có cái gọi là địa ngục thật sự. Lúc đó dù phải đi giữa ngọn gió dữ gầm vang, tôi cũng quyết tìm cho được Tử Quân, nói cho nàng biết hết lòng hối hận, nỗi đau thương của tôi và xin nàng tha thứ cho tôi. Không nữa thì tôi sẽ cầu cho ngọn lửa độc của địa ngục bao vây lấy tôi thiêu cho hết lòng hối hận, nỗi đau thương của tôi đi.

Trong cơn gió dữ, lửa độc, tôi sẽ ôm lấy nàng, van lạy nàng khoan dung cho tôi, hoặc làm cho nàng thỏa nguyện...

Nhưng như thế lại càng hư không hơn con đường sống mới. Hiện bây giờ, trước mắt chỉ có cái đêm đầu xuân dài dằng dặc. Còn sống thì nhất định tôi phải nhằm con đường sống mà tiến lên. Và cái bước thứ nhất... Chẳng qua lại là những dòng chữ này ghi lòng hối hận, nỗi đau thương của tôi, vì hương hồn của Tử Quân và vì chúng tôi.

Tôi vẫn chỉ có tiếng khóc, nghe như tiếng hát để tiễn đưa Tử Quân lần cuối cùng, tiễn đưa vào Quên lãng.

Tôi cần phải quên, chỉ nghĩ đến mình tôi nữa thôi, và cần phải quên cả việc tiễn đưa Tử Quân vào trong Quên lãng.

Tôi cần phải bước cái bước thứ nhất vào con đường sống. Tôi cần phải đem sự thật giấu kín trong vết thương lòng, lặng lẽ và tiến lên, lấy sự dối trá và sự lãng quên làm kẻ đưa đường chỉ lối.

Viết xong ngày 21 tháng 10 năm 1925

LY HÔN

- À! Chú Mộc! Năm mới chúc chú làm ăn phát tài!
- Anh Bát Tam, chào anh, chúc anh năm mới!
- Hi! Hi! Năm mới! Cô Ái cũng có đấy à?
- A! Ông Mộc!

Ông Trang Mộc Tam với người con gái của ông - cô Ái - từ đầu cầu Mộc Liên vừa bước xuống thuyền, thì trong thuyền đã nhao nhao lên chào hỏi. Một vài người còn chấp tay vái. Đồng thời, người ta cũng dồn nhau lại để trống một chỗ đủ cho bốn người ngồi. Ông Mộc vừa chào vừa ngồi xuống, rồi đặt cái ống điều dựa vào mạn thuyền. Cô Ái ngồi cạnh bố, phía tay trái, duỗi đôi chân vòng kiềng ra trước mặt Bát Tam thành một chữ "bát".

Một ông mặt như vỏ cua hỏi:

- Ông Mộc lên tỉnh phải không đấy?

Ông Mộc hơi có vẻ buồn rầu, nhưng vì mặt ông như màu đường đen, lại vốn đã nhăn nheo cho nên không thấy rõ sắc mặt ông có biến đổi.

- Không phải lên tỉnh mà sang bên Bàng Trang một tí.

Cả thuyền im lặng. Mọi người nhìn bố con ông.

Một lúc lâu, Bát Tam hỏi:

- Chắc cũng lại là vì chuyện cô Ái chứ gì?

- Vâng. Vẫn là chuyện nó. Thật là phiền chết người đi được! Kéo dằng dai ba năm trời, đánh nhau bao nhiêu bận rồi lại làm lành với nhau bao nhiêu bận, vẫn không xong...

- Lần này chắc là sang cụ Úy phải không?

- Vâng. Lại sang đấy. Cụ ta đứng ra xử hòa cho chúng nó hai ba lần rồi nhưng tôi vẫn không chịu. Cũng chẳng sao. Lần này năm mới, nhà cụ họp đông đủ mặt bà con. Có ông lớn Thất trên tỉnh cũng về.

Bát Tam tròn tròn con mắt nói:

- Ông lớn Thất ấy à? Ông lớn cũng đứng ra xử hòa à? Thế thì... Kỳ thực, năm ngoái, chúng tôi sang đập ông táo của nhà họ, kể ra cũng hả cơn giận! Huống chi cô Ái mà về bên đó thì thật cũng vô duyên lắm!

Anh ta đưa mắt nhìn xuống.

Cô Ái, vẻ giận dữ, ngừng đầu lên nói:

- Anh Tam ạ! Tôi cũng không muốn về bên đó làm gì. Tôi tức lắm, anh nghĩ xem, thằng chó ấy nó mê một con đàn bà góa, thế là nó bỏ tôi. Tưởng dễ lắm đấy! Rồi thằng bố nó cũng chỉ biết về hòa với thằng con, cũng ghét tôi. Dễ thật! Còn ông lớn Thất? Lẽ nào ông ta chơi thân với ông huyện thì không kể gì lẽ phải nữa hay sao? Chắc ông ta không thể như cụ Ủy, chỉ nói: "Thôi, về đi thôi mà!" Tôi sẽ nói cho ông ta biết những nỗi đau khổ tôi phải chịu bao nhiêu năm trời nay để xem ông ta nói ai phải, ai trái.

Bát Tam bị thuyết phục, không nói được gì nữa.

Chỉ nghe tiếng nước róc rách vỗ mạn thuyền. Trong thuyền rất im lặng. Ông Mộc gơ tay với lấy cái ống điếu, hút một mồi thuốc.

Một người beo béo, ngồi cạnh Bát Tam, ở phía trước, móc trong túi áo ra một cái bật lửa, bật lên, châm vào đóm, đặt lên đầu nõ điếu cho ông ta hút.

Ông Mộc gật đầu nói:

- Không dám! Không dám!

Người béo nói, vẻ lễ phép:

- Chúng tôi tuy mới gặp ông lần đầu nhưng cũng đã được nghe tiếng từ lâu rồi. Phải, mười tám thôn miền duyên hải này, ai mà lại không biết? Thằng con nhà Thi mê con mụ đàn bà góa, chúng tôi lạ gì! Năm ngoái ông đem sáu người sang dỡ ông táo nhà hấn ai cũng cho là đáng lắm! Ông bây giờ đã có tuổi, đi vào chỗ quyền cao chức trọng dễ dàng lắm, sợ đếch gì chúng nó!

Cô Ái vui vẻ nói:

- Tuy không biết chú là ai nhưng nghe chú nói phải lắm.

Người béo vội nói:

- Tôi là Uông Đắc Quý.

- Gạt tôi ra là không được. Ông lớn Thất cũng thế mà ông lớn Bát cũng thế thôi. Tôi phải làm cho nhà chúng nó vong gia bại sản đi mới chịu. Cụ Ủy chẳng đã khuyên nhỏ tôi ba bốn lần rồi đó ư! Và thầy nghe chúng nó nói xin đền tiền thì mắt cũng mờ hấn đi!...

Ông Mộc mắng khế con gái:

- Con mẹ mày!

Người mặt vỏ cua nói:

- Nhưng tôi nghe nói cuối năm vừa rồi nhà Thi có mang một mâm rượu sang biếu cụ Úy đấy!

Quý nói:

- Cũng không ngại. Rượu không thể làm mờ mắt người ta được. Rượu mà có thể làm mờ mắt người ta được thì đem lễ vật hậu hơn nữa, sẽ ra thế nào? Các cụ là người biết chữ biết nghĩa, các cụ chỉ bày lễ phải cho người ta thôi chứ! Ví dụ, ai bị kẻ khác làm nhục, thế là các cụ đứng ra bênh vực, chứ kể gì được uống rượu hay không được uống rượu! Cuối năm vừa rồi, bên thôn chúng tôi có cụ Vinh vừa ở Bắc Kinh về, cụ ta là người đi nhiều, biết nhiều, chứ không phải như bọn nhà quê chúng ta. Cụ ta nói, trên ấy, người bậc nhất là bà cụ Quang, lại cứ...

- Khách bến Uông Gia Hối thì lên này!

Người lái thuyền gọi to, chiếc thuyền sắp đỗ lại.

- Có tôi, có tôi.

Người béo liền cầm ống điếu, từ trong khoang thuyền nhảy ra, theo đà chiếc thuyền bước lên bờ.

- Chào các ông các bà nhé!

Lão ta còn ngoảnh đầu lại trong thuyền, gật đầu chào.

Chiếc thuyền lại tiếp tục đi trong im lặng. Tiếng nước vỗ mạn thuyền nghe càng rõ. Bát Tam bắt đầu ngủ gật, há hốc miệng trước cặp giò vòng kiềng. Hai bà cụ ở phía mũi ngồi niệm Phật, khe khẽ, lần tràng hạt, hết nhìn cô Ái lại nhìn nhau, bĩu môi, gật đầu.

Cô Ái giương mắt nhìn mũi thuyền, đang nghĩ cách rồi đây làm thế nào cho chúng nó khuynh gia bại sản; thằng bố cũng như thằng con, đồ chó chết ấy, sẽ không còn đường làm ăn nữa. Cụ Úy thì cô không coi vào đâu. Cô đã gặp cụ ta hai lần rồi nhưng chẳng qua chỉ là một anh lùn tịt mà thôi. Cái thứ người như cụ ta thì trong làng mình hiếm gì! Không phải là không ai có bộ mặt da đồng điếu như cụ ta!

Mỗi thuốc trong ống điếu ông Mộc đã tàn; lửa gặp nước trong điếu kêu xè xè nhưng ông ta vẫn rít. Ông ta biết qua Uông Gia Hối là bến Bàng Trang, mà cái lều Khôi tinh các cửa làng đó đã thấp thoáng đằng xa rồi! Làng Bàng Trang thì ông ta đã đến đấy nhiều lần rồi, không có gì đáng kể. Và cụ Úy cũng thế. Ông ta còn nhớ cảnh đưa con gái của ông ta trở về nhà khóc như ri, nhà thông gia và cả thằng rể nữa, đáng ghét quá, và ông ta đã làm cho chúng nó bẽ mặt. Nghĩ đến đó, ông ta liền thấy chuyện cũ hiện lên trước mắt. Khi nghĩ đến việc trừng trị nhà thông gia, trước nay ông ta vẫn mỉm cười lãnh đạm. Nhưng lần này thì không thể.

Bỗng chẳng biết thế nào mà hình ảnh cụ lớn Thất to béo lại lù lù hiện lên, làm cho đầu óc ông ta trở thành lộn xộn.

Chiếc thuyền vẫn tiếp tục tiến lên trong im lặng. Chỉ có tiếng niệm Phật là nghe to dần, còn ngoài ra cái gì cũng có vẻ trầm tư như ông Mộc và cô Ái.

- Chú Mộc à? Chú sửa soạn mà lên đi thôi. Đến Bàng Trang rồi đấy!

Tiếng người lái thuyền làm cho hai cha con ông sực tỉnh. Trước mặt đã là lầu Khôi tinh các rồi!

Ông Mộc lên bờ, cô Ái theo sau. Qua lầu Khôi tinh các, hai cha con đi thẳng đến nhà cụ Úy. Đi về hướng nam, qua ba mươi nhà, lại vào một con đường rẽ là đến. Đàng xa đã trông thấy một dãy bốn chiếc thuyền mũi đen đỗ trước cổng nhà.

Hai bố con bước qua cái cổng sơn hắc ín liền được cho vào. Cái bác phu thuyền và một bọn thầy tớ ngồi chật hai cái bàn sau cái cổng. Cô Ái không dám nhìn, chỉ liếc qua nhưng không thấy bóng thằng bố và thằng con chó đều ấy đâu cả.

Khi người hầu mang bát thang cao lên, cô Ái càng thấy lúng túng, không yên tâm. Chính cô cũng không hiểu sao mà lại thế. Cô nghĩ bụng: "Lẽ nào chơi với ông huyện rồi thì không kể gì lẽ phải nữa. Những người biết chữ biết nghĩa thì phải biết điều chứ! Mình sẽ nói rõ cho cụ lớn Thất biết đầu đuôi ngành ngọn, từ cái hồi mình bắt đầu đi làm dâu khi mười lăm tuổi..."

Cô ta uống xong bát thang, biết là đã đến lúc. Quả nhiên một lát, cô ta đứng dậy đi theo một người thầy tớ, rồi cùng bố, đi qua nhà lớn, lại rẽ quặt sang và bước vào phòng khách.

Trong phòng khách, đồ đạc bày biện rất nhiều, cô ta không kịp nhìn kỹ. Khách khứa cũng đông, ai nấy mặc áo khoác ngoài bằng đoạn màu xanh, màu đỏ sáng chói. Trong đám đó, liếc qua thấy một người, chắc là cụ lớn Thất, ông ta cũng lùn nhưng còn cao hơn cụ Úy nhiều. Trên khuôn mặt tròn xoe, to tướng, thấy hai con mắt nhỏ tí hí và một bộ râu đen ngòm. Đầu trọc lóc, nhưng da đầu và da mặt đỏ hồng hồng và bóng loáng. Cô Ái rất lấy làm lạ, nhưng cô ta liền bụng bảo dạ: "Chắc là ông ta tô mỡ lợn mới bóng thế!"

Cụ lớn Thất cầm một cái gì như một cục đá vụn, đưa sát vào cạnh mũi hai cái, nói:

- Đây là cái "tỉ tắc" đây, tức là hòn ngọc cổ nhân nhét vào đít người chết khi khâm liệm. Chỉ hiềm điều là "tân khanh". Nhưng bán cũng có

tiền. Ít nhất là cũng thuộc về đời Hán... Ngài xem, cái tử này là "thủy ngân tử" ¹⁰⁵ đây.

Tức thì bốn năm cái đầu chụm lại quanh cái "thủy ngân tử". Một trong những cái đầu đó là đầu cụ Úy, lại còn mấy cậu con quan khác nữa, nhưng cô Ái bị cái oai phong của họ áp đảo, giống như một con rận gầy bị ép dẹp xuống nên lúc đầu cô ta không nhìn thấy gì cả.

Nghe đoạn sau câu nói trên, cô ta không hiểu. Cô ta không có ý mà cũng không dám tìm hiểu xem "thủy ngân tử" là cái gì. Nên nhân cơ hội, cô ta liếc nhìn xung quanh thì thấy phía sau cô ta, bố con thằng chó đều đang ngồi dựa vào tường cạnh cửa ra vào. Tuy chỉ liếc nhìn qua nhưng cô ta cũng thấy so với nửa năm trước khi cô ta ngẫu nhiên gặp mặt thì bây giờ có già đi.

Sau đó, những người tụ tập quanh cái "thủy ngân tử" cũng tản ra. Cụ Úy cầm lấy cái "tử tử", ngồi xuống, lấy đầu ngón tay xát, xát, rồi ngoảnh lại nói với ông Mộc:

- Chỉ có hai bố con ông thôi à?
- Vâng ạ!
- Con trai ông, không thằng nào đến à?
- Chúng nó bận lắm ạ!

- Thật ra thì đầu năm mới, đáng lý ra cũng không phải để cho hai bố con ông phải đi lại mệt nhọc làm gì, nhưng là vì câu chuyện đó... Theo tôi thì bố con ông làm rắc rối như thế cũng đủ rồi! Không phải là đã hơn hai năm rồi đó sao? Theo tôi thì nên làm lành với nhau đi, không nên thù oán nhau... Còn cô Ái thì chồng ăn ở không phải, bố mẹ chồng cũng không ưa... Thôi thì lần trước tôi đã nói... bỏ nhau đi là hơn! Tôi không có uy quyền gì nên nói các người không thông. Bây giờ có cụ Thất đây là người chỉ nói điều phải, chắc các người cũng biết. Bây giờ ý cụ Thất cũng như thế: cũng giống ý tôi. Nhưng mà cụ Thất còn nói hai bên cũng nên chịu thiệt đi ít nhiều, bắt nhà Thi bỏ ra mười đồng nữa, vị chi là chín mươi đồng...

- Chín mươi đồng! Các người có kiện đến ông giờ nữa thì cũng không thể được hơn thế đâu! Chỉ có cụ Thất thì mới nói được như thế.

Cụ lớn Thất giương cặp mắt ti hí nhìn ông Mộc, gật đầu.

Cô Ái thấy tình hình nguy kịch. Cô ta rất lấy làm lạ rằng bình thời, dân miền duyên hải này, ai cũng có vẻ sợ ông bố mình, thế mà tại sao đến đây, bố mình lại không mở miệng nói được câu gì. Cô ta cho rằng bất tất phải đến thế? Sau khi nghe cụ lớn Thất nghị luận một tràng, tuy

không hiểu lắm, nhưng không biết thế nào cô ta cũng cảm thấy cụ ta là người hòa nhã, dễ gần, chứ không đến nỗi sợ như cô ta nghĩ lúc đầu.

Cô mạnh dặn nói:

- Cụ lớn là người có chữ nghĩa, rất sáng suốt, không như người nhà quê chúng cháu. Cháu oan ức lắm không biết kêu ai, nên cháu muốn trình bày cụ rõ đầu đuôi. Từ khi cháu về làm dâu, thật là vào luồn ra cúi, lễ phép đủ điều. Thế mà họ cứ bới lông tìm vết, hành hạ cháu, người nào cũng dữ như quỷ sứ. Năm ấy, cáo nó bắt mất con gà sống to, có phải là tại cháu không đóng chuồng gà đâu! Đó là tại con chó ăn vụng cám trong chuồng gà rồi nó bầy cửa chuồng ra như thế chứ! Thế mà cái thằng chó đều không kể trắng đen, cứ nhè cháu mà tát lấy tát để.

Cụ lớn Thất liền nhìn cô ta.

- Cháu biết duyên cớ vì sao mà hấn lại đối xử với cháu như thế. Cụ là đèn giới, chắc cũng không tránh khỏi mắt cụ. Những người có chữ nghĩa thì chẳng gì qua mắt được. Hấn phải cái bùa con dĩ Lạm, nên muốn rầy cháu ra. Cháu về làm dâu nhà hấn có cưới xin hấn hỏi, kiện hoa đến rước, chứ có phải... Đã dễ mà rầy ra được? Cháu nhất định làm cho chúng nó biết tay, có phải đến cửa quan, cháu cũng cứ đến, huyện không xong thì lên phủ...

Cụ Úy ngừng đầu lên nói:

- Những chuyện đó thì cụ lớn Thất đều rõ cả rồi. Cô Ái này, nếu cô không nghĩ lại thì không có lợi đâu. Trước sau cô vẫn cứ thế. Cô xem đấy, bố cô còn biết điều ít nhiều. Cô với mấy người anh em cô thật không giống bố được chút nào. Kiện đến phủ, nhưng lẽ nào quan Phủ lại không hỏi ý kiến đến cụ lớn Thất đây hay sao? Đến lúc đó thì "việc công cứ thẳng cánh thi hành", tức là... cô sẽ...

- Thế thì cháu sẽ liều mạng, cùng khuynh gia bại sản luôn thế.

Lúc bấy giờ cụ lớn Thất mới thông thả nói:

- Không phải là chuyện liều mạng. Cô còn ít tuổi. Con người ta phải cho hòa khí một tí. Hòa khí kinh tài. Có phải thế không? Tôi đã bảo chúng nó phải bỏ thêm vào mười đồng nữa. Như thế đã "tử tế lắm" rồi! Bằng không, bên nhà chồng người ta bảo "cút" thì cô cũng phải cút thôi. Đừng nói lên phủ, dù cô có lên đến Thượng Hải, Bắc Kinh, hay là kiện ra ngoại quốc cũng thế thôi! Cô không tin thì cô hỏi cậu này vừa học trường Tây ở Bắc Kinh về đây này!

Cụ ta ngoảnh lại phía một cậu ấm cầm nhon hoắt, hỏi:

- Có phải thế không, cậu?

Cậu ấm cầm nhon hoắt vội ngồi thẳng lên, rất lễ phép nói khẽ:

- Đúng như thế đấy ạ!

Cô Ái thấy mình lẻ loi quá. Bố thì không dám nói năng gì cả. Anh em không dám đến. Cụ Úy thì trước sau vẫn bênh vực chúng nó, cụ lớn Thất cũng không tin cậy được, đến cậu ấm cầm nhon hoắt rụt rè như con rận gầy cũng chỉ là "nói hùa theo". Đầu óc rối bời nhưng cô vẫn quyết tranh đấu lần cuối cùng nữa.

- Tại sao, đến cụ mà - trông mắt cô ta có vẻ nghi ngờ, thất vọng - Phải... cháu biết chúng cháu quê mùa, chẳng biết gì cả. Cháu chỉ oán bố cháu không biết nhân tình thế cố, cứ mê mẩn đi, cứ chịu theo cha con thẳng chó đũa ấy bảo gì nghe nấy. Chúng nó vội vội vàng vàng như đi báo tang ấy, luồn lọt chỗ này chỗ khác, nịnh hót người này người khác...

Thằng chó đũa đứng im lặng sau lưng cô Ái bỗng lên tiếng:

- Bẩm, cụ lớn xem. Trước mặt các cụ mà nó vẫn cứ thế. Nó ở trong nhà thì nó làm cho chẳng ai đứng ngồi yên được với nó. Nó gọi bố cháu là "thằng chó già", gọi con là "chó đũa", là đứa "con hoang"...

Cô Ái quay mặt lại nói to:

- Cái con Lạm nó gọi mày bằng đứa "con hoang" đấy chứ?

Rồi quay lại cụ lớn Thất:

- Trước mặt mọi người, cháu xin nói thêm cho rõ. Nó cũng có phải là vừa đâu. Mở miệng là mắng "con đĩ", "con giời đánh". Từ khi nó mê cái con đĩ kia thì đến tổ tiên nhà cháu, nó cũng chửi thậm tệ. Xin cụ xét cho, cái đó...

Cô ta rùng mình một cái, vội dừng lại, không nói được nữa, vì cô ta thấy con mắt cụ lớn Thất trợn tròn, cái mặt đầy đặn của cụ ngửng lên, rồi từ cái miệng che lấp dưới chòm râu dài và nhỏ phát ra một mệnh lệnh kéo dài:

- Bay! Đâu...!

Cô ta thấy quả tim dừng lại rồi bỗng lại đập mạnh. Hình như hồng cả rồi, cục thể đã thay đổi rồi. Cô ta có cảm giác như người sẩy chân rơi xuống nước. Nhưng lại biết quả thực là mình sai.

Một người đàn ông mặc áo dài xanh, ngoài khoác áo chên đen liền đi tới, đứng trước cụ lớn Thất, hai tay buông thõng xuống, giống như một cái que gỗ.

Cả phòng khách lặng ngắt như tờ. Cụ lớn Thất nhếch miệng một cái, không ai nghe rõ là cụ nói gì. Nhưng người đàn ông đó thì đã nghe ra, và

cái mệnh lệnh của cụ lớn như đã thâm nhập vào cốt tủy y, y khom lưng xuống hai cái, sợ hãi trả lời:

- Bẩm vâng!

Y lùi lại mấy bước mới quay lại ra đi.

Cô Ái biết là có chuyện gì sắp xảy ra. Chuyện đó cô không ngờ trước được nên cũng không biết mà đề phòng. Bây giờ cô ta mới biết là cụ lớn Thất thật quả là uy nghiêm. Trước đây cô ta làm cho nên ăn nói không giữ gìn, quá thô lỗ, cô ta rất lấy làm hối hận, bất giác nói:

- Cháu vẫn đến đây là để nghe lời cụ dạy.

Cả phòng khách lặng ngắt như tờ. Cô ta nói rất khẽ, nhưng cụ Ủy nghe rõ như tiếng sấm. Cụ ta giật mình một cái. Cụ ta khen:

- Có thể chứ! Cụ lớn Thất thật là công bằng. Mà cô Ái cũng là người biết điều.

Rồi quay lại nói với ông Mộc:

- Ông Mộc này, tất nhiên là ông không có điều gì phải nói nữa chứ! Con gái ông đã bằng lòng rồi đấy. Tôi chắc là ông có mang tờ khai giá thú đến đây chứ? Tôi đã bảo với ông rồi kia mà! Thế thì cả hai bên đều ra đây.

Cô Ái thấy bố móc trong túi ra một cái gì. Cái người đàn ông thẳng như que gỗ cũng vừa vào, cầm một vật gì bẹp bẹp như sơn đen, hình con rùa,¹⁰⁶ đưa cho cụ lớn Thất. Cô Ái lại sợ xảy ra chuyện không hay, vội vàng nhìn bố, thấy bố đã mở cái bao tải xanh ở bàn nước, lấy bạc ra.

Cụ lớn Thất cũng cầm cái hộp hình con rùa rút ra, đổ ra một thứ gì ở lòng bàn tay. Người đàn ông như que gỗ cầm lấy cái vật bẹp, đi ra. Cụ ta liền lấy một đầu ngón tay xoa vào lòng bàn tay, đưa lên lỗ mũi, như thế hai lần. Lỗ mũi và nhân trung liền vàng khè. Cụ ta nhăn mũi lại muốn hắt xì hơi.

Ông Mộc đang đếm bạc. Cụ Ủy lấy ở chỗ bạc chưa đếm một ít tờ đưa cho thẳng chó đốm già, rồi cầm hai tờ giá thú thay đổi nhau, đẩy ra hai bên, miệng nói:

- Các người hãy giữ lấy. Ông Mộc này! Đếm cho kỹ. Tiền bạc chứ không phải là chuyện đùa.

- Hắt xì...!

Cô Ái biết là cụ lớn hắt xì hơi nhưng bất giác quay lại nhìn thì thấy cụ há hốc miệng, đang nhăn mũi lại, hai ngón tay đang mân mê cái gì, tức là cái mà người xưa nhét vào đít người chết lúc nhập liệm, và đang xát vào hai bên mũi.

Mãi hồi lâu, ông Mộc mới đếm bạc xong. Hai bên rút tờ khai giá thú về. Lưng ai cũng như thẳng ra. Những bộ mặt trước co rúm lại bây giờ cũng nở nang ra. Cả phòng khách trong chốc lát trở nên hòa khí.

- Được rồi, thế là êm!

Cụ Úy thấy hai bên đều có ý muốn rút lui, liền thở dài, nói:

- Ờ, thế thì còn gì nữa không? Năm mới chúc cho may mắn nhé! Cũng là dàn xếp xong được một chuyện. Các người định về phải không? Hăng khoan đã! Lại đằng nhà tôi uống chén rượu năm mới đã! Máy khi.

Cô Ái nói:

- Chúng cháu không dám, xin cụ để dành đấy sang năm lại xin đến uống.

- Xin cảm ơn cụ. Chúng cháu không dám ạ!

Ông Mộc, cha con thằng chó đểu vừa nói vừa lễ phép đi ra.

Cụ Úy còn nhìn theo cô Ái đi sau cùng, nói:

- Ờ. Sao? Không uống một chén đã rồi lại về?

- Vâng, xin cụ, cháu không dám. Cảm ơn cụ.

Ngày 6 tháng 11 năm 1925

TUYỂN TẬP TRUYỆN NGẮN

* * *

CỐ HƯƠNG

Lỗ Tấn

* * *

Biên tập,

Hiệu đính

Lê Thanh Minh

Trình bày, bìa, tạo Ebook

matthoigian2001@

* * *

Copyright © Dịch giả và Rạng Đông giữ Bản quyền



Rạng Đông
phát hành

Chú thích

[←1]

Một thứ bệnh điên, người bệnh lúc nào cũng thấy người ta bức hại mình.

[←2]

Cố Cữu: Lâu đời. Cụ Cố Cữu là một tên tượng trưng chỉ những nhân vật bảo thủ. Cuốn sổ ghi nợ nói ở đây ám chỉ lịch sử thống trị tròng kỳ của giai cấp phong kiến. Giẫm lên cuốn sổ ghi nợ ấy tức là có hành vi chống lại chế độ phong kiến.

[←3]

Nguyên văn Cẩn khẩn ngọt bãi, ý ông thầy thuốc muốn nói: Cho uống ngay. Chữ ngọt có nghĩa là ăn và cũng có nghĩa là uống (như ngọt trà, ngọt được: uống trà, uống thuốc). Đây là cách chơi chữ rất tài, không dịch được.

[←4]

Chỉ cuốn Bản thảo cương mục của Lý Thời Trân (1518 -1593) đời Minh. Đó là bộ sách kinh điển nghiên cứu dược tính của Trung Quốc, gồm 52 quyển.

[←5]

Dịch tử nhi thực, Thực nhục ẩm bì là chữ trong Tả truyện. Dịch tử nhi thực nguyên là chỉ cảnh tượng thê thảm khi thành bị vây. "Người nước Sở vây nước Tống, người nước Tống đói con mà ăn, chặt xương mà nhen lửa". Thực nhục ẩm bì là lấy trong câu Tấn Châu Xước nói với Tề Trang Công: "Nhưng hai người đó cũng như loài cầm thú, tôi sẽ xẻo thịt mà ăn, lấy da mà làm nệm"? Hai người đó chỉ Thực Xước, và Quách Tối, người nước Tề bị Châu Xước bắt được.

[←6]

Con hyène (i-e-nơ) thường đi theo sư tử, hổ và ăn những miếng thịt thừa những con vật kia để lại.

[←7]

Dịch Nha người nước Tề, đời Xuân Thu, có tài nấu nướng. Truyền rằng Tề Hoàn Công than thở chưa hề được biết mùi vị thịt trẻ con ra sao, Dịch Nha bèn nấu thịt con mình dâng lên Tề Hoàn Công.

[←8]

Từ Tích Lâm ám chỉ Từ Tích Lân, một nhà cách mạng cuối đời Thanh. Năm 1907, ông đâm chết tên tuần vũ tỉnh An Huy tên là Ân Minh, bị bắt rồi bị hại. Bọn tay chân Ân Minh moi gan nấu ăn. Đây là một chữ viết sai (Lân viết ra Lâm) như nói trong lời mở đầu, mà tác giả không sửa chữa, cứ để nguyên.

[←9]

Xem truyện Thuốc

[←10]

Khi đã giác ngộ về giai cấp, không tin vào tiến hóa luận nữa, Lỗ Tấn có viết: "... Bây giờ nếu lại đăng một bài nghị luận rất mực ôn hòa như "hãy cứu lấy các em" thì, ngay tôi, nghe cũng thấy rỗng tuếch" (Trả lời ông Hữu Hằng, Tạp văn, tập II, tr.68).

[←11]

Chi hồ giả dã là các hư tự trong văn ngôn. Ý là: Nói theo chữ nghĩa trong sách, tỏ ra có học hơn người (N.D).

[←12]

Trên các thiếp đồ ngày trước thường có viết câu bằng chữ son như sau: "Thượng đại nhân, Khổng Ất Kỷ, Hóa tam thiên, thất thập sĩ. Nhĩ tiểu sinh, bát cử tử. Giai tác nhân, khả tri lễ dĩ". Câu này đã có từ lâu, từ đời Minh và có thể từ đời Đường, Tống. Thường đọc ba chữ một. Ý nghĩa không được rõ lắm, nhưng đại khái là kể sự nghiệp của Khổng Tử. Những chữ này lại giản đơn nên dùng để tập đồ. Ở ta ngày trước đi học chữ Nho, cũng lấy câu này tập đồ (N. D).

[←13]

Quân tử cố cùg, chữ trong sách Luận ngữ, nghĩa là người quân tử dù trong lúc cùg khốn cũng giữ trọn tiết, không thay đổi.

[←14]

Câu này nguyên văn là: Đa hồ tai, bất đa dã, chữ trong sách Luận ngữ.

[←15]

Áo lính ngày xưa.

[←16]

Ở Trung Quốc, trước kia, có tục mê tín, cho rằng máu người có thể trị được bệnh lao. Mỗi khi có tù bị chém, thường có người đến mua những chiếc bánh bao mà tên đao phủ đã tẩm máu, đưa về cho người bệnh ăn.

[←17]

Tức Cố hiên đình khẩu ở cái nhà bia đường Hiên Đình Khẩu, chỗ Thu Cận bị hành hình. Tác giả cố ý để trống chữ hiên không viết.

[←18]

Những nhà cách mạng Trung Quốc năm 1907 hô hào đồng bào nổi dậy chống Mãn Thanh, thường đưa ra khẩu hiệu: "Thiên hạ nhà Mãn Thanh là của chúng ta", nghĩa là nước Trung Quốc là của người Trung Quốc.

[←19]

Chính là vòng hoa mà trong bài Tựa viết lấy, Lỗ Tấn nói đã thêm vào mộ anh Du. Vòng hoa này chứng tỏ tinh thần lạc quan của tác giả tin tưởng ở cách mạng; mặc dù lúc bấy giờ những người cách mạng bị khủng bố ráo riết, và chính tác giả đang có một tâm trạng hết sức bi đát.

[←20]

Theo y học Trung Quốc thời trước thì trung tiêu là quăng giữa dạ dày, thương tiêu là đầu cuống dạ dày, hạ tiêu là đầu cuống bong bóng. Cả ba gọi là tam tiêu, tức là con đường của cơm và nước.

[←21]

*Thuyết âm dương có ngũ hành: kim, mộc, thủy, hỏa, thổ, tương sinh tương khắc.
Tương sinh là: mộc sinh hỏa, hỏa sinh thổ, thổ sinh kim, kim sinh thủy, thủy sinh mộc.
Tương khắc là: mộc khắc thổ, thổ khắc thủy, thủy khắc hỏa, hỏa khắc kim, kim khắc mộc.
Theo Trung y ngày trước thì ngũ tạng: tâm, phế, can, tì, thận tương ứng với ngũ hành: hỏa,
kim, mộc, thổ, thủy. Cho nên mới nói hỏa khắc kim.*

[←22]

Kinh Phật đốt cho người chết theo tục lệ người Trung Quốc ngày trước (N.D).

[←23]

Năm 1917 (N.D).

[←24]

Tức những chuyện quốc gia đại sự (N.D).

[←25]

Một thứ cây thuộc loại Sapium sebiferum. Quả có hạt, có chất dầu dùng làm xà phòng, nến (arbre à suif) (N.D).

[←26]

Trong nguyên văn, viết là con dâu, nhưng phải nói là cháu dâu mới đúng.

[←27]

Đây là bộ Tam quốc chí diễn nghĩa. Kim Thánh Thán (1609-1661) là một nhà văn cuối Minh đầu Thanh, có phê bình các cuốn Thủy hử, Tây sương ký... Cuốn Tam quốc chí diễn nghĩa của La Quán Trung là do Mao Tôn Cương, đời Thanh cải biên và thêm lời bình, nhưng giả thác là "Kim Thánh Thán ngoại thư".

[←28]

Năm nhân vật đời Tam quốc, trong đó có Hoàng Trung, Mã Siêu (N.D).

[←29]

Tức thời khởi nghĩa Thái bình thiên quốc (1851-1864).

[←30]

Chỉ Trương Huân. Trương Huân là một tay quân phiệt thời bấy giờ trong bọn Bắc Dương. Y vốn là một quan võ đời Thanh. Sau cách mạng Tân Hợi, y vẫn để đuôi sam tỏ lòng trung thành với nhà Thanh. Quân lính của y phần lớn cũng để đuôi sam. Năm 1917, y từ Tứ Châu lên Bắc Kinh, phò Phổ Nghi (tức Tuyên Thống) lên ngôi vua, nhưng thất bại, y chạy vào trốn ở đại sứ quán Hà Lan.

[←31]

Mười sáu cái đình mới phải. Trong một bức thư gửi cho Lý Tề Dã ngày 23-11-1926, Lỗ Tấn có viết: "Nhà Sáu Căn chỉ có cái bát gắn lại ấy thôi, gắn bằng mười sáu hay mười tám đinh, tôi không nhớ rõ. Dù sao một trong hai con số trên là sai. Xin sửa lại cho thống nhất".

[←32]

Theo bức thư của Chương Y Bình gửi cho người dịch tiểu thuyết của Lỗ Tấn ra tiếng Nga thì ông ta đã có hỏi Lỗ Tấn. Lỗ Tấn trả lời, đó là một tên thú ông tùy tiện đặt ra. Cũng là một loại lợn rừng.

[←33]

Theo lời mê tín về tướng số thì mệnh người có ngũ hành: kim, mộc, thủy, hỏa, thổ. Có đủ ngũ hành là số tốt, khuyết một hành là số xấu. Khuyết hành nào thì lấy tên hành ấy mà đặt tên, có thể bổ cứu cho vận mệnh.

[←34]

Napoléon (1769-1821), vua nước Pháp nổi tiếng một thời.

[←35]

Tức Washington (1732-1799), một trong những người xây dựng nước cộng hòa Mỹ (N.D).

[←36]

Tổng trưởng cũng như Bộ trưởng.

[←37]

Tân hoa môn tức là cửa chính của Tổng thống Trung Hoa dân quốc thời Chính phủ Bắc Dương, ở tây Bắc Kinh đường Trường An.

[←38]

Một cuốn sách dạy về Phật giáo của Ấn Độ dịch ra tiếng Trung Quốc từ đời Đường.

[←39]

Thư bạc do Trung Quốc ngân hàng và Giao thông ngân hàng (đều là ngân hàng quốc gia thời bấy giờ) phát hành, gọi tắt là Trung Giao phiếu.

[←40]

Thường thí tập là tập thơ của Hồ Thích, xuất bản năm 1920.

[←41]

Vô song phả là một cuốn sách đời nhà Thanh gồm 40 bức ảnh của danh nhân Trung Quốc từ Hán đến Tống, mỗi bức ảnh có kèm theo một bài thơ. Về sau Vô song phả trở thành một thành ngữ có nghĩa là độc nhất vô nhị.

[←42]

Nguyên văn: "thằng hổ", tên một loại nhện. Thứ nhện này không chăng lưới, cứ bò dọc tường chụp ruồi (Menemerus contuses) (N.D).

[←43]

"Sự xuất hữu danh", nghĩa là: đưa binh đi đánh có lý do (N.D)

[←44]

Năm 1912 (N.D)

[←45]

Đàm Khiếu Thiên tức Đàm Kim Bồi, cũng gọi là Tiểu Khiếu Thiên, một kép hát hát kinh kịch có tiếng.

[←46]

Hồi ấy, trong kinh kịch, cái vai đều do kép đóng cả. (N.D)

[←47]

Vở "Mục Liên cứu mẫu" là một vở tuồng rất lưu hành ở Trung Quốc. Mục Liên là đệ tử Thích-ca-mâu-ni. Theo truyền thuyết mẹ Mục Liên làm nhiều điều ác nên sa xuống địa ngục. Mục Liên xuống địa ngục cứu mẹ. Hai que lửa ngậm ở miệng là để tượng trưng bà ta ác, nói thì phun ra lửa.

[←48]

Cũng Vân Phủ là một kép hát có tiếng chuyên đóng vai bà lão.

[←49]

Nhà bà ngoại Lỗ Tấn chính ở làng gọi là An Kiều, cũng thuộc phủ Thiệu Hưng, gần miền biển. Đó là một làng hẻo lánh, gồm hơn 30 nhà, toàn người họ Lỗ (N. D).

[←50]

Đó là hai câu đầu thiên can ở Tiểu nhĩ sách kinh thi.

[←51]

Xem chú thích ở trang đầu.

[←52]

Một cử chỉ đặc biệt của người Trung Quốc khi muốn khen một cái gì để tỏ ý cái đó vào bậc nhất, tuyệt thế vô song. (N.D).

[←53]

Giám sinh - là sinh viên trường Quốc tử giám, trường của triều đình. Đời Thanh chỉ còn giữ cái tên mà thôi, chứ ở đây không dạy học nữa. Chức giám sinh cũng như chức ấm sinh, tổ tiên có công với triều đình thì con cháu được chức giám sinh.

[←54]

Lý học tức là Tổng học, một thứ nho giáo bị người đời Tổng xuyên tạc đi nhiều.

[←55]

Khang Hữu Vi (1858-1927) người lãnh đạo cuộc duy tân năm Mậu Tuất, cuối đời Thanh.

[←56]

Theo tục lệ Trung Quốc ngày trước, lễ này thường là vào khoảng từ 24 đến 30 tháng Chạp.

[←57]

Trần Đoàn, người đời Tống, ẩn cư ở Vũ Dương Sơn và Hoa Sơn tu đạo. Đời xưng là "thần tiên".

[←58]

Theo Vương Sĩ Thanh kể lại trong cuốn "Lỗ Tấn, thân thế và sáng tác" do Nhà xuất bản Thanh niên Trung Quốc xuất bản năm 1958 thì trong nhà Lỗ Tấn trước kia cũng có treo một câu liễn đề: Phẩm tiết tường minh đức hạnh kiêm định. Sự lý thông đạt tâm hòa khí bình (Phẩm hạnh khí tiết sáng chói, đạo đức hạnh kiểm đều rõ ràng, thông hiểu mọi sự lý, tâm thần ý khí bình ổn).

[←59]

Cận tư lục là sách nhập môn của những nhà lý học, đời Tống soạn, và đời Thanh chú thích.

[←60]

Tứ thư thấn là một tác phẩm đời Thanh, chú thích bộ Tứ thư, tác giả là Lạc Bồi.

[←61]

Quý thần là lương năng của hai khí. Nghĩa là quý là do âm dương biến hóa mà có. Câu này là của Trương Tải, một nhà lý học đời Tống. Tác giả muốn nói: mặc dù ông Tư đã biết rằng: quý thần chỉ là một hiện tượng tự nhiên, nhưng ông ta vẫn mê tín như thường

[←62]

Rượu Thiệu tức rượu sản xuất ở Thiệu Hưng. Thiệu Hưng tức là thành S. nói trên và là quê Lỗ Tấn.

[←63]

Người Trung Quốc thường viết trên giấy kẻ ô vuông, giấy trắng đường kẻ màu lục.

[←64]

G.G. Byron (1788-1824), J. Keats (1795-1821) đều là những nhà thơ Anh.

[←65]

Tác phẩm của Oscar Wilde (1854-1900), nhà văn Anh.

[←66]

Nguyễn văn bằng tiếng Anh:

- Mời anh.

- Em gấp trước đi!

- Không, không, anh gấp đi!

[←67]

Em vào đi! Em thân mến!

[←68]

Một tên khác của Trình.

[←69]

Ưa tú phu nguyên văn là ác độc phụ. Tiếng phiên âm tiếng Anh, nên chúng tôi viết theo phiên âm Bắc Kinh.

[←70]

Tiếng Anh nghĩa là ông già lắm cảm.

[←71]

Phùng thất tức ngày 7, 17, 27 trong một tháng.

[←72]

Lịch Trung Quốc ngày trước in trên giấy màu vàng nên gọi là hoàng lịch. Trong lịch thường có ghi những câu như "kỵ xuất hành", "nghỉ tế tự", chỉ rõ ngày nào không nên xuất hành, ngày nào nên cúng tế.

[←73]

Loạn Trường Mao chỉ cuộc khởi nghĩa Thái Bình Thiên quốc.

[←74]

Vương Linh Quan theo truyền thuyết là một vị thiên tướng, được phong là thần trấn Sơn Môn.

[←75]

Chỉ chồng bà chủ quán

[←76]

Ý nói làm quan.

[←77]

Đáng lẽ phải nói là Lương Võ Đế. Thím Năm dốt nên nói lạc ra là Lương Ngũ Đế.

[←78]

Nguyên văn là "*nê thu*" (*Misgurnus anguillican datus*), một loại cá mình dài như lươn, thường ở dưới bùn.

[←79]

Một cách ghi sổ nợ của thím Năm Khôi.

[←80]

Khu Thủ Thiện (Thủ Thiện chi khu), chỉ thủ đô Bắc Kinh thời quân phiệt Bắc Dương thống trị. Tên này dùng để chỉ thủ đô vốn có từ lâu. Tác giả dùng có ý mỉa mai.

[←81]

Viên Liễu Phàm, tên Hoàng, người thời Vạn Lịch, triều Minh (1573-1620), tác giả Lịch pháp tân thư và Quần thư lược khảo. Cuốn Cương giám hiện thường dùng của Viên Liễu Phàm và Vương Phụng Châu, gọi là Cương giám hợp biên, 39 quyển.

[←82]

Kính soi để đọc những sách in chữ nhỏ.

[←83]

Cúc nguyệt, cát nhật: Ngày tốt, tháng hoa cúc, tức tháng thu. Bọn phụ trách trường Nữ học này là một bọn phục cổ nên gọi các ông giáo là phu tử, mà đề ngày tháng thì đề theo Âm lịch.

[←84]

Marxim Gorki. Chữ Trung Quốc phiên âm là Cao Nhĩ Cơ.

[←85]

Tức Cao Nhĩ Sở.

[←86]

Khi say dựa vào cánh chim loan bay trên mây xanh.

[←87]

Tay áo hồng quét dải Ngân Hà.

[←88]

Lưỡng nghi: vốn dùng để chỉ trời đất, sau dùng để chỉ nam nữ.

[←89]

Nhà Đông Tấn dời đô xuống Giang Nam.

[←90]

Sử chép Bồ Kiên đánh với Tạ Huyền ở sông Phi Thủy, Bồ Kiên đại bại. Y cùng với anh em lên thành nhìn về phía quân nhà Tấn, thấy cây cỏ trên núi Bát Công Sơn tưởng là quân đội của đối phương. Câu "Thảo mộc giai binh" lấy ở tích này.

[←91]

Theo tang lễ Trung Quốc cũng như nước ta ngày trước, khi một người chết đi mà trưởng nam người đó đã chết trước thì cháu đích tôn sẽ để tang như tang cha mẹ. Đứa cháu đó gọi là cháu thừa trọng.

[←92]

Trầm luân là một tập truyện của Úc Đạt Phu, một nhà văn hồi Ngũ Tứ. Tác phẩm này xuất bản năm 1921, gồm ba truyện đều tả tâm trạng u uất, bệnh tật của thanh niên, có khuynh hướng đồi trụy. Nhân vật trong các truyện của Úc Đạt Phu đều là "một chàng thanh niên bất hạnh" hoặc "một người thừa".

[←93]

Sử ký sách ẩn gồm 30 quyển, của Tư Mã Trinh đời Đường soạn thảo, là sách chú thích sách Sử ký của Tư Mã Thiên. Cấp - Cổ - Các là tên nhà thư viện của Mao Tấn đời Minh. Ông ta thích in sách. Sử ký sách ẩn là một trong những cuốn ông đã khắc và in lại theo bản cũ đời Tống.

[←94]

Sáu tấc Trung Quốc bằng 20 cm.

[←95]

Theo phong tục dân gian Trung Quốc ngày trước, khi trong nhà có người chết, ở phía cổng người ta dán chéo một tờ giấy trắng viết tên, tuổi người chết, để những người có tuổi liên quan đến tuổi người chết biết mà tránh khi nhập quan.

[←96]

Truật Tiên Cư là một thứ Bạch Truật, một vị thuốc bắc, lấy ở vùng Tiên Cư, tỉnh Chiết Giang.

[←97]

Ibsen (1828-1906), một nhà viết kịch nổi tiếng người Na Uy. Tagore (1861- 1941), một nhà thơ và nhà triết học người Ấn Độ. P.S Shelley (1792- 1822), một nhà thơ người Anh.

[←98]

Lấy ở câu: Phụ nhân nan hóa, nghĩa là người phụ nữ thì khó giáo dục. Tư tưởng Khổng Mạnh.

[←99]

T.H Huxley (1825-1895), một nhà sinh vật học người Anh và cũng là kẻ tuyên truyền cho chủ nghĩa Darwin... "Vị trí của loài người trong vũ trụ" là tên một tác phẩm nổi tiếng của ông.

[←100]

Theo thói tục, cột nhánh rơm như thế vào cổ chó là có ý để bán.

[←101]

Sở giao dịch là nơi buôn bán công trái ở các nước tư bản (Bourse).

[←102]

Nora và Người đàn bà của biển cả là hai vở kịch nổi tiếng của Ibsen, bàn về vấn đề phụ nữ.

[←103]

Nora ở trong gia đình thấy mình chỉ là con búp bê của chồng, và con cái chỉ là búp bê của chính mình, nên bỏ nhà ra đi. Do đó, vợ Nora còn có tên là Gia đình búp bê.

[←104]

Trong chế độ khoa cử triều Thanh cứ sáu năm một lần (về sau đổi là 12 năm) thì chọn những người tú tài "văn hạnh kiêm ưu" đưa lên kinh sư ứng thi. Những người đó gọi là bạt cống, tức là một loại cống sinh.

[←105]

Thời trước ở Trung Quốc người ta lấy ngọc nhét vào miệng, mắt, hậu môn người chết, cho rằng làm như thế thì tử thi lâu rữa. Những vật đó về sau đào lên. Đào lên lâu thì gọi là "cựu khanh", mới đào thì gọi là "tân khanh". Khi nhập quan người ta lại lấy thủy ngân tẩm vào tử thi. Những cái có vết thủy ngân gọi là thủy ngân tẩm.

[←106]

Một cái lọ thuốc ngửi mũi.